



Thông tin LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP



ĐẠT CHUẨN MỨC 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM !



THÁNG 05 - NĂM 2026



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP



**HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG NHẤT**



**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
ĐẠT CHUẨN MỨC 1**

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH

TS. NGUYỄN PHƯỚC DŨNG - Tỉnh uỷ viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

BAN BIÊN TẬP

ThS. NGUYỄN VĂN SƠN - Phó Hiệu trưởng: Trưởng ban;

ThS. NGUYỄN MINH PHƯƠNG - Phó Hiệu trưởng: Phó Trưởng ban;

TS. BÙI VĂN DE - Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Phó Trưởng ban Thường trực;

TS. LÊ MINH HIẾU - Trưởng khoa Lý luận cơ sở: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG - Trưởng khoa Xây dựng Đảng: Thành viên;

TS. NGUYỄN NGỌC HƯỜNG - Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật: Thành viên;

ThS. VÕ THỊ MỸ VÂN - Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu: Thành viên;

ThS. NGUYỄN THÁI NGỌC - Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên;

ThS. LÊ TRẦN MINH SA - Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật: Thành viên;

ThS. CHÂU THIÊN MỸ - Giảng viên phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học: Thành viên.

ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 1:

Số 584 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0273.3873112

ĐỊA CHỈ CƠ SỞ 2:

Số 411 đường Phạm Hữu Lầu, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.3861409

Giấy phép xuất bản số: 07/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp

cấp ngày 21 tháng 04 năm 2026

In 60 cuốn khổ 20 x 28 cm, tại Cty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp

Số 212, Lê Lợi, phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Điện thoại 02773.861.442

MỤC LỤC

NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

- ❖ NGUYỄN THÁI NGỌC: Những nội dung cốt lõi về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và vận dụng trong giảng dạy lý luận chính trị 3
- ❖ TỐNG HOÀNG HUÂN: Ý nghĩa của “Tự chủ chiến lược” trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng 8

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- ❖ NGUYỄN QUANG THÀNH: Kinh nghiệm viết bài phản bác các luận điệu xuyên tạc về phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam 12

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

- ❖ LÊ THỊ THANH KIỀU: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp 17

LỊCH SỬ - SỰ KIỆN

- ❖ NGUYỄN ĐỨC TÀI: Giá trị lịch sử của công tác xây dựng Đảng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và sự vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 22
- ❖ NGUYỄN BÍCH NGỌC: Chiến thắng 30/4/1975 - Bài học về ý chí độc lập, tự cường và khát vọng phát triển của dân tộc Việt Nam..... 28
- ❖ NGUYỄN BÍCH NGỌC: Tự hào đại thắng Mùa xuân 1975 - Bồi đắp niềm tin và trách nhiệm của thế hệ hôm nay đối với Tổ quốc 36
- ❖ NGUYỄN THÁI KIM ĐIỀN: Giá trị lịch sử và bài học kinh nghiệm của đại thắng Mùa xuân 1975 đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay 43
- ❖ NGUYỄN THỊ TRÚC LINH: Phát huy truyền thống đại thắng Mùa xuân năm 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở hiện nay - Thực tiễn tại xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp 50

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ NGUYỄN VĂN TUỔI: Phát triển con người Việt Nam toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW: Từ tầm nhìn chiến lược đến hành động thực tiễn..... 57
- ❖ NGUYỄN TẤN TRẠNG: Xây dựng văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội trong phát triển môi trường văn hóa số hiện nay 66
- ❖ NGUYỄN THỊ THUYẾT HẰNG: Xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW: Từ di sản tư tưởng Hồ Chí Minh đến thực tiễn chuyển đổi số ở Việt Nam..... 74
- ❖ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực - Ý chí chính trị nhất quán của Đảng từ góc nhìn tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng..... 82
- ❖ TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG - NGUYỄN THỊ KIM HUỆ: Chuyển đổi số và vấn đề kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở địa phương hiện nay 88

❖ TRẦN THỊ MỸ DUYÊN: Ngoại giao mang bản sắc cây tre Việt Nam đầu ấn năm 2025 96

❖ NGUYỄN ĐỨC TÀI - LÊ NGUYỄN DUY: Vai trò của gia đình trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trong bối cảnh mới..... 99

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

❖ LÊ MINH HIẾU: Trường Chính trị Đồng Tháp - Khí thế mới, niềm tin mới..... 107

❖ VÕ VĂN QUÂN: Những thành tích nổi bật của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sau sáp nhập..... 111

❖ LƯU THÚY HIỀN: Vai trò Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong xây dựng văn hóa công vụ..... 117

❖ LÊ THỊ THANH KIỀU: Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên đề - Điểm nổi bật trong công tác xây dựng Đảng tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp 123

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

❖ LÊ QUỐC CƯỜNG: Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hiện nay..... 129

❖ NGUYỄN HOÀI VINH - VÕ VĂN QUÂN: Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp..... 136

❖ CAO TRUNG KIÊN: Vận dụng lý luận chính trị vào công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và an toàn trường học - Thực tiễn tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp..... 143

❖ NGUYỄN VĂN QUYÊN - NGUYỄN THỊ DUYÊN: Biến đổi văn hoá trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu - Trường hợp xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp 148

❖ LÊ TRẦN MINH SA: Thực hiện văn hóa công vụ của công chức cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số tại xã Long Hưng, tỉnh Đồng Tháp..... 155

❖ LÊ THỊ NHẬT SANG: Phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ công chức ở phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số..... 161

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG 168

* **Chú thích ảnh bìa:** Lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Trung tâm chính trị các xã, phường và các đại biểu chụp hình lưu niệm tại Hội nghị tọa đàm khoa học ngày 18/3/2026.

NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI VỀ KINH TẾ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀ VẬN DỤNG TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

✦ NGUYỄN THÁI NGỌC*

Tóm tắt: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục bổ sung, phát triển tư duy lý luận của Đảng về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là hoàn thiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bài viết làm rõ những nội dung cốt lõi về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV dưới góc độ khoa học kinh tế chính trị, từ đó đề xuất một số định hướng vận dụng các nội dung này trong giảng dạy lý luận chính trị, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Đại hội XIV, kinh tế chính trị, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giảng dạy lý luận chính trị.

1. Đặt vấn đề

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là trong phát triển kinh tế. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế không ngừng được nâng lên, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng

được khẳng định. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá, quy mô nền kinh tế không ngừng mở rộng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Giai đoạn 2016 - 2025, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 6,2%/năm, quy mô nền kinh tế đạt trên 510 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người trên 5.000 USD¹, thể hiện bước phát triển đáng kể của nền kinh

tế trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, nền kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức; năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế; nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn; năng lực tự chủ của nền kinh tế chưa cao; mô hình tăng trưởng chưa dựa nhiều vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo².

* Thạc sĩ, Phó trưởng Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 18.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sđd, Tập 2*, tr. 20 - 23.

Trong bối cảnh thế giới đang chuyển biến nhanh chóng dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xu hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững trở thành yêu cầu tất yếu của các nền kinh tế, Đại hội XIV của Đảng đã đề ra những định hướng phát triển kinh tế quan trọng nhằm tạo ra động lực mới cho tăng trưởng và phát triển đất nước trong giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Những quan điểm, chủ trương về phát triển kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV không chỉ có ý nghĩa định hướng chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, mà còn có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Việc nghiên cứu, làm rõ những nội dung cốt lõi về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV, đồng thời vận dụng vào giảng dạy lý luận chính trị là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

2. Những nội dung cốt lõi về kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng

2.1. Tiếp tục hoàn thiện và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều này phản ánh nhận thức lý luận nhất quán của Đảng về thị trường không phải là đặc trưng riêng có của chủ nghĩa tư bản, mà cốt lõi là mục tiêu, bản chất và cơ chế vận hành của thị trường. Đây là sự kết hợp giữa quy luật của kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục khẳng định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những nội dung cốt lõi để phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng³, nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong định hướng, điều tiết và bảo đảm ổn định vĩ mô của nền kinh tế.

Trong điều kiện hiện nay, lực lượng sản xuất ở Việt Nam đang chuyển mạnh sang trình độ số hóa, tự động hóa,

trí tuệ nhân tạo, nếu quan hệ sở hữu, cơ chế phân bổ nguồn lực và hệ thống pháp luật không được điều chỉnh tương ứng, sẽ trở thành lực cản. Việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thể hiện sự kết hợp sáng tạo giữa các quy luật của kinh tế thị trường với các mục tiêu và giá trị của chủ nghĩa xã hội. Trong đó, thị trường đóng vai trò quan trọng trong phân bổ nguồn lực, Nhà nước giữ vai trò định hướng, điều tiết và bảo đảm phát triển hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

2.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Một điểm nhấn quan trọng trong Văn kiện Đại hội XIV là yêu cầu xác lập mô hình tăng trưởng mới, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đảng xác định đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính của phát triển kinh tế trong giai đoạn tới⁴.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd, Tập 2*, tr. 265.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd, Tập 2*, tr. 266 - 268.

Quan điểm này phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây cũng là xu hướng chung của các nền kinh tế trong thời đại kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới mô hình tăng trưởng không chỉ là vấn đề kỹ thuật kinh tế mà còn là sự chuyển biến về phương thức phát triển lực lượng sản xuất. Khi khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng, lực lượng sản xuất mới sẽ được hình thành, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

2.3. Phát huy vai trò của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân

Trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; các thành phần kinh tế khác như kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng

được khuyến khích phát triển, góp phần tạo nên sự đa dạng và năng động của nền kinh tế, phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia⁵.

Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế phản ánh tính tất yếu của đa dạng hình thức sở hữu trong thời kỳ quá độ. Một điểm mới trong tư duy kinh tế của Đảng thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV là việc nhấn mạnh vai trò của kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Đồng thời, Đảng tiếp tục khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế và định hướng chiến lược phát triển⁶. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không chỉ thể hiện ở quy mô tài sản mà ở khả năng dẫn dắt, điều tiết, bảo đảm ổn định vĩ mô và định hướng phát triển. Quan điểm này thể hiện sự phát triển trong nhận thức của Đảng về cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Việc phát huy vai trò của các thành phần kinh tế không chỉ nhằm khai thác tối đa các nguồn lực của xã hội mà còn tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất.

2.4. Thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn)

Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế mới phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, đặc biệt là kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Việc phát triển các mô hình kinh tế mới không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực mà còn góp phần bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong đó, kinh tế số được xem là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, còn kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn là những mô hình giúp giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường⁷. Phát triển các mô hình kinh tế mới cũng gắn với quá trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi xanh và chuyển đổi năng lượng - những xu hướng phát triển chủ đạo của thế giới hiện nay.

2.5. Tăng cường năng lực tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế

Một nội dung quan trọng khác trong Văn kiện Đại hội XIV là yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd, Tập 2*, tr. 268 - 269.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd, Tập 2*, tr. 268.

hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng⁷. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, việc nâng cao năng lực tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế trở thành một yêu cầu cấp thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc bảo đảm chủ quyền kinh tế quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Một nền kinh tế độc lập, có năng lực tự chủ cao sẽ có khả năng ứng phó tốt hơn với các cú sốc bên ngoài và duy trì ổn định trong dài hạn.

3. Một số định hướng vận dụng các nội dung kinh tế của Văn kiện Đại hội XIV trong giảng dạy lý luận chính trị

Những quan điểm và định hướng phát triển kinh tế trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng có ý nghĩa quan trọng đối với việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Việc nghiên cứu, quán triệt và vận dụng các nội dung này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn giúp gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, cập nhật và tích hợp những quan điểm kinh tế mới của Đảng vào nội dung chương trình giảng dạy.

Văn kiện Đại hội XIV đã bổ sung, phát triển nhiều nhận thức lý luận quan trọng về phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Do đó, trong quá trình giảng dạy các phần học, nhất là các nội dung liên quan đến kinh tế chính trị Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học và đường lối phát triển kinh tế của Đảng, cần kịp thời cập nhật những quan điểm mới của Văn kiện Đại hội XIV nhằm bảo đảm tính thời sự, tính khoa học và tính định hướng chính trị của bài giảng.

Một là, giảng viên giúp người học hiểu rõ bản chất khoa học của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự khác biệt giữa mô hình này với các mô hình kinh tế thị trường khác, cũng như vai trò của Nhà nước trong việc định hướng và điều tiết nền kinh tế nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững và công bằng xã hội, giúp người học hiểu sâu sắc hơn về con đường phát triển kinh tế của Việt Nam.

Hai là, phân tích mối quan hệ giữa phát triển lực lượng

sản xuất với đổi mới mô hình tăng trưởng. Thông qua phân tích thực tiễn đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam, giảng viên giúp người học hiểu rõ hơn quy luật vận động và vai trò của khoa học - công nghệ trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước.

Ba là, làm rõ mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, cũng như vai trò điều tiết của Nhà nước trong việc bảo đảm sự phát triển hài hòa và bền vững của nền kinh tế. Việc phân tích vai trò của các thành phần kinh tế cần được đặt trong mối quan hệ với mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này giúp học viên hiểu rõ sự phát triển của các thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Bốn là, cập nhật và phân tích sâu những nội dung phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn), giúp người học hiểu rõ hơn về xu hướng phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp hiện đại.

Năm là, làm rõ cơ sở khoa học của quan điểm phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd*, Tập 2, tr. 267 - 268.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Sdd*, Tập 2, tr. 269.

với hội nhập quốc tế, gắn việc với những minh chứng thực tiễn về phát triển kinh tế của Việt Nam thời gian qua. Qua đó, kết hợp với các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy tư duy phân tích và đánh giá chính sách, giúp người học không chỉ nắm vững tri thức lý luận mà còn nâng cao năng lực vận dụng vào thực tiễn công tác.

Thứ hai, tăng cường gắn kết giữa lý luận với thực tiễn phát triển kinh tế của đất nước và địa phương.

Một trong những yêu cầu quan trọng của giảng dạy lý luận chính trị là phải làm sáng tỏ mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn. Vì vậy, khi phân tích các nội dung kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV, giảng viên cần gắn với những minh chứng thực tiễn sinh động từ quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam, cũng như các mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu ở địa phương. Cách tiếp cận này không chỉ giúp người học hiểu rõ hơn giá trị khoa học và thực tiễn của các quan điểm, chủ trương của Đảng

mà còn góp phần nâng cao khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động và tư duy phản biện của người học.

Trong bối cảnh hiện nay, việc giảng dạy lý luận chính trị cần được đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, khuyến khích thảo luận, trao đổi và phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội đang đặt ra trong thực tiễn phát triển đất nước. Thông qua các hình thức như thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, phân tích chính sách hoặc gắn với các vấn đề thực tiễn ở địa phương, người học có điều kiện vận dụng kiến thức lý luận để giải thích và đánh giá các hiện tượng kinh tế - xã hội, qua đó nâng cao năng lực tư duy khoa học và khả năng tham mưu, đề xuất chính sách trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Những nội dung kinh tế trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng thể hiện sự phát

triển quan trọng trong tư duy lý luận và đường lối phát triển kinh tế của Đảng trong giai đoạn mới. Những nội dung cốt lõi như phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế và phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn đã thể hiện sự phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về kinh tế. Việc nghiên cứu và làm rõ những nội dung này không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận mà còn có ý nghĩa thiết thực đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị. Thông qua việc vận dụng các quan điểm và chủ trương của Đảng vào giảng dạy, có thể giúp người học hiểu sâu sắc hơn về con đường phát triển của đất nước, từ đó nâng cao nhận thức chính trị và năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Ý nghĩa CỦA “TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC” TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

✪ TỐNG HOÀNG HUÂN*

1. Sự hình thành và phát triển tư duy tự chủ chiến lược của Đảng

Truyền thống lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã khẳng định một chân lý: Dựng nước phải đi đôi với giữ nước. Để giữ được chủ quyền quốc gia, quyền tự quyết của dân tộc thì cần phải có được sự độc lập, tự chủ trong các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội như kinh tế, chính trị,...

Kế thừa và phát huy truyền thống đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác lập độc lập dân tộc là mục tiêu chiến lược của Đảng. Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã xác định nhiệm vụ cụ thể “*làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập*” và kết quả Đảng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, một nhà nước độc lập của dân tộc Việt Nam.

Tóm tắt: “*Tự chủ chiến lược*” thực sự là khái niệm không mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư tưởng của Đảng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện ngay từ khi mới ra đời, và đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của Cách mạng Việt Nam. Đại hội XIV của Đảng đặt “*tự chủ chiến lược*” ở vị trí phương châm, khẩu hiệu của Đại hội là thể hiện tâm thế của một nước Việt Nam tự tin, tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong quá trình hội nhập.

Từ khóa: *Tự chủ chiến lược, Văn kiện Đại hội lần thứ XIV.*

Trong thời kỳ Đảng lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975 giành độc lập và thống nhất đất nước (1930-1975), tư duy độc lập, tự chủ được thể hiện tập trung trong đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh” [Trích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946) – Hồ Chí Minh]. Đây là giai đoạn tư duy

tự chủ của Đảng mang đậm tính sinh tồn dân tộc, tập trung vào bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Tám và thống nhất đất nước.

Công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến trước Đại hội XIV, tư duy độc lập, tự chủ của Đảng được phát triển trong điều kiện mới là vừa giữ vững chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, vừa mở cửa, hội nhập quốc tế. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

xã hội (Chương trình năm 1991) và Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển (năm 2011) đánh dấu bước phát triển nâng tầm tư duy độc lập, tự chủ từ phạm vi chính trị - chủ quyền sang tự chủ toàn diện trên tất cả các lĩnh vực quan trọng của đời sống như kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, văn hóa và phát triển toàn diện con người.

Đại hội lần thứ XIV của Đảng với Chủ đề “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”. Tự chủ chiến lược được xem là một trong những tư duy quan trọng của Đảng đối với sự phát triển đất nước trong thời gian tới.

Theo GS.TS Tạ Ngọc Tấn, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng lý luận Trung ương, Tổ phó Thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XIV của Đảng cho biết, sự khác biệt căn bản giữa nội hàm “độc lập, tự chủ” và “tự

chủ chiến lược” được thể hiện ở chỗ “Độc lập, tự chủ” là khả năng tự quyết con đường phát triển của quốc gia, không để bị chi phối hay lệ thuộc từ bên ngoài; còn “tự chủ chiến lược” là năng lực chủ động hoạch định, dự báo và lựa chọn hướng đi, tạo dựng điều kiện và nguồn lực để thúc đẩy lợi ích quốc gia trong môi trường quốc tế nhiều biến động, cạnh tranh. Tự chủ chiến lược được hiểu là sự kết hợp giữa nội lực mạnh mẽ, bản lĩnh chính trị, đối ngoại vững vàng, định vị rõ mình, xác định rõ lộ trình phát triển, nâng cao khả năng thích ứng linh hoạt và năng lực hội nhập quốc tế chủ động, tích cực.

Vậy tự chủ chiến lược là gì?

Theo Đại tướng Nguyễn Trọng Nghĩa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam thì: Tự chủ chiến lược là năng lực của một quốc gia - dân tộc chủ động hoạch định và hiện thực hóa các quyết sách chiến lược trong những lĩnh vực then chốt như chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhằm giữ vững quyền tự quyết đối với các vấn đề hệ trọng, không để rơi vào lệ thuộc chiến lược hoặc bị

áp đặt trái với lợi ích cốt lõi; đồng thời bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia-dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Tự chủ chiến lược về kinh tế là khả năng của quốc gia trong việc chủ động hoạch định, hiện thực hóa đường lối, chính sách phát triển kinh tế và ứng phó thành công với những biến động về kinh tế cùng các lĩnh vực khác mà không bị lệ thuộc, chi phối và áp đặt từ bên ngoài.

Tự chủ chiến lược về quốc phòng là khả năng của quốc gia chủ động hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, phương thức bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng và xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh mà không bị lệ thuộc, chi phối từ bên ngoài,...

Quan điểm tự chủ chiến lược của Đảng đã được Nhà nước hiện thực hóa bằng mục tiêu cụ thể, trước mắt trong năm 2026 và những năm tiếp theo thể hiện rõ trong bài phát biểu của Thủ tướng Phạm Minh Chính ngày 08/01/2026 tại Hội nghị tổng kết năm 2025, triển khai công tác năm 2026 của Chính phủ và chính quyền địa phương, tiếp thu ý chỉ chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, đồng thời kết luận hội nghị, Thủ tướng khẳng định

việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số từ năm 2026 trở đi, phát triển nhanh nhưng phải bền vững, tăng cường tự chủ chiến lược, củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao tính tự chủ, tự lực, tự cường của nền kinh tế, chủ động ứng phó với những biến động bên ngoài.

2. Ý nghĩa của tự chủ chiến lược

Đại hội lần thứ XIV của Đảng đã bổ sung, làm rõ thêm tư duy về độc lập, tự chủ, trong đó là tự chủ chiến lược, nghĩa là bảo đảm quyền tự quyết và làm chủ vận mệnh quốc gia; Tự chủ chiến lược luôn giúp cho Việt Nam luôn giữ vững thế chủ động trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội,...

Việt Nam đã xác định lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc là: giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước [Trích Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, khóa XI tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược bảo vệ an ninh Tổ

quốc trong tình hình mới]. Tiến hành tự chủ chiến lược sẽ đảm bảo nhu cầu bảo đảm độc lập, chủ quyền, thúc đẩy lợi ích quốc gia - dân tộc trước các thách thức của bối cảnh khu vực và thế giới. Tự chủ chiến lược là phương cách để các nước tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia và vị thế, tự lực, tự cường, tăng khả năng chống chịu và xử lý các thách thức, tránh phụ thuộc hay chịu sự chi phối của nước lớn.

Tự chủ chiến lược tạo cơ sở nâng cao vị thế, uy tín và ảnh hưởng quốc tế. Thế giới ngày nay đang chuyển mình mạnh mẽ, nhanh và sâu sắc nhất kể từ sau Chiến tranh lạnh. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra toàn diện trên mọi lĩnh vực. Các vấn đề an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư, khủng hoảng năng lượng, khan hiếm tài nguyên và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu gây ra những thách thức đan xen, phức tạp, tác động đa chiều đến mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Làm thế nào để vừa phát triển nhanh, bền vững, vừa bảo vệ được độc lập, chủ quyền, vừa giữ được vị thế trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng

gay gắt? Câu trả lời nằm ở năng lực *tự chủ chiến lược* - là khả năng tự định đoạt con đường phát triển, dựa trên lợi ích quốc gia - dân tộc, không để bị phụ thuộc, chi phối từ bất kỳ sức ép hoặc sự áp đặt nào từ bên ngoài.

Tự chủ chiến lược để hiện thực hóa khát vọng hùng cường trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. “Tự chủ chiến lược” có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, phản ánh một bước phát triển mới, rất quan trọng trong tư duy lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, là sự phát triển của tư duy độc lập, tự chủ lên một tầm cao mới. Khái niệm tự chủ chiến lược đã được mở rộng hơn, tiếp cận một cách toàn diện hơn so với khái niệm độc lập, tự chủ, khái niệm tự chủ chiến lược bao trùm cả kinh tế, khoa học công nghệ, thể chế, nguồn nhân lực và năng lực quản trị quốc gia, chứ không chỉ gói gọn, nhấn mạnh trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt nội dung này sẽ giúp Việt Nam hiện thực hóa khát vọng hùng cường trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập II, Nxb CTQGST, Hà Nội, 2026.
3. Nguyễn Văn Tuấn, *Tự chủ chiến lược-Chìa khóa hiện thực hóa khát vọng hùng cường trong kỷ nguyên mới*, <https://quocphongthudo.vn/>, ngày 14/01/2026.
4. Nguyễn Trọng Thường - Tạp chí Cộng sản, *Tự chủ chiến lược, nâng cao vị thế quốc gia*, Tạp chí cộng sản điện tử, ngày 09-11-2025.
5. Nghiệm Thị Thanh Thúy - Vũ Lê Thái Hoàng, *Kinh nghiệm tự chủ chiến lược của một số quốc gia trên thế giới và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Tạp chí cộng sản điện tử, ngày 27-02-2024.
6. Anh Lương, *Tự chủ chiến lược - Tầm cao mới trong tư duy lãnh đạo của Đảng*, <https://daibieunhandan.vn/tu-chu-chien-luoc-tam-cao-moi-trong-tu-duy-lanh-dao-cua-dang-10404832.html>, ngày 25/01/2026
7. Đại tướng NGUYỄN TRỌNG NGHĨA, *Tự chủ chiến lược về quốc phòng - điều kiện tiên quyết bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới*, <https://www.qdnd.vn/>, ngày 23/01/2026.

KINH NGHIỆM VIẾT BÀI PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU XUYÊN TẠC VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG Ở VIỆT NAM

✪ NGUYỄN QUANG THÀNH*

Tóm tắt: Để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị (khóa XII) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, việc tiếp tục nghiên cứu, nâng cao tư duy lý luận và tổng kết thực tiễn là yêu cầu hết sức cần thiết. Trong đó, vấn đề phòng, chống tham nhũng là một trong những nội dung thường xuyên bị các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị xuyên tạc, bóp méo nhằm phủ nhận những thành tựu của Việt Nam. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn hoạt động nghiên cứu và viết bài của bản thân, bài viết chia sẻ một số kinh nghiệm trong quá trình xây dựng các bài viết phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc về kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam trong thời gian qua.

Từ khóa: Kinh nghiệm phản bác, luận điệu xuyên tạc, phòng, chống tham nhũng.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, các thế lực thù địch không ngừng tung ra nhiều luận điệu sai trái nhằm chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Mục tiêu xuyên suốt của chúng là từng bước làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới phủ nhận nền tảng chính trị và con đường phát triển xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đã lựa chọn. Trong bối cảnh

khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự lan tỏa của internet và các nền tảng mạng xã hội, các hoạt động chống phá ngày càng được tiến hành với phương thức tinh vi và phức tạp hơn. Các thế lực thù địch đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên nhiều lĩnh vực như tư tưởng chính trị, kinh tế, pháp luật, quốc phòng - an ninh, công tác tổ chức cán bộ và cả công tác phòng,

chống tham nhũng, tiêu cực. Thực tiễn cho thấy, công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, chính những kết quả đó lại trở thành đối tượng bị xuyên tạc, bóp méo bởi các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị. Vì vậy, việc xây dựng các bài viết có chất lượng nhằm đấu tranh phản bác những luận điệu sai trái này là nhiệm vụ quan trọng

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay. Vấn đề đặt ra là: Làm thế nào để xây dựng được những bài viết có sức thuyết phục, đủ cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm phân bác hiệu quả các luận điệu xuyên tạc về công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam?

2. Nội dung

Để xây dựng được các bài viết có chất lượng nhằm đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung và các bài viết chuyên sâu về công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng, người viết cần chuẩn bị và đáp ứng một số yêu cầu cơ bản sau đây:

Thứ nhất, người viết cần thường xuyên nghiên cứu, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với bối cảnh mới của tình hình thế giới và trong nước. Đồng thời, cần nắm vững tinh thần chỉ đạo cốt lõi trong các văn kiện quan trọng của Đảng. Tiêu biểu như: Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 9/2/2018 của Ban Bí thư khóa XII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng

Hồ Chí Minh trong tình hình mới”; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Việc nắm vững và vận dụng đúng đắn các định hướng lý luận này là cơ sở quan trọng để người viết hình thành nền tảng tư duy khoa học, lập trường chính trị vững vàng khi tham gia đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, cần nghiên cứu sâu và nắm vững nội dung của Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Có thể khẳng định rằng, việc nắm vững các nội dung cốt lõi của nghị quyết này chính là cơ sở lý luận và phương pháp quan trọng giúp người viết xây dựng các bài viết đấu tranh phân bác có tính thuyết phục và định hướng đúng đắn. Thông qua việc nghiên cứu

Nghị quyết số 35-NQ/TW, người viết có thể nhận diện rõ hơn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đồng thời nâng cao khả năng cảnh giác trước các thủ đoạn của các thế lực thù địch khi lợi dụng, thổi phồng những hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội để kích động tâm lý bất mãn, chia rẽ nội bộ và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, các bài viết đấu tranh phân bác không chỉ góp phần làm sáng tỏ bản chất vấn đề mà còn góp phần củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và tăng cường sự đồng thuận trong xã hội.

Thứ ba, cần bảo đảm tính khoa học, khách quan và xây dựng trong nội dung bài viết. Các bài viết đấu tranh phân bác các luận điệu xuyên tạc về thành quả cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực chất cũng là một dạng bài viết khoa học – chính luận. Vì vậy, bên cạnh việc bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội dung bài viết cần bảo đảm tính trung thực, khách quan và có cơ sở khoa học rõ ràng. Các lập luận đưa ra phải dựa trên những dữ liệu thực tiễn, luận

cứ khoa học và căn cứ pháp lý cụ thể; đồng thời thể hiện tinh thần xây dựng, hướng tới mục tiêu bảo vệ lợi ích chung của quốc gia, dân tộc và nhân dân. Chỉ khi bảo đảm được những yêu cầu này, các bài viết đấu tranh phản bác mới có thể tạo được sức thuyết phục và lan tỏa trong đời sống xã hội.

Bên cạnh những yêu cầu chung nêu trên, đối với các bài viết có chủ đề phản bác các luận điệu xuyên tạc về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tác giả đề xuất một số vấn đề cần lưu ý như sau:

Một là, người viết cần nắm vững và hiểu rõ bản chất của tham nhũng. Cho đến nay, cả ở cấp độ quốc tế cũng như phạm vi quốc gia vẫn chưa tồn tại một định nghĩa hay khái niệm mang tính chuẩn mực về tham nhũng được chấp nhận và áp dụng thống nhất. Nguyên nhân của tình trạng này xuất phát từ sự khác biệt về nhận thức, gắn liền với những điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội và thể chế chính trị khác nhau ở mỗi quốc gia, dân tộc và khu vực địa lý; đồng thời liên quan đến các chủ thể hoạt động trong cả khu vực công và khu vực tư.

Tại Việt Nam, khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống

tham nhũng năm 2018 quy định: *“Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.”* Từ khái niệm này có thể thấy rằng tham nhũng về bản chất là những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các chuẩn mực đạo đức và làm suy giảm niềm tin xã hội. Tham nhũng không chỉ gây tổn hại đến nguồn lực phát triển mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức công vụ, cản trở tiến trình phát triển và quản trị xã hội.

Điểm khác biệt cơ bản của tham nhũng so với các hành vi vi phạm pháp luật khác thể hiện ở hai đặc trưng chủ yếu: (i) mục đích trục lợi cá nhân; và (ii) chủ thể thực hiện là những người có chức vụ, quyền hạn hoặc được trao một thẩm quyền nhất định trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức xã hội. Bên cạnh đó, tham nhũng còn gắn liền với sự tha hóa quyền lực và việc lạm dụng quyền lực công nhằm phục vụ lợi ích riêng. Từ góc độ lý luận, có thể khẳng định rằng tham nhũng là hiện tượng gắn liền với sự tồn tại của quyền lực nhà nước. Vì vậy, tham nhũng có thể xuất hiện trong mọi thể chế chính trị và ở mọi quốc gia, với mức độ và hình thức biểu hiện khác nhau.

Hai là, cần kịp thời nhận diện và phân tích các luận điệu xuyên tạc về công tác phòng, chống tham nhũng để lựa chọn hướng tiếp cận phù hợp cho bài viết. Trong thực tiễn, các luận điệu xuyên tạc về công tác phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam thường được đưa ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Một số quan điểm sai trái, xuyên tạc phổ biến có thể kể đến như sau:

(i) Luận điệu cho rằng *“Đảng độc tôn lãnh đạo nên không thể đấu tranh chống tham nhũng thành công”*. Thực chất, đây là cách thức nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó hạ thấp uy tín chính trị của Đảng và cổ vũ cho mô hình đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập ở Việt Nam.

(ii) Luận điệu cho rằng *“do xã hội thiếu dân chủ nên không thể chống tham nhũng hiệu quả”*. Thực chất, đây là một cách tiếp cận phiến diện, lợi dụng khẩu hiệu “dân chủ” để áp đặt các mô hình dân chủ phương Tây, từ đó từng bước phủ nhận nền tảng tư tưởng và chế độ chính trị ở Việt Nam.

(iii) Luận điệu xuyên tạc việc xử lý các vụ án tham nhũng, tiêu cực thành những

hoạt động “đấu đá nội bộ”, “thanh trừng phe phái”. Trong khi đó, việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, kể cả những người giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, là biểu hiện bình thường của một nhà nước pháp quyền, đồng thời cũng là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

(iv) Luận điệu tuyệt đối hóa học thuyết phân quyền và thể chế “tam quyền phân lập”, coi đây là giải pháp duy nhất để kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng. Thực tế cho thấy, mặc dù học thuyết phân quyền và mô hình “tam quyền phân lập” đã được áp dụng ở nhiều quốc gia phương Tây như Hoa Kỳ, Anh, Pháp hay Đức và có những tác động tích cực nhất định, song không thể xem đây là “mô hình phổ quát” hay “giải pháp duy nhất” cho vấn đề kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng. Việc tuyệt đối hóa mô hình này là cách tiếp cận thiếu khách quan và mang tính áp đặt về mặt lý luận.

Ba là, cần xác định rõ lập trường và lựa chọn cơ sở lý luận phù hợp để phản bác các quan điểm sai trái sau khi đã nhận diện. Thực tiễn cho

thấy, các bài viết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có phạm vi nghiên cứu khá rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học xã hội khác nhau. Tùy thuộc vào chuyên ngành và thể mạnh nghiên cứu của từng tác giả, vấn đề có thể được tiếp cận dưới những góc độ khác nhau. Chẳng hạn, có tác giả tiếp cận từ góc độ triết học và chủ nghĩa xã hội khoa học, trong khi những người khác lại phân tích vấn đề dưới góc nhìn của khoa học pháp lý hoặc khoa học quản trị công.

Do đó, sau khi xác định rõ thái độ và lập trường đối với vấn đề cần phân tích, người viết cần lựa chọn những học thuyết, cơ sở lý luận và dẫn chứng thực tiễn phù hợp để làm rõ nội dung tranh luận. Việc kết hợp hài hòa giữa nền tảng lý luận khoa học và các minh chứng thực tiễn sinh động sẽ góp phần nâng cao sức thuyết phục của bài viết, đồng thời giúp định hướng nhận thức đúng đắn về công tác phòng, chống tham nhũng trong bối cảnh hiện nay.

3. Kết luận

Các bài viết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch thường đặt ra nhiều yêu cầu và thách thức hơn so với các bài viết mang

tính xây dựng thông thường. Điều này đòi hỏi người viết không chỉ có nền tảng lý luận vững chắc, am hiểu sâu sắc chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, mà còn phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy phân tích sắc bén và phương pháp lập luận khoa học. Trong bối cảnh hiện nay, khi các thế lực thù địch ngày càng gia tăng các hoạt động xuyên tạc, chống phá trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, việc nâng cao chất lượng các bài viết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vì vậy, người viết cần thường xuyên trau dồi kiến thức lý luận, cập nhật thông tin thực tiễn, nhạy bén trước các vấn đề của đời sống chính trị – xã hội; đồng thời không ngừng rèn luyện kỹ năng tư duy và kỹ năng viết chính luận. Chỉ trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng lý luận vững chắc, lập trường chính trị rõ ràng và phương pháp nghiên cứu khoa học, các bài viết đấu tranh phản bác mới có thể đạt được hiệu quả thuyết phục và góp phần tích cực vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018): *Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Quốc hội (2018): *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Nguyễn Phú Trọng (2023): *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Rose-Ackerman, Susan & Bonnie J. Palifka (2016): *Corruption and Government: Causes, Consequences, and Reform*, Cambridge University Press, Cambridge.
6. United Nations (2004): *United Nations Convention against Corruption*, United Nations Office on Drugs and Crime, Vienna.

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ LÊ THỊ THANH KIỀU*

1. Đặt vấn đề

Trường Chính trị Đồng Tháp là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy và được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn Tỉnh. Để đáp ứng sứ mệnh cao cả và lớn lao ấy, đảng viên của Trường phải đáp ứng yêu cầu của người giảng viên trường đảng - phải “vừa hồng, vừa chuyên”. Vì vậy, bên cạnh cử đảng viên, giảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, Đảng ủy Trường chú trọng tạo môi trường để đảng viên, giảng viên tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức. Trong đó, một trong những giải pháp trọng tâm là phát huy hiệu quả Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay gồm

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến những thành công tiêu biểu và tồn tại trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Từ đó, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả học tập, làm theo và đóng góp vào thành công chung trong công tác “huấn luyện cán bộ” mà Tỉnh ủy Đồng Tháp giao Trường.

Từ khóa: Học tập và làm theo; Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Trường Chính trị Đồng Tháp.

02 cơ sở (cơ sở 1 tại phường Thới Sơn, cơ sở 2 tại phường Sa Đéc). Đến tháng 12/2025, Trường có 65 biên chế¹ trực thuộc các bộ phận: Ban Giám hiệu, 03 Khoa (Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Nhà nước và Pháp luật) và 02 Phòng (Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học). Ngoài ra, Trường có 14 nhân viên hợp đồng theo

Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Đảng bộ cơ sở Trường có 70 đảng viên đang sinh hoạt tại 05 chi bộ trực thuộc (tương ứng với 02 Phòng và 03 Khoa) bao gồm: Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở (13 đảng viên); Chi bộ Khoa Nhà nước và Pháp luật (08 đảng viên); Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng (có 13 đảng viên), Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính,

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), Báo cáo số 37-BC/TCT, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

thông tin, tư liệu (có 21 đảng viên) và Chi bộ Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học (có 15 đảng viên). Ngoài ra, còn một số chi bộ học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung đang sinh hoạt tạm thời tại Đảng bộ Trường. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 09 đồng chí.

Là đơn vị thực hiện “công việc gốc của Đảng”, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường xem là nhiệm vụ trọng tâm. Đây là cơ sở để xây dựng đảng viên của Đảng bộ đủ đức, đủ tài trong “huấn luyện cán bộ”. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở Trường Chính trị được tổ chức đồng bộ. Các khâu từ triển khai, quán triệt đến từng chi bộ; đảng viên đăng ký thực hiện tu dưỡng, rèn luyện; xây dựng mô hình hay; biểu dương điển hình tiên tiến đến kiểm tra giám sát luôn được Đảng ủy lãnh đạo chặt chẽ mà *trước hết là đảng viên phải đăng ký tu dưỡng, rèn*

luyện sát với nhiệm vụ chính trị được phân công.

Để thực hiện hiệu quả “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Đảng ủy ban hành Kế hoạch và quán triệt thực hiện đồng bộ trong toàn Đảng bộ Trường. Sau khi được dự Hội nghị triển khai chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2025 do Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức², đảng viên được hướng dẫn viết đăng ký tu dưỡng, rèn luyện. Nội dung bản đăng ký phải đáp ứng yêu cầu bám sát nhiệm vụ chính trị được phân công. Từ chỉ đạo này, đảng viên sẽ dự thảo bản đăng ký tu dưỡng, rèn luyện gửi về Bí thư Chi bộ kiểm tra. Nếu đầy đủ và đạt yêu cầu, đảng viên nộp 02 bản đăng ký. Bí thư ký xác nhận, 01 bản lưu và 01 bản nộp về Đảng ủy. Bản đăng ký được so sánh, đối chiếu hàng tháng với việc tự phê bình xoay vòng³ và là một trong những căn cứ để đánh giá, xếp loại đảng viên. Kết quả, 100% đảng viên của

Đảng bộ Trường đăng ký tu dưỡng và rèn luyện theo đúng nội dung của bản cam kết.

Thứ hai, mỗi đảng viên luôn không ngừng tự trau dồi đạo đức nhà giáo, phương pháp sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học. Theo đó, từng đảng viên của Đảng bộ đã học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những hành động thiết thực để đáp ứng “ngang tầm nhiệm vụ”.

Về chuyên môn, Đảng ủy, Ban Giám hiệu thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảng viên, giảng viên học tập nâng cao trình độ và năng lực. Năm 2025, có 01 đồng chí tham gia nghiên cứu sinh (nâng tổng số giảng viên đang học là 08 đồng chí), 02 đồng chí tham gia đào tạo Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, 01 đồng chí tham gia đào tạo Cao cấp lý luận chính trị; 119 đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng⁴. Bên cạnh đó, tổ chức cho 100% giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức định kỳ;...

² Hội nghị triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2025 do Tỉnh ủy tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) tổ chức vào ngày 19/02/2025 với chuyên đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”.

Hội nghị triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2025 do Tỉnh ủy tỉnh Tiền Giang (trước sáp nhập) tổ chức vào tháng 3/2025 với chuyên đề “Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ quản lý các cấp” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị về Quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

³ Riêng năm 2025, Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở và Nhà nước pháp luật triển khai mô hình sổ tay điện tử (đây là mô hình được Bí thư Chi bộ triển khai thực hiện mới), tất cả đảng viên đều tự phê bình qua Google form kết hợp với tự phê bình xoay vòng.

⁴ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 37-BC/TCT*, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Ngoài ra, để phục vụ tốt hơn cho giảng dạy, giảng viên của Đảng bộ Trường chú trọng nghiên cứu khoa học qua chủ nhiệm Đề tài khoa học cấp Tỉnh, cấp Cơ sở và cấp Trường; viết giáo trình; viết bài đăng trong các sách có chỉ số ISBN; viết các bài đăng trên tạp chí quốc tế và các tạp chí có chỉ số ISSN; viết bài gửi đăng tại Hội thảo quốc tế, quốc gia, khu vực, tỉnh, trường; tổ chức và tham gia Hội thảo cấp Trường với chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài ở tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển”⁵. Đồng thời, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu thực tế hàng năm của giảng viên.

Về đạo đức, đảng viên chú trọng tự giác rèn luyện chuẩn mực của người “giảng viên trường đảng” và có nhiều đảng viên được khen thưởng tiêu biểu, điển hình. Đến tháng 6/2025, có 03 Chi bộ trực thuộc cùng 10 lượt đảng viên được nhận Bằng khen, giấy khen của Đảng ủy Khối và Tỉnh ủy với thành

tích tiêu biểu trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” hàng năm, giai đoạn 05 năm và 10 năm⁶. Tổng kết phong trào thi đua “Đoàn kết - Kỷ cương - gương mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả” giai đoạn 2021 - 2025, Có 03 tập thể và 16 điển hình tiên tiến được nhận giấy khen⁷. Có thể thấy rằng, sự nỗ lực của tập thể và cá nhân như trên đem lại kết quả thiết thực - Trường không chỉ đạt thành tích tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị mà còn đạt về xây dựng Trường Chính trị Đồng Tháp chuẩn mức 1.

Thứ ba, đảng viên lồng ghép, lan toả Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong sinh hoạt chi bộ cũng như trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Với đặc thù giảng dạy các môn học về tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng và chương trình Trung cấp lý luận chính trị nói chung, việc gương mẫu rèn luyện tác phong, chuẩn mực của “giảng viên trường đảng” được chú trọng.

Trong sinh hoạt chi bộ, việc lồng ghép kể các mẫu

chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được triển khai theo hướng năm và kể. Nội dung là những câu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh hoặc về gương học tập và làm theo Người. Từ đó, đảng viên chỉ ra bài học cho bản thân, nhận thức, tuyên truyền và liên hệ làm theo những gì.

Trong giảng dạy, từng giảng viên không ngừng tự nâng cao chất lượng bài giảng như ứng dụng các phần mềm công nghệ để tăng tính tương tác. Giảng viên có sự sáng tạo trong thiết kế các trò chơi xoay quanh nội dung bài học hoặc tăng cường tổ chức thảo luận nhóm và nhiều hoạt động nhằm phát huy vai trò tích cực của học viên. Đặc biệt đối với học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, việc lồng ghép hoặc yêu cầu học viên kể các mẫu chuyện về tư tưởng, đạo đức, phong cách, chỉ ra bài học trong làm theo Bác được thực hiện thường xuyên. Ngoài ra, giảng viên tổ chức khá thành công hình thức thảo luận ngoại khóa tại Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc với một số lớp tập trung và lớp tại thành phố Cao Lãnh⁷. Những hoạt động này

⁵ Hội thảo được tổ chức vào tháng 11/2025 với sự quan tâm của đông đảo các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Có 38 tham luận, trong đó, có sự tham gia viết bài của Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tiền Giang, Hội Liên hiệp Khoa học và kỹ thuật của Tỉnh.

⁶ Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 124-BC/ĐU*, ngày 12/6/2025, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

⁷ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 37-BC/TCT*, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

không chỉ lan toả tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mà còn giúp học viên có kiến thức thực tế, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh hiệu quả hơn.

Bên cạnh những thành công tiêu biểu trên, vẫn còn đảng viên của Đảng bộ chưa rèn luyện tốt, chưa nâng cao được chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học,... Vì vậy, thời gian qua đảng viên của Đảng bộ chưa phát huy hết tiềm năng cũng như thế mạnh trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

3. Giải pháp/Khuyến nghị

Để học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đạt hiệu quả, trong thời gian tới Đảng bộ Trường Chính trị Đồng Tháp tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục phát huy tốt vai trò của Đảng ủy Trường trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong đó, chú trọng triển khai xây dựng, ban hành tiêu chí chấm điểm đảng viên; xây dựng quy định để khuyến khích, động viên đảng viên có thành tích vượt trội trong công tác, nhất là trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gắn

với các tiêu chuẩn, tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2.

Thứ hai, phát huy tốt vai trò của Chi ủy đối với việc triển khai, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và theo dõi sát thực hiện nêu gương của đảng viên. Chi uỷ căn cứ vào bản cam kết, tu dưỡng, rèn luyện của từng đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học làm cơ sở để đánh giá đảng viên hàng tháng và định kỳ theo quy định.

Thứ ba, phát huy tính tự giác của đảng viên với tư cách là những người thực hiện công việc gốc của đảng và với vai trò của nhà giáo - phải thực sự gương mẫu trong học tập và trong công tác. Đảng viên, giảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện toàn diện bản thân mà cốt lõi là bảo đảm các tiêu chuẩn về giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo những tiêu chí của giảng viên trường Đảng trong kỷ nguyên phát triển mới.

Thứ tư, tiếp tục phát huy tốt dân chủ thông qua thực hiện phản biện trong môi trường Trường Chính trị. Tích cực tổ chức các hình thức (đối thoại dân chủ với giảng viên và học viên, hộp thư góp ý tại cổng trường, mail,...) để nhận được phản hồi từ nhiều kênh:

giảng viên, học viên, nơi cư trú,... nhằm kịp thời nắm và giải quyết thông tin về đảng viên của Đảng bộ. Từ đó, góp phần vào xây dựng Đảng bộ Trường Chính Trị càng trong sạch, vững mạnh làm nền tảng lãnh đạo Trường thực hiện hiệu quả hơn nhiệm vụ chính trị “công việc gốc của Đảng”.

Như vậy, để đáp ứng yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ “huấn luyện cán bộ”, thông qua nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có nâng cao hiệu quả của Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã chú trọng xây dựng đội ngũ đảng viên, giảng viên đủ đức, đủ tài. Từ đó, Trường gặt hái nhiều thành công trong xây dựng Đảng bộ Trường trong sạch, vững mạnh và trong thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mặc dù thực hiện học tập và làm theo Bác còn tồn tại một số hạn chế, tuy nhiên, với sự quan tâm sâu sát của Đảng uỷ, các Chi uỷ và sự quyết tâm của từng đảng viên, giảng viên, trong điều kiện mới của tỉnh và của đất nước, Trường sẽ tiếp tục gặt hái thêm nhiều thành công để có thể “huấn luyện” được những cán bộ ở tỉnh Đồng Tháp đủ năng lực, uy tín và ngang tầm nhiệm vụ./

⁷ Tổ chức đối với các lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung K55, K56, K59, K63 và các lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung C165, C175 với 340 học viên tham dự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 124-BC/ĐU*, ngày 12/6/2025, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
2. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo số 37-BC/TCT*, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.
3. <https://baocaovien.vn/>

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

✦ NGUYỄN ĐỨC TÀI*

Tóm tắt: Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954–1975), Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. Đảng đã xây dựng và củng cố vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với cách mạng ở cả hai miền Nam – Bắc. Thực tiễn đó không chỉ góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Việc vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm lịch sử này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: Xây dựng Đảng; kháng chiến chống Mỹ; lãnh đạo cách mạng; chỉnh đốn Đảng; kinh nghiệm lịch sử.

1. Đặt vấn đề

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn lịch sử đặc biệt khi đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và giữ vai trò hậu phương lớn của cả nước; trong khi đó, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân

tộc dân chủ nhân dân nhằm đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trong bối cảnh đế quốc Mỹ từng bước thay chân thực dân Pháp, trực tiếp can thiệp và tiến hành chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, cách mạng nước ta phải đối mặt với những thử thách vô cùng to lớn. Tình hình đó đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Đảng Cộng sản Việt Nam phải không ngừng củng cố và

xây dựng Đảng vững mạnh, đủ bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo để dẫn dắt toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng, xem đây là nhiệm vụ then chốt quyết định sự thành bại của cách mạng. Người khẳng định: “Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”¹. Quan điểm đó thể hiện

* Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Hồ Chí Minh - Toàn tập, Tập 15, Nxb CTQG, H. 2011, tr. 113.

sâu sắc tư tưởng của Người về việc xây dựng Đảng từ gốc, từ tổ chức cơ sở đảng và từ mỗi cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra lâu dài, ác liệt, yêu cầu xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức càng trở nên cấp thiết, nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, chính sự vững mạnh của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm cho cách mạng Việt Nam vượt qua mọi thử thách và giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng Đảng về chính trị – nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng Đảng về chính trị giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bảo đảm cho Đảng Cộng sản Việt Nam đủ bản lĩnh và năng lực lãnh đạo cách mạng trong điều kiện lịch sử hết sức phức tạp. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam, Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến độc

lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo; đồng thời sớm xác định rõ kẻ thù trực tiếp của dân tộc Việt Nam là đế quốc Mỹ và nhận thức đúng vị trí, vai trò chiến lược của miền Bắc trong giai đoạn cách mạng mới. Việc hoạch định đường lối chính trị đúng đắn đã tạo cơ sở quan trọng để Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Một dấu mốc quan trọng trong quá trình hoàn thiện đường lối cách mạng là Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) tháng 1-1959. Hội nghị đã thông qua Nghị quyết về cách mạng miền Nam, khẳng định con đường phát triển của cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai. Nghị quyết này có ý nghĩa bước ngoặt, tạo cơ sở chính trị và phương hướng chiến lược để cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra bước phát triển mới của phong trào cách mạng.

Tiếp đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã xác định

rõ đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đại hội khẳng định: một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương vững mạnh của cả nước; hai là, đấu tranh giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ mật thiết, tác động và thúc đẩy lẫn nhau. Đại hội chỉ rõ: “Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà”². Sự xác định đúng đắn hai nhiệm vụ chiến lược đã tạo cơ sở chính trị và phương hướng hành động cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng đã thường xuyên bổ sung và phát triển đường lối

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 917.

cách mạng phù hợp với sự vận động nhanh chóng, phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế. Nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách chiến lược đúng đắn, đáp ứng yêu cầu của chiến trường cũng như vai trò của hậu phương lớn miền Bắc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã phát huy cao độ sức mạnh của chiến tranh nhân dân, kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp để từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Thực tiễn đó càng khẳng định sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng có vững cách mệnh mới thành công”³.

2.2. Xây dựng Đảng về tư tưởng - nền tảng tinh thần của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Cùng với việc xây dựng Đảng về chính trị, Đảng đặc biệt coi trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, xem đây là nền tảng tinh thần bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Đảng luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin,

giữ vững và bảo vệ sự trong sáng của nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đảng đã khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, ý chí độc lập, tự cường của dân tộc, tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn cho cuộc kháng chiến.

Trong bối cảnh chiến tranh ngày càng ác liệt, công tác tư tưởng được Đảng đặc biệt chú trọng nhằm củng cố niềm tin của nhân dân vào thắng lợi của cách mạng. Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành ngọn cờ tư tưởng, là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Người khẳng định: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”⁴. Dưới ánh sáng của tư tưởng đó, nhiều phong trào thi đua yêu nước được phát động sâu rộng, tiêu biểu như khẩu hiệu “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, tinh thần “Bắc – Nam ruột thịt” và tinh thần đoàn kết quốc tế trong sáng. Những giá

trị tư tưởng ấy đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên động lực tinh thần to lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi.

2.3. Xây dựng Đảng về tổ chức - bảo đảm sự lãnh đạo liên tục của Đảng trong chiến tranh

Bên cạnh xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng, Đảng đặc biệt chú trọng xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh từ Trung ương đến cơ sở nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Ngay sau năm 1954, hệ thống tổ chức Đảng ở miền Nam được củng cố và từng bước phát triển phù hợp với yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng trong điều kiện hoạt động bí mật, đối mặt với sự đàn áp khốc liệt của kẻ thù. Tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, tổ chức lại hệ thống lãnh đạo của Đảng ở miền Nam; đồng thời quyết định chia Đảng bộ Nam Bộ thành ba Liên tỉnh ủy: Liên tỉnh ủy miền Tây, Liên tỉnh ủy miền Trung, Liên tỉnh ủy miền Đông và Khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, tạo nên mạng lưới tổ chức lãnh đạo chặt chẽ, phù hợp với tình hình thực tiễn.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, t.2, tr. 289

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.130-133.

Đến tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng miền Nam. Sau đó, từ năm 1967, khu V và Trị Thiên trực thuộc Trung ương và Quân ủy Trung ương, góp phần tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương đối với chiến trường miền Nam. Trong điều kiện hoạt động bí mật, bị kẻ thù khủng bố ác liệt, các tổ chức Đảng, cán bộ và đảng viên ở miền Nam vẫn kiên cường bám đất, bám dân, giữ vững vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng. Chính sự liên tục trong lãnh đạo của các tổ chức Đảng đã bảo đảm cho phong trào cách mạng ở miền Nam không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức và đạo đức, coi đó là điều kiện bảo đảm cho Đảng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo cách mạng. Người căn dặn: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”⁵ vì vậy “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách

mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁶. Lời dạy đó trở thành chuẩn mực để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

2.4. Giá trị lịch sử của công tác xây dựng Đảng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và sự vận dụng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

Thực tiễn công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những kinh nghiệm đó không chỉ góp phần quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc mà còn tiếp tục soi sáng và định hướng cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Trước hết, bài học quan trọng hàng đầu là phải luôn kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững bản lĩnh chính trị và đường lối cách mạng đúng đắn. Trong suốt

cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, đồng thời kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chính sự kiên định về lập trường tư tưởng và đường lối chính trị đã tạo nên sự thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, là cơ sở để tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Bài học đó tiếp tục có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế đặt ra nhiều vấn đề mới, phức tạp đối với sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, việc kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch và bảo vệ vững chắc đường lối của Đảng là yêu cầu có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, thực tiễn kháng chiến chống Mỹ cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của việc xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, các tổ chức Đảng từ Trung ương đến cơ sở vẫn giữ vững sự lãnh đạo liên tục, thống nhất

⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.130-133.

⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 611

đôi với phong trào cách mạng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, gắn bó mật thiết với nhân dân, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Điều đó khẳng định rằng, sức mạnh của Đảng trước hết bắt nguồn từ sức mạnh của tổ chức và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong giai đoạn hiện nay, bài học này tiếp tục được khẳng định trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

Thứ ba, một trong những nhân tố quan trọng làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ là sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy cao độ, tạo nên nền tảng vững chắc cho cuộc chiến tranh nhân dân. Đảng luôn xuất phát từ lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân để lãnh đạo cách mạng và không ngừng củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Bài học này tiếp tục có ý nghĩa sâu sắc trong công tác xây dựng Đảng hiện nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó

vạn lần dân liệu cũng xong” Vì vậy, xây dựng Đảng gắn liền với củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng là yêu cầu quan trọng để bảo đảm sự lãnh đạo bền vững của Đảng đối với xã hội.

Thứ tư, thực tiễn xây dựng Đảng trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy tầm quan trọng của việc thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn kịp thời tổng kết thực tiễn, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Tinh thần chủ động đổi mới đó tiếp tục được phát huy trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng.

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc vận dụng những bài học lịch sử từ công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những kinh nghiệm quý báu

đó tiếp tục được khẳng định và phát triển trong đường lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ. Đây là định hướng có ý nghĩa chiến lược nhằm bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

Việc vận dụng những bài học từ công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đồng thời không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Chỉ trên cơ sở đó, Đảng mới có thể đáp ứng yêu cầu lãnh đạo đất nước trong bối cảnh mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Kết luận

Công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ kháng chiến

chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) là một trong những nhân tố quyết định làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Việc xây dựng Đảng vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức đã bảo đảm cho Đảng đủ năng lực lãnh đạo nhân dân

tiên hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Những giá trị lịch sử và bài học kinh nghiệm từ giai đoạn này vẫn giữ nguyên ý nghĩa đối với công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện

nay. Việc vận dụng sáng tạo những bài học đó sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr.289.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.130-133.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr.611.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.917.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.
7. Lê Duy Chương: “Thấm nhuần tư tưởng ‘cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư’ của Hồ Chí Minh vào xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay”, Tạp chí Cộng sản, ngày 13-4-2007, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/6381/tham-nhuan-tu-tuong-%E2%80%9Ccan%2C-kiem%2C-liem%2C-chinh%2C-chi-cong-vo-tu%E2%80%9D-cua-ho-chi-minh-va-xay-dung-dao-duc-cach-mang-cho-can-bo%2C-dang-vien-hien-nay.aspx>.
8. Nguyễn Văn Phương: “Vận dụng tư tưởng tác phẩm Đường cách mệnh trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, đăng trên Cổng thông tin điện tử Đức Thọ, Hà Tĩnh, ngày 26-4-2022, <https://dukq.hatinh.gov.vn/xay-dung-dang/van-dung-tu-tuong-tac-pham-duong-cach-menh-trong-xay-dung-chinh-don-dang-746.html>.

Tóm tắt: Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, đỉnh cao của Đại thắng mùa Xuân 1975, là sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt to lớn trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, đánh dấu thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chấm dứt tình trạng chia cắt đất nước và mở ra kỷ nguyên độc lập, thống nhất và phát triển. Thắng lợi này không chỉ phản ánh sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mà còn thể hiện rõ ý chí độc lập, tự cường và khát vọng hòa bình, phát triển của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ góc độ lịch sử và thực tiễn phát triển đất nước hiện nay, việc nghiên cứu và phát huy những bài học từ thắng lợi năm 1975 có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố niềm tin lịch sử, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Từ khóa: Chiến thắng 30.4.1975; độc lập; tự cường; khát vọng phát triển; bài học lịch sử.

CHIẾN THẮNG 30/4/1975

BÀI HỌC VỀ Ý CHÍ ĐỘC LẬP, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

✦ NGUYỄN BÍCH NGỌC*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là mốc son chói lọi, đánh dấu sự kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và mở ra bước ngoặt căn bản trong tiến trình phát triển của dân tộc. Thắng lợi này không chỉ có ý nghĩa to lớn về quân sự và chính trị mà còn thể hiện sức mạnh tinh thần, ý chí độc lập và khát vọng hòa bình của Nhân dân Việt Nam. Sau hơn nửa thế kỷ, những giá trị lịch sử và bài học từ thắng lợi năm 1975 vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời đại. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc nhận thức sâu sắc những bài học về ý chí độc lập, tự cường và khát vọng phát triển

của dân tộc có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng tư duy, củng cố niềm tin và khơi dậy động lực phát triển đất nước. Từ góc độ đó, việc nghiên cứu, phân tích và vận dụng các bài học lịch sử từ thắng lợi năm 1975 không chỉ góp phần làm sáng tỏ giá trị lịch sử của sự kiện này mà còn giúp khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong thời kỳ mới.

II. NỘI DUNG

1. Chiến thắng 30/4/1975 - Biểu tượng của ý chí độc lập, tự cường của dân tộc Việt Nam

Trong lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, đỉnh cao của Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là thắng lợi quyết định kết thúc cuộc

* Tiến sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn là biểu tượng rực rỡ của ý chí độc lập, tự cường và khát vọng tự do của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi này là kết tinh của sức mạnh tổng hợp từ truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự ủng hộ rộng rãi của phong trào tiến bộ trên thế giới.

Trước hết, chiến thắng năm 1975 khẳng định ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam trước những thử thách khắc nghiệt của chiến tranh. Trong suốt hơn hai thập niên kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), Nhân dân Việt Nam phải đối mặt với một cuộc chiến tranh có quy mô lớn, cường độ cao và sự tham gia trực tiếp của một trong những cường quốc quân sự hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, vượt lên trên mọi khó khăn, gian khổ và hy sinh, toàn thể dân tộc Việt Nam vẫn kiên định mục tiêu độc lập, thống nhất đất nước. Hàng triệu người dân đã tham gia vào các phong trào đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận; hàng triệu thanh niên xung phong ra chiến trường; hàng triệu gia đình trở thành hậu phương vững chắc cho tiền tuyến. Những đóng góp to lớn ấy đã tạo nên sức mạnh tinh thần đặc biệt, giúp dân tộc Việt Nam kiên cường vượt

qua những giai đoạn khốc liệt nhất của chiến tranh.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, chính ý chí độc lập và tinh thần tự cường đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy Nhân dân Việt Nam vượt qua những thử thách tưởng chừng không thể vượt qua. Dù phải đối đầu với những chiến dịch quân sự quy mô lớn, với các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, Nhân dân Việt Nam vẫn không khuất phục. Tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do”, tư tưởng nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành khẩu hiệu hành động và nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cổ vũ toàn dân tộc kiên trì chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng.

Bên cạnh ý chí đấu tranh kiên cường của Nhân dân, thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 còn gắn liền với vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bắt đầu, Đảng đã xác định rõ đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự lựa chọn mang tính

lịch sử, thể hiện tầm nhìn chiến lược và khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã thể hiện khả năng phân tích chính xác tình hình, đề ra những quyết sách chiến lược phù hợp với từng giai đoạn của cuộc kháng chiến. Các chủ trương lớn như phát huy sức mạnh toàn dân, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, xây dựng hậu phương vững mạnh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế đã tạo nên thế trận chiến lược toàn diện. Đặc biệt, quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam vào mùa Xuân năm 1975 thể hiện tầm nhìn chiến lược và khả năng nắm bắt thời cơ lịch sử của Đảng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Bên cạnh yếu tố lãnh đạo chiến lược của Đảng, thắng lợi của cách mạng Việt Nam còn là kết quả của sự kết hợp hiệu quả giữa sức mạnh nội lực của dân tộc với sự ủng hộ của phong trào tiến bộ trên thế giới. Trong bối cảnh quốc tế của thời kỳ Chiến tranh lạnh, cuộc đấu tranh của Nhân dân Việt Nam đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ từ nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế và phong trào hòa bình trên toàn thế

giới. Các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc đã dành cho Việt Nam nhiều sự giúp đỡ quan trọng về vật chất, kỹ thuật và ngoại giao. Đồng thời, phong trào phản đối chiến tranh tại nhiều nước, trong đó có Hoa Kỳ, cũng góp phần tạo nên áp lực chính trị và dư luận quốc tế buộc chính quyền Mỹ phải thay đổi chính sách đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại đã tạo nên nguồn lực to lớn, giúp cách mạng Việt Nam từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường. Sau khi Hiệp định Paris năm 1973 được ký kết, cục diện chiến tranh đã chuyển biến rõ rệt theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Đây chính là tiền đề quan trọng để Đảng và Nhân dân Việt Nam tiến tới cuộc tổng tiến công chiến lược năm 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nhìn từ góc độ lịch sử, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 đã khẳng định một chân lý có giá trị phổ quát: Một dân tộc dù nhỏ bé nhưng nếu có ý chí độc lập, tinh thần đoàn kết và đường lối cách mạng đúng đắn thì hoàn toàn có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giành thắng lợi. Thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã chứng minh rằng sức

mạnh của một dân tộc không chỉ được đo bằng tiềm lực kinh tế hay quân sự mà còn được quyết định bởi sức mạnh tinh thần, bởi ý chí độc lập và khát vọng tự do của Nhân dân.

Đối với Việt Nam, thắng lợi năm 1975 không chỉ kết thúc một cuộc chiến tranh kéo dài mà còn khẳng định vị thế và bản lĩnh của dân tộc trên trường quốc tế. Từ một đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã từng bước khôi phục và phát triển, trở thành một quốc gia đang phát triển năng động với vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Những thành tựu đó chính là sự tiếp nối và phát huy tinh thần độc lập, tự cường được hun đúc trong suốt quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc.

Có thể khẳng định, giá trị lớn nhất của Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ nằm ở thắng lợi quân sự hay chính trị, mà còn ở ý nghĩa tinh thần sâu sắc đối với lịch sử và tương lai của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi đó trở thành biểu tượng sinh động của ý chí độc lập, tự cường và khát vọng hòa bình của dân tộc, đồng thời là nguồn động lực tinh thần mạnh mẽ để các thế hệ hôm nay tiếp tục phấn đấu xây dựng đất nước Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và hội nhập sâu rộng với thế giới.

2. Bài học về tinh thần tự lực, tự cường trong phát triển đất nước

Một trong những bài học lịch sử sâu sắc rút ra từ Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 chính là bài học về tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc Việt Nam. Trong suốt tiến trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước, tinh thần tự lực, tự cường luôn là nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng, giúp dân tộc Việt Nam vượt qua nhiều thử thách khắc nghiệt để khẳng định vị thế và bản lĩnh của mình trong lịch sử. Thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân 1975 là minh chứng sinh động cho sức mạnh ấy, đồng thời để lại nhiều bài học có giá trị lâu dài đối với sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Trước hết, tinh thần tự lực, tự cường đã trở thành một đặc trưng nổi bật của truyền thống lịch sử dân tộc Việt Nam. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam thường xuyên phải đối mặt với các cuộc xâm lược từ bên ngoài. Trong hoàn cảnh đó, ý chí độc lập, tinh thần tự chủ và sự đoàn kết dân tộc đã trở thành yếu tố quyết định giúp đất nước vượt qua mọi thử thách. Bước vào thời kỳ hiện đại, đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954–1975), tinh thần

tự lực, tự cường tiếp tục được phát huy mạnh mẽ, trở thành nền tảng tinh thần của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn về kinh tế, kỹ thuật và nguồn lực, Nhân dân Việt Nam vẫn phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường để duy trì và phát triển tiềm lực chiến đấu. Ở miền Bắc, với vai trò là hậu phương chiến lược, Nhân dân vừa phải khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa tập trung xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam. Hàng triệu thanh niên đã tham gia lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong và các lực lượng phục vụ chiến đấu; hàng triệu tấn lương thực, vũ khí, trang thiết bị được vận chuyển vào miền Nam thông qua các tuyến vận tải chiến lược¹. Những nỗ lực to lớn đó cho thấy tinh thần tự lực, tự cường không chỉ là khẩu hiệu chính trị mà đã trở thành hành động cụ thể của toàn dân tộc trong hoàn cảnh chiến tranh. Sự sáng tạo trong tổ chức sản xuất, bảo đảm hậu cần

và xây dựng lực lượng chiến đấu đã giúp cách mạng Việt Nam duy trì được sức mạnh nội lực, tạo tiền đề quan trọng cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Như nhiều nhà nghiên cứu lịch sử nhận định, chính sự phát huy sức mạnh nội lực của dân tộc đã góp phần quyết định vào việc làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường, dẫn tới thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến².

Từ góc độ lý luận và thực tiễn, bài học về tinh thần tự lực, tự cường tiếp tục có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phát triển của đất nước hiện nay. Sau khi thống nhất đất nước, Việt Nam bước vào giai đoạn khôi phục và xây dựng nền kinh tế trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Đặc biệt, trong những năm đầu của công cuộc đổi mới từ năm 1986, việc phát huy nội lực quốc gia được xác định là một trong những yếu tố quyết định bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam nhiều lần khẳng định rằng phát triển đất nước phải dựa trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, đồng thời tranh thủ hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài³.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, bài học về tinh thần tự lực, tự cường càng trở nên có ý nghĩa chiến lược. Nền kinh tế Việt Nam ngày càng tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đòi hỏi phải nâng cao năng lực tự chủ và khả năng thích ứng trước những biến động của môi trường kinh tế quốc tế. Việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ không có nghĩa là khép kín hay tách rời khỏi thế giới mà là tạo dựng nền tảng nội lực vững chắc để chủ động hội nhập và phát triển.

Trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, tinh thần tự lực, tự cường được thể hiện thông qua nhiều phương diện khác nhau. Trước hết là việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm gia tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng hệ thống hạ tầng hiện đại và củng cố năng lực quản trị quốc gia cũng là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao sức mạnh nội lực của đất nước. Tuy nhiên, bài học về tự lực, tự cường

¹ Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 398-402.

² Đại thắng mùa Xuân 1975 - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 170-175.

³ Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1, tr. 109.

không đồng nghĩa với việc phát triển theo hướng khép kín hay tách biệt với thế giới. Trái lại, trong điều kiện hiện nay, việc kết hợp hài hòa giữa phát huy nội lực với tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài là yêu cầu mang tính tất yếu. Thực tiễn phát triển của nhiều quốc gia cho thấy, sự kết hợp hiệu quả giữa nguồn lực trong nước với nguồn lực quốc tế sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Đối với Việt Nam, quá trình hội nhập quốc tế trong những thập niên gần đây đã mang lại nhiều cơ hội phát triển quan trọng. Việc tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do đã giúp mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả những cơ hội đó, Việt Nam cần tiếp tục củng cố nền tảng nội lực của nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng một hệ thống thể chế kinh tế hiện đại, minh bạch.

Có thể nói, tinh thần tự lực, tự cường được hun đúc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, đặc biệt qua thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, vẫn tiếp tục là nền tảng tinh thần quan trọng cho sự phát triển của

đất nước trong thời kỳ mới. Bài học lịch sử này không chỉ nhấn mạnh vai trò của sức mạnh nội lực mà còn khẳng định tầm quan trọng của việc phát huy tinh thần sáng tạo, ý chí vươn lên và khát vọng phát triển của toàn dân tộc. Trong bối cảnh thế giới đang trải qua nhiều biến động phức tạp, việc kiên định tinh thần tự lực, tự cường đồng thời chủ động hội nhập quốc tế sẽ giúp Việt Nam phát huy tối đa các nguồn lực phát triển, nâng cao vị thế quốc gia và bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững trong tương lai. Vì vậy, bài học về tinh thần tự lực, tự cường không chỉ là giá trị lịch sử của quá khứ mà còn là định hướng chiến lược quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong thế kỷ XXI.

3. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong thời kỳ mới

Thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước. Sự kiện này không chỉ hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc mà còn tạo ra những tiền đề chính trị, xã hội và lịch sử quan trọng để Việt Nam

bước vào thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình. Từ góc độ phát triển lịch sử, thắng lợi năm 1975 đã chuyển hóa nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giải phóng dân tộc sang nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh mới, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trở thành mục tiêu chiến lược lâu dài của dân tộc Việt Nam. Nếu trong thời kỳ chiến tranh, mục tiêu cao nhất của Nhân dân là giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước, thì trong thời kỳ hòa bình và hội nhập, khát vọng đó được nâng lên thành mục tiêu xây dựng một quốc gia phát triển, có nền kinh tế hiện đại, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Đây không chỉ là khát vọng chính trị, xã hội mà còn là định hướng phát triển mang tính chiến lược được xác định trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, sau khi đất nước thống nhất, Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức nghiêm trọng. Hậu quả nặng nề của chiến tranh kéo dài, cơ sở hạ tầng bị tàn phá, nền kinh tế lạc hậu và cơ chế quản lý kinh tế còn nhiều bất

cập đã khiến quá trình phát triển đất nước gặp nhiều trở ngại. Trong bối cảnh đó, việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trở thành một động lực tinh thần quan trọng thúc đẩy quá trình đổi mới tư duy và cải cách thể chế. Bước ngoặt quan trọng của quá trình này là đường lối đổi mới được khởi xướng tại Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra thời kỳ phát triển mới của nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức khá cao trong nhiều năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời đã vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập trung bình với những bước tiến đáng kể trong giảm nghèo và phát triển xã hội⁴. Những thành tựu này phản ánh rõ nét sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế, đồng thời cho

thấy khát vọng phát triển đất nước đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ, việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước cần gắn liền với việc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong lịch sử Việt Nam, đoàn kết dân tộc luôn được xem là nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh và khả năng vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Từ các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử đến thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân 1975, sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc luôn đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm thành công của sự nghiệp cách mạng.

Trong thời kỳ phát triển mới, đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được xác định là nguồn lực quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rằng đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh to lớn và là động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam⁵. Trong bối cảnh hiện

nay, việc củng cố khối đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở sự gắn kết giữa các giai tầng xã hội trong nước mà còn bao gồm việc tăng cường mối liên hệ giữa cộng đồng người Việt Nam trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Sự kết nối này góp phần huy động các nguồn lực tri thức, tài chính và kinh nghiệm quản lý phục vụ cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh yếu tố đoàn kết dân tộc, khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng và phát triển trong thời đại mới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những thành tựu vượt bậc trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc của nền kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, việc tận dụng hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội là yêu cầu cấp thiết đối với nhiều quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Theo các nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền

⁴ Ngân hàng Thế giới, Báo cáo phát triển Việt Nam, 2025.

⁵ Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Hà Nội, 2026.

vững. Do đó, việc xây dựng nền kinh tế dựa trên tri thức, thúc đẩy nghiên cứu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là những yếu tố then chốt để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã từng bước triển khai nhiều chiến lược quan trọng như chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số và thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, khát vọng phát triển đất nước không thể tách rời nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Lịch sử phát triển của nhiều quốc gia cho thấy, môi trường hòa bình và ổn định là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đối với Việt Nam, việc kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển đất nước với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đã trở thành quan điểm chiến lược xuyên suốt trong đường lối phát triển quốc gia.

Trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến động phức tạp, yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia, đặc biệt là chủ quyền biển đảo, ngày càng trở nên quan trọng. Do đó, việc xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh

vững mạnh, đồng thời duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh không chỉ bảo đảm sự ổn định chính trị-xã hội mà còn tạo nền tảng vững chắc cho quá trình phát triển bền vững của đất nước trong tương lai.

Có thể nói, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong thời kỳ mới là sự tiếp nối logic của tiến trình lịch sử dân tộc sau thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975. Khát vọng đó không chỉ phản ánh ý chí vươn lên của dân tộc Việt Nam mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược hướng tới xây dựng một quốc gia phát triển, thịnh vượng và có vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Trong bối cảnh thế giới đang trải qua nhiều biến động sâu sắc, việc khơi dậy và phát huy khát vọng phát triển đất nước cần được gắn liền với việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thúc đẩy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Khi những yếu tố này được kết hợp hài hòa, chúng sẽ trở thành nguồn lực tinh thần và vật chất to lớn, góp phần đưa Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong thế kỷ XXI.

III. KẾT LUẬN

Thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử và thời đại sâu sắc, đánh dấu bước ngoặt quyết định trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Không chỉ hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thắng lợi này còn khẳng định sức mạnh của ý chí độc lập dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường và khát vọng hòa bình của Nhân dân Việt Nam. Từ góc độ lịch sử phát triển, những giá trị và bài học được đúc kết từ sự kiện này tiếp tục giữ nguyên ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Việc nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo các bài học lịch sử, đặc biệt là bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tinh thần tự chủ và khát vọng phát triển đất nước, có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo dựng động lực cho quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Phát huy tinh thần của thắng lợi năm 1975 chính là tiếp nối truyền thống lịch sử, củng cố niềm tin và khơi dậy ý chí vươn lên của toàn dân tộc, qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một đất nước phát triển nhanh, bền vững, phồn vinh và hạnh phúc trong thời kỳ mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng*, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2015), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Tập thể tác giả (2020), *Đại thắng mùa Xuân 1975 - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tự hào đại thắng mùa xuân 1975

BỒI ĐÁP NIỀM TIN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ HÔM NAY ĐỐI VỚI TỔ QUỐC

✪ NGUYỄN BÍCH NGỌC*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, đỉnh cao của Đại thắng mùa Xuân 1975 là một trong những sự kiện có ý nghĩa đặc biệt to lớn, đánh dấu thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chấm dứt hơn hai mươi năm chiến tranh và mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi này không chỉ là kết quả của ý chí kiên cường và tinh thần đấu tranh bất khuất của Nhân dân Việt Nam mà còn thể hiện tầm vóc lãnh đạo chiến lược, bản lĩnh chính trị và trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, được soi sáng bởi tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau hơn nửa thế kỷ, những giá trị lịch sử, bài học chiến lược và ý nghĩa thời đại của Đại thắng lợi Mùa xuân năm 1975 vẫn giữ nguyên sức sống và tính định hướng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới. Việc tiếp tục nghiên cứu, nhận thức sâu

***Tóm tắt:** Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Không chỉ có ý nghĩa to lớn về quân sự, chính trị, thắng lợi này còn thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo cách mạng. Sau hơn nửa thế kỷ, những giá trị lịch sử và bài học của Đại thắng mùa Xuân 1975 vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời đại, đặc biệt trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Do đó, bài viết tập trung phân tích giá trị lịch sử thời đại của Đại thắng mùa Xuân 1975, đồng thời làm rõ ý nghĩa của việc bồi đắp niềm tin, trách nhiệm và khát vọng cống hiến của thế hệ hôm nay đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

***Từ khóa:** Đại thắng mùa Xuân 1975; niềm tin lịch sử; trách nhiệm thế hệ; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

sắc và phát huy giá trị của Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ góp phần củng cố niềm tin lịch sử và lòng tự hào dân tộc mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bồi đắp trách nhiệm, khơi dậy khát vọng cống hiến của các thế hệ hôm nay đối với sự phát triển bền vững của Việt Nam.

II. NỘI DUNG

1. Đại thắng mùa Xuân 1975 - Mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc

Trong lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam, Đại thắng mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến thắng 30 tháng 4 năm

* Tiến sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

1975, được xem là một trong những sự kiện có ý nghĩa quyết định, làm thay đổi căn bản cục diện chính trị, xã hội của đất nước. Thắng lợi này là kết quả của một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ nhưng vô cùng anh dũng của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Sau thắng lợi của Hiệp định Genève năm 1954, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Trong bối cảnh đó, cách mạng Việt Nam đứng trước nhiệm vụ lịch sử hết sức nặng nề: Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước. Thực tiễn lịch sử cho thấy đây là một cuộc đấu tranh phức tạp, kéo dài và phải đối mặt với một đối thủ có tiềm lực quân sự, kinh tế và sự hậu thuẫn quốc tế rất lớn.

Trước tình hình đó, vai trò lãnh đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành nhân tố quyết định. Đảng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng của Hồ Chí Minh, xác định rõ con đường cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Quan điểm chiến lược này

không chỉ định hướng cho toàn bộ cuộc kháng chiến mà còn tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, quy tụ ý chí và hành động của toàn dân tộc. Như nhiều nhà nghiên cứu lịch sử khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đã giúp cách mạng Việt Nam kết hợp hiệu quả giữa đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao, đồng thời phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc¹. Từ giữa những năm 1960, cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn quyết liệt. Những chiến thắng quan trọng của quân và dân Việt Nam, đặc biệt là Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 và Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không 1972, đã làm thay đổi căn bản tương quan lực lượng trên chiến trường, buộc Hoa Kỳ phải xuống thang chiến tranh và ký kết Hiệp định Paris năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Đây là bước ngoặt quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn tổng tiến công chiến lược. Trên cơ sở phân tích đúng đắn thời cơ lịch sử, đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định mở cuộc tổng tiến công

và nổi dậy trên toàn miền Nam. Chỉ trong thời gian ngắn, các chiến dịch quân sự lớn như Chiến dịch Tây Nguyên 1975, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng 1975 và đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh đã diễn ra liên tiếp, tạo nên thế tiến công áp đảo. Sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang và phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân đã nhanh chóng làm tan rã hệ thống chính quyền Sài Gòn, đưa đến thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Thắng lợi của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 có ý nghĩa lịch sử vô cùng to lớn đối với dân tộc Việt Nam. Trước hết, đây là thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp giải phóng miền Nam, kết thúc hơn hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đầy gian khổ và hy sinh. Sự kiện này đã thực hiện trọn vẹn khát vọng thiêng liêng của dân tộc Việt Nam là độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Từ góc độ lịch sử lâu dài, chiến thắng năm 1975 còn chấm dứt hơn một thế kỷ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc xâm lược kẻ thù thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam vào năm 1858. Như vậy, Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ là

¹ Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.215-218.

thắng lợi của một cuộc chiến tranh giải phóng mà còn là sự khẳng định mạnh mẽ ý chí độc lập, tự cường của dân tộc Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử hiện đại. Đặc biệt, thắng lợi này đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - Kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Sau năm 1975, đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn mới với nhiệm vụ trung tâm là khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, củng cố hệ thống chính trị và từng bước xây dựng nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong những năm đầu sau chiến tranh, nhưng chính nền tảng của độc lập và thống nhất đã tạo điều kiện để đất nước tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1986 và đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Không chỉ có ý nghĩa sâu sắc đối với dân tộc Việt Nam, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 còn có ảnh hưởng rộng lớn đối với phong trào cách mạng thế giới. Trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh và làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, thắng lợi của Việt Nam đã trở thành nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và áp bức.

Nhiều học giả quốc tế nhận định rằng chiến thắng của Việt Nam đã chứng minh một chân lý lịch sử: Một dân tộc dù nhỏ bé nhưng nếu có đường lối đúng đắn, có sự đoàn kết và ý chí kiên cường thì hoàn toàn có thể đánh bại các thế lực xâm lược mạnh hơn về kinh tế và quân sự. Thắng lợi năm 1975 cũng khẳng định giá trị của con đường cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính. Mô hình đấu tranh của Việt Nam kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và ngoại giao đã trở thành kinh nghiệm quý báu được nhiều quốc gia nghiên cứu và tham khảo.

Trên phương diện đối ngoại, sau khi đất nước thống nhất, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Việt Nam từng bước mở rộng quan hệ ngoại giao, tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế và khu vực, trở thành thành viên của Liên Hợp Quốc từ năm 1977. Điều đó cho thấy chiến thắng năm 1975 không chỉ mang ý nghĩa kết thúc chiến tranh mà còn mở ra điều kiện để Việt Nam hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị và kinh tế toàn cầu. Nhìn lại từ góc độ lịch sử, Đại thắng mùa Xuân 1975 là biểu tượng rực rỡ

của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của khát vọng độc lập và thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam. Những giá trị lịch sử và bài học từ thắng lợi này không chỉ thuộc về quá khứ mà vẫn tiếp tục soi sáng con đường phát triển của đất nước trong hiện tại và tương lai.

2. Những bài học lịch sử từ Đại thắng mùa Xuân 1975

Thứ nhất, bài học về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng

Một trong những bài học có ý nghĩa quyết định rút ra từ Đại thắng mùa Xuân 1975 chính là vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 -1975), Đảng đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực hoạch định chiến lược sắc bén, xác định đúng mục tiêu, phương hướng và bước đi phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng của Hồ Chí Minh, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn: Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt là

tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước². Đây là sự lựa chọn mang tính chiến lược, phản ánh tầm nhìn chính trị sâu rộng và khả năng phân tích khoa học của Đảng trước những biến động phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế. Một biểu hiện nổi bật của năng lực lãnh đạo chiến lược của Đảng là khả năng nắm bắt và tận dụng thời cơ lịch sử. Sau khi Hiệp định Paris năm 1973 được ký kết, tương quan lực lượng trên chiến trường có sự thay đổi căn bản theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đưa ra quyết định mang tính lịch sử: Mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam trong thời gian sớm nhất khi thời cơ chín muồi. Quyết định chiến lược này đã thể hiện tư duy nhạy bén, linh hoạt và khả năng dự báo chính xác của Đảng trong việc kết hợp giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của phong trào hòa bình và tiến bộ trên thế giới. Thực tiễn lịch sử cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã

biết kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao; giữa chiến trường trong nước với mặt trận quốc tế; giữa sức mạnh nội lực của dân tộc với sự đồng tình, ủng hộ của bạn bè tiến bộ trên thế giới. Chính sự kết hợp hài hòa đó đã tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Thứ hai, bài học về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Một bài học lịch sử có ý nghĩa sâu sắc khác của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong suốt tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, mọi tầng lớp Nhân dân Việt Nam từ công nhân, nông dân, trí thức đến các lực lượng yêu nước khác đều tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến với nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Ở miền Nam, các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng Nhân dân đã diễn ra liên tục, tạo nên một mặt trận rộng lớn chống lại chính quyền Sài Gòn và sự can thiệp của nước ngoài. Nhiều tổ chức chính trị-xã hội, lực lượng vũ trang cách mạng và

phong trào yêu nước đã hình thành và phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng vào việc làm suy yếu hệ thống chính trị, quân sự của đối phương. Đồng thời, phong trào đấu tranh của Nhân dân đô thị, sinh viên, trí thức, tôn giáo... cũng trở thành những nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển biến của cục diện chiến tranh³. Bên cạnh đó, sự gắn kết chặt chẽ giữa tiền tuyến và hậu phương cũng là một yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa không chỉ là hậu phương chiến lược vững chắc mà còn là trung tâm cung cấp nguồn lực to lớn về con người, vật chất và tinh thần cho chiến trường miền Nam. Hàng triệu thanh niên đã lên đường ra trận, hàng triệu tấn lương thực, vũ khí và trang thiết bị được chi viện cho tiền tuyến thông qua các tuyến vận tải chiến lược. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa hai miền Nam, Bắc đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất đất nước. Bài học về đại đoàn kết toàn dân tộc vì vậy trở thành một trong những giá trị bền vững của cách mạng Việt Nam. Chính sức mạnh

² Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.220-225.

³ Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 378-382.

đoàn kết ấy đã giúp dân tộc Việt Nam vượt qua những thử thách to lớn của chiến tranh, đồng thời tiếp tục trở thành nguồn lực quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Thứ ba, bài học về ý chí độc lập, tự cường và khát vọng hòa bình

Một bài học mang tính giá trị sâu sắc khác được rút ra từ Đại thắng mùa Xuân 1975 là ý chí độc lập, tự cường và khát vọng hòa bình mãnh liệt của dân tộc Việt Nam. Trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh ác liệt, Nhân dân Việt Nam đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn, hy sinh và mất mát. Tuy nhiên, chính trong hoàn cảnh thử thách khắc nghiệt đó, tinh thần kiên cường, bất khuất của dân tộc đã được khẳng định mạnh mẽ. Lịch sử cho thấy, dù phải đối đầu với một đối thủ có tiềm lực kinh tế và quân sự vượt trội, Nhân dân Việt Nam vẫn kiên định mục tiêu độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Tinh thần “không có gì quý hơn độc lập, tự do” tư tưởng nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn động lực tinh thần to lớn, cổ vũ toàn dân tộc đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn để giành thắng lợi cuối cùng. Chính ý chí kiên cường

ấy đã tạo nên sức mạnh nội sinh đặc biệt của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống lại mọi hình thức áp bức và xâm lược. Tinh thần ấy tiếp tục được Đảng ta phát huy: Khơi dậy mạnh mẽ ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc⁴. Bên cạnh ý chí độc lập, tự cường, khát vọng hòa bình và thống nhất đất nước cũng là động lực tinh thần quan trọng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi. Nhân dân Việt Nam tiến hành chiến tranh không phải vì mục đích chinh phục hay bành trướng mà vì quyền sống trong hòa bình, độc lập và tự do của dân tộc. Chính mục tiêu chính nghĩa đó đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn, đồng thời thu hút sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế đối với cuộc đấu tranh của Việt Nam. Nhìn từ góc độ lịch sử và hiện thực, những bài học về ý chí độc lập, tự cường và khát vọng hòa bình vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh ngày nay. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, việc phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế tiếp tục là những yếu tố quan trọng bảo đảm cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong thời kỳ mới.

3. Phát huy giá trị Đại thắng mùa Xuân 1975 trong bối cảnh hiện nay

Thứ nhất, bồi đắp niềm tin lịch sử và lòng tự hào dân tộc

Sau hơn nửa thế kỷ, Đại thắng mùa Xuân 1975, đỉnh cao là Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, vẫn là biểu tượng rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, việc tiếp tục bồi đắp niềm tin lịch sử và lòng tự hào dân tộc trở thành một yêu cầu quan trọng nhằm củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Trước hết, cần chú trọng giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, giúp họ nhận thức đầy đủ về giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của thắng lợi năm 1975. Giáo dục lịch sử không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức về quá khứ mà còn hướng tới việc hình thành bản lĩnh chính trị, bồi dưỡng lý tưởng sống và trách nhiệm công dân đối với đất nước. Thông qua hệ thống giáo dục quốc dân, các hoạt động giáo dục truyền thống tại bảo tàng, di tích lịch sử và các chương trình trải nghiệm thực tiễn, thế hệ trẻ có điều kiện tiếp cận sinh động hơn với lịch sử dân

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Hà Nội, tr.4.

tộc, từ đó hình thành niềm tự hào và ý thức gìn giữ những thành quả cách mạng mà các thế hệ đi trước đã dày công vun đắp⁵. Bên cạnh đó, việc tăng cường nghiên cứu và tuyên truyền các giá trị lịch sử của chiến thắng năm 1975 cũng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các công trình nghiên cứu khoa học, hội thảo học thuật, xuất bản phẩm và các sản phẩm truyền thông hiện đại cần tiếp tục làm sáng tỏ tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975. Qua đó, góp phần khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đồng thời đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, xuyên tạc lịch sử. Trong bối cảnh hiện nay, khi thông tin đa chiều lan tỏa mạnh mẽ trên không gian mạng, việc chủ động nghiên cứu, phổ biến tri thức lịch sử một cách khoa học và khách quan càng trở nên cần thiết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giá trị lịch sử của dân tộc.

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Phát huy giá trị của Đại thắng mùa Xuân 1975 trong thời đại ngày nay không chỉ dừng lại ở việc tri ân quá khứ

mà còn phải được chuyển hóa thành động lực tinh thần thúc đẩy mỗi người dân tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng, tinh thần yêu nước cần được thể hiện bằng những hành động thiết thực trong lao động, học tập và sáng tạo. Tinh thần yêu nước của thời đại mới trước hết được thể hiện qua ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với sự phát triển chung của đất nước. Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, điều đó được thể hiện ở sự nỗ lực nâng cao năng suất lao động, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong lĩnh vực chính trị xã hội, đó là ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, việc gắn lý tưởng cống hiến của mỗi cá nhân với mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc cũng là một yêu cầu quan trọng. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới đòi hỏi mỗi công dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, phải không ngừng rèn luyện bản

lĩnh chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của sự phát triển. Khi lý tưởng cá nhân được gắn kết với mục tiêu chung của quốc gia dân tộc, tinh thần cống hiến sẽ trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy xã hội phát triển bền vững.

Thứ ba, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong thời kỳ mới

Một trong những giá trị quan trọng của Đại thắng mùa Xuân 1975 là khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Thắng lợi năm 1975 không chỉ mang ý nghĩa kết thúc chiến tranh mà còn mở ra tiền đề lịch sử để dân tộc Việt Nam bước vào giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước trong hòa bình. Chính vì vậy, việc vận dụng những bài học lịch sử từ thắng lợi này vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trước hết, cần gắn bài học lịch sử về ý chí độc lập, tự cường với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, việc phát huy nội lực của đất nước, nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế và củng cố tiềm lực quốc phòng, an

⁵ Đại thắng mùa Xuân 1975 - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 210-212.

ninh là những yêu cầu mang tính chiến lược. Những bài học về tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ tiếp tục là nguồn cảm hứng quan trọng cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc một trong những nhân tố quyết định làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay, sức mạnh đại đoàn kết không chỉ được thể hiện trong lĩnh vực chính trị - xã hội mà còn trong sự đồng thuận của toàn xã hội đối với các mục tiêu phát triển quốc gia. Việc kết hợp hài hòa giữa nguồn lực trong nước với nguồn lực quốc tế, giữa truyền thống dân tộc với những giá trị tiến bộ của nhân loại, sẽ tạo nên động lực mạnh mẽ thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững. Có thể nói, việc phát huy giá trị của Chiến thắng 30 tháng 4 năm

1975 trong bối cảnh hiện nay không chỉ là sự tri ân đối với quá khứ mà còn là trách nhiệm đối với tương lai của dân tộc. Những bài học lịch sử từ thắng lợi vĩ đại này tiếp tục soi sáng con đường phát triển của Việt Nam, góp phần khơi dậy khát vọng xây dựng một đất nước hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc.

III. KẾT LUẬN

Sau hơn nửa thế kỷ, Chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975, đỉnh cao của Đại thắng mùa Xuân 1975 vẫn giữ nguyên giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại sâu sắc trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi này không chỉ khẳng định sức mạnh của ý chí độc lập, tự do và khát vọng thống nhất đất nước, mà còn chứng minh tính đúng đắn của đường lối cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được soi sáng bởi tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền

với chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những bài học lịch sử từ thắng lợi vĩ đại đó, đặc biệt là bài học về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và ý chí độc lập, tự cường của Nhân dân Việt Nam, vẫn tiếp tục là nguồn lực tinh thần quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Việc nhận thức sâu sắc và vận dụng sáng tạo những giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân 1975 không chỉ góp phần củng cố niềm tin, bồi đắp lòng tự hào dân tộc mà còn khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tinh thần của thắng lợi năm 1975 tiếp tục trở thành động lực mạnh mẽ, góp phần đưa Việt Nam phát triển nhanh, bền vững và vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2015), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Tập thể tác giả (2020), *Đại thắng mùa Xuân 1975 - Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

✪ NGUYỄN THÁI KIM ĐIỀN*

1. Đặt vấn đề

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại nhất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Thắng lợi này đã khép lại giai đoạn đấu tranh gian khổ kéo dài suốt ba thập kỷ (1945–1975), đưa đất nước thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đồng thời mở ra kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây không chỉ là chiến thắng quân sự mà còn là thắng lợi toàn diện về chính trị, ngoại giao, văn hóa và tinh thần, để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử dân tộc cũng như phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng đặt ra yêu cầu phải củng cố sức mạnh nội lực, giữ

***Tóm tắt:** Cách đây 51 năm, chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975 đã khép lại chặng đường 30 năm (1945–1975) đấu tranh gian khổ của dân tộc Việt Nam vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Đỉnh cao của cuộc kháng chiến đó là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, diễn ra từ ngày 26 đến 30/4/1975, đã giáng đòn quyết định, giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất đất nước. Đại thắng mùa Xuân 1975 là thành quả vĩ đại của sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời là trang sử chói lọi trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi này không chỉ chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, kết thúc 21 năm đất nước bị chia cắt (1954–1975), mà còn mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh ý nghĩa lịch sử to lớn, thắng lợi mùa Xuân năm 1975 còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Những bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị và có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.*

***Từ khóa:** Đại thắng mùa Xuân 1975; giá trị lịch sử; bài học kinh nghiệm; xây dựng đất nước; bảo vệ Tổ quốc.*

* Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

vững độc lập, chủ quyền, đồng thời phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Những biến động phức tạp của tình hình khu vực và thế giới, từ cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc đến các vấn đề an ninh phi truyền thống, càng làm nổi bật tính cấp thiết của việc nghiên cứu và vận dụng các giá trị lịch sử, bài học kinh nghiệm từ Đại thắng mùa Xuân 1975.

Khái niệm “giá trị lịch sử” trong phạm vi nghiên cứu này được hiểu là những thành tựu, ý nghĩa và tác động lâu dài của sự kiện đối với tiến trình phát triển dân tộc. Trong khi đó, “bài học kinh nghiệm” là những kết luận rút ra từ thực tiễn lịch sử, có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Việc phân tích và làm rõ hai khía cạnh này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, giúp củng cố nhận thức khoa học, mà còn mang tính thực tiễn sâu sắc, góp phần định hướng hành động trong giai đoạn phát triển mới.

2. Nội dung

2.1. Giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 không chỉ là chiến thắng quân sự mang tính quyết định, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mà còn để lại những giá trị lịch sử sâu

sắc, có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Những giá trị đó được nhìn nhận trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là minh chứng sinh động cho sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc hoạch định đường lối cách mạng phù hợp với điều kiện lịch sử của đất nước. Đảng đã đề ra đường lối chiến lược đúng đắn, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để giành thắng lợi.

Trong giai đoạn hiện nay, giá trị đó tiếp tục được kế thừa và phát huy thông qua việc kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - một nguyên tắc nền tảng được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Đồng thời, các Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII và tiếp tục được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng về “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng” đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến

đấu của tổ chức Đảng; kiên quyết đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cũng như tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới” đã cụ thể hóa nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Ngoài ra, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 cũng đã luật hóa nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng và ban hành pháp luật. Những cơ sở pháp lý này cho thấy giá trị chính trị – tư tưởng từ Đại thắng mùa Xuân 1975 vẫn còn nguyên vẹn, góp phần giữ vững ổn định chính trị – xã hội, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, giá trị về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thắng lợi năm 1975 là kết quả của sự đoàn kết chặt chẽ giữa các giai cấp, tầng lớp nhân dân, giữa hậu phương và tiền tuyến, giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã tạo

nên nguồn lực to lớn giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Trong bối cảnh hiện nay, bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc tiếp tục có ý nghĩa quan trọng trong việc huy động mọi nguồn lực cho sự nghiệp phát triển đất nước. Giá trị này đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)¹ đã khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng thời, quy định Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn trọng và phát huy truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ của các dân tộc.

Bên cạnh đó, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã cụ thể hóa chức năng tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời khẳng định vai trò giám sát và phản biện xã hội nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Các văn bản khác như: Luật người lao động Việt

Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2022 cũng góp phần mở rộng khối đại đoàn kết, bảo đảm công bằng xã hội và gắn kết cộng đồng người Việt Nam trên toàn thế giới với Tổ quốc.

Đặc biệt, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2018 của Bộ Chính trị về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” đã nhấn mạnh yêu cầu chăm lo đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để vận dụng bài học đoàn kết dân tộc từ Đại thắng mùa Xuân 1975 vào thực tiễn phát triển đất nước hiện nay.

Thứ ba, giá trị về quân sự - quốc phòng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã khẳng định sức mạnh của chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự độc đáo của Việt Nam, trong đó có sự kết hợp linh hoạt giữa lực lượng vũ trang chính quy với lực lượng địa phương và dân quân tự vệ. Bài học này tiếp tục được vận dụng trong

việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.

Trong điều kiện hiện nay, giá trị lịch sử ấy đã được thể chế hóa trong Luật Quốc phòng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)² khẳng định quốc phòng Việt Nam là nền quốc phòng toàn dân, mang tính chất hòa bình, tự vệ, dựa trên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Đồng thời, Luật Dân quân tự vệ năm 2019³ quy định rõ vai trò của lực lượng dân quân tự vệ - lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác - góp phần bảo vệ địa phương, cơ sở và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Bên cạnh đó, Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020⁴ đã xác định nguyên tắc quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khẳng định trách nhiệm của toàn dân trong việc giữ gìn chủ quyền lãnh thổ, đặc biệt là chủ quyền biển đảo.

Thứ tư, giá trị về đối ngoại và kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thành công của cách mạng Việt Nam thể hiện khả năng kết hợp hiệu quả giữa

¹ Điều 5, Điều 9, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

² Khoản 1 Điều 3 Luật Quốc phòng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

³ Điều 3 Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

⁴ Điều 7 Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020.

sức mạnh nội lực của dân tộc với sự ủng hộ của các lực lượng tiên bộ trên thế giới. Bài học này tiếp tục được vận dụng trong đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với toàn bộ 193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, trong đó có 17 đối tác chiến lược và 15 đối tác toàn diện (tính đến tháng 01/2026), đồng thời tham gia hơn 70 tổ chức quốc tế và khu vực⁵. Về kinh tế, Việt Nam đã ký kết 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), bao gồm các FTA thế hệ mới như: CPTPP, EVFTA và RCEP, đưa kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt trên 700 tỷ USD, nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thương mại hàng đầu thế giới⁶. Trên lĩnh vực đối ngoại quốc phòng, Việt Nam đã tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc tại Nam Sudan và Cộng hòa Trung Phi, đồng thời đảm nhiệm nhiều vai trò quốc tế quan trọng như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2020-2021) và thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2023-2025⁷.

Những số liệu thực tiễn này cho thấy Việt Nam đã và đang vận dụng thành công bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, vừa phát huy nội lực, vừa tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác quốc tế, qua đó nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thứ năm, giá trị về văn hóa - tinh thần và phát huy truyền thống yêu nước.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã để lại nguồn động lực tinh thần to lớn, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, củng cố ý chí kiên cường và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam. Những giá trị văn hóa - tinh thần đó tiếp tục được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Thực tiễn cho thấy, công tác giáo dục truyền thống lịch sử, lòng yêu nước và trách nhiệm công dân được triển khai rộng rãi trong hệ thống giáo dục thông qua việc giảng dạy lịch sử dân tộc và tổ chức các hoạt động kỷ niệm những ngày Lễ lớn như: Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4 và Ngày Quốc khánh 2/9.

Bên cạnh đó, nhiều phong trào thi đua yêu nước được phát động và duy trì thường xuyên, tiêu biểu như: phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và các chương trình “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Những hoạt động này góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần cống hiến cho xã hội.

Ngoài ra, tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc còn được thể hiện mạnh mẽ qua các sự kiện văn hóa, thể thao, đặc biệt là những thành tích của Đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam tại các giải đấu khu vực và quốc tế. Đây là những minh chứng sinh động cho việc phát huy giá trị văn hóa - tinh thần, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo động lực cho sự phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2.2. Những bài học kinh nghiệm từ Đại thắng mùa Xuân 1975 và sự vận dụng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Đại thắng mùa Xuân

⁵ Tuổi trẻ online ngày 29/01/2026: 15 Đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam tính đến tháng 01/2026.

⁶ Trung tâm WTO và Hội nhập: Tổng hợp các FTA của Việt Nam tính đến tháng 12/2025.

⁷ Cổng thông tin Chính phủ Việt Nam.

1975 không chỉ khép lại một giai đoạn lịch sử hào hùng mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, có giá trị vận dụng lâu dài trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những bài học đó có thể khái quát thành các nội dung sau:

Thứ nhất, bài học về giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Trong giai đoạn hiện nay, bài học về sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện thông qua công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đồng thời tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và suy thoái trong nội bộ. Những chủ trương đó góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ hai, bài học về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là nhân tố quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung

này được thể hiện thông qua các chính sách phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an sinh, chăm lo đời sống nhân dân và từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền. Đồng thời, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội trong việc tập hợp và vận động quần chúng cũng góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội, huy động hiệu quả các nguồn lực cho quá trình phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ ba, bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy việc phát huy nội lực dân tộc đồng thời tranh thủ các nguồn lực quốc tế có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia. Hiện nay, quan điểm này được vận dụng thông qua việc thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việt Nam chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời nâng cao vị thế và uy tín trên trường quốc tế, qua đó góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia.

Thứ tư, bài học về xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh luôn gắn liền với nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Trong thời gian qua, Nhà nước chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đồng thời tăng cường tiềm lực quốc phòng và kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế-xã hội với củng cố quốc phòng-an ninh. Những định hướng này góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để thúc đẩy phát triển.

Thứ năm, bài học về nắm bắt thời cơ chiến lược và phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước.

Đây là bài học có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Việt Nam đang chủ động tận dụng các cơ hội từ quá trình hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đồng thời, việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc

phòng - an ninh và nâng cao vị thế đối ngoại của đất nước cũng là biểu hiện của việc vận dụng bài học lịch sử từ Đại thắng mùa Xuân 1975 trong bối cảnh phát triển mới.

2.3. Vận dụng những giá trị và bài học của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng và triển khai nhiều chủ trương lớn về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, việc phát huy những giá trị lịch sử của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 càng có ý nghĩa thiết thực đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Đối với Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, việc nghiên cứu, giảng dạy và vận dụng những bài học từ thắng lợi năm 1975 cần được gắn chặt với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, năng lực thực tiễn và tinh thần trách nhiệm cao trong thực thi nhiệm vụ.

Thông qua hoạt động giảng dạy lý luận chính trị, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, đội ngũ giảng viên cần chú trọng bồi dưỡng

cho học viên nhận thức sâu sắc về vai trò lãnh đạo của Đảng, giá trị của tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước. Đây chính là cơ sở để đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở vận dụng sáng tạo những bài học lịch sử vào thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương.

Bên cạnh đó, việc vận dụng những giá trị của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong hoạt động đào tạo còn góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân cho học viên. Đây là yếu tố quan trọng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có bản lĩnh chính trị vững vàng, vừa có phẩm chất đạo đức trong sáng và phong cách làm việc gần dân, trọng dân, vì dân. Đồng thời, thông qua việc liên hệ những bài học lịch sử với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị và củng cố quốc phòng - an ninh ở địa phương, nhà trường góp phần giúp học viên nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn mới.

Như vậy, việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo những giá trị và bài học từ Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới và năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Kết luận

Đại thắng mùa Xuân 1975 là thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, khẳng định sức mạnh của ý chí độc lập, tự do và khát vọng thống nhất đất nước. Thắng lợi này không chỉ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mà còn mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử to lớn, tạo tiền đề quan trọng để đất nước ta tiến hành công cuộc xây dựng, phát triển và từng bước hội nhập sâu rộng với thế giới. Việc vận dụng sáng tạo những bài học lịch sử từ thắng lợi năm 1975, đặc biệt là bài học về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy sức mạnh đại đoàn

kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, những giá trị đó tiếp tục là nguồn động lực tinh thần to lớn, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Đặc biệt, trong thời điểm

đất nước đang bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc phát huy tinh thần của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 càng trở nên có ý nghĩa sâu sắc. Đây không chỉ là nguồn động lực tinh thần to lớn mà còn là nền tảng để khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường và tinh thần đoàn kết toàn dân. Vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên cần tiếp tục

nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu đi đầu trong công tác và đời sống, không ngừng rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực chuyên môn, góp phần xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng trong sạch, vững mạnh, chung tay xây dựng đất nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh, văn minh và phát triển bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị: Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2018 của Bộ Chính trị về “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.
2. Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).
4. Hải Hưng (2025): “Chiến thắng 30/4 mốc son chói sáng của lịch sử cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
5. Tập thể tác giả (2025): “Đại thắng mùa Xuân 1975 - Bản hùng ca chiến thắng thời đại Hồ Chí Minh”, *Nxb. Chính trị quốc gia sự thật*, Hà Nội.

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN Ở CƠ SỞ HIỆN NAY - THỰC TIỄN TẠI XÃ PHÚ HỰU (ĐỒNG THÁP)

✪ NGUYỄN THỊ TRÚC LINH*

Tóm tắt: Bài viết làm rõ giá trị của truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc được khẳng định qua Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và ý nghĩa của truyền thống đó trong việc củng cố sự gắn bó cộng đồng ở cơ sở hiện nay. Trên cơ sở thực tiễn tại xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp, bài viết khái quát những kết quả đạt được trong việc phát huy tinh thần đoàn kết trong đời sống cộng đồng, đồng thời chỉ ra một số hạn chế và nguyên nhân trong quá trình tổ chức các hoạt động tập hợp, vận động quần chúng. Từ thực tiễn đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, đổi mới phương thức vận động quần chúng, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân và gắn các hoạt động đoàn kết với nhiệm vụ phát triển địa phương. Qua đó góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong điều kiện hiện nay.

Từ khoá: Phát huy truyền thống, đại thắng mùa xuân, đại đoàn kết, Phú Hựu.

1. Đặt vấn đề

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, thống nhất và phát triển của dân tộc. Thắng lợi này là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, trong

đó nổi bật là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực tiễn lịch sử cho thấy, khi toàn dân tộc được tập hợp, đoàn kết và cùng hướng tới mục tiêu chung, sức mạnh đó trở thành nguồn lực to lớn quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng¹.

Trong giai đoạn hiện nay,

đất nước tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng. Bối cảnh mới đặt ra yêu cầu phải tiếp tục củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đây là nhân tố quan trọng bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững. Ở cấp cơ sở, việc phát huy tinh thần đoàn kết trong cộng đồng

* Trung tâm Chính trị xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp.

¹ Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2015): *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 879.

dân cư có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là nơi trực tiếp tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và cũng là nơi phản ánh sinh động mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân.

Tại xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp, trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, việc phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc luôn được quan tâm. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị – tư tưởng, các phong trào thi đua yêu nước và các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, tinh thần đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng từng bước được củng cố. Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình mới, việc tiếp tục phát huy giá trị truyền thống Đại thắng mùa Xuân 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở vẫn đặt ra những vấn đề cần được nghiên cứu, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu nội dung “*Phát huy truyền thống Đại thắng mùa Xuân 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở hiện nay*” nhằm góp phần làm rõ giá trị của truyền thống đoàn kết dân tộc trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải

pháp phù hợp để tiếp tục củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay.

2. Thực trạng phát huy truyền thống Đại thắng mùa Xuân 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp

2.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, nhận thức về giá trị của truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được nâng cao

Trong những năm qua, việc nâng cao nhận thức về truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc được địa phương triển khai thông qua nhiều hoạt động cụ thể. Tại xã Phú Hựu, các chi bộ thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề gắn với các ngày lễ lớn của đất nước như kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) và Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), qua đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Bên cạnh đó, các hội nghị tuyên truyền thời sự, các buổi sinh hoạt tại ấp, hoạt động của các tổ chức đoàn thể cũng được lồng ghép nội dung về truyền thống đoàn kết dân tộc. Thông qua các lớp bồi dưỡng

lý luận chính trị, Trung tâm Chính trị cũng đã góp phần trang bị cho đội ngũ cán bộ cơ sở những kiến thức cơ bản về vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ hai, vai trò của hệ thống chính trị trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân từng bước được phát huy

Vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở được thể hiện thông qua nhiều mô hình và hoạt động cụ thể nhằm tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã Phú Hựu đã phối hợp nâng cao chất lượng hoạt động các mô hình “Tổ nhân dân tự quản”, “Tổ hòa giải ở cơ sở”, “Tổ an ninh trật tự”, qua đó phát huy vai trò của Nhân dân trong việc tham gia giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng đời sống cộng đồng.

Song song đó, hoạt động của mô hình “*không gian đại đoàn kết*” và các cuộc tiếp xúc, đối thoại giữa chính quyền với Nhân dân được tổ chức định kỳ nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân. Thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Mặt trận, công tác đoàn thể và các lớp lý luận chính trị do Trung tâm Chính trị tổ chức, năng lực vận động quần chúng của đội ngũ cán bộ cơ sở từng

bước được nâng cao, góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân.

Thứ ba, các phong trào thi đua yêu nước góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội

Các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương được triển khai gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai rộng rãi tại các ấp trên địa bàn xã Phú Hựu, gắn với việc xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa và giữ gìn môi trường sống xanh, sạch, đẹp.

Nhiều mô hình phát triển kinh tế cộng đồng được hình thành như “mô hình cafe nông dân”, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, các câu lạc bộ nông dân sản xuất – kinh doanh giỏi và các tổ liên kết sản xuất,... Các hoạt động ra quân vệ sinh môi trường, xây dựng “Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp”, trồng cây xanh ven đường giao thông nông thôn được người dân tích cực hưởng ứng. Thông qua các phong trào này, tinh thần tương trợ, gắn bó trong cộng đồng dân cư được tăng cường, góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội trong quá trình xây dựng và phát triển địa phương.

Thứ tư, công tác giáo dục truyền thống cách mạng được quan tâm

Công tác giáo dục truyền thống cách mạng được địa phương triển khai thông qua nhiều hoạt động thiết thực nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Tại xã Phú Hựu, các buổi sinh hoạt chuyên đề về lịch sử địa phương, các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước được tổ chức tại các chi bộ, trường học và các đoàn thể. Đoàn Thanh niên phối hợp với các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động “về nguồn”, thăm hỏi gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, qua đó giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Đồng thời, Trung tâm Chính trị tổ chức dã lòng ghép nội dung giáo dục lịch sử cách mạng và truyền thống đoàn kết dân tộc thông qua hoạt động giảng dạy; phối hợp với các trường THCS - THPT trên địa bàn xã tổ chức sinh hoạt chính trị - tư tưởng nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng cho học sinh nhân dịp kỷ niệm 51 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), với chủ đề “Tự hào truyền thống cách mạng - Vững bước tương lai”. Những hoạt động này góp phần giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân

hiều rõ hơn giá trị của sự đoàn kết dân tộc trong lịch sử, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở.

2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát huy truyền thống Đại thắng mùa Xuân năm 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Trước hết, ở một số thời điểm, công tác tuyên truyền, giáo dục về giá trị lịch sử của truyền thống đoàn kết dân tộc chưa được triển khai thường xuyên và đồng bộ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Một số hoạt động tuyên truyền vẫn chủ yếu tập trung vào các dịp kỷ niệm lớn, trong khi việc duy trì các hình thức sinh hoạt chuyên đề gắn với nhiệm vụ phát triển địa phương còn chưa thật sự ổn định. Điều này phần nào làm cho việc lan tỏa sâu rộng ý nghĩa của truyền thống đoàn kết dân tộc trong đời sống cộng đồng chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Bên cạnh đó, việc phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong tổ chức và điều phối các hoạt động vận động quần chúng ở một số lĩnh vực vẫn còn những biểu hiện chưa đồng đều. Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong

triển khai một số phong trào tại cơ sở đôi khi chưa thật sự chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả tập hợp, phát huy sức mạnh cộng đồng còn hạn chế.

Ngoài ra, phương thức vận động Nhân dân tham gia các phong trào thi đua ở địa phương tuy đã có nhiều đổi mới nhưng trong một số trường hợp vẫn còn thiên về hình thức tuyên truyền hành chính, chưa khai thác hiệu quả các mô hình sinh hoạt cộng đồng hoặc các hoạt động mang tính gắn kết xã hội bền vững. Việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong tham gia xây dựng và thực hiện một số nhiệm vụ phát triển địa phương cũng có lúc chưa thật sự rõ nét.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trong việc phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Một là, việc nhận thức đầy đủ ý nghĩa và giá trị của truyền thống đoàn kết dân tộc trong phát triển cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, nội dung giáo dục truyền thống cách mạng trong một số hoạt động tuyên truyền ở cơ sở còn thiếu tính thường xuyên và chưa gắn chặt với nhiệm vụ phát triển địa phương.

Hai là, sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị trong triển khai một số phong trào ở cơ sở đôi lúc chưa thật sự đồng bộ. Việc tổ chức hoạt động vận động quần chúng còn có biểu hiện phân tán theo từng tổ chức, chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

Ba là, phương thức vận động Nhân dân tham gia các phong trào tại địa phương trong một số trường hợp còn chậm đổi mới, chủ yếu dựa vào các hình thức tuyên truyền truyền thống. Điều này phần nào làm cho việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong tham gia các hoạt động xây dựng cộng đồng chưa thật sự rõ nét.

3. Giải pháp phát huy truyền thống Đại thắng mùa Xuân 1975 trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở hiện nay

3.1. Nâng cao nhận thức về giá trị của truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc

Để tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc trong điều kiện hiện nay, trước hết cần chú trọng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa lịch sử và giá trị thực tiễn của truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc giáo dục truyền thống cần được

triển khai thường xuyên, gắn với các hoạt động chính trị-xã hội của địa phương, tránh tình trạng chỉ tập trung vào các dịp kỷ niệm lớn.

Nội dung giáo dục truyền thống có thể được lồng ghép trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể và các hội nghị tuyên truyền thời sự. Trung tâm Chính trị có thể tăng cường đưa nội dung về giá trị của khối đại đoàn kết dân tộc vào các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, bồi dưỡng đảng viên mới và các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đoàn thể. Bên cạnh đó, địa phương có thể tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề nhân dịp kỷ niệm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4) hoặc các buổi tọa đàm về lịch sử địa phương nhằm giúp cán bộ và Nhân dân hiểu rõ hơn về truyền thống đoàn kết trong đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ngoài ra, việc tuyên truyền cần được đổi mới thông qua các hình thức gần gũi với đời sống cộng đồng như các buổi sinh hoạt tại ấp, các hoạt động văn hóa – văn nghệ, các cuộc thi tìm hiểu lịch sử địa phương. Qua đó góp phần làm cho giá trị của truyền thống đoàn kết dân tộc được lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội, trở thành động lực tinh thần quan trọng trong xây dựng và phát triển địa phương.

3.2. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở

Tiếp tục phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng rõ trách nhiệm, rõ cơ chế phối hợp và gắn chặt với các mô hình hoạt động cụ thể. Trước hết, cấp ủy cơ sở cần tăng cường vai trò lãnh đạo thông qua việc đưa nội dung củng cố khối đại đoàn kết toàn dân vào nghị quyết chi bộ, chương trình công tác hằng năm và sinh hoạt chuyên đề của từng chi bộ. Cùng với đó, cần phân công đảng viên phụ trách địa bàn dân cư, thường xuyên nắm bắt tình hình Nhân dân, kịp thời tham mưu giải quyết những vấn đề phát sinh trong cộng đồng.

Chính quyền địa phương cần duy trì và nâng cao hiệu quả các hình thức đối thoại trực tiếp với Nhân dân như mô hình “Ngày thứ bảy lắng nghe dân nói”, các buổi tiếp xúc giữa lãnh đạo địa phương với người dân tại từng ấp. Những hoạt động này giúp chính quyền kịp thời tiếp nhận phản ánh, tạo sự minh bạch trong quản lý và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền cơ sở.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần đóng vai trò nòng cốt trong tổ chức và duy trì các mô hình gắn kết cộng đồng. Có thể tiếp tục củng cố các mô hình như

“Tổ nhân dân tự quản”, “Tổ hòa giải ở cơ sở”, “Tổ an ninh trật tự”, “Tuyên đường sáng - xanh - sạch - đẹp”, “Khu dân cư đoàn kết, nghĩa tình, tự quản” cũng như mô hình “Dân vận khéo”. Thông qua những mô hình này, người dân được tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề của cộng đồng, qua đó tăng cường sự gắn bó và trách nhiệm đối với địa phương.

Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao năng lực vận động quần chúng cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Trung tâm Chính trị có thể phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng dân vận, kỹ năng tuyên truyền miệng, kỹ năng đối thoại và xử lý tình huống cho Bí thư chi bộ, Trưởng ấp, Phó bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận và cán bộ đoàn thể. Khi hệ thống chính trị ở cơ sở hoạt động đồng bộ, có phương thức vận hành rõ ràng và gắn với các mô hình cụ thể, sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng sẽ được củng cố bền vững, tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển địa phương trong giai đoạn hiện nay.

3.3. Đổi mới phương thức vận động quần chúng

Đổi mới phương thức vận động quần chúng là yêu cầu quan trọng nhằm khắc phục tình trạng tuyên truyền còn thiên về hình thức và chưa tạo

được sự tham gia sâu rộng của người dân. Trong điều kiện hiện nay, công tác vận động Nhân dân cần được triển khai theo hướng gần dân, sát dân và gắn với những lợi ích thiết thực của cộng đồng.

Trước hết, cần đa dạng hóa các hình thức vận động quần chúng thông qua những mô hình sinh hoạt cộng đồng. Có thể phát huy hiệu quả các mô hình như “Hội quán nông dân”, “Câu lạc bộ nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi”, “Câu lạc bộ phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”, “Tổ thanh niên tình nguyện vì cộng đồng”. Đây là những không gian sinh hoạt tập thể giúp người dân trao đổi kinh nghiệm sản xuất, chia sẻ thông tin thị trường và tăng cường sự gắn kết trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, việc vận động Nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn cần được tổ chức theo các mô hình cụ thể như “Ngày Chủ nhật xanh”, “Tuyên đường hoa”, “Tuyên đường sáng - xanh - sạch - đẹp”, “Khu dân cư không rác thải”. Những hoạt động này không chỉ cải thiện môi trường sống mà còn tạo cơ hội để người dân cùng tham gia các hoạt động chung của địa phương.

Ngoài ra, cần chú trọng phát huy vai trò của các cá

nhân tiêu biểu trong cộng đồng như trưởng ấp, người có uy tín, các hộ sản xuất giỏi trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân. Khi những cá nhân có uy tín trực tiếp tham gia vận động, hiệu quả lan tỏa của các phong trào tại cơ sở sẽ được nâng lên rõ rệt.

Việc đổi mới phương thức vận động quần chúng theo hướng đa dạng hóa mô hình, gắn với lợi ích thiết thực của người dân sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tập hợp quần chúng, qua đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở.

3.4. Phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân

Trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Nhân dân không chỉ là đối tượng vận động mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia và quyết định hiệu quả của các hoạt động cộng đồng. Vì vậy, việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân cần được thực hiện thông qua những cơ chế và mô hình cụ thể.

Thứ nhất, cần tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình bàn bạc và quyết định các vấn đề của cộng đồng thông qua các cuộc họp dân, hội nghị Nhân dân hoặc các diễn đàn đối thoại tại khu dân cư. Những hình thức sinh hoạt này giúp người dân trực tiếp đóng góp

ý kiến trong việc xây dựng các công trình phúc lợi, tổ chức các phong trào tại địa phương và giám sát việc thực hiện các chủ trương của chính quyền cơ sở.

Thứ hai, cần khuyến khích người dân tham gia các mô hình tự quản trong cộng đồng như “Tổ nhân dân tự quản”, “Tổ an ninh nhân dân”, “Chốt an ninh SOS”, “Tổ hòa giải ở cơ sở”. Khi người dân trực tiếp tham gia quản lý và giải quyết các vấn đề của cộng đồng, tinh thần trách nhiệm và ý thức gắn bó với địa phương sẽ được nâng cao.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế, việc hình thành các tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất, các nhóm nông dân cùng ngành nghề cũng là giải pháp quan trọng để phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân. Những mô hình này giúp người dân hỗ trợ nhau về kinh nghiệm sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Thông qua việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong các hoạt động cộng đồng và phát triển kinh tế, khối đại đoàn kết toàn dân ở cơ sở sẽ được củng cố vững chắc hơn, tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của địa phương.

3.5. Gắn phát huy truyền thống đoàn kết với nhiệm vụ phát triển địa phương

Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc chỉ thực sự bền vững khi được gắn với những nhiệm vụ phát triển cụ thể của địa phương. Do đó, việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân cần được lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của người dân.

Trong lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp, địa phương có thể phát huy các mô hình liên kết sản xuất như tổ hợp tác trồng cây ăn trái, nhóm nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, câu lạc bộ nông dân ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Những mô hình này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn tạo sự gắn kết giữa các hộ dân trong cùng cộng đồng.

Bên cạnh đó, việc xây dựng diện mạo nông thôn cần được triển khai gắn với sự tham gia của người dân thông qua các phong trào như hiến đất mở rộng đường giao thông nông thôn, đóng góp ngày công lao động xây dựng các công trình cộng đồng, tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường. Khi người dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động phát triển địa phương, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cộng đồng sẽ được củng cố.

Ngoài ra, các hoạt động văn hóa - xã hội như ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc, các

giải văn hoá - thể thao, các chương trình giao lưu văn hóa giữa các ấp cũng cần được duy trì thường xuyên. Đây là những không gian sinh hoạt chung giúp tăng cường sự gắn bó giữa các tầng lớp Nhân dân.

Việc gắn kết giữa truyền thống đoàn kết dân tộc với các nhiệm vụ phát triển cụ thể của địa phương sẽ tạo động lực thúc đẩy cộng đồng cùng chung tay xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Kết luận

Truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị bền vững được hình thành và phát triển trong suốt quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã khẳng định sức mạnh to lớn của tinh thần đoàn kết dân tộc dưới sự

lãnh đạo của Đảng, đồng thời để lại nhiều bài học có ý nghĩa sâu sắc đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ thực tiễn tại xã Phú Hựu cho thấy, việc phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc trong đời sống cộng đồng đã góp phần củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, đồng thời tạo động lực thúc đẩy các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, cũng như các mô hình tự quản trong cộng đồng, tinh thần gắn kết và trách nhiệm xã hội của người dân từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển mới, việc tiếp tục phát huy giá trị của truyền thống đoàn kết dân tộc đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Điều này bao gồm việc nâng cao nhận thức chính trị, phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở, đổi mới phương thức vận động quần chúng và tạo điều kiện để Nhân dân tham gia tích cực vào các hoạt động cộng đồng.

Việc gắn kết giữa truyền thống đoàn kết dân tộc với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương không chỉ góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân mà còn tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của cộng đồng trong giai đoạn hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2020): *Tài liệu tuyên truyền kỷ niệm 45 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2020)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 9, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2015): *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2020): *Tài liệu hướng dẫn thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TOÀN DIỆN THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 80-NQ/TW TỪ TÂM NHÌN CHIẾN LƯỢC ĐẾN HÀNH ĐỘNG THỰC TIỄN

✪ NGUYỄN VĂN TƯƠI*

1. Đặt vấn đề

Trong lý luận phát triển đương đại, con người ngày càng được xác định là trung tâm của mọi chiến lược phát triển bền vững. Không chỉ là yếu tố cấu thành của tăng trưởng kinh tế, con người còn là chủ thể sáng tạo, là nguồn lực quyết định và là mục tiêu cuối cùng của tiến trình phát triển. Quan điểm này được khẳng định rõ trong các báo cáo của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), khi nhấn mạnh rằng phát triển thực chất là quá trình mở rộng năng lực, cơ hội và quyền lựa chọn của con người¹. Như vậy, sự phát triển của một quốc gia không thể chỉ được đo bằng các chỉ số kinh tế, mà phải được đánh giá thông qua mức độ phát triển toàn diện của con người.

Ở Việt Nam, tư tưởng lấy con người làm trung tâm đã được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định nhất quán trong suốt quá trình lãnh đạo

Tóm tắt: Phát triển con người luôn là một trong những định hướng trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia ở Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, vấn đề phát triển con người toàn diện ngày càng trở nên cấp thiết. Bài viết phân tích một cách hệ thống quan điểm của Đảng về phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới, đặc biệt nhấn mạnh tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2026. Trên cơ sở kết hợp giữa tiếp cận lý luận và phân tích thực tiễn, bài viết làm rõ vai trò của con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển đất nước. Đồng thời, bài viết đánh giá những thành tựu và hạn chế trong phát triển con người Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Từ đó, tác giả đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển con người Việt Nam toàn diện, hướng tới xây dựng nguồn lực con người chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Từ khóa: phát triển con người, nguồn nhân lực, văn hóa, Nghị quyết 80-NQ/TW, phát triển bền vững.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ UNDP (2023), *Human Development Report 2023*, United Nations Development Programme.

cách mạng. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”². Tuy nhiên, trong bối cảnh mới của quá trình chuyển đổi số, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng, yêu cầu phát triển con người không chỉ dừng lại ở việc định hướng các giá trị mà cần được cụ thể hóa thành những năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

Trên cơ sở đó, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã có bước phát triển quan trọng trong nhận thức về con người khi nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người Việt Nam như một chủ thể sáng tạo, có năng lực thích ứng cao, làm chủ công nghệ và hội nhập hiệu quả vào môi trường toàn cầu³. So với Đại hội XIII, điểm mới nổi bật là sự chuyển dịch từ cách tiếp cận thiên về phẩm chất sang cách tiếp cận kết hợp giữa phẩm chất và năng lực, đặc biệt là năng lực số, năng lực đổi mới sáng tạo và tư duy phản biện. Điều này phản ánh sự điều chỉnh kịp thời của Đảng trước những biến đổi nhanh chóng của bối cảnh phát triển, khi con người

không chỉ cần “toàn diện” mà còn phải “thích ứng” và “dẫn dắt” sự phát triển.

Tiếp nối và cụ thể hóa các định hướng đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị (năm 2026) đã xác lập một khung chiến lược toàn diện về phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Điểm đột phá của Nghị quyết không chỉ nằm ở việc tái khẳng định vai trò trung tâm của con người, mà quan trọng hơn là đã chuyển hóa tư duy lý luận thành các trụ cột hành động cụ thể, như xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam, phát triển công dân số và nâng cao năng lực sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số⁴. Như vậy, phát triển con người không còn dừng lại ở định hướng chung, mà đã trở thành một nội dung có cấu trúc rõ ràng, có thể triển khai trong thực tiễn.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển con người ở Việt Nam hiện nay vẫn đặt ra nhiều vấn đề đáng quan tâm. Mặc dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong giáo dục, y tế và nâng cao mức sống, song chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức; năng lực đổi mới sáng tạo còn hạn chế; khoảng

cách phát triển giữa các vùng miền chưa được thu hẹp bền vững. Đồng thời, sự phát triển nhanh của môi trường số cũng đặt ra những thách thức mới về giá trị, đạo đức và năng lực thích ứng của con người trong xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu phát triển con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW, trên cơ sở kế thừa các quan điểm của Đại hội XIII và Văn kiện Đại hội XIV, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Qua đó, không chỉ làm rõ nội hàm phát triển con người trong giai đoạn mới mà còn góp phần đề xuất các giải pháp khả thi, nhằm chuyển hóa định hướng chiến lược của Đảng thành hành động cụ thể, phát huy vai trò con người như nguồn lực nội sinh quyết định cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về phát triển con người

Phát triển con người là một trong những phạm trù trung tâm của khoa học xã hội hiện đại, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, song đều thống nhất ở điểm coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁴ Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa và con người Việt Nam.

lực của quá trình phát triển. Trong các lý thuyết phát triển đương đại, cách tiếp cận của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) được xem là tiêu biểu khi xác định phát triển con người là quá trình mở rộng các lựa chọn và năng lực của con người, trong đó những yếu tố cơ bản bao gồm khả năng sống lâu và khỏe mạnh, được tiếp cận giáo dục và có mức sống xứng đáng⁵. Trên cơ sở đó, UNDP đã xây dựng Chỉ số phát triển con người (HDI) như một công cụ đo lường tổng hợp, góp phần chuyển trọng tâm của tư duy phát triển từ tăng trưởng kinh tế đơn thuần sang phát triển toàn diện con người.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận từ góc độ lý luận Mác - Lênin, phát triển con người không chỉ dừng lại ở việc mở rộng cơ hội hay nâng cao mức sống, mà còn gắn liền với quá trình giải phóng con người và phát triển toàn diện năng lực của mỗi cá nhân. C. Mác và Ph. Ăngghen khẳng định rằng, trong xã hội phát triển cao, mục tiêu cuối cùng là tạo điều kiện để “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển

tự do của tất cả mọi người”⁶. Như vậy, phát triển con người trong quan điểm Mác - Lênin mang tính toàn diện, bao gồm cả phương diện vật chất và tinh thần, cá nhân và xã hội, đồng thời gắn với mục tiêu xây dựng một xã hội công bằng, tiến bộ.

Kế thừa và phát triển những giá trị lý luận đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người đã đặt nền tảng quan trọng cho quan điểm phát triển con người ở Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò của con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, đồng thời coi việc “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau” là nhiệm vụ chiến lược lâu dài⁷. Theo Người, phát triển con người không chỉ là nâng cao trình độ tri thức mà còn phải chú trọng rèn luyện đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ nhân dân. Điều này thể hiện cách tiếp cận toàn diện, trong đó con người được phát triển hài hòa giữa trí - đức - thể - mỹ.

Trên nền tảng lý luận đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành hệ thống quan điểm nhất quán về phát triển

con người trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng luôn nhấn mạnh yêu cầu gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Quan điểm này tiếp tục được khẳng định và phát triển trong Văn kiện Đại hội XIII với yêu cầu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ và năng lực sáng tạo⁸.

Đáng chú ý, trong bối cảnh mới, Văn kiện Đại hội XIV đã bổ sung và phát triển nhận thức về con người theo hướng nhấn mạnh năng lực thích ứng và sáng tạo, đặc biệt trong môi trường số và kinh tế tri thức. Theo đó, con người không chỉ cần được phát triển toàn diện về phẩm chất mà còn phải có năng lực làm chủ công nghệ, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với những biến động nhanh chóng của xã hội hiện đại⁹. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận, khi con người được đặt trong mối quan hệ trực tiếp với yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

⁵ UNDP (2023), *Human Development Report 2023*, United Nations Development Programme.

⁶ C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁷ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tiếp nối và cụ thể hóa các quan điểm đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị (2026) đã xác lập cách tiếp cận phát triển con người theo hướng toàn diện và thực tiễn hơn. Theo tinh thần của Nghị quyết, phát triển con người không chỉ là quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn là quá trình xây dựng hệ giá trị, hình thành nhân cách, phát triển năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân¹⁰. Đồng thời, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu phát triển công dân số, coi đây là một trong những nội dung cốt lõi của phát triển con người trong thời đại chuyển đổi số.

Từ những cách tiếp cận trên, có thể thấy rằng phát triển con người là một quá trình toàn diện, bao gồm sự phát triển về thể chất, trí tuệ, đạo đức, văn hóa và năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân, đồng thời gắn chặt với điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường thể chế. Đây không chỉ là mục tiêu cuối cùng của sự phát triển mà còn là nguồn lực nội sinh quyết định sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia. Việc xây dựng và phát triển con người Việt Nam toàn diện trong giai đoạn hiện nay vì vậy cần được đặt

trên nền tảng kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực tiễn, giữa giá trị truyền thống và yêu cầu hiện đại, giữa phát triển cá nhân và phát triển xã hội.

2.2. Quan điểm của Nghị quyết 80-NQ/TW về phát triển con người

Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị (năm 2026) đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về phát triển con người, khi chuyển từ cách tiếp cận mang tính định hướng sang cách tiếp cận mang tính cấu trúc và hành động. Nếu như các văn kiện trước đây, đặc biệt là Đại hội XIII, chủ yếu nhấn mạnh yêu cầu phát triển con người toàn diện như một mục tiêu chiến lược, thì Nghị quyết 80-NQ/TW đã cụ thể hóa nội dung này thành hệ thống quan điểm có tính khả thi, gắn trực tiếp với bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng¹¹.

Trước hết, Nghị quyết tiếp tục khẳng định nhất quán quan điểm con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Tuy nhiên, điểm mới ở đây là sự nhấn mạnh mạnh mẽ hơn vào vai trò của con người như nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát

triển quốc gia. Quan điểm này không chỉ mang ý nghĩa khẳng định về mặt lý luận, mà còn định hướng cho việc ưu tiên nguồn lực, chính sách và thể chế nhằm phát huy tối đa tiềm năng của con người trong quá trình phát triển.

Một trong những nội dung cốt lõi mang tính đột phá của Nghị quyết là yêu cầu xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Khác với cách tiếp cận trước đây thường dừng lại ở việc định hướng các giá trị chung, Nghị quyết 80-NQ/TW đã xác định rõ các giá trị cốt lõi như yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm và sáng tạo, coi đây là nền tảng để hình thành nhân cách và định hướng hành vi của con người trong xã hội hiện đại¹². Việc chuẩn hóa hệ giá trị không chỉ có ý nghĩa về mặt văn hóa - xã hội, mà còn góp phần tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động, từ đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sức mạnh nội sinh của quốc gia.

Bên cạnh đó, Nghị quyết lần đầu tiên đặt ra một cách rõ ràng yêu cầu phát triển công dân số như một cấu phần quan trọng của phát triển con người. Trong bối cảnh chuyển

¹⁰ Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW.

¹¹ Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW.

¹² Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW.

đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, con người không chỉ cần có tri thức và đạo đức, mà còn phải có năng lực làm chủ công nghệ, khả năng thích ứng với môi trường số và ý thức trách nhiệm trong không gian mạng. Điều này phản ánh sự chuyển dịch từ mô hình con người truyền thống sang mô hình con người hiện đại - nơi năng lực số trở thành một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ phát triển của cá nhân và xã hội.

Một điểm đáng chú ý khác là Nghị quyết 80-NQ/TW đã gắn phát triển con người với yêu cầu nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo đó, con người được xem là chủ thể của quá trình sáng tạo, là lực lượng trực tiếp tạo ra giá trị mới trong nền kinh tế tri thức. Quan điểm này có sự kế thừa và phát triển từ Văn kiện Đại hội XIV, khi nhấn mạnh vai trò của con người trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu¹³. Như vậy, phát triển con người không còn là vấn đề mang tính xã hội đơn thuần, mà đã trở thành một yếu tố quyết định năng lực phát triển của quốc gia.

Ngoài ra, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh như một điều kiện thiết yếu để phát triển con người toàn diện. Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn là không gian hình thành và điều chỉnh các giá trị, chuẩn mực và lối sống. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và truyền thông số phát triển mạnh mẽ, việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh càng trở nên cấp thiết nhằm định hướng hành vi, củng cố bản sắc và nâng cao “sức đề kháng” của xã hội trước các tác động tiêu cực.

Như vậy, Nghị quyết số 80-NQ/TW đã phát triển quan điểm của Đảng về con người theo hướng toàn diện và gắn với thực tiễn hơn. Nếu Đại hội XIII xác lập mục tiêu phát triển con người, Văn kiện Đại hội XIV bổ sung yêu cầu về năng lực thích ứng và sáng tạo, thì Nghị quyết 80-NQ/TW đã cụ thể hóa thành các định hướng hành động như xây dựng hệ giá trị con người, phát triển công dân số và nâng cao năng lực sáng tạo. Sự kết hợp này tạo nên một hệ thống quan điểm thống nhất, làm cơ sở cho việc hoạch định và triển khai chính sách phát

triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

2.3. Thực trạng phát triển con người Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, phát triển con người ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, thực tiễn cũng cho thấy nhiều hạn chế và thách thức, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trước hết, xét trên phương diện tổng thể, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam liên tục được cải thiện qua các năm. Theo Báo cáo Phát triển Con người của UNDP, năm 2023, HDI của Việt Nam đạt khoảng 0,726, thuộc nhóm các quốc gia có mức phát triển con người trung bình cao¹⁴. Điều này phản ánh những tiến bộ đáng kể trong các lĩnh vực cơ bản như giáo dục, y tế và thu nhập. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt khoảng 73,6 tuổi; tỷ lệ người biết chữ ở mức cao; hệ thống giáo dục tiếp tục được mở rộng và từng

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

¹⁴ UNDP (2023), *Human Development Report 2023*, United Nations Development Programme.

bước nâng cao chất lượng. Đồng thời, các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả tích cực, khi tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm xuống dưới 3% trong giai đoạn gần đây¹⁵.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, mạng lưới cơ sở giáo dục được phát triển tương đối đồng bộ, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận các cơ hội học tập. Chất lượng giáo dục phổ thông từng bước được cải thiện, thể hiện qua kết quả đánh giá quốc tế như PISA, trong đó học sinh Việt Nam thường đạt mức trung bình cao so với nhiều quốc gia có cùng trình độ phát triển¹⁶. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp ngày càng được chú trọng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc mở rộng mạng lưới dịch vụ y tế và nâng cao khả năng tiếp cận của người dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 90% dân số, góp phần bảo đảm công bằng trong chăm

sóc sức khỏe¹⁷. Các chương trình phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và tuổi thọ của người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, thực trạng phát triển con người ở Việt Nam vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế mang tính cấu trúc.

Thứ nhất, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức và chuyên đổi số. Mặc dù tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng, nhưng tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ vẫn còn thấp (khoảng dưới 30%), trong khi kỹ năng mềm, kỹ năng số và năng lực sáng tạo còn hạn chế¹⁸. Điều này dẫn đến năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực, chỉ bằng khoảng 7-8% so với Singapore và khoảng 40% so với Thái Lan¹⁹.

Thứ hai, năng lực đổi mới sáng tạo của con người Việt Nam còn hạn chế. Mặc dù đã có những tiến bộ trong phát triển khoa học - công nghệ, song khả năng nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa

tri thức vẫn chưa cao. Điều này thể hiện ở việc số lượng sáng chế, công trình nghiên cứu có giá trị ứng dụng thực tiễn còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng của nguồn nhân lực.

Thứ ba, các vấn đề về giá trị, đạo đức và lối sống trong xã hội hiện đại đang đặt ra nhiều thách thức mới. Sự phát triển nhanh chóng của môi trường số và mạng xã hội đã tạo ra những tác động đa chiều, trong đó có những biểu hiện lệch chuẩn về nhận thức và hành vi của một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ. Những vấn đề như thông tin sai lệch, văn hóa ứng xử trên không gian mạng và sự suy giảm một số giá trị truyền thống đang trở thành những vấn đề đáng quan tâm trong quá trình phát triển con người.

Thứ tư, sự chênh lệch về điều kiện phát triển giữa các vùng miền và nhóm xã hội vẫn còn khá rõ nét. Người dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận giáo dục chất lượng cao, dịch vụ y tế và các cơ hội phát triển nghề nghiệp.

¹⁵ Tổng cục Thống kê (2023), Báo cáo kinh tế - xã hội Việt Nam.

¹⁶ OECD (2019), *PISA Results*.

¹⁷ Bộ Y tế (2023), Báo cáo tổng kết ngành y tế.

¹⁸ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023), Báo cáo lao động việc làm.

¹⁹ World Bank (2020), *Vietnam Human Capital Index Report*.

Khoảng cách này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng phát triển con người, mà còn có thể làm gia tăng bất bình đẳng xã hội nếu không được giải quyết kịp thời.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, phát triển con người ở Việt Nam hiện nay đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về tư duy và cách tiếp cận. Đây cũng chính là những vấn đề mà Nghị quyết số 80-NQ/TW hướng tới giải quyết, thông qua việc nhấn mạnh xây dựng hệ giá trị con người, phát triển công dân số và nâng cao năng lực sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XIV đã bổ sung cách tiếp cận phát triển con người gắn với năng lực thích ứng và đổi mới sáng tạo, qua đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền.

Như vậy, thực trạng phát triển con người Việt Nam hiện nay phản ánh một bức tranh đa chiều, trong đó thành tựu và hạn chế đan xen. Việc nhận diện đúng và đầy đủ các vấn đề này là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp, góp phần thúc đẩy phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

2.4. Một số giải pháp phát triển con người Việt Nam toàn diện

Từ cơ sở lý luận và thực trạng đã phân tích, việc phát triển con người Việt Nam toàn diện trong giai đoạn mới đòi hỏi phải triển khai đồng bộ các giải pháp trên cả phương diện thể chế, chính sách và môi trường xã hội. Quan trọng hơn, các giải pháp này cần được cụ thể hóa theo hướng khả thi, gắn với bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW và định hướng của Đại hội XIV.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế phát triển con người theo hướng lấy con người làm trung tâm của chiến lược phát triển. Cần cụ thể hóa quan điểm “con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực của phát triển” thành các tiêu chí và cơ chế đánh giá trong hoạch định chính sách. Trọng tâm là xây dựng hệ thống chỉ số phát triển con người mở rộng (V-HDI), bổ sung các tiêu chí về năng lực số, sáng tạo và mức độ tham gia xã hội bên cạnh các chỉ số truyền thống. Đồng thời, lồng ghép các chỉ tiêu này vào đánh giá phát triển kinh tế - xã hội của

địa phương, qua đó chuyển từ “tăng trưởng thuần túy” sang “phát triển dựa trên con người”²⁰.

Thứ hai, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo theo hướng phát triển năng lực con người. Trọng tâm là nâng cao năng lực sáng tạo và làm chủ công nghệ của con người. Nhà nước cần có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Cùng với đó, cần hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp gắn với trường đại học và doanh nghiệp, qua đó tạo môi trường thuận lợi để phát huy tiềm năng con người.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Trọng tâm là nâng cao năng lực sáng tạo và làm chủ công nghệ của con người. Nhà nước cần có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Cùng với đó, cần hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp gắn với trường đại học và doanh nghiệp, qua đó tạo môi trường thuận lợi để phát huy tiềm năng con người.

²⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Thứ tư, xây dựng và phát huy hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Theo tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW, cần cụ thể hóa và lan tỏa hệ giá trị cốt lõi như yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm và sáng tạo. Việc hiện thực hóa các giá trị này cần được triển khai thông qua các thiết chế như gia đình, nhà trường và cộng đồng, gắn với giáo dục đạo đức, lối sống và ý thức công dân, đặc biệt trong môi trường số, nhằm hình thành con người có bản lĩnh và trách nhiệm xã hội²¹.

Thứ năm, phát triển công dân số và nâng cao năng lực thích ứng của con người trong môi trường số. Cần triển khai các chương trình phổ cập kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế, vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa. Việc phát triển công dân số không chỉ dừng lại ở kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn bao gồm năng lực tư duy số, khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin, cũng như ý thức trách nhiệm trong không gian mạng. Đây là yếu tố quan trọng để bảo đảm con người có thể tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số.

Thứ sáu, xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, tạo điều kiện phát triển toàn diện con người. Môi trường văn hóa có vai trò định hướng giá trị và hình thành nhân cách. Do đó, cần phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các giá trị tiên bộ của nhân loại. Trong bối cảnh truyền thông số phát triển, cần tăng cường quản lý, định hướng thông tin và nâng cao “sức đề kháng văn hóa” của xã hội trước các tác động tiêu cực.

Thứ bảy, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, bảo đảm công bằng trong phát triển con người. Cần ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế và hạ tầng số. Việc bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng đối với các dịch vụ cơ bản không chỉ góp phần nâng cao chất lượng phát triển con người, mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững và bao trùm của đất nước.

Như vậy, các giải pháp phát triển con người Việt Nam toàn diện trong giai đoạn mới cần được triển khai theo hướng đồng bộ, liên ngành và

gắn với thực tiễn. Điểm cốt lõi là chuyển từ tư duy “phát triển con người như một mục tiêu” sang “phát triển con người như một động lực và giải pháp trung tâm của phát triển”. Đây cũng chính là tinh thần xuyên suốt của Nghị quyết số 80-NQ/TW và các định hướng của Đại hội XIV trong việc xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

3. Kết luận

Phát triển con người toàn diện là nội dung cốt lõi trong tư duy phát triển của Đảng, được kế thừa và phát triển qua các kỳ Đại hội. Văn kiện Đại hội XIII đã xác lập con người là mục tiêu và động lực của phát triển, trong khi Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục bổ sung, làm rõ hơn yêu cầu phát triển con người với tư cách là chủ thể sáng tạo, có năng lực thích ứng và làm chủ công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng. Trên nền tảng đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW đã cụ thể hóa các quan điểm này thành định hướng hành động, đặc biệt thông qua việc xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam, phát triển công dân số và nâng cao năng lực sáng tạo.

²¹ Bộ Chính trị (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu trong phát triển con người, song vẫn còn những hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo và sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền. Những vấn đề này đặt ra yêu

cầu phải đổi mới cách tiếp cận, chuyển từ phát triển con người như một mục tiêu sang coi đây là động lực trung tâm của phát triển.

Trong bối cảnh mới, việc triển khai hiệu quả các định hướng của Đảng, đặc biệt là

tinh thần của Văn kiện Đại hội XIV và Nghị quyết 80-NQ/TW, có ý nghĩa quyết định trong việc phát huy nguồn lực con người - yếu tố nội sinh quan trọng nhất, bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
2. Bộ Chính trị (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong giai đoạn mới*.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), *Báo cáo đổi mới sáng tạo quốc gia*.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2023), *Báo cáo lao động - việc làm năm 2023*.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
6. Bộ Y tế (2023), *Báo cáo tổng kết công tác y tế năm 2023*.
7. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2023*.

B. TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

13. OECD (2019), *PISA Results*, OECD Publishing.
14. UNDP (2023), *Human Development Report 2023*, United Nations Development Programme.
15. World Bank (2020), *Vietnam Human Capital Index Report*, World Bank, Washington, D.C.

XÂY DỰNG VĂN HÓA TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI DÙNG MẠNG XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA SỐ HIỆN NAY

✦ NGUYỄN TẤN TRẠNG*

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, mạng xã hội là không gian giao tiếp quan trọng nhưng cũng nảy sinh nhiều biểu hiện lệch chuẩn như tin giả và ứng xử thiếu văn hóa. Thực trạng này gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa số, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao trách nhiệm cá nhân. Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng ứng xử của người dùng mạng tại Việt Nam, nhận diện rõ những kết quả đạt được cũng như các hạn chế và nguyên nhân cốt lõi. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp nhằm bồi đắp ý thức trách nhiệm cho người dùng, hướng tới kiến tạo môi trường văn hóa số lành mạnh, văn minh, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa trong thời đại mới.

Từ khóa: văn hóa số; mạng xã hội; trách nhiệm người dùng; môi trường văn hóa; chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, mạng xã hội đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống xã hội hiện đại. Các nền tảng mạng xã hội không chỉ là công cụ kết nối thông tin mà còn là

không gian để hình thành, lan tỏa và tương tác các giá trị văn hóa trong cộng đồng. Thông qua mạng xã hội, các cá nhân có thể chia sẻ thông tin, bày tỏ quan điểm, trao đổi tri thức và tham gia vào nhiều hoạt động xã hội khác nhau. Nhờ đó, mạng xã hội góp phần mở

rộng khả năng tiếp cận thông tin và thúc đẩy giao lưu văn hóa trong xã hội hiện nay.

Theo báo cáo Digital 2024: Vietnam của We Are Social và Kepios, năm 2024 Việt Nam có khoảng 72,7 triệu người sử dụng mạng xã hội, chiếm hơn 70% dân số. Trung bình mỗi người dành từ 2 đến 3 giờ mỗi ngày cho các hoạt động trên các nền tảng như Facebook, YouTube, TikTok. Điều này cho thấy mức độ phổ biến rất cao của mạng xã hội, đồng thời phản ánh rằng không gian mạng đã trở thành một “không gian sinh hoạt xã hội thứ hai” của con người hiện đại¹. Trong không gian này, các thông tin, giá trị và chuẩn mực xã hội không chỉ được truyền tải mà còn được hình thành và điều chỉnh thông qua tương tác giữa người dùng. Tuy nhiên, chính sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội cũng kéo theo nhiều vấn đề đáng lo ngại. Thực tế cho thấy, bên cạnh những nội dung tích cực, môi trường mạng vẫn tồn tại không ít biểu hiện lệch chuẩn như lan truyền thông tin sai sự thật, chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng, sử dụng ngôn ngữ thiếu chuẩn mực hoặc tranh luận mang tính công kích cá nhân. Thực tiễn quản lý cho thấy, trong những

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ We Are Social & Kepios (2024), *Digital 2024: Vietnam*

năm gần đây, tình trạng tin giả và thông tin sai lệch trên mạng xã hội vẫn diễn ra phổ biến, trong đó phần lớn bắt nguồn từ hành vi chia sẻ thông tin thiếu kiểm chứng của người dùng cá nhân. Điều này phản ánh rõ vai trò then chốt của ý thức trách nhiệm trong việc kiểm soát chất lượng thông tin trên không gian mạng. Điều này cho thấy một thực tế rằng không phải mọi người dùng mạng xã hội đều ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình đối với thông tin mà họ tiếp nhận và lan truyền.

Vấn đề đặt ra ở đây không chỉ là sự thiếu hụt thông tin chính xác, mà sâu xa hơn là sự thiếu vắng các chuẩn mực văn hóa trong hành vi sử dụng mạng xã hội. Nói cách khác, khoảng cách giữa “khả năng sử dụng công nghệ” và “ý thức trách nhiệm trong sử dụng công nghệ” vẫn còn khá lớn. Nhiều người có thể sử dụng thành thạo mạng xã hội nhưng lại chưa có thói quen kiểm chứng thông tin, chưa chú ý đến tác động của lời nói và hành vi của mình đối với cộng đồng. Đây chính là điểm nghẽn quan trọng trong việc xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh hiện nay.

Về phương diện chính sách, Đảng và Nhà nước đã sớm nhận diện những vấn đề phát sinh trong môi trường mạng và ban hành nhiều chủ trương, quy định nhằm định hướng hành vi của người dùng trên không gian mạng. Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014) đã xác định xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển con người Việt Nam². Đến năm 2026, Nghị quyết số 80-NQ/TW tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số, trong đó đặc biệt chú trọng đến môi trường văn hóa trên không gian mạng³. Bên cạnh đó, Luật An ninh mạng năm 2018 cũng quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi tham gia môi trường số, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý và định hướng thông tin⁴.

Tuy vậy, thực tiễn cho thấy việc thực thi các quy định này vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một mặt, tốc độ lan truyền thông tin trên mạng xã hội quá nhanh khiến việc kiểm soát trở nên phức tạp; mặt khác, ý thức tự giác của một bộ phận người dùng chưa cao, dẫn đến việc các

chuẩn mực văn hóa chưa được tuân thủ một cách đầy đủ. Điều này cho thấy việc xây dựng môi trường văn hóa số không thể chỉ dựa vào các biện pháp quản lý từ phía Nhà nước mà cần phải xuất phát từ chính ý thức và hành vi của mỗi cá nhân.

Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là giảng viên trong hệ thống Trường Chính trị, vấn đề này càng có ý nghĩa quan trọng. Đây là lực lượng có vai trò trong việc tuyên truyền, định hướng tư tưởng và lan tỏa các giá trị chính thống trong xã hội. Do đó, việc sử dụng mạng xã hội của đội ngũ này không chỉ mang tính cá nhân mà còn gắn với trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm chính trị. Thực tiễn tại Trường Chính trị Đồng Tháp cho thấy mạng xã hội đã được sử dụng ngày càng phổ biến trong trao đổi chuyên môn và chia sẻ thông tin. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế nhất định, chẳng hạn như việc chia sẻ thông tin chưa thật sự chọn lọc hoặc chưa khai thác hiệu quả mạng xã hội cho mục đích học thuật. Những hạn chế này cho thấy cần có những nghiên cứu sâu hơn và

² Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014): *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội.

³ Bộ Chính trị (2026): *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

⁴ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật An ninh mạng*, số 24/2018/QH14.

các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao văn hóa trách nhiệm của người dùng, đặc biệt trong môi trường đặc thù như các cơ sở đào tạo lý luận chính trị.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, việc xây dựng văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội không chỉ là yêu cầu mang tính cá nhân mà còn là một nhiệm vụ có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Đây chính là cơ sở để bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của người dùng, góp phần xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh trong bối cảnh phát triển xã hội hiện nay.

2. Thực trạng văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và quá trình chuyển đổi số quốc gia, việc sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam đã trở nên phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Không gian mạng không còn chỉ là nơi trao đổi thông tin đơn thuần mà đã

trở thành môi trường quan trọng để chia sẻ tri thức, tương tác xã hội và lan tỏa các giá trị văn hóa. Theo báo cáo của We Are Social và Kepios, tỷ lệ người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam ngày càng tăng, cho thấy mức độ phổ biến của các nền tảng trực tuyến trong đời sống xã hội hiện nay⁵.

Trên nền tảng đó, nhận thức của người dân về trách nhiệm khi sử dụng mạng xã hội cũng từng bước được nâng lên. Nếu như trước đây, việc chia sẻ thông tin trên mạng xã hội mang tính tự phát, thiếu kiểm soát, thì hiện nay nhiều người dùng đã chú ý hơn đến việc kiểm chứng nguồn tin trước khi đăng tải. Một số báo cáo và tài liệu chuyên môn gần đây cho thấy người dùng ngày càng quan tâm hơn đến việc kiểm chứng thông tin trước khi chia sẻ trên mạng xã hội. Điều đó phản ánh nhận thức về trách nhiệm cá nhân trong môi trường mạng đang từng bước được hình thành, dù chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng. Bên cạnh sự chuyển biến về nhận thức, các cơ quan quản lý nhà nước cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc định hướng hành vi của người dùng

trên không gian mạng. Nhiều chương trình tuyên truyền về sử dụng mạng xã hội an toàn, phòng chống tin giả và nâng cao văn hóa ứng xử đã được triển khai rộng rãi. Đặc biệt, việc ban hành “Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội” đã góp phần định hình các chuẩn mực cơ bản trong giao tiếp trực tuyến, từ đó tạo nền tảng cho việc xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh⁶.

Một chuyển biến tích cực khác là việc ngày càng nhiều cá nhân và tổ chức chủ động sử dụng mạng xã hội như một kênh lan tỏa các giá trị tích cực. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội và nhiều cá nhân có uy tín đã tận dụng các nền tảng số để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, phổ biến chính sách pháp luật và cung cấp thông tin chính thống cho người dân. Trong bối cảnh thông tin đa chiều như hiện nay, sự hiện diện của các nguồn thông tin chính thống trên mạng xã hội có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng dư luận và góp phần xây dựng môi trường thông tin lành mạnh, phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 33-NQ/TW⁷.

⁵ We Are Social & Kepios: *Digital 2024: Vietnam*, Global Digital Report, 2024, tr.18.

⁶ Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội*, ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021.

⁷ Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Hà Nội, 2014, tr.3.

Ngoài ra, các hoạt động giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng mạng xã hội cũng ngày càng được quan tâm. Nhiều cơ quan, tổ chức và cơ sở giáo dục đã tổ chức các chương trình tập huấn về an toàn thông tin, kỹ năng nhận diện tin giả và văn hóa ứng xử trên không gian mạng. Những hoạt động này không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần hình thành thói quen sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm trong cộng đồng.

Đối với các cơ sở đào tạo lý luận chính trị, mạng xã hội đang dần trở thành một công cụ hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động chuyên môn. Tại Trường Chính trị Đồng Tháp, nhiều viên chức và giảng viên đã sử dụng mạng xã hội như một kênh trao đổi học thuật, chia sẻ thông tin nghiên cứu và kết nối chuyên môn. Việc cập nhật nhanh các thông tin chính sách, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và phổ biến các nội dung lý luận trên nền tảng số đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thực tiễn tại Trường Chính trị Đồng Tháp cho thấy, mạng xã hội đã được một bộ phận viên chức và giảng viên sử dụng trong cập nhật thông tin, trao đổi chuyên môn và

kết nối học thuật. Tuy nhiên, mức độ khai thác các nền tảng này cho hoạt động nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật vẫn chưa đồng đều; trong nhiều trường hợp, việc sử dụng vẫn chủ yếu dừng ở tiếp nhận thông tin hoặc trao đổi mang tính cá nhân, chưa phát huy đầy đủ vai trò của mạng xã hội như một công cụ học thuật.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội tại Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực nhất định. Nhận thức về việc sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm đang dần được nâng cao; các hành vi chia sẻ thông tin thiếu kiểm chứng có xu hướng giảm; đồng thời, việc sử dụng mạng xã hội để lan tỏa các giá trị tích cực ngày càng được chú trọng. Những kết quả này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng thông tin trên không gian mạng mà còn tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh trong bối cảnh phát triển xã hội hiện nay.

2.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc sử dụng mạng xã hội của người dùng hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế đáng chú ý, đặc biệt liên quan đến ý thức trách nhiệm

và chuẩn mực ứng xử trên môi trường mạng. Những hạn chế này không chỉ mang tính cá nhân mà còn có tác động lan tỏa, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin và môi trường văn hóa trong xã hội số.

Trước hết, tình trạng chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng vẫn diễn ra khá phổ biến. Trong nhiều trường hợp, các thông tin chưa được xác thực hoặc có độ tin cậy thấp vẫn được lan truyền nhanh chóng trên các nền tảng mạng xã hội. Thực tiễn quản lý trong những năm gần đây cho thấy, thông tin sai lệch và tin giả trên mạng xã hội vẫn xuất hiện với tần suất đáng kể, chủ yếu bắt nguồn từ hành vi chia sẻ lại thông tin mà không qua kiểm chứng của người dùng cá nhân. Điều này cho thấy ý thức trách nhiệm của người dùng giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm chất lượng thông tin trên không gian mạng. Đồng thời, thực tế cũng cho thấy nhiều người dùng tuy có khả năng tiếp cận thông tin nhanh nhưng lại thiếu kỹ năng đánh giá độ tin cậy của nguồn tin. Hệ quả là các thông tin sai lệch có thể lan rộng trong thời gian ngắn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức của cộng đồng, thậm chí làm nhiều loạn thông tin trong một số lĩnh vực nhạy cảm.

Thứ hai, việc tuân thủ các chuẩn mực văn hóa trong giao tiếp trực tuyến vẫn chưa được thực hiện một cách đầy đủ. Trong các cuộc thảo luận trên mạng xã hội, không khó để bắt gặp những biểu hiện như sử dụng ngôn ngữ thiếu chuẩn mực, tranh luận mang tính công kích cá nhân hoặc thể hiện thái độ cực đoan. Một số trường hợp còn xuất hiện tình trạng “bạo lực ngôn từ” (tức là sử dụng lời nói để xúc phạm, gây tổn thương người khác trong môi trường mạng)⁸. Những hành vi này không chỉ làm giảm chất lượng các cuộc trao đổi mà còn góp phần hình thành môi trường giao tiếp thiếu lành mạnh, ảnh hưởng tiêu cực đến văn hóa ứng xử trong xã hội.

Thứ ba, việc sử dụng mạng xã hội trong nhiều trường hợp vẫn mang tính tự phát, thiếu định hướng rõ ràng. Một bộ phận người dùng chủ yếu sử dụng mạng xã hội cho mục đích giải trí cá nhân, trong khi việc khai thác các nền tảng này phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu hoặc lan tỏa thông tin chính thống còn chưa được quan tâm đúng mức. Điều này dẫn đến sự mất cân đối trong cách sử dụng mạng xã hội: thời gian sử dụng nhiều nhưng hiệu quả mang lại chưa tương xứng, đặc biệt

trong việc đóng góp vào các giá trị chung của cộng đồng.

Đối với đội ngũ viên chức trong các cơ sở đào tạo, trong đó có Trường Chính trị Đồng Tháp, các hạn chế về ý thức trách nhiệm và chuẩn mực ứng xử trong sử dụng mạng xã hội không chỉ tồn tại ở bình diện chung mà còn được phản ánh cụ thể trong thực tiễn hoạt động chuyên môn. Thực tiễn cho thấy, mặc dù nhiều viên chức đã bước đầu sử dụng mạng xã hội để cập nhật thông tin và hỗ trợ trao đổi chuyên môn, nhưng việc khai thác các nền tảng này phục vụ cho nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật vẫn chưa thật sự phổ biến. Việc sử dụng mạng xã hội trong nhiều trường hợp còn dừng lại ở mức tiếp nhận thông tin hoặc trao đổi mang tính cá nhân, chưa phát huy rõ vai trò như một công cụ học thuật. Bên cạnh đó, việc chia sẻ các nội dung chuyên môn, kết quả nghiên cứu hoặc các bài viết có giá trị học thuật trên mạng xã hội còn tương đối hạn chế. Nội dung được đăng tải chủ yếu là thông tin mang tính cập nhật, chưa hình thành được thói quen lan tỏa tri thức hoặc kết nối học thuật một cách có hệ thống. Điều này cho thấy tiềm năng của mạng xã hội trong hỗ trợ hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong môi trường đào tạo lý

luận chính trị, vẫn chưa được khai thác đầy đủ.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, các hạn chế trong việc sử dụng mạng xã hội hiện nay không chỉ xuất phát từ yếu tố kỹ thuật mà chủ yếu liên quan đến nhận thức, kỹ năng và thói quen của người dùng. Nếu không được nhận diện và khắc phục kịp thời, những hạn chế này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến chất lượng thông tin, môi trường giao tiếp và việc xây dựng văn hóa số lành mạnh trong xã hội.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế trong văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội hiện nay xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, cả về mặt nhận thức, kỹ năng và cơ chế quản lý.

Trước hết, nhận thức của một bộ phận người dùng về trách nhiệm khi tham gia môi trường mạng vẫn còn hạn chế. Trong nhiều trường hợp, người dùng chưa nhận thức đầy đủ về tác động của việc chia sẻ thông tin trên mạng xã hội đối với cộng đồng. Do đặc điểm lan truyền nhanh của thông tin trên môi trường mạng, những thông tin chưa được kiểm chứng có thể nhanh chóng lan rộng và gây ảnh hưởng đến nhận thức của xã hội.

⁸ UNESCO (2020), *Countering Online Hate Speech*, Paris.

Thứ hai, kỹ năng sử dụng mạng xã hội một cách an toàn và có trách nhiệm của một bộ phận người dùng vẫn còn hạn chế. Không phải tất cả người dùng đều có khả năng đánh giá độ tin cậy của thông tin hoặc phân biệt giữa thông tin chính thống và thông tin không đáng tin cậy. Điều này khiến một số người dùng dễ bị tác động bởi các thông tin sai lệch hoặc chưa được kiểm chứng.

Thứ ba, công tác tuyên truyền và giáo dục về văn hóa ứng xử trên không gian mạng trong một số trường hợp vẫn chưa được triển khai thường xuyên và đồng bộ. Mặc dù nhiều cơ quan, tổ chức đã chú trọng đến việc phổ biến các quy định về sử dụng mạng xã hội, song việc hình thành các chuẩn mực văn hóa ứng xử trên môi trường mạng vẫn cần thêm thời gian và sự tham gia của nhiều chủ thể trong xã hội.

Ngoài ra, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và các nền tảng mạng xã hội cũng tạo ra nhiều thách thức đối với việc quản lý và định hướng thông tin trên môi trường mạng. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao trách nhiệm của người dùng mạng xã hội trở thành một yếu tố quan trọng nhằm góp phần xây

dựng môi trường văn hóa số lành mạnh theo tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW⁹.

3. Giải pháp nâng cao văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội trong phát triển môi trường văn hóa số hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, việc nâng cao văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội trở thành một nhiệm vụ quan trọng nhằm xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh. Trên cơ sở phân tích thực trạng, có thể đề xuất một số giải pháp sau:

3.1. Nâng cao nhận thức về văn hóa trách nhiệm trong sử dụng mạng xã hội theo hướng cụ thể, thiết thực

Trước hết, việc nâng cao nhận thức cần được triển khai theo hướng cụ thể hóa nội dung và đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, thay vì chỉ dừng lại ở các thông điệp mang tính chung chung. Các cơ quan, tổ chức có thể xây dựng các chuyên đề ngắn, tình huống thực tế hoặc các ví dụ điển hình về việc sử dụng mạng xã hội đúng và chưa đúng để người dùng dễ tiếp cận và tự điều chỉnh hành vi.

Đối với cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là

giảng viên trong hệ thống Trường Chính trị, nội dung tuyên truyền cần gắn trực tiếp với trách nhiệm nghề nghiệp. Chẳng hạn, cần làm rõ việc chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng không chỉ là hành vi cá nhân mà còn có thể ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan và định hướng tư tưởng trong xã hội. Khi nhận thức được cụ thể hóa gắn với hậu quả và trách nhiệm, khả năng thay đổi hành vi sẽ rõ ràng hơn.

3.2. Trang bị kỹ năng sử dụng mạng xã hội theo hướng “biết dùng đúng” thay vì chỉ “biết dùng”

Bên cạnh nhận thức, vấn đề cốt lõi hiện nay là kỹ năng sử dụng mạng xã hội. Nhiều người có thể sử dụng thành thạo về mặt kỹ thuật nhưng lại thiếu kỹ năng đánh giá thông tin và ứng xử phù hợp trong môi trường số. Do đó, cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng theo hướng thực hành, tập trung vào những kỹ năng thiết yếu như kiểm chứng thông tin từ nhiều nguồn, nhận diện tin giả và tin sai lệch, diễn đạt ý kiến trên mạng xã hội một cách rõ ràng và tôn trọng, cũng như bảo vệ thông tin cá nhân trong môi trường số. Đối với đội ngũ viên chức tại các cơ sở đào tạo lý luận chính trị, các nội dung này

⁹ Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội, 2026, tr.1.

cần được lồng ghép vào hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, giúp người sử dụng mạng xã hội không chỉ đúng mà còn hiệu quả trong công việc.

3.3. Phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, giảng viên trên không gian mạng

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, đặc biệt trong hệ thống Trường Chính trị, không chỉ là người sử dụng mạng xã hội mà còn là lực lượng có khả năng định hướng thông tin và lan tỏa giá trị. Vì vậy, việc sử dụng mạng xã hội cần được xem là một phần trong trách nhiệm nghề nghiệp. Trong thực tiễn, mỗi giảng viên có thể chủ động sử dụng mạng xã hội để: chia sẻ các nội dung chính thống, dễ hiểu về chủ trương, chính sách; đăng tải các bài viết ngắn gọn, súc tích, phân tích, gợi mở vấn đề; tham gia trao đổi học thuật một cách có định hướng, tránh tranh luận cảm tính. Khi đội ngũ này sử dụng mạng xã hội một cách chuẩn mực và có chiều sâu, chính họ sẽ trở thành “nguồn thông tin đáng tin cậy”, góp phần định hình môi trường văn hóa số tích cực.

3.4. Xây dựng và thực hiện chuẩn mực ứng xử trên mạng xã hội trong từng cơ quan, đơn vị

Việc xây dựng chuẩn mực ứng xử trên mạng xã hội cần được triển khai theo hướng cụ thể, phù hợp với đặc thù của

từng cơ quan, đơn vị, thay vì dừng lại ở các quy định mang tính chung chung. Đối với các cơ sở đào tạo, chuẩn mực ứng xử cần làm rõ cách thức chia sẻ thông tin chuyên môn, nguyên tắc tham gia thảo luận trực tuyến và trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên môi trường mạng. Quan trọng hơn, các chuẩn mực này phải được thực hiện một cách nghiêm túc thông qua cơ chế nhắc nhở, kiểm tra và đánh giá định kỳ, nhằm bảo đảm tính hiệu lực trong thực tiễn, tránh tình trạng ban hành nhưng không đi vào cuộc sống.

3.5. Nâng cao vai trò của cơ quan quản lý trong định hướng thông tin và tạo nguồn tin chính thống

Một trong những nguyên nhân khiến thông tin sai lệch lan rộng là do thiếu nguồn thông tin chính thống kịp thời và dễ tiếp cận. Vì vậy, các cơ quan quản lý cần chủ động hơn trong việc định hướng thông tin trên mạng xã hội thông qua việc xây dựng các kênh truyền thông chính thức, cung cấp thông tin nhanh, rõ và phù hợp với nhu cầu của người dân, đồng thời tăng cường phối hợp giữa các cơ quan để bảo đảm tính thống nhất. Khi người dùng có thể tiếp cận các nguồn thông tin đáng tin cậy một cách thuận tiện, xu hướng tiếp nhận và lan truyền các thông tin chưa được kiểm chứng sẽ giảm đáng kể.

3.6. Khuyến khích sử dụng mạng xã hội như một công cụ hỗ trợ nghiên cứu và trao đổi học thuật

Trong bối cảnh hiện nay, mạng xã hội không chỉ là kênh giải trí mà còn có thể trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động học thuật nếu được khai thác đúng hướng. Đối với các cơ sở đào tạo lý luận chính trị, việc sử dụng mạng xã hội cần chuyển từ tiếp nhận thông tin sang phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu và giảng dạy. Khi giảng viên chủ động chia sẻ tri thức, tham gia trao đổi chuyên môn và cập nhật thông tin học thuật trên các nền tảng số, mạng xã hội sẽ dần hình thành như một không gian học thuật mở. Đồng thời, việc xây dựng các cộng đồng chuyên môn trực tuyến sẽ góp phần duy trì trao đổi thường xuyên, qua đó nâng cao chất lượng nghiên cứu và giảng dạy.

3.7. Gắn xây dựng văn hóa trách nhiệm trên mạng xã hội với thực hiện các nghị quyết về phát triển văn hóa

Việc xây dựng văn hóa trách nhiệm của người dùng mạng xã hội cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển văn hóa của đất nước, thay vì xem đây chỉ là vấn đề riêng của môi trường số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các nội dung liên quan đến ứng xử trên không gian mạng cần được lồng ghép một cách cụ thể vào quá trình triển khai

các nghị quyết của Đảng về xây dựng môi trường văn hóa và phát triển con người.

Ở góc độ này, mỗi cá nhân khi tham gia mạng xã hội không chỉ là người tiếp nhận thông tin mà còn là chủ thể góp phần hình thành và điều chỉnh các chuẩn mực văn hóa trong cộng đồng. Việc sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm, thể hiện qua cách tiếp nhận, chia sẻ và lan tỏa thông tin, chính là biểu hiện cụ thể của việc thực hiện các định hướng phát triển văn hóa trong điều kiện mới. Theo tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW, việc phát huy vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong lan tỏa các giá trị tích cực trên môi trường mạng có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh và bền vững¹⁰.

Trong bối cảnh chuyên

đổi số diễn ra mạnh mẽ, mạng xã hội đã trở thành một bộ phận gắn bó chặt chẽ với đời sống xã hội, đồng thời là không gian quan trọng hình thành và lan tỏa các giá trị văn hóa. Việc sử dụng mạng xã hội mang lại nhiều cơ hội trong kết nối thông tin, chia sẻ tri thức và thúc đẩy tương tác xã hội, nhưng cũng đặt ra những yêu cầu ngày càng rõ nét về trách nhiệm của người dùng và chuẩn mực ứng xử trong môi trường số.

Kết quả phân tích cho thấy, nhận thức về văn hóa trách nhiệm trong sử dụng mạng xã hội đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện ở việc người dùng ngày càng chú ý hơn đến việc kiểm chứng thông tin và điều chỉnh hành vi khi tham gia không gian mạng. Tuy nhiên, những hạn chế như chia sẻ thông

tin chưa được kiểm chứng hoặc ứng xử thiếu chuẩn mực vẫn còn tồn tại, cho thấy quá trình hình thành văn hóa trách nhiệm trong môi trường số chưa thật sự bền vững.

Trong bối cảnh đó, việc nâng cao văn hóa trách nhiệm của người dùng không thể dựa vào một giải pháp riêng lẻ mà cần được thực hiện đồng bộ, gắn với cả nhận thức, kỹ năng và cơ chế định hướng. Khi mỗi cá nhân sử dụng mạng xã hội một cách có ý thức, đồng thời các cơ quan, tổ chức phát huy vai trò định hướng và lan tỏa giá trị tích cực, môi trường văn hóa số sẽ từng bước được củng cố theo hướng lành mạnh và bền vững hơn. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là điều kiện quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2021), *Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội*, ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021.
4. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Văn hóa và phát triển*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật An ninh mạng*, số 24/2018/QH14.
6. UNESCO (2020), *Countering Online Hate Speech*, Paris.
7. We Are Social & Kepios (2024), *Digital 2024: Vietnam*.

¹⁰ Bộ Chính trị: *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội, 2026.

XÂY DỰNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG THEO TÍNH NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW: TỪ DI SẢN TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH ĐẾN THỰC TIỄN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM

✦ NGUYỄN THỊ THUY HẰNG*

Tóm tắt: Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, không gian mạng đã trở thành một môi trường quan trọng của đời sống xã hội, nơi hình thành và lan tỏa các giá trị văn hóa, đạo đức và chuẩn mực ứng xử. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị (2026) về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, việc xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập và phát triển số. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò định hướng của văn hóa đối với sự phát triển xã hội, bài viết phân tích thực trạng văn hóa ứng xử trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay, làm rõ những cơ hội và thách thức đặt ra trong quá trình chuyển đổi số. Từ đó, đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm xây dựng môi trường văn hóa số, góp phần phát huy giá trị văn hóa Việt Nam và nâng cao “sức đề kháng” văn hóa của xã hội trong thời đại số.

Từ khóa: văn hóa ứng xử; không gian mạng; Nghị quyết 80-NQ/TW; tư tưởng Hồ Chí Minh; văn hóa số.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, văn hóa luôn giữ vai trò quan trọng đối với sự hình thành bản sắc dân tộc và sự phát triển bền vững của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: Văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Quan điểm này thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò

của văn hóa như nền tảng tinh thần của xã hội và là động lực quan trọng định hướng sự phát triển của quốc gia.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và internet đã tạo ra một không gian xã hội mới - không gian mạng. Không gian này

không chỉ là nơi trao đổi thông tin mà còn là môi trường hình thành và lan tỏa các giá trị, chuẩn mực và hành vi văn hóa của con người trong xã hội hiện đại. Theo bộ báo cáo nền tảng DataReportal, đến cuối năm 2025, Việt Nam có khoảng 85,6 triệu người dùng internet, tương đương hơn 84% dân số. Số lượng tài khoản mạng xã

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

hội đạt khoảng 79 triệu, tương đương gần 78% dân số, đưa Việt Nam vào nhóm quốc gia có tỷ lệ sử dụng mạng xã hội cao hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cho thấy không gian mạng ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng của đời sống xã hội¹.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của môi trường số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, như tình trạng phát ngôn thiếu chuẩn mực, lan truyền thông tin sai lệch, bạo lực ngôn từ và sự xâm nhập của các yếu tố văn hóa phản cảm.

Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng và phát triển văn hóa trong bối cảnh mới, tiêu biểu là Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014) và đặc biệt là Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng trở thành yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong thời đại số.

2. Thực trạng văn hóa ứng xử trên môi trường số: nhìn từ lý luận và thực tiễn

2.1. Sự lan tỏa giá trị nhân văn và tinh thần “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”². Quan điểm này thể hiện sâu sắc phương pháp giáo dục đạo đức và xây dựng văn hóa trong xã hội: lấy cái tốt, cái đẹp làm chuẩn mực để định hướng hành vi và lan tỏa những giá trị tích cực trong cộng đồng. Trong bối cảnh hiện nay, tư tưởng đó tiếp tục được vận dụng trong môi trường số, khi không gian mạng trở thành một kênh quan trọng để truyền tải và lan tỏa các giá trị nhân văn của xã hội.

Thực tiễn cho thấy, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của internet và mạng xã hội, không gian mạng ngày càng trở thành một không gian văn hóa mới, nơi các chuẩn mực và giá trị xã hội được hình thành, chia sẻ và củng cố. Nhiều phong trào và chiến dịch truyền thông tích cực đã được lan tỏa rộng rãi trên các nền tảng mạng xã hội, góp phần khơi dậy tinh thần

trách nhiệm xã hội và ý thức cộng đồng. Các trào lưu như “sống xanh”, “uống nước nhớ nguồn”, “tự hào là người Việt Nam”, hay các chiến dịch truyền thông hướng tới bảo vệ chủ quyền biển đảo, hỗ trợ đồng bào gặp khó khăn trong thiên tai, dịch bệnh... đã thu hút hàng triệu lượt tương tác tích cực, tạo nên hiệu ứng xã hội sâu rộng.

Đáng chú ý, trong nhiều thời điểm khó khăn của đất nước, đặc biệt là trong giai đoạn phòng, chống đại dịch COVID-19, không gian mạng đã trở thành nơi kết nối cộng đồng, lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc. Nhiều hoạt động thiện nguyện, quyên góp hỗ trợ người khó khăn, chia sẻ thông tin tích cực và động viên tinh thần cộng đồng đã được tổ chức và lan truyền mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội. Điều này cho thấy không gian mạng không chỉ là công cụ truyền tải thông tin mà còn là một môi trường văn hóa có khả năng thúc đẩy các giá trị nhân văn và tinh thần trách nhiệm xã hội.

Nhìn từ góc độ lý luận, sự lan tỏa của các giá trị tích cực trên không gian mạng thể hiện rõ vai trò của văn hóa

¹ Xem bài ” Thị trường AI và mạng xã hội ở Việt Nam: Từ bùng nổ người dùng đến giai đoạn phổ cập, <https://1thegioi.vn/thi-truong-ai-va-mang-xa-hoi-o-viet-nam-tu-bung-no-nguoi-dung-den-giai-doan-pho-cap-245337.html>, truy cập: 28/1/20256.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 284.

như một nguồn lực nội sinh quan trọng của xã hội, đúng như quan điểm được khẳng định trong Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị. Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu phát huy sức mạnh của văn hóa và con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới, đồng thời xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh không chỉ trong đời sống thực mà cả trên không gian số. Điều này cho thấy Đảng ta đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phát triển văn hóa trong môi trường số và coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao “sức đề kháng văn hóa” của xã hội trước những tác động phức tạp của toàn cầu hóa và công nghệ số.

Từ góc độ thực tiễn, việc lan tỏa những giá trị tích cực trên không gian mạng cũng góp phần định hình các chuẩn mực ứng xử mới của công dân trong xã hội số. Khi những hành động đẹp, những câu chuyện nhân văn được chia sẻ rộng rãi và nhận được sự đồng thuận của cộng đồng, chúng không chỉ tạo ra hiệu ứng xã hội tích cực mà còn góp phần hình thành các chuẩn mực văn hóa mới phù hợp với điều kiện của thời đại số. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc vận dụng phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, lấy các giá

trị tích cực để định hướng và điều chỉnh hành vi xã hội.

Có thể thấy rằng, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, không gian mạng vừa là nơi tồn tại nhiều thách thức, vừa là một môi trường quan trọng để lan tỏa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Việc khuyến khích và nhân rộng những nội dung tích cực, những tấm gương người tốt việc tốt trên không gian mạng sẽ góp phần xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, củng cố các chuẩn mực đạo đức xã hội và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong thời đại mới.

2.2. Những thách thức từ sự lệch chuẩn và “xâm lăng văn hóa”

Bên cạnh những mặt tích cực, thực tiễn phát triển của xã hội số, văn hóa ứng xử trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức đáng lo ngại. Những biểu hiện lệch chuẩn trong hành vi giao tiếp và sự xâm nhập của các yếu tố văn hóa tiêu cực đã phần nào tác động đến môi trường văn hóa xã hội. Đảng ta đã nhiều lần cảnh báo về nguy cơ suy thoái về đạo đức, lối sống và sự xâm nhập của các yếu tố văn hóa phản cảm, đặc biệt trong bối cảnh bùng nổ thông tin trên môi trường mạng.

Trước hết, bạo lực ngôn từ và sự xuống cấp trong văn hóa giao tiếp trên không gian mạng đang trở thành một hiện tượng phổ biến. Do đặc trưng ẩn danh và tính mở của internet, một bộ phận người dùng mạng xã hội dễ dàng đưa ra những phát ngôn thiếu chuẩn mực, thậm chí mang tính công kích, xúc phạm danh dự và nhân phẩm của người khác. Các hiện tượng như “ném đá tập thể”, bình luận ác ý hoặc lan truyền thông tin chưa kiểm chứng không chỉ làm suy giảm các chuẩn mực văn hóa trong giao tiếp mà còn tạo ra môi trường thông tin tiêu cực, ảnh hưởng đến tâm lý xã hội và sự ổn định của cộng đồng mạng.

Thứ hai, sự lan truyền của tin giả (fake news) và thông tin sai lệch đang trở thành một thách thức lớn đối với quản trị xã hội trong thời đại số. Với tốc độ lan truyền nhanh chóng của mạng xã hội, nhiều thông tin chưa được kiểm chứng dễ dàng được chia sẻ rộng rãi, gây nhiễu loạn dư luận và làm suy giảm niềm tin của người dân đối với các nguồn thông tin chính thống. Trong nhiều trường hợp, tin giả còn bị lợi dụng để kích động tâm lý đám đông, gây chia rẽ xã hội hoặc làm tổn hại đến uy tín của tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, sự xâm nhập của các yếu tố văn hóa ngoại

lai phản cảm cũng đang đặt ra những thách thức đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới, nhiều nội dung văn hóa thiếu lành mạnh, lệch chuẩn hoặc mang tính thương mại hóa cực đoan đã xâm nhập vào đời sống văn hóa của xã hội. Điều này có thể dẫn đến sự xung đột giá trị giữa các chuẩn mực văn hóa truyền thống và những xu hướng văn hóa mới thiếu chọn lọc.

Nghị quyết số 80-NQ/TW (2026) của Bộ Chính trị đã chỉ rõ rằng sự bùng nổ của các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới đang kéo theo nhiều yếu tố phi văn hóa, có nguy cơ làm xói mòn các giá trị đạo đức xã hội và ảnh hưởng đến việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng môi trường thông tin số lành mạnh và nâng cao “sức đề kháng” văn hóa của xã hội trước các tác động tiêu cực của toàn cầu hóa và công nghệ số.

Những thách thức nêu trên cho thấy việc xây dựng một môi trường văn hóa số lành mạnh, văn minh và nhân văn là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Điều này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, các tổ chức xã

hội và mỗi cá nhân trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và pháp luật khi tham gia không gian mạng, đồng thời phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong môi trường số.

3. Định hướng giải pháp theo tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW

Những biểu hiện tích cực của việc lan tỏa các giá trị nhân văn trên không gian mạng cho thấy môi trường số có khả năng trở thành một không gian văn hóa mới, góp phần thúc đẩy các giá trị tốt đẹp của xã hội. Tuy nhiên, không gian mạng cũng đồng thời đặt ra nhiều thách thức từ sự lệch chuẩn trong hành vi giao tiếp, sự lan truyền của thông tin sai lệch và nguy cơ xâm nhập của các yếu tố văn hóa tiêu cực. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trên môi trường số không chỉ là yêu cầu của quản trị xã hội hiện đại mà còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người và phát triển

văn hóa, đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, văn minh và giàu bản sắc dân tộc.

Trước hết, cần tăng cường giáo dục ý thức “tự soi, tự sửa” và nâng cao năng lực văn hóa số cho công dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *Việc học tập là suốt đời. Văn hóa cũng phải học*. Quan điểm này khẳng định rằng việc hình thành và phát triển các chuẩn mực văn hóa không phải là quá trình nhất thời mà là sự rèn luyện lâu dài của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh xã hội số, việc giáo dục văn hóa ứng xử trên internet cần được coi là một nội dung quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong các chương trình truyền thông xã hội. Thông qua đó, thế hệ trẻ được trang bị khả năng nhận diện thông tin đúng – sai, nâng cao ý thức trách nhiệm khi chia sẻ thông tin và hình thành thái độ ứng xử văn minh khi tham gia các nền tảng số. Điều này không chỉ góp phần hạn chế những biểu hiện lệch chuẩn trên không gian mạng mà còn tạo nền tảng để lan tỏa các giá trị tích cực trong cộng đồng.

Bên cạnh đó, cần đề cao vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong môi trường số. Nghị quyết số 80-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng môi trường văn hóa xã hội. Trong không gian mạng, mỗi phát ngôn, mỗi hành vi của cán bộ, đảng viên không chỉ phản ánh trách nhiệm cá nhân mà còn có tác động định hướng đối với dư luận xã hội. Do đó, cán bộ, đảng viên cần thể hiện sự chuẩn mực trong giao tiếp, chia sẻ thông tin có trách nhiệm, đồng thời tích cực lan tỏa những giá trị tích cực của văn hóa Việt Nam. Việc thực hiện tốt vai trò nêu gương sẽ góp phần củng cố niềm tin xã hội và định hướng hành vi văn hóa trong cộng đồng mạng.

Đồng thời, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả quản lý văn hóa trên môi trường số. Việc triển khai hiệu quả các quy định của Luật An ninh mạng, cùng với các bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, là cơ sở quan trọng để xây dựng môi trường thông tin minh bạch và có trách nhiệm. Đồng thời, trong bối cảnh chuyển đổi số sâu rộng, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo đang đặt ra những yêu cầu mới đối với văn hóa ứng xử số.

Văn hóa ứng xử trên không gian mạng không còn chỉ dừng lại ở giao tiếp văn minh, tôn trọng lẫn nhau, mà còn mở rộng sang trách nhiệm sử dụng công nghệ một cách minh bạch, an toàn và có đạo đức. Việc tuân thủ Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Trí tuệ nhân tạo, cũng như Bộ quy tắc ứng xử mạng xã hội trở thành một tiêu chuẩn quan trọng, đòi hỏi mỗi cá nhân, tổ chức phải có ý thức bảo vệ quyền riêng tư, không thu thập, chia sẻ hay khai thác dữ liệu trái phép nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật, xây dựng sự tôn trọng và bảo mật trong giao tiếp số, đảm bảo tính minh bạch, ngăn chặn sự giả mạo văn hoá và định hướng hành vi văn minh, phù hợp thuần phong mỹ tục. Bên cạnh đó, cùng với định hướng xây dựng Luật Trí tuệ nhân tạo, yêu cầu về tính minh bạch trong sử dụng AI ngày càng cấp thiết, thể hiện qua việc cần dán nhãn nội dung do AI tạo ra, kiểm soát tin giả, nội dung giả mạo (deepfake) và hạn chế việc lợi dụng công nghệ để thao túng thông tin.

Tuy nhiên, theo tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW, quản lý văn hóa trong kỷ nguyên số không chỉ dựa vào các công cụ pháp luật mà cần kết hợp hài hòa giữa pháp luật, đạo đức xã hội và sức

manh của văn hóa. Điều này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và cộng đồng người dùng internet trong việc xây dựng các chuẩn mực ứng xử phù hợp với môi trường số, trong đó đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm sử dụng công nghệ một cách nhân văn, minh bạch và có trách nhiệm. Đồng thời, cần nâng tầm giải pháp về nguồn lực để bảo đảm tính khả thi của các mục tiêu đề ra. Theo tinh thần của Nghị quyết số 80-NQ/TW, việc hiện thực hóa chủ trương dành tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa cần được cụ thể hóa ở địa phương, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng văn hóa số, xây dựng các nền tảng số phục vụ sáng tạo và phổ biến nội dung văn hóa, cũng như đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn hóa số có kỹ năng và tư duy đổi mới. Đây là điều kiện then chốt để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa một cách đồng bộ, bền vững.

Gắn kết với thực tiễn Đồng Tháp: Việc xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng cần được cụ thể hóa sâu sắc hơn thông qua việc phát huy ba giá trị cốt lõi của con người Đồng Tháp là “Nghĩa tình, Năng động, Sáng tạo”. Trước hết, “Nghĩa tình trên mạng” thể hiện ở ý thức

trách nhiệm trong từng hành vi trên môi trường số, từ việc tôn trọng người khác, không lan truyền thông tin sai lệch đến việc chủ động bảo vệ danh dự, uy tín của cá nhân và cộng đồng, là sự chia sẻ thông tin tích cực, giúp đỡ cộng đồng, không tham gia vào các trào lưu tiêu cực, công kích cá nhân. Đây chính là nền tảng đạo đức quan trọng giúp hình thành một không gian mạng nhân văn, lành mạnh. Bên cạnh đó, tinh thần “Năng động trong chuyển đổi số” là việc làm chủ các công cụ công nghệ để phát triển kinh tế, quảng bá hình ảnh địa phương (ví dụ như mô hình “Làng thông minh” hay kinh tế sen trên các nền tảng số), đòi hỏi mỗi cá nhân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải chủ động thích ứng với chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số, tích cực tham gia các nền tảng số để lan tỏa thông tin chính thống, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, giá trị “Sáng tạo nội dung số” là khuyến khích các nghệ sĩ, thanh niên Đồng Tháp sản xuất các sản phẩm nghệ thuật số mang đậm bản sắc vùng đất Sen hồng để giới thiệu với bạn bè quốc tế, cần được phát huy trong việc xây dựng nội dung văn hóa số phong phú, hấp dẫn, khai thác hiệu quả các nền tảng công nghệ để quảng bá hình ảnh

đất và người Đồng Tháp theo hướng hiện đại, thân thiện và giàu bản sắc.

Song song đó, việc cụ thể hóa các mục tiêu phát triển văn hóa của tỉnh đến năm 2030 cần được gắn chặt với quá trình chuyển đổi số. Đồng Tháp đặt mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân, đồng thời phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp văn hóa gắn với lợi thế địa phương. Trong đó, chú trọng các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I (nhiệm kỳ 2025-2030) đã đề ra như: tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống 22%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 43,5%, không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến năm 2030, có 100% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia,... Muốn vậy, cần nâng cao năng lực số và ý thức văn hoá số cho người lao động, tích hợp giáo dục văn hoá ứng xử mạng vào chương trình học, xây dựng các điểm truy cập internet cộng đồng có định hướng văn hoá và sử dụng mạng xã hội như một công cụ thoát nghèo bền vững, tăng tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động văn hóa, nâng cao tỷ lệ gia đình văn hóa, phát triển

hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đồng bộ; đẩy mạnh số hóa di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa gắn với hình ảnh “Đất Sen hồng”; xây dựng các sản phẩm văn hóa - du lịch đặc trưng trên nền tảng số; và từng bước hình thành thị trường nội dung số mang bản sắc Đồng Tháp.

Việc đầu tư nguồn lực cho văn hóa không chỉ dừng lại ở cơ sở vật chất mà cần ưu tiên phát triển hạ tầng số, nền tảng số và nguồn nhân lực văn hóa số chất lượng cao. Đây chính là điều kiện quan trọng để hiện thực hóa mục tiêu đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, đồng thời là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Thông qua việc gắn kết chặt chẽ giữa các giá trị con người Đồng Tháp với các mục tiêu phát triển văn hóa đến năm 2030, có thể thấy rằng xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là chiến lược lâu dài nhằm nâng cao “sức đề kháng văn hóa” của xã hội. Đây cũng chính là cách để Đồng Tháp phát huy bản sắc riêng, lan tỏa những giá trị tốt đẹp ra cộng đồng, góp phần xây dựng hình ảnh con người Đồng Tháp hiện đại nhưng vẫn đậm đà nghĩa tình trong kỷ nguyên số.

Đồng thời, cần cụ thể hóa giải pháp nêu gương gắn với phong trào xây dựng con người Đồng Tháp mẫu mực. Chủ động bố trí và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho văn hóa, đặc biệt là nguồn lực cho chuyển đổi số, nhằm triển khai các chương trình số hóa di sản văn hóa Sen hồng, xây dựng hệ sinh thái quảng bá văn hóa - du lịch trên nền tảng số, và thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa tại địa phương theo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Một khía cạnh khác cũng cần lưu ý, Văn hóa là “Hệ điều tiết” cho sự phát triển. Nghị quyết 80-NQ/TW khẳng định văn hóa là “hệ điều tiết”. Đây là một khái niệm lý luận rất sâu sắc. Trong không gian mạng, sự phát triển nóng của công nghệ nếu không có sự điều tiết của văn hóa sẽ dẫn đến sự lệch lạc, vô cảm và đánh mất bản sắc. Văn hóa đóng vai trò như một “bộ lọc” tự nhiên, giúp mỗi công dân tự biết nên chia sẻ điều gì, nên phân bác điều gì. Xây dựng “hệ sinh thái văn hóa số”, trong hệ sinh thái đó, doanh nghiệp công nghệ là động lực, nhưng người dân phải là chủ thể và là trung tâm. Nếu không gian mạng chỉ đầy rẫy quảng cáo cờ bạc, tin độc hại (như thực trạng năm 2025-2026 cho thấy các vụ tấn công

mạng giảm nhưng tổn hại lại tăng), thì đó là sự thất bại của hệ điều tiết văn hóa. Bên cạnh đó, Trong thời đại số, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc mà còn là bảo vệ “không gian sống” tinh thần của nhân dân, đó là vấn đề về An ninh văn hóa và chủ quyền số. Văn hóa ứng xử trên mạng chính là một phần của quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Sự xâm nhập của các yếu tố phi văn hóa qua các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới chính là một hình thức “xâm lăng văn hóa” mới. Do đó, việc lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới thông qua các triển lãm nghệ thuật số (như dự án “Tầm” tại Venice Biennale năm 2026) là cách tốt nhất để thực hiện chủ quyền số và gia tăng sức mạnh mềm quốc gia, do đó cần quan tâm thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa số để chiếm lĩnh thị trường nội địa và vươn tầm quốc tế.

Khi những nội dung mang giá trị nhân văn được lan tỏa rộng rãi, chúng sẽ góp phần định hướng dư luận xã hội và hình thành các chuẩn mực văn hóa mới phù hợp với điều kiện của thời đại số. Đây cũng chính là biểu hiện sinh động của phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, lấy các giá trị tích cực để định hướng hành

vi xã hội và hạn chế những biểu hiện tiêu cực trên không gian mạng.

Từ những định hướng trên có thể thấy rằng, việc xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Sự kết hợp giữa giáo dục, nêu gương, hoàn thiện thể chế và bảo đảm nguồn lực đầu tư cho văn hóa, đặc biệt là trong lĩnh vực số, sẽ góp phần xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, qua đó phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam và “sức đề kháng văn hóa” của xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

4. Kết luận

Xây dựng văn hóa ứng xử trên không gian mạng là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển văn hóa Việt Nam trong thời đại số. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, không gian mạng đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của đời sống xã hội, nơi các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức và hành vi xã hội được hình thành và lan tỏa nhanh chóng. Vì vậy, việc xây dựng các chuẩn mực ứng xử văn minh trên môi trường số không chỉ là yêu cầu của quản trị xã hội hiện đại mà còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm bảo vệ nền

tăng tư tưởng của Đảng, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị (2026) về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới sẽ tạo cơ sở quan trọng để xây dựng môi trường văn hóa số trước những tác động phức tạp của toàn cầu hóa và sự bùng nổ của các

nền tảng công nghệ số. Thông qua việc kết hợp đồng bộ giữa giáo dục văn hóa số, hoàn thiện thể chế quản lý, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên và lan tỏa các giá trị tích cực trên không gian mạng, môi trường số có thể trở thành một không gian thúc đẩy sự phát triển của các giá trị nhân văn và tinh thần cộng đồng.

Khi văn hóa thực sự “soi đường” trên không gian

mạng, môi trường số sẽ không chỉ là nơi trao đổi thông tin mà còn trở thành một không gian văn hóa lành mạnh, văn minh và giàu bản sắc dân tộc. Điều này góp phần củng cố nền tảng tinh thần của xã hội, tăng cường sức mạnh mềm của quốc gia và tạo động lực quan trọng cho quá trình phát triển bền vững của đất nước, hướng tới mục tiêu xây dựng Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2026): *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014): *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.*
3. Chính phủ (2014): *Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 14/5/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.*
4. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 284.
5. Xem bài “*Thị trường AI và mạng xã hội ở Việt Nam: Từ bùng nổ người dùng đến giai đoạn phổ cập*”, [https://1thegioi.vn/thi-truong-ai-va-mang-xa-hoi-o-viet-nam-tu-bung-no-nguoi-dung-den-giai-doan-pho-cap-245337.html](https://1thegioi.vn/thi-truong-ai-va-mang-xa-hoi-o-viet-nam-tu-bung-no-nguoi-dung-den-giai-doan-pho-cap), truy cập: 28/1/20256.

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC - Ý CHÍ CHÍNH TRỊ NHẤT QUÁN CỦA ĐẢNG TỪ GÓC NHÌN TÁC PHẨM CỦA CỐ TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

✪ LÊ NGUYỄN TUYẾT LỘC*

Tóm tắt: Ý chí chính trị kiên định của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực được khởi nguồn từ tư tưởng Hồ Chí Minh, ý chí này đã phát triển mạnh mẽ qua các giai đoạn, đặc biệt là từ thời kỳ Đổi mới với việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương. Các quan điểm cốt lõi như “không có vùng cấm”, “kiên quyết, kiên trì”, “phòng là chính, chống là quan trọng” và coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là gốc rễ thể hiện sự quyết tâm không lay chuyển. Tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là sự kết tinh toàn diện những tư tưởng chỉ đạo và kinh nghiệm thực tiễn, khẳng định rõ quyết tâm cao nhất của Đảng, củng cố niềm tin trong nhân dân và nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam.

Từ khóa: Ý chí chính trị; không vùng cấm; kiên quyết, kiên trì; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tác phẩm Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tham nhũng và tiêu cực từ lâu đã trở thành một vấn nạn nhức nhối mang tính toàn cầu, thách thức sự ổn định và phát triển của mọi quốc gia, không phân biệt trình độ phát triển hay thể chế chính trị. Những hành vi sai trái này không chỉ bào mòn nguồn lực quốc gia, bóp méo môi trường cạnh

tranh lành mạnh, mà còn làm xói mòn nghiêm trọng niềm tin của nhân dân vào sự công bằng xã hội, vào tính chính đáng và năng lực quản lý của bộ máy nhà nước. Tại Việt Nam, đã nhận diện rõ mối nguy hại tiềm tàng này đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự tồn vong của chế độ. Trong bối cảnh đó, Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã cho ra

đời tác phẩm “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”. Cuốn sách không chỉ là sự tổng kết sâu sắc, toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn của công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm qua, mà còn là một cẩm nang quý giá, cung cấp những định hướng, quan điểm chỉ đạo và bài học kinh nghiệm sâu sắc. Tác phẩm đã hệ thống hóa một cách khoa học những tư tưởng cốt lõi, khẳng định mạnh mẽ quyết tâm chính trị không lay chuyển của Đảng ta trong cuộc chiến cam go nhưng tất yếu này. Bài tham luận này sẽ tập trung phân tích và làm rõ “ý chí chính trị nhất quán và xuyên suốt của Đảng ta” trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, dựa trên nền tảng tư tưởng chỉ đạo của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

II. NỘI DUNG

2.1. Sự hình thành và phát triển ý chí chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, được tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục, “không ngừng”, “không nghỉ” ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực, đây là một quá trình thực hiện lâu dài, khó khăn, phức tạp. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần khẳng định ý chí này, với câu nói “Lò đã nóng lên rồi thì củi tươi vào cũng phải cháy” [5, tr.530]. Công tác này là một quá trình được hun đúc và phát triển qua nhiều giai đoạn cách mạng, từ những ngày đầu giành độc lập đến thời kỳ đổi mới và hội nhập sâu rộng ngày nay.

Trong giai đoạn trước đổi mới, ngay từ những ngày đầu thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn sự trong sạch của bộ máy chính quyền, coi đây là yếu tố sống còn để củng cố niềm tin của nhân dân. Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên về đạo đức cách mạng, về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, và kiên quyết chống lại các tệ nạn như “quan liêu, tham ô, lãng phí”. Dù chưa sử

dụng thuật ngữ “tham nhũng” một cách phổ biến như hiện nay, những chỉ đạo của Người đã đặt nền móng tư tưởng cho công tác phòng, chống cái xấu, cái sai trong Đảng và bộ máy nhà nước.

Trong giai đoạn chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước đã có những biện pháp chấn chỉnh, xử lý các vụ việc tiêu cực, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí. Mặc dù công tác này chưa được hệ thống hóa thành một chiến lược toàn diện, nhưng nó thể hiện nhận thức ban đầu về sự cần thiết phải giữ gìn sự trong sạch của đội ngũ cán bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước và Nhân dân. Các phong trào chỉnh đốn Đảng, cuộc vận động “Ba xây, ba chống” (chống tham ô, lãng phí, quan liêu) là những minh chứng cụ thể cho ý chí này, dù trong bối cảnh chiến tranh, trọng tâm vẫn là đoàn kết toàn dân để giành thắng lợi.

Đến thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, dễ dàng nhận thấy từ Đại hội VI của Đảng năm 1986, khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, tham nhũng, tiêu cực có điều kiện phát triển phức tạp hơn. Điều này buộc Đảng phải có sự nhìn nhận thẳng thắn, toàn diện và quyết liệt hơn đối với vấn đề này. Trong đó đã thực

hiện những nhiệm vụ trọng yếu như sau”

Thứ nhất, từ những nhận diện đầu tiên đến sự cảnh báo về “quốc nạn”

Các Nghị quyết của Đảng qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX đã bắt đầu đề cập nhiều hơn đến nguy cơ tham nhũng, coi đây là một trong những thách thức lớn đối với sự phát triển. Tuy nhiên, phải đến Đại hội X (2006) và đặc biệt là Đại hội XI (2011), công tác phòng, chống tham nhũng mới thực sự được đặt ở vị trí quan trọng đặc biệt, với những nhận định và chỉ đạo mang tính đột phá. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần nhấn mạnh tham nhũng là “quốc nạn”, là “kẻ thù nội tại”, nếu không được ngăn chặn sẽ đe dọa sự sống còn của chế độ. Nhận thức này không chỉ là lời cảnh báo mà còn là sự thể hiện ý chí chính trị cao nhất của người đứng đầu Đảng.

Thứ hai, thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (năm 2013)

Đây là một dấu mốc lịch sử quan trọng, thể hiện sự quyết tâm chính trị tột bậc của Đảng. Việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (nay là Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực) do Cố Tổng Bí thư

đứng đầu đã khẳng định sự tập trung, thống nhất và cao nhất của quyền lực chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác này. Sự ra đời của cơ quan này đã tạo nên một “lò lửa” đấu tranh mạnh mẽ, hiệu quả, đặc biệt trong việc xử lý các vụ án lớn, phức tạp, tạo niềm tin trong nhân dân.

Thứ ba, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (2016) và khóa XIII (2021) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Đây là những nghị quyết mang tính chiến lược, thể hiện sự nhận thức sâu sắc của Đảng về gốc rễ của tham nhũng và tiêu cực. Các nghị quyết này đã mở rộng phạm vi đấu tranh từ chỉ chống tham nhũng sang chống cả “tiêu cực”, với trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cán bộ, đảng viên. Việc coi tiêu cực là gốc rễ, là mảnh đất dung dưỡng cho tham nhũng đã nâng tầm ý chí chính trị, chuyển từ chữa trị triệu chứng sang chữa trị căn nguyên.

Thứ tư, triển khai đồng bộ các giải pháp

Ý chí chính trị không chỉ thể hiện ở nhận thức mà còn ở hành động. Đảng đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp từ hoàn thiện thể chế, pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát,

thanh tra, điều tra, xét xử; đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền; đến tăng cường hợp tác quốc tế. Điều này thể hiện sự kiên quyết, kiên trì, không ngừng nghỉ trong mọi mặt trận của cuộc chiến.

2.2. Những quan điểm chỉ đạo cốt lõi thể hiện ý chí chính trị nhất quán

Ý chí chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thể hiện rõ nét qua một hệ thống các quan điểm chỉ đạo sắc bén, được tổng kết và khẳng định nhiều lần trong các văn kiện của Đảng và đặc biệt được Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đúc kết, làm sâu sắc thêm trong tác phẩm của mình. Những quan điểm này không chỉ là kim chỉ nam cho hành động mà còn là tuyên ngôn về quyết tâm của Đảng.

Thứ nhất, “Không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai

Đây là một trong những quan điểm mang tính đột phá và quyết định nhất, thể hiện rõ nhất sự kiên quyết của Đảng trong cuộc chiến chống tham nhũng, tiêu cực. Quan điểm này có ý nghĩa sâu sắc, trong đó tính nghiêm minh và công bằng được thể hiện rõ nét, nó khẳng định rằng mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực, dù do bất kỳ ai thực hiện, ở bất kỳ

cương vị nào, đều sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Không có ai đứng trên pháp luật hay đứng ngoài sự kiểm soát của Đảng. Quan điểm này đã phá vỡ rào cản tâm lý e ngại, lo ngại va chạm, “dĩ hòa vi quý” trong nội bộ, đặc biệt là đối với những trường hợp cán bộ cấp cao, có chức vụ, quyền hạn lớn. Việc xử lý hàng loạt các tướng lĩnh, cán bộ cấp cao, cả đương chức và đã nghỉ hưu trong những năm gần đây đã minh chứng rõ ràng cho quan điểm này, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự công bằng và quyết tâm của Đảng. Từ đó tạo ra sự răn đe mạnh mẽ, khi bất kỳ ai cũng có thể bị xử lý, nó tạo ra một áp lực răn đe rất lớn, buộc cán bộ, đảng viên phải tự soi, tự sửa, giữ mình trước những cám dỗ.

Thứ hai, “Kiên quyết, kiên trì”

Hai từ này không chỉ là khẩu hiệu mà là phương châm hành động cốt lõi, phản ánh đúng bản chất của cuộc đấu tranh. *Kiên quyết*, thể hiện sự quyết liệt, không khoan nhượng, không chùn bước trước bất kỳ khó khăn, phức tạp hay sự chống đối nào. Đó là thái độ dứt khoát, không nhân nhượng với cái xấu, cái sai, thể hiện qua việc xử lý nhanh chóng, dứt điểm các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu

cực. Còn *kiên trì*, thể hiện tính bền bỉ, lâu dài, không ngừng nghỉ. Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không phải là chiến dịch nhất thời mà là một cuộc đấu tranh cam go, phức tạp, đòi hỏi sự bền bỉ theo năm tháng. Nó bao gồm cả việc phòng ngừa từ xa, phát hiện sớm, và xử lý kịp thời, liên tục hoàn thiện thể chế và nâng cao nhận thức. Sự “kiên trì” còn thể hiện ở việc theo dõi, giám sát liên tục, không để tham nhũng, tiêu cực có cơ hội tái diễn hoặc phát triển dưới hình thức mới.

Thứ ba, “Phòng là chính, chống là quan trọng”

Quan điểm này thể hiện cách tiếp cận toàn diện, khoa học trong cuộc đấu tranh. *Phòng là chính* nhằm nhấn mạnh vai trò chủ động trong việc ngăn chặn tham nhũng, tiêu cực ngay từ đầu. Điều này bao gồm việc hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật để không thể tham nhũng; tăng cường công khai, minh bạch trong mọi hoạt động; kiểm soát quyền lực chặt chẽ; giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. “Nhốt quyền lực vào trong lồng thể chế” là một minh chứng cho tư duy phòng ngừa này. *Chống là quan trọng*, đây chính là việc “trị bệnh”, là “đốt lò” để loại bỏ những phần tử hư hỏng,

làm trong sạch bộ máy. Việc xử lý nghiêm minh các vụ án tham nhũng không chỉ răn đe mà còn có tác dụng cảnh tỉnh, giáo dục rất lớn.

Thứ tư, “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng là gốc rễ”

Đây là quan điểm mang tính chiến lược, đi sâu vào bản chất của vấn đề. Tham nhũng, tiêu cực suy cho cùng là biểu hiện của sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, bắt nguồn từ sự yếu kém trong công tác xây dựng Đảng. Do đó, việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ là nền tảng cốt lõi để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiệu quả. Chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, bởi đây là mảnh đất dung dưỡng, là căn nguyên sâu xa dẫn đến tham nhũng. Khi Đảng mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, thì nguy cơ tham nhũng, tiêu cực sẽ tự khắc giảm đi.

Thứ năm, “Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống””

Quan điểm này thể hiện tính biện chứng và toàn diện trong chỉ đạo. “Xây”, bao gồm xây dựng thể chế đồng bộ, hoàn thiện pháp luật, cơ chế kiểm soát quyền lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có đức,

có tài, xây dựng văn hóa liêm chính trong xã hội. Đó là quá trình tạo dựng một môi trường lành mạnh, không có chỗ cho tham nhũng. “Chống” là việc kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm, loại bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi bộ máy. “Chống” để “xây”, để củng cố kỷ cương phép nước và củng cố niềm tin. Hai mặt này không tách rời mà bổ sung, hỗ trợ cho nhau, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc đấu tranh.

Thứ sáu, “Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài”

Quan điểm này bác bỏ tư duy chiến dịch, khẳng định rằng cuộc đấu tranh này không có điểm dừng. Tham nhũng, tiêu cực là hiện tượng xã hội tồn tại khách quan, có thể biến đổi hình thức và phát sinh trong mọi giai đoạn phát triển. Do đó, cuộc đấu tranh đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, không ngừng nghỉ, phải thích ứng với mọi diễn biến mới.

2.3. Tác phẩm của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng – Sự kết tinh của ý chí chính trị

Cuốn sách “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh” của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, xuất

bản vào cuối năm 2022, không chỉ là một ấn phẩm thông thường mà là một công trình lý luận và thực tiễn có giá trị đặc biệt. Nó được xem là sự kết tinh sâu sắc nhất của ý chí chính trị, tầm nhìn chiến lược và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Cố Tổng Bí thư trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian qua được biểu hiện:

Thứ nhất, tác phẩm là sự tổng kết lý luận và thực tiễn toàn diện

Tác phẩm không chỉ đơn thuần là tập hợp các bài viết, bài phát biểu của Tổng Bí thư mà còn là một sự hệ thống hóa, tổng kết một cách khoa học và sâu sắc về chặng đường 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực dưới sự lãnh đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương (giai đoạn 2012-2022). Cuốn sách đã làm rõ những vấn đề cốt lõi.

Từ góc nhìn của Đảng, tác phẩm đã phân tích rõ ràng khái niệm, biểu hiện và mối quan hệ biện chứng giữa tham nhũng và tiêu cực, đặc biệt nhấn mạnh tiêu cực là gốc rễ, là mảnh đất dung dưỡng cho tham nhũng. Tác phẩm tập hợp và làm sáng tỏ những quan điểm chỉ đạo cốt lõi mà chúng ta đã phân tích ở trên (như “không có vùng cấm”, “kiên quyết, kiên trì”, “phòng

là chính, chống là quan trọng”, “xây và chống”), cho thấy tính nhất quán và xuyên suốt trong tư duy lãnh đạo. Cuốn sách đã thẳng thắn đánh giá những kết quả nổi bật đạt được, đồng thời rút ra những bài học xương máu từ thực tiễn cuộc đấu tranh, giúp định hình phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

Thứ hai, tác phẩm đã góp phần nâng tầm tư duy lý luận và hành động

Tác phẩm của Tổng Bí thư không chỉ dừng lại ở việc tổng kết mà còn có vai trò dẫn dắt, định hướng tư duy và hành động trong toàn Đảng và xã hội. Làm sâu sắc thêm nhận thức. Cuốn sách giúp cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu sâu sắc hơn về tính chất phức tạp, cam go nhưng cũng rất cần thiết của cuộc đấu tranh. Nó củng cố nhận thức rằng đây là một cuộc chiến “không ngừng nghỉ”, “lâu dài”, “một mất một còn” với những “kẻ thù nội tại”. Các tư tưởng chỉ đạo, các đúc kết kinh nghiệm trong tác phẩm là những định hướng quý báu để các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước và từng cán bộ, đảng viên vận dụng vào thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, đơn vị mình. Nó giúp thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Việc đích thân Cố Tổng Bí thư

biên soạn và phát hành tác phẩm này không chỉ khẳng định vai trò tiên phong, gương mẫu của cá nhân ông mà còn là minh chứng hùng hồn cho ý chí chính trị cao nhất của Đảng. Nó gửi đi một thông điệp mạnh mẽ về sự kiên định, không khoan nhượng của Đảng đối với tham nhũng, tiêu cực, tạo động lực to lớn cho toàn xã hội.

Thứ ba, tác phẩm còn củng cố niềm tin trong Nhân dân và cộng đồng quốc tế

Sự ra đời và lan tỏa của tác phẩm đã góp phần quan trọng vào việc củng cố niềm tin của Nhân dân, khi người đứng đầu Đảng trực tiếp chỉ đạo, tổng kết và công khai hóa những quan điểm, quyết tâm về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Nhân dân càng có thêm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tính công bằng, minh bạch của Nhà nước. Điều này khuyến khích Nhân dân tích cực hơn trong việc phát hiện, tố giác các hành vi tiêu cực, tham nhũng. Nâng cao uy tín quốc tế của Việt Nam, tác phẩm thể hiện rõ cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc phòng, chống tham nhũng, phù hợp với các công ước quốc tế và nỗ lực chung của toàn cầu. Điều này góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

III. Kết luận

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không chỉ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà còn là một công cuộc mang tầm vóc sống còn đối với vận mệnh của Đảng, của chế độ và sự phát triển bền vững của đất nước Việt Nam. Qua quá trình phân tích sâu sắc, có thể thấy rõ rằng, ý chí chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc chiến cam go này không chỉ là nhất thời mà là một sự nhất quán và xuyên suốt, được hun đúc, phát triển qua từng giai đoạn lịch sử và được thể hiện rõ nét qua các chủ trương, quyết sách, hành động quyết liệt.

Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cùng với tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã và đang kiên định dẫn dắt cuộc

chiến này với một tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai”, thực hiện đồng bộ phương châm “phòng là chính, chống là quan trọng”, và coi xây dựng, chỉnh đốn Đảng là gốc rễ của mọi thành công. Tác phẩm của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chính là sự kết tinh tiêu biểu cho ý chí chính trị đó, tổng kết lý luận và thực tiễn, đồng thời cung cấp kim chỉ nam quý giá cho toàn Đảng, toàn dân trong cuộc đấu tranh đầy thử thách này.

Những thành tựu đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là việc xử lý nghiêm minh hàng loạt vụ án tham nhũng, tiêu cực lớn, thu hồi tài sản cho Nhà nước, đã minh chứng hùng hồn cho hiệu quả của ý chí chính trị kiên cường này. Công cuộc đó không chỉ củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tính ưu việt của

chế độ, mà còn nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đó là nền tảng vững chắc để xây dựng một Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân, vì dân.

Tuy nhiên, tham nhũng và tiêu cực vẫn là những thách thức lớn, đòi hỏi sự kiên trì và kiên quyết không ngừng nghỉ. Con đường phía trước còn nhiều cam go, phức tạp. Nhưng với ý chí chính trị nhất quán và xuyên suốt đã được khẳng định, và với sự đồng lòng, ủng hộ của toàn dân, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng rằng, công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực sẽ tiếp tục đạt được những thắng lợi to lớn hơn nữa. Đây là cuộc chiến vì tương lai của dân tộc, vì một Việt Nam phát triển bền vững, phồn vinh và hạnh phúc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương. (2016). *Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.
2. Ban Chấp hành Trung ương. (2021). *Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tập 2*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Nguyễn Phú Trọng. (2022). *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*. Hà Nội. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Tóm tắt: *Chuyển đổi số đang trở thành xu thế phát triển tất yếu của quản trị quốc gia trong kỷ nguyên số, tác động sâu sắc đến phương thức tổ chức và vận hành của hệ thống chính trị. Trong bối cảnh đó, vấn đề kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương - nơi trực tiếp tổ chức thực thi đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước - đang đặt ra nhiều yêu cầu mới. Do đó, việc thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, phù hợp với đặc trưng của quản trị số có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước được thực thi minh bạch, đúng mục đích và phục vụ lợi ích của Nhân dân. Bài viết phân tích sâu về sự biến đổi của cấu trúc quyền lực trong quản trị số, một số vấn đề đặt ra đối với kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương và một số giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số.*

Từ khóa: *chuyển đổi số; kiểm soát quyền lực; chính quyền số; quyền lực dữ liệu; quyền lực thuật toán.*

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở ĐỊA PHƯƠNG HIỆN NAY

✦ TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG*

✦ NGUYỄN THỊ KIM HUỆ*

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị nhà nước. Sự phát triển của các công nghệ như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số đã tạo ra những thay đổi sâu sắc trong hoạt động của bộ máy công quyền. Ở Việt Nam, chuyển đổi số được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng chính phủ số và phát triển kinh tế số.

Tuy nhiên, chuyển đổi số không chỉ là quá trình ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước mà còn là quá trình tái cấu trúc mô hình quản trị. Khi dữ liệu và công nghệ trở thành nguồn lực quan trọng của quản trị, quyền lực trong hệ thống quản lý nhà nước không còn chỉ gắn với thẩm quyền hành chính truyền thống

mà còn gắn với khả năng kiểm soát dữ liệu và vận hành các hệ thống công nghệ.

Sự biến đổi này đặt ra những thách thức mới đối với cơ chế kiểm soát quyền lực, đặc biệt trong hệ thống chính trị địa phương - nơi trực tiếp tổ chức thực thi đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nếu không có cơ chế kiểm soát phù hợp, quyền lực dữ liệu và quyền lực công nghệ có thể tạo ra những nguy cơ mới đối với tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về kiểm soát quyền lực

Trong tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề kiểm soát quyền lực luôn gắn với yêu cầu ngăn ngừa sự tha hóa quyền lực trong bộ máy nhà nước.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Khi phân tích nguồn gốc của nhà nước, Mác và Ăngghen cho rằng nhà nước là sản phẩm của những điều kiện lịch sử nhất định và có xu hướng tách khỏi xã hội nếu không được kiểm soát. Ăngghen từng chỉ ra rằng nhà nước khi đã hình thành có thể trở thành một lực lượng đứng trên xã hội và xa rời xã hội. Điều này cho thấy quyền lực nhà nước luôn tiềm ẩn nguy cơ tha hóa. Từ góc độ đó, Mác nhấn mạnh vai trò của nhân dân trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Khi nghiên cứu kinh nghiệm của Công xã Paris năm 1871, Mác cho rằng việc các đại biểu có thể bị bãi miễn và phải chịu trách nhiệm trước cử tri là một cơ chế quan trọng nhằm hạn chế sự tách rời giữa bộ máy nhà nước và xã hội.

Kế thừa tư tưởng của Mác và Ăngghen, Lênin đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu kiểm tra và giám sát đối với bộ máy nhà nước. Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, Lênin cho rằng nếu thiếu cơ chế kiểm soát hiệu quả, bộ máy nhà nước có thể trở thành một lực lượng quan liêu và xa rời nhân dân.

Những luận điểm này cho thấy kiểm soát quyền lực là yêu cầu khách quan trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Trong bối cảnh

chuyển đổi số, khi quyền lực ngày càng gắn với dữ liệu và công nghệ, yêu cầu kiểm soát quyền lực càng trở nên quan trọng.

2.2. Sự biến đổi của cấu trúc quyền lực trong quản trị số và một số vấn đề đặt ra đối với kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương

Quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và vận hành của bộ máy nhà nước, đồng thời tái cấu trúc các quan hệ quyền lực trong hệ thống quản trị công. Nếu trong mô hình quản trị truyền thống, quyền lực chủ yếu gắn với thẩm quyền hành chính và hệ thống thiết chế tổ chức, thì trong môi trường quản trị số quyền lực ngày càng gắn chặt với dữ liệu, hạ tầng công nghệ và khả năng vận hành các nền tảng số. Sự biến đổi này không chỉ tạo ra những cơ hội mới nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường minh bạch trong hoạt động của bộ máy công quyền mà còn đặt ra nhiều vấn đề mới đối với cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương. Những vấn đề này xuất phát từ cả phương diện thể chế, phương thức vận hành quyền lực và năng lực quản trị của các chủ thể trong hệ thống chính trị.

Một là, sự hình thành và gia tăng vai trò của quyền lực dữ liệu trong quá trình quản trị công. Trong bối cảnh chuyển đổi số, dữ liệu trở thành nguồn lực chiến lược của quản trị nhà nước. Các cơ quan quản lý có khả năng thu thập, lưu trữ và xử lý khối lượng lớn dữ liệu liên quan đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội, từ đó sử dụng dữ liệu để hỗ trợ quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Khả năng tiếp cận và khai thác dữ liệu vì vậy trở thành một yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả quản trị. Tuy nhiên, chính sự gia tăng vai trò của dữ liệu cũng làm xuất hiện dạng quyền lực mới - quyền lực dữ liệu. Chủ thể nào kiểm soát hệ thống dữ liệu và có khả năng khai thác dữ liệu hiệu quả sẽ có lợi thế đáng kể trong quá trình ra quyết định quản lý. Nếu không có cơ chế quản trị dữ liệu minh bạch và cơ chế giám sát phù hợp, quyền lực dữ liệu có thể dẫn đến nguy cơ độc quyền thông tin hoặc sử dụng dữ liệu vì những mục đích không phù hợp với lợi ích chung. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng các cơ chế quản trị dữ liệu công khai, minh bạch và có khả năng truy xuất, qua đó bảo đảm dữ liệu được sử dụng đúng mục đích và phục vụ lợi ích của xã hội.

Hai là, sự phát triển nhanh chóng của các hệ thống công nghệ số và thuật toán quản trị đang đặt ra những thách thức mới, mang tính cấu trúc, đối với cơ chế kiểm soát quyền lực trong quản trị công. Trong các mô hình quản trị số hiện nay, công nghệ không còn dừng lại ở vai trò công cụ hỗ trợ mà đã tham gia trực tiếp vào quá trình ra quyết định, thông qua các hệ thống phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Những hệ thống này có khả năng dự báo xu hướng, tối ưu hóa lựa chọn chính sách và tự động hóa nhiều khâu trong quy trình quản lý, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, chính sự “nhúng sâu” của công nghệ vào quá trình ra quyết định cũng làm xuất hiện một dạng quyền lực mới - quyền lực thuật toán.

Vấn đề đặt ra là, nếu các thuật toán không được thiết kế và vận hành trên cơ sở minh bạch, kiểm chứng được và có trách nhiệm giải trình, thì nguy cơ thiên lệch dữ liệu (algorithmic bias) hoặc thao túng thông tin là hoàn toàn có thể xảy ra. Chẳng hạn, trong hệ thống một cửa điện tử, thuật toán có thể tự động phân loại, ưu tiên hoặc từ chối hồ sơ dựa trên các tiêu chí lập trình sẵn; khi các tiêu chí này thiếu công khai hoặc bị thiết kế thiên lệch,

hệ thống có thể tạo ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ công. Tương tự, trong xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, các công cụ phân tích dữ liệu có thể được sử dụng để “xếp hạng ưu tiên” vụ việc; khi đó, tiến độ và kết quả giải quyết không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp luật mà còn chịu sự chi phối của logic thuật toán – vốn khó được nhận diện và giám sát một cách trực quan.

Hệ quả là, quyền lực trong quản trị có xu hướng dịch chuyển từ chủ thể hành chính hữu hình sang các hệ thống công nghệ “vô hình”, làm mờ ranh giới trách nhiệm và gia tăng độ phức tạp của cơ chế giải trình. Khi các quyết định quản lý ngày càng phụ thuộc vào hệ thống số, việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm cuối cùng trở nên khó khăn hơn, đặc biệt trong các trường hợp sai lệch do thuật toán gây ra.

Vì vậy, phải thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực đối với các hệ thống thuật toán trong quản trị công, bao gồm: bảo đảm tính minh bạch trong thiết kế và vận hành, khả năng giải thích quyết định (explainability), cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát độc lập. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm công nghệ thực sự phục vụ quản trị công minh bạch, công bằng và có trách nhiệm giải trình.

Ba là, quá trình chuyển đổi số đang tạo ra những khoảng trống nhất định trong thể chế quản trị và kiểm soát quyền lực. Trong nhiều trường hợp, tốc độ phát triển của công nghệ số nhanh hơn đáng kể so với quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và các thiết chế giám sát. Điều này dẫn tới tình trạng một số hoạt động quản trị số chưa được điều chỉnh đầy đủ bởi khung pháp lý hiện hành. Chẳng hạn, các quy định về quản trị dữ liệu, phân quyền truy cập thông tin hoặc trách nhiệm giải trình trong môi trường số ở nhiều trường hợp vẫn chưa rõ ràng. Khi các hệ thống dữ liệu và nền tảng số trở thành công cụ quan trọng trong quá trình ra quyết định quản lý, nếu thiếu các quy định pháp lý chặt chẽ về việc thu thập, sử dụng và chia sẻ dữ liệu, nguy cơ lạm dụng quyền lực hoặc thao túng thông tin có thể phát sinh. Vì vậy, việc hoàn thiện thể chế quản trị số trở thành một yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm các hoạt động quản lý dựa trên công nghệ số luôn nằm trong khuôn khổ pháp luật và chịu sự kiểm soát hiệu quả.

Bốn là, năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị địa phương vẫn còn nhiều hạn chế so với yêu cầu của quá trình chuyển đổi số. Chuyển đổi số không chỉ đòi hỏi sự thay đổi

về hạ tầng công nghệ mà còn yêu cầu đội ngũ cán bộ phải có năng lực sử dụng và quản trị các hệ thống công nghệ mới. Trong thực tế, trình độ ứng dụng công nghệ số của đội ngũ cán bộ ở nhiều địa phương chưa đồng đều, dẫn tới việc khai thác các hệ thống quản trị số chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Hơn nữa, nếu cán bộ thiếu hiểu biết về các nguyên tắc quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin, việc vận hành các hệ thống số có thể tiềm ẩn những rủi ro đối với hoạt động quản lý. Điều này cho thấy nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ không chỉ là yêu cầu của quá trình chuyển đổi số mà còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm các cơ chế kiểm soát quyền lực được thực thi hiệu quả trong môi trường quản trị số.

Năm là, cơ chế giám sát xã hội đối với hoạt động của bộ máy nhà nước trong môi trường số vẫn chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng của chuyển đổi số. Về lý thuyết, một trong những ưu thế nổi bật của chuyển đổi số là khả năng mở rộng và đa dạng hóa các kênh tương tác giữa chính quyền và người dân, qua đó tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin công, tham gia phản biện và phát hiện sai phạm trong quá trình thực thi công vụ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc khai thác các

nền tảng số nhằm tăng cường giám sát xã hội còn nhiều hạn chế cả về thiết kế thể chế lẫn hiệu quả vận hành. Nhiều hệ thống công khai thông tin chưa bảo đảm tính thân thiện, dễ tiếp cận và khả năng truy xuất dữ liệu, trong khi các cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi ý kiến của người dân trên môi trường số còn thiếu tính kịp thời, minh bạch và ràng buộc trách nhiệm.

Đáng chú ý, các chỉ số thực chứng như Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cho thấy sự lệch pha nhất định giữa mức độ phát triển công nghệ và chất lượng quản trị. Một số địa phương đạt thứ hạng cao về chuyển đổi số nhưng chưa tương xứng về minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát tham nhũng. Điều này khẳng định rằng chuyển đổi số, tự thân nó, không đồng nghĩa với việc gia tăng kiểm soát quyền lực nếu thiếu các thiết chế giám sát xã hội hiệu quả và cơ chế vận hành phù hợp. Hệ quả là vai trò giám sát của xã hội trong môi trường số chưa được phát huy đầy đủ, làm suy giảm một trong những trụ cột quan trọng của kiểm soát quyền lực nhà nước.

Vì vậy, phải xây dựng và hoàn thiện các nền tảng quản trị số theo hướng mở,

minh bạch và có tính tương tác cao, đồng thời thiết lập cơ chế bảo đảm mọi phản ánh, kiến nghị của người dân được tiếp nhận, xử lý và phản hồi một cách công khai, có trách nhiệm giải trình. Đây là điều kiện thiết yếu để chuyển hóa tiềm năng của chuyển đổi số thành năng lực thực chất trong giám sát xã hội, qua đó góp phần tăng cường kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương.

Sáu là, các rủi ro liên quan đến an ninh mạng và bảo mật dữ liệu đang trở thành thách thức ngày càng nghiêm trọng đối với công tác kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương. Trong bối cảnh các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công được số hóa sâu rộng, các hệ thống thông tin của cơ quan công quyền trở thành mục tiêu tiềm năng của các cuộc tấn công mạng, xâm nhập trái phép hoặc thao túng dữ liệu. Nếu hạ tầng bảo mật không được thiết kế đồng bộ và vận hành hiệu quả, nguy cơ rò rỉ, sai lệch hoặc bị chi phối dữ liệu có thể phát sinh, kéo theo những hệ lụy trực tiếp đối với tính chính xác của quyết định quản lý, hiệu quả điều hành và mức độ minh bạch của bộ máy nhà nước. Khi dữ liệu - vốn là nền tảng của quản trị số - bị tổn hại, không chỉ hiệu lực quản lý bị

suy giảm mà niềm tin của xã hội đối với chính quyền cũng bị ảnh hưởng. Do đó, bảo đảm an ninh mạng và an toàn dữ liệu không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là điều kiện nền tảng để duy trì tính ổn định, tin cậy và khả năng kiểm soát quyền lực trong môi trường quản trị số.

Thực tiễn tại tỉnh Đồng Tháp cho thấy rõ tính chất hai mặt của chuyển đổi số trong mối quan hệ với kiểm soát quyền lực. Theo Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2024, Đồng Tháp đạt 43,84 điểm, xếp hạng 26/63 tỉnh, thành phố, tăng 16 bậc so với năm trước; đồng thời duy trì nhiều năm trong nhóm dẫn đầu về quản trị môi trường và có sự cải thiện đáng kể trong cung ứng dịch vụ công. Những kết quả này phản ánh tác động tích cực của chuyển đổi số trong việc nâng cao tính minh bạch, giảm tiếp xúc trực tiếp giữa người dân và cán bộ, qua đó góp phần hạn chế các nguy cơ phát sinh tiêu cực.

Tuy nhiên, phân tích sâu các chỉ số thành phần cho thấy một số nội dung như minh bạch và trách nhiệm giải trình vẫn còn dư địa cải thiện. Điều này hàm ý rằng chuyển đổi số mới chủ yếu nâng cao hiệu quả hành chính và chất lượng dịch vụ công, trong khi chức năng kiểm soát quyền

lực vẫn phụ thuộc quyết định vào thiết chế pháp lý và cơ chế giám sát. Trong bối cảnh Đồng Tháp đặt mục tiêu nâng chỉ số chuyển đổi số (DTI) lên trên 0,7 vào năm 2026 và tăng tỷ trọng kinh tế số lên khoảng 20% GRDP, vai trò của dữ liệu và thuật toán trong quản trị sẽ tiếp tục gia tăng, kéo theo yêu cầu cấp thiết phải thiết lập các cơ chế kiểm soát tương ứng.

Từ đó có thể khẳng định, chuyển đổi số không tự thân bảo đảm kiểm soát quyền lực, mà chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong một khuôn khổ thể chế minh bạch, có khả năng giải trình và được hỗ trợ bởi các cơ chế giám sát chặt chẽ, đa tầng.

2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức tổ chức và vận hành của bộ máy nhà nước, đồng thời tạo ra những điều kiện mới để tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản trị công. Tuy nhiên, như đã phân tích, quá trình này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với cơ chế kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương. Việc quyền lực ngày càng gắn với dữ liệu, công nghệ và các nền tảng số đòi hỏi phải thiết

lập các cơ chế kiểm soát phù hợp với đặc trưng của môi trường quản trị số. Để nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trên cả phương diện thể chế, công nghệ và năng lực quản trị.

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế về quản trị số và kiểm soát quyền lực trong môi trường số. Thể chế đóng vai trò nền tảng trong việc định hình cách thức tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nhiều hoạt động quản lý ngày càng dựa trên dữ liệu và các nền tảng công nghệ, do đó việc xây dựng khung pháp lý đầy đủ về quản trị dữ liệu, phân quyền truy cập thông tin và trách nhiệm giải trình trong môi trường số có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các quy định pháp luật cần xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thu thập, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu. Đồng thời, cần thiết lập các cơ chế kiểm tra, giám sát đối với việc sử dụng dữ liệu trong hoạt động quản lý nhà nước nhằm phòng ngừa nguy cơ lạm dụng quyền lực dữ liệu. Việc hoàn thiện thể chế quản trị số không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc kiểm soát quyền lực trong môi trường quản trị mới.

Hai là, xây dựng và phát triển hệ thống dữ liệu công khai, minh bạch và có khả năng kết nối giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Dữ liệu đang trở thành nguồn lực quan trọng của quản trị công trong kỷ nguyên số. Khi dữ liệu được quản trị theo các nguyên tắc minh bạch, có thể truy xuất và có cơ chế chia sẻ hợp lý, các hoạt động quản lý sẽ trở nên minh bạch hơn, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra và giám sát quyền lực. Việc xây dựng hệ thống dữ liệu mở giúp các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hiệu quả phối hợp trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đồng thời tạo điều kiện để người dân và các tổ chức xã hội tiếp cận thông tin và tham gia giám sát hoạt động của bộ máy công quyền. Trong dài hạn, dữ liệu minh bạch sẽ trở thành một công cụ quan trọng để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực và các biểu hiện lạm dụng quyền lực trong bộ máy nhà nước.

Ba là, tăng cường ứng dụng các công nghệ số trong hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan thực hiện chức năng kiểm soát quyền lực. Trong bối cảnh quản trị số, khối lượng dữ liệu phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước ngày càng lớn, đa dạng và có tính liên thông cao, vượt quá khả năng xử lý

của các phương thức giám sát truyền thống. Do đó, việc tích hợp các công cụ phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống giám sát số trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao năng lực phát hiện, cảnh báo và phòng ngừa rủi ro trong quản trị công. Thông qua các công cụ này, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán có thể nhận diện sớm các dấu hiệu bất thường, như sai lệch trong quy trình xử lý hồ sơ hành chính, bất hợp lý trong phân bổ và sử dụng ngân sách, hoặc các biểu hiện tiềm ẩn của tiêu cực trong thực thi công vụ.

Cùng với đó, cần tái định vị và mở rộng chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp theo hướng thích ứng với môi trường số, chuyển từ giám sát hành chính truyền thống sang giám sát dữ liệu công và các hệ thống công nghệ. Cụ thể, Hội đồng nhân dân cần có cơ chế yêu cầu các cơ quan hành chính báo cáo định kỳ về tình trạng vận hành hệ thống dữ liệu, tiêu chí thiết kế và hoạt động của các thuật toán, cũng như mức độ công khai, minh bạch trong khai thác và sử dụng dữ liệu. Đồng thời, việc tổ chức các phiên giải trình chuyên đề về chuyển đổi số cần được chú trọng, nhằm làm rõ quy trình xử lý dữ liệu, tiêu chuẩn vận hành hệ thống và trách nhiệm giải trình của

các chủ thể liên quan.

Việc kết hợp giữa ứng dụng công nghệ số trong giám sát và phát huy vai trò của thiết chế dân cử sẽ góp phần nâng cao tính chủ động, tính phát hiện sớm và hiệu quả tổng thể của cơ chế kiểm soát quyền lực, qua đó bảo đảm quyền lực nhà nước được thực thi minh bạch, đúng mục đích trong môi trường quản trị số.

Bốn là, nâng cao năng lực số và năng lực quản trị dữ liệu của đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị địa phương. Chuyển đổi số không chỉ là sự thay đổi về công nghệ mà còn là sự chuyển đổi về phương thức quản trị. Do đó, đội ngũ cán bộ, công chức cần được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận hành hiệu quả các hệ thống công nghệ mới, đồng thời hiểu rõ các nguyên tắc quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin trong môi trường số. Việc đào tạo và bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý mà còn góp phần bảo đảm các cơ chế kiểm soát quyền lực được thực thi đúng quy trình và minh bạch. Bên cạnh đó, cần xây dựng văn hóa quản trị số trong bộ máy nhà nước, trong đó đề cao các giá trị minh bạch, trách nhiệm giải trình và liêm chính trong hoạt động công vụ.

Năm là, phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của xã hội trong môi trường số. Một trong những ưu thế quan trọng của chuyển đổi số là khả năng tạo ra các nền tảng tương tác trực tuyến giữa chính quyền và người dân. Thông qua các nền tảng số, người dân có thể tiếp cận thông tin về hoạt động của cơ quan nhà nước, đồng thời phản ánh ý kiến, kiến nghị hoặc phát hiện những sai phạm trong quá trình thực thi công vụ. Khi các kênh tương tác này được thiết kế và vận hành hiệu quả, chúng sẽ trở thành công cụ quan trọng để tăng cường giám sát xã hội đối với hoạt động của bộ máy công quyền. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện các nền tảng số phục vụ việc công khai thông tin, tiếp nhận phản ánh và xử lý kiến nghị của người dân, bảo đảm mọi phản hồi của xã hội đều được tiếp nhận và giải quyết kịp thời, minh bạch.

Sáu là, tăng cường bảo đảm an ninh mạng và an toàn dữ liệu trong hệ thống quản trị số của chính quyền địa phương. Trong môi trường số, dữ liệu trở thành nền tảng của hoạt động quản lý nhà nước. Nếu hệ thống dữ liệu bị xâm nhập hoặc bị thao túng, các quyết định quản lý dựa trên dữ liệu đó có thể bị sai lệch, gây ra những hệ quả tiêu cực đối với hoạt động quản trị. Do đó, việc xây dựng hệ thống bảo

mật dữ liệu và an ninh mạng vững chắc là điều kiện quan trọng để duy trì sự ổn định và tin cậy của hệ thống quản trị số. Các cơ quan nhà nước cần thiết lập các tiêu chuẩn bảo mật nghiêm ngặt, thường xuyên kiểm tra và đánh giá mức độ an toàn của hệ thống thông tin, đồng thời xây dựng các cơ chế ứng phó hiệu quả đối với các sự cố an ninh mạng.

Bảy là, thiết lập cơ chế kiểm soát đối với các hệ thống thuật toán trong quản trị công. Khi các hệ thống trí tuệ nhân tạo và các thuật toán phân tích dữ liệu ngày càng được sử dụng rộng rãi trong quản lý nhà nước, việc bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm tra của các thuật toán trở thành yêu cầu quan trọng. Các cơ quan quản lý cần xây dựng các quy định rõ ràng về việc thiết kế, vận hành và kiểm tra các hệ thống thuật toán trong quản trị công, bảo đảm các hệ thống này hoạt động dựa trên các nguyên tắc minh bạch, công bằng và có thể giải trình. Điều này giúp hạn chế nguy cơ thiên lệch trong xử lý dữ liệu và bảo đảm các quyết định quản lý dựa trên công nghệ luôn phù hợp với lợi ích của xã hội. Gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều quy định quan trọng như: Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Quy định

114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán;... nhằm tăng cường kiểm soát quyền lực và kỷ luật trong hệ thống chính trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các quy định này cần được vận dụng để kiểm soát quyền lực không chỉ trong không gian hành chính mà cả trong môi trường số.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức quản trị nhà nước và cấu trúc quyền lực trong hệ thống chính trị. Trong bối cảnh quyền lực ngày càng gắn với dữ liệu và công nghệ, việc thiết lập các cơ chế kiểm soát quyền lực phù hợp với đặc trưng của quản trị số trở thành yêu cầu cấp thiết. Khi được thiết kế và vận hành hiệu quả, chuyển đổi số không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước mà còn trở thành công cụ quan trọng nhằm tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2023): *Quy định số 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ*, Hà Nội.
2. Chính phủ Việt Nam (2020): *Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* (Quyết định số 749/QĐ-TTg), Hà Nội.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018): *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015): *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam (2021): *Cẩm nang Chuyển đổi số*, Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

Ngoại giao

MANG BẢN SẮC CÂY TRE VIỆT NAM

Dấu ấn năm 2025

✪ TRẦN THỊ MỸ DUYÊN*

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích về mặt lý luận và thực tiễn của ngoại giao mang bản sắc “Cây tre Việt Nam” - một di sản tư duy đối ngoại đặc sắc của Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về “đĩ bất biến, ứng vạn biến” và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng, bài viết làm rõ nội hàm sách lược ngoại giao “Cây tre Việt Nam”, đó là “gốc vững”, “thân chắc” và “cành uyển chuyển”. Đặc biệt, thông qua các dữ liệu minh chứng mang tính bứt phá trong năm 2025 như: tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02%, kim ngạch xuất nhập khẩu vượt ngưỡng 930 tỷ USD và việc nâng tầm quan hệ với 17 quốc gia đối tác, bài viết khẳng định vai trò trụ cột của ngoại giao trong tận dụng các cơ hội phát triển, bảo vệ chủ quyền và nâng cao vị thế quốc gia trong “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Từ khóa: Ngoại giao, Cây tre Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Cây tre không chỉ là biểu tượng văn hóa của dân tộc Việt Nam mà còn mang hình tượng ngoại giao. Ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” là trường phái đối ngoại độc đáo do Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đúc kết, đặc trưng bởi “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”.

Khi bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” – giai đoạn đất nước đặt mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI – ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” càng phát huy tác dụng, trở thành lực đẩy phát triển, kiến tạo không gian tăng trưởng, là một trong những trụ cột bảo đảm độc lập, tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược toàn cầu ngày càng gay gắt. Được thể hiện rất rõ qua “dấu ấn” kết quả ngoại giao Việt Nam trong năm 2025.

2. Nội dung

2.1 Cơ sở lý luận của ngoại giao cây tre

Thứ nhất, tư tưởng từ Hồ Chí Minh

Ngoại giao cây tre có nền móng sâu xa từ tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người từng nhấn mạnh tinh thần “đĩ bất biến, ứng vạn biến”: giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và quyền lợi Nhân dân, nhưng linh hoạt trong phương pháp và hình thức đấu tranh. Trong các cuộc đàm phán quốc tế, Người kết hợp nhuần nhuyễn giữa nguyên tắc và sách lược, giữa kiên quyết và mềm dẻo, giữa tự lực và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế.

Tư tưởng ấy không chỉ là di sản lịch sử, mà đã trở thành phương pháp luận cho hoạt động đối ngoại trong thời đại hội nhập.

Thứ hai, nền tảng từ đường lối đối ngoại của Đảng

Từ sau đổi mới, đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam được định hình trên các nguyên tắc: độc lập, tự chủ; đa phương hóa, đa dạng hóa; là bạn, là đối tác

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị Phạm Hùng, tỉnh Vĩnh Long.

tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục khẳng định, yêu cầu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế, uy tín quốc gia; kết hợp chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế.

Ở đây, “gốc tre” chính là lợi ích quốc gia - dân tộc; “thân tre” là bản lĩnh chính trị, kiên định nguyên tắc; “cành tre” là sách lược linh hoạt trong từng tình huống cụ thể. Ba yếu tố này tạo nên một chỉnh thể thống nhất: không cứng nhắc đến mức tự cô lập, nhưng cũng không mềm yếu đến mức đánh mất chủ quyền chiến lược.

2.2 Vận dụng ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” trong môi trường cạnh tranh chiến lược

Thứ nhất, cân bằng quan hệ với các trung tâm quyền lực

Thế giới đang dịch chuyển theo hướng đa cực, phân mảnh và cạnh tranh chiến lược gay gắt. Việt Nam, với vị trí địa - chiến lược quan trọng tại châu Á - Thái Bình Dương, phải đối diện áp lực lựa chọn phe phái. Tuy nhiên, chính sách quốc phòng “bốn không” và nguyên tắc không liên minh quân sự,

không dựa vào nước này để chống nước kia thể hiện rõ tinh thần độc lập, tự chủ.

Việc nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác lớn trong thời gian gần đây phản ánh cách tiếp cận linh hoạt nhưng nhất quán. Việt Nam mở rộng hợp tác kinh tế - công nghệ với các nền kinh tế phát triển, đồng thời duy trì ổn định quan hệ với các nước láng giềng và đối tác truyền thống. Cành tre có thể nghiêng theo chiều gió, nhưng gốc rễ không lay chuyển.

Thứ hai, phát huy vai trò tại các diễn đàn đa phương

Trong khuôn khổ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Việt Nam tích cực thúc đẩy đoàn kết trong khối, tăng cường vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực. Ở các diễn đàn toàn cầu, Việt Nam đề cao đối thoại, hợp tác, giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình và thúc đẩy phát triển bền vững.

Sự tham gia chủ động đó giúp Việt Nam không chỉ “có mặt”, mà còn “có tiếng nói”, góp phần định hình các chuẩn mực quốc tế ở mức độ nhất định.

2.3 Dấu ấn nổi bật của ngoại giao Việt Nam trong năm 2025

Năm 2025 được xem là

một năm ấn tượng khi những thành quả ngoại giao được lượng hóa bằng những con số cụ thể, phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa đối ngoại và phát triển.

Thứ nhất, mở rộng và nâng tầm quan hệ đối ngoại

Trong năm 2025, Việt Nam đã nâng cấp quan hệ với 17 quốc gia, đưa tổng số quan hệ ở mức đối tác toàn diện hoặc cao hơn lên 42 nước. Đáng chú ý, mạng lưới này bao phủ toàn bộ 5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc và phần lớn các nền kinh tế thuộc nhóm G20¹.

Điều đó cho thấy vị thế quốc tế của Việt Nam không chỉ được công nhận ở khu vực mà đã có chiều sâu chiến lược ở tầm toàn cầu. Đây là kết quả của quá trình xây dựng lòng tin dài hạn, nhất quán và có nguyên tắc.

Thứ hai, ngoại giao kinh tế tạo đột phá về thương mại

Năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam vượt 930 tỷ USD, tăng khoảng 18% so với năm trước. Trong đó, xuất khẩu đạt khoảng 475 tỷ USD, tăng xấp xỉ 17%. Việt Nam tiếp tục duy trì vị thế trong nhóm 15 nền kinh tế hàng đầu thế giới về

¹ https://english.phuthodfa.gov.vn/vietnam-s-diplomatic-highlights-in-2025/11339/index.html?utm_source=chatgpt.com.

thương mại hàng hóa².

Những con số này không thể tách rời môi trường đối ngoại ổn định và mạng lưới hiệp định thương mại tự do đã được xây dựng trong nhiều năm. Ngoại giao kinh tế đã mở rộng thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật, kết nối doanh nghiệp và thúc đẩy ký kết hàng trăm thỏa thuận hợp tác.

Năm 2025 ghi nhận khoảng 350 thỏa thuận hợp tác quốc tế được ký kết thông qua các hoạt động đối ngoại cấp cao và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, tăng mạnh so với năm trước. Hơn 500 hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch được triển khai, góp phần trực tiếp hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương tiếp cận thị trường mới³.

Thứ ba, thu hút đầu tư nước ngoài ở mức cao

Dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam năm 2025 đạt khoảng 185 tỷ USD, tăng gần 9% so với cùng kỳ. Vốn giải ngân thực tế đạt khoảng 27,6 tỷ USD – mức cao nhất trong 5 năm gần đây. Điều này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào môi trường chính

trị ổn định và triển vọng phát triển dài hạn của Việt Nam⁴.

Ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” một lần nữa thể hiện rõ ở khía cạnh về khả năng thu hút nguồn lực bên ngoài nhưng vẫn gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh và bảo đảm an ninh kinh tế.

Thứ tư, tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh toàn cầu khó khăn

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm và bất ổn địa chính trị gia tăng, Việt Nam đạt mức tăng trưởng GDP ước đạt 8,02% trong năm 2025⁵. Đây là con số có ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự kết hợp giữa ổn định chính trị, cải cách trong nước và môi trường đối ngoại thuận lợi đã tạo ra động lực tăng trưởng bền vững.

Thứ năm, ngoại giao mang bản sắc “cây tre Việt Nam” trong bảo vệ chủ quyền và an ninh mới

Ngoại giao Việt Nam tiếp tục kiên trì giải quyết tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển

1982. Kiên định về nguyên tắc chủ quyền là gốc rễ; linh hoạt trong đối thoại và xây dựng lòng tin là phương thức.

Trong kỷ nguyên số, khái niệm chủ quyền không chỉ giới hạn ở lãnh thổ quốc về mặt địa lý mà còn mở rộng sang không gian mạng, dữ liệu và công nghệ. Do đó, ngoại giao cần đồng hành với chiến lược an ninh mạng, chuyển đổi số và bảo vệ hạ tầng trọng yếu.

3. Kết luận

Năm 2025 với những con số ấn tượng về quan hệ đối ngoại, thương mại, đầu tư và tăng trưởng một lần nữa cho thấy tính đúng đắn và phù hợp của đường lối đối ngoại mang bản sắc “cây tre Việt Nam” không chỉ về lý luận mà cả về mặt thực tiễn. Đó là con đường của ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên mới - một nền ngoại giao có bản sắc, có trí tuệ và có khát vọng.

Trong giai đoạn mới của đất nước, đường lối ngoại giao này không chỉ giữ cho đất nước đứng vững trước những biến động của tình hình thế giới diễn biến phức tạp, mà còn mở ra cơ hội để Việt Nam phát triển bứt phá./.

² https://en.baochinhphu.vn/viet-nam-maintains-strategic-initiative-amid-fast-changing-complex-world-in-2025-111260105103003583.htm?utm_source=chatgpt.com.

³ https://english.phuthodfa.gov.vn/vietnam-s-diplomatic-highlights-in-2025/11339/index.html?utm_source=chatgpt.com.

⁴ https://en.baochinhphu.vn/viet-nam-maintains-strategic-initiative-amid-fast-changing-complex-world-in-2025-111260105103003583.htm?utm_source=chatgpt.com.

⁵ <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>

Vai trò của gia đình TRONG VIỆC BỒI DƯỠNG HỆ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH MỚI

1. Đặt vấn đề

Ngày nay thế giới đang chuyển mình nhanh chóng, nơi công nghệ, toàn cầu hóa và những biến chuyển xã hội không ngừng tác động, vai trò của gia đình trong việc hình thành và bồi dưỡng hệ giá trị sống trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết. Gia đình không chỉ là nền tảng đầu tiên giúp con người tiếp thu những giá trị cốt lõi như yêu thương, tôn trọng và trách nhiệm, mà còn là nơi kiên định giữ gìn và phát triển các chuẩn mực đạo đức giữa những biến động không ngừng của xã hội hiện đại. Chính trong mái ấm gia đình, những bài học về tình người, lòng nhân ái và sự sẻ chia được vun đắp, tạo dựng nền tảng vững chắc cho thế hệ trẻ đối diện với những thử thách, lựa chọn và mâu thuẫn trong cuộc sống ngày nay. Gia đình chính là “ngôi trường” đầu tiên, nơi con người học được cách sống và hòa nhập trong xã hội rộng lớn.

✦ NGUYỄN ĐỨC TÀI*

✦ LÊ NGUYỄN DUY**

Tóm tắt: Trong điều kiện toàn cầu hóa gia tăng, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trở thành yêu cầu cấp thiết trong chiến lược phát triển bền vững. Gia đình, với tư cách là thiết chế xã hội cơ bản, giữ vai trò trung tâm trong quá trình xã hội hóa cá nhân và truyền thụ các chuẩn mực giá trị. Gia đình là nền tảng cốt lõi để bồi dưỡng hệ giá trị con người, đóng vai trò là “cái nôi” hình thành nhân cách, đạo đức, nơi truyền thụ các giá trị truyền thống và tiếp nhận giá trị hiện đại một cách chọn lọc, giúp thế hệ trẻ phát triển toàn diện, trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, có bản sắc và đóng góp cho xã hội. Vai trò này ngày càng quan trọng khi gia đình phải đối mặt với thách thức của thời đại số, hội nhập quốc tế, cần định hướng lối sống lành mạnh và kết nối chặt chẽ với nhà trường, xã hội.

Từ khóa: gia đình; hệ giá trị; con người Việt Nam; bối cảnh mới, ...

Để phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, tại Đại hội XIII, Đảng ta đã tiếp tục khẳng định chủ trương: “Bảo vệ và phát huy những giá trị tốt đẹp, bền vững trong truyền thống

văn hóa Việt Nam”¹, qua đó góp phần xây dựng một “gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và văn minh”². Đến Đại hội XIV, Đảng ta nhấn mạnh nhiệm vụ “Xây

* Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

** Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.1, tr. 143.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.1, tr. 144.

dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”³. Tiếp đó, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị một lần nữa khẳng định yêu cầu: “Phát triển toàn diện văn hoá, con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”⁴.

Đây chính là sự khẳng định vai trò trọng yếu của gia đình trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị cốt lõi, giúp gia đình không chỉ là nền tảng nuôi dưỡng nhân cách mà còn là chỗ dựa vững chắc cho mỗi cá nhân trong bối cảnh xã hội đang thay đổi mạnh mẽ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của gia đình trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trong bối cảnh mới

Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường đầu tiên và quan trọng nhất trong quá trình hình thành, phát triển

nhân cách con người. Trong bối cảnh mới, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa và chuyển đổi số - vai trò của gia đình càng trở nên sâu sắc và mang ý nghĩa chiến lược đối với việc bồi dưỡng hệ giá trị con người Việt Nam.

Thứ nhất, gia đình là nơi khởi nguồn của hệ giá trị đạo đức và nhân cách.

Gia đình từ lâu đã được coi là môi trường giáo dục đầu tiên, nơi mỗi đứa trẻ học được những giá trị cơ bản của cuộc sống như lòng nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm và sự kính trọng với người khác. Đại hội XIII đã chỉ rõ cần “tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”⁵. Không chỉ truyền dạy bằng lời nói, những giá trị ấy còn được bồi đắp qua hành động cụ thể trong đời sống hàng ngày. Chính sự gương mẫu của cha mẹ trong cách ứng xử, giải quyết các tình huống của cuộc sống là

bài học sống động để trẻ hình thành nhân cách và các chuẩn mực đạo đức. Đại hội XIV của Đảng cũng chỉ rõ yêu cầu xây dựng con người Việt Nam phải gắn với gia đình, bởi “Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”⁶. Trong thời đại hiện nay, khi thông tin lan truyền nhanh và các giá trị xã hội biến đổi mạnh mẽ, vai trò của gia đình càng trở nên quan trọng. Gia đình không chỉ giúp trẻ phân biệt đúng sai, thiện ác mà còn tạo cho trẻ sự vững vàng trong niềm tin và lý tưởng sống. Theo tinh thần văn kiện, việc hình thành nhân cách con người phải hướng tới những giá trị cốt lõi như “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo”⁷, mà gia đình chính là môi trường gần gũi và bền bỉ nhất để gieo trồng, nuôi dưỡng những phẩm chất ấy từ sớm.

Thứ hai, gia đình nuôi dưỡng giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.2, tr.57.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.2, tr.378.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.2, tr.58.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 112 - 113.

Tại Đại hội VIII, Đảng đã chỉ rõ: “Phát huy trách nhiệm của gia đình trong việc lưu truyền những giá trị văn hóa dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác”⁸. Gia đình chính là nơi lưu giữ và truyền lại các giá trị văn hóa này thông qua nếp sống, phong tục, lễ nghi và truyền thống gia phong. Những thói quen tưởng chừng như đơn giản như cách chào hỏi, cách ăn nói, ứng xử với người lớn hay việc gìn giữ các phong tục ngày Tết, giỗ tổ, lễ hội... tất cả đều góp phần hun đúc bản sắc văn hóa Việt Nam trong mỗi con người.

Đặc biệt, trong gia đình, trẻ em là những người đầu tiên tiếp cận và tiếp thu các giá trị cốt lõi của dân tộc như lòng yêu nước, tinh thần nhân nghĩa, truyền thống hiếu học, tính cần cù, và sự đoàn kết. Những câu chuyện cha mẹ, ông bà kể, cùng những bài học đạo lý được truyền dạy hằng ngày, không chỉ giúp trẻ hiểu rõ nguồn cội mà còn bồi đắp lòng tự hào dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho thế hệ tiếp theo.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ như hiện nay, việc gìn giữ bản sắc văn hóa càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Nhiều trào lưu và lối sống

ngoại lai đang tác động mạnh mẽ đến tâm lý và giá trị của giới trẻ. Chính vì vậy, gia đình đóng vai trò vừa tiếp nhận cái mới, vừa bảo vệ và gìn giữ cái cũ, giúp thế hệ trẻ không chỉ hội nhập mà vẫn giữ vững bản sắc dân tộc. Nhờ đó, gia đình không chỉ nuôi dưỡng văn hóa dân tộc mà còn góp phần xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, hiện đại nhưng vẫn đậm đà bản sắc.

Thứ ba, gia đình là chỗ dựa tinh thần và cảm xúc trong xã hội nhiều biến động.

Trong thời đại hiện nay, khi mà các mối quan hệ xã hội trở nên lỏng lẻo và nhiều người dễ rơi vào trạng thái cô đơn, gia đình chính là nơi cung cấp sự an ủi, yêu thương và hỗ trợ về mặt tinh thần. Những mối quan hệ gia đình không chỉ giúp các thành viên có sự gắn kết mà còn là điểm tựa vững chắc giúp họ vượt qua những áp lực trong cuộc sống. Gia đình là nơi giúp mỗi cá nhân duy trì sự cân bằng về tâm lý, phát triển nội lực và sức mạnh tinh thần để đối diện với những thử thách và biến động trong xã hội. Tình cảm gia đình-sự quan tâm, thấu hiểu và nâng đỡ lẫn nhau-có tác dụng nuôi dưỡng sức mạnh nội tâm, tạo cho con người cảm giác an toàn và được yêu thương vô điều kiện.

Trong thời đại công nghệ và toàn cầu hóa, khi các mối quan hệ xã hội trở nên lỏng lẻo hơn, con người dễ rơi vào trạng thái cô đơn hoặc mất kết nối, thì gia đình càng đóng vai trò như điểm tựa vững chắc về tinh thần. Nhờ đó, gia đình không chỉ giúp duy trì sức khỏe tâm lý mà còn góp phần định hình thái độ sống tích cực, bền bỉ trước biến động của thời cuộc.

Thứ tư, gia đình định hướng giá trị lao động và ý thức trách nhiệm.

Giá trị lao động và tinh thần trách nhiệm là một trong những giá trị quan trọng mà gia đình cần truyền đạt cho con cái. Cha mẹ không chỉ dạy con về tầm quan trọng của công việc, mà còn là tấm gương về sự chăm chỉ, kiên trì và lòng yêu nghề. Việc giáo dục trẻ về trách nhiệm, về việc tự lập và chăm lo cho bản thân từ những công việc nhỏ nhất trong gia đình sẽ giúp trẻ phát triển tinh thần trách nhiệm và tự giác trong cuộc sống. Gia đình còn là nơi dạy trẻ biết quan tâm và chăm sóc người khác, khơi dậy tình yêu thương và sự gắn kết trong cộng đồng.

Gia đình là môi trường đầu tiên hình thành thái độ và quan niệm của mỗi người về lao động. Thông qua tấm

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*.

gương của cha mẹ, sự chăm chỉ, kỷ luật, tinh thần cố gắng trong công việc, trẻ em học được rằng lao động là giá trị cao quý, là nền tảng của sự trưởng thành và đóng góp cho xã hội. Những trải nghiệm hằng ngày như phụ giúp việc nhà, tự hoàn thành nhiệm vụ của bản thân hay quan sát cách người lớn nỗ lực mưu sinh đều góp phần nuôi dưỡng tinh thần cần cù và ý thức tự lập. Đây cũng là cách gia đình thiết thực “đẩy mạnh giáo dục các hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”⁹ ngay từ môi trường sống gần gũi và căn bản nhất.

Bên cạnh đó, gia đình còn giúp trẻ hình thành ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng. Việc cha mẹ giao nhiệm vụ phù hợp, khuyến khích con tự chịu trách nhiệm cho hành động của mình, hay dạy con biết quan tâm đến người thân đều là những bài học quan trọng để trẻ hiểu rằng sống có trách nhiệm là chuẩn mực đạo đức và là yêu cầu của xã hội văn minh. Đồng thời, từ chính những biểu hiện cụ thể của sự chăm chỉ, tự giác, yêu thương và sẻ chia trong đời sống gia đình, có thể “phát hiện và nhân rộng các gương

người tốt, việc tốt”¹⁰, qua đó góp phần bồi dưỡng nhân cách và lối sống tích cực cho mỗi cá nhân.

Thứ năm, gia đình góp phần hình thành công dân số trong thời đại chuyển đổi số.

Thời đại công nghệ yêu cầu mỗi cá nhân phải có khả năng sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và an toàn. Gia đình chính là nơi đầu tiên giúp trẻ tiếp cận và học hỏi các kỹ năng số, từ việc sử dụng thiết bị điện tử đến các kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc thông tin trên internet. Bên cạnh đó, gia đình còn là nơi giúp trẻ hình thành đạo đức số, biết tôn trọng quyền riêng tư của người khác, tránh tham gia vào các hành vi tiêu cực trên không gian mạng. Gia đình giúp trẻ trở thành những công dân số có trách nhiệm, đồng thời bảo vệ bản thân và cộng đồng khỏi các nguy cơ tiềm ẩn từ không gian mạng.

Bên cạnh kỹ năng, gia đình còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đạo đức số. Cha mẹ giúp trẻ hiểu cách ứng xử văn minh trên mạng, biết tôn trọng quyền riêng tư của người khác, không chia sẻ thông tin sai lệch và tránh xa các hành vi tiêu cực trên không gian

mạng. Đây chính là những chuẩn mực đạo đức mới trong thời đại số, ảnh hưởng mạnh mẽ đến hình ảnh và giá trị con người.

Trong khi môi trường mạng chứa nhiều nguy cơ như tin giả, bạo lực mạng hay các trào lưu độc hại, sự định hướng của gia đình càng trở nên cần thiết. Một gia đình quan tâm và có hiểu biết về công nghệ sẽ tạo nền tảng để thế hệ trẻ trở thành những công dân số chủ động, tự tin và có trách nhiệm, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên chuyển đổi số.

2.2. Những thách thức đặt ra đối với vai trò của gia đình trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trong bối cảnh mới

Một là, biến đổi cấu trúc gia đình và suy giảm chức năng giáo dục truyền thống.

Một trong những thách thức lớn hiện nay là sự biến đổi mạnh mẽ của cấu trúc gia đình. Mô hình gia đình truyền thống nhiều thế hệ chung sống đang dần được thay thế bởi mô hình gia đình hạt nhân, gia đình đơn thân và các hình thức gia đình đa dạng khác. Quá trình đô thị hóa nhanh chóng, di cư lao động và xu

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.*

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.*

hướng dịch chuyển dân cư từ nông thôn ra thành thị đã làm suy giảm vai trò trực tiếp của ông bà, người thân trong việc tham gia giáo dục thế hệ trẻ. Việc thiếu vắng các thế hệ lớn tuổi trong đời sống thường nhật khiến quá trình truyền thụ các giá trị văn hóa, đạo đức và lối sống diễn ra kém bền vững hơn.

Cùng với đó, áp lực mưu sinh, cường độ lao động cao và tính cạnh tranh của nền kinh tế thị trường khiến nhiều bậc cha mẹ thiếu thời gian, tâm lực dành cho việc giáo dục con cái. Chức năng giáo dục của gia đình trong không ít trường hợp bị thu hẹp hoặc chuyển giao một cách thụ động cho nhà trường và xã hội, làm suy giảm tính chủ động và tính liên tục trong quá trình bồi dưỡng hệ giá trị con người.

Hai là, tác động của kinh tế thị trường và xu hướng thực dụng hóa giá trị.

Kinh tế thị trường mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra những thách thức lớn đối với hệ giá trị xã hội. Xu hướng đề cao lợi ích vật chất, thành công cá nhân và tính hiệu quả ngắn hạn đang tác động mạnh mẽ đến nhận thức và lối sống của nhiều gia đình. Trong một số trường hợp, giá trị đạo đức, nhân văn và trách nhiệm cộng đồng có nguy cơ bị xem nhẹ

so với các giá trị vật chất và địa vị xã hội.

Xu hướng thực dụng hóa đời sống có thể làm biến đổi mục tiêu giáo dục trong gia đình, từ việc chú trọng hình thành nhân cách toàn diện sang việc chạy theo thành tích, bằng cấp hoặc lợi ích trước mắt. Từ đó, tiềm ẩn nguy cơ làm lệch hướng quá trình bồi dưỡng hệ giá trị con người, làm suy yếu nền tảng đạo đức của cá nhân và xã hội.

Ba là, ảnh hưởng của công nghệ số và mạng xã hội.

Sự bùng nổ của công nghệ số và mạng xã hội đã làm thay đổi sâu sắc môi trường hình thành nhân cách của thế hệ trẻ. Trẻ em và thanh thiếu niên hiện nay tiếp xúc sớm với internet, mạng xã hội và các nền tảng giải trí số, nơi chứa đựng cả những giá trị tích cực và tiêu cực. Khả năng tiếp cận thông tin đa chiều, thiếu kiểm soát đặt trẻ em trước nguy cơ bị xâm nhập bởi các nội dung lệch chuẩn về đạo đức, lối sống, bạo lực, ngôn ngữ thù ghét và các trào lưu độc hại.

Trong khi đó, nhiều gia đình chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để định hướng, giám sát và đồng hành cùng con trong môi trường số. Khoảng cách về năng lực công nghệ giữa các thế hệ dẫn đến tình trạng “đảo chiều vai trò”, khi con cái nắm vững công

nghệ hơn cha mẹ, làm giảm hiệu quả giáo dục và kiểm soát giá trị từ phía gia đình.

Bốn là, khoảng cách thế hệ và khủng hoảng chuẩn mực giá trị.

Sự khác biệt về trải nghiệm sống, nhận thức và hệ giá trị giữa các thế hệ trong gia đình ngày càng rõ nét. Thế hệ trẻ lớn lên trong môi trường mở, đa văn hóa và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các xu hướng toàn cầu, trong khi thế hệ cha mẹ, ông bà thường gắn bó với hệ giá trị truyền thống. Nếu không có sự đối thoại và điều hòa phù hợp, khoảng cách thế hệ có thể dẫn đến xung đột giá trị, làm suy yếu sự gắn kết gia đình.

Bên cạnh đó, sự đa dạng hóa các hệ chuẩn mực xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế làm xuất hiện tình trạng “khủng hoảng chuẩn mực”, khi cá nhân gặp khó khăn trong việc xác định hệ quy chiếu giá trị ổn định để định hướng hành vi. Trong bối cảnh đó, vai trò định hướng của gia đình càng trở nên quan trọng nhưng đồng thời cũng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

Năm là, hạn chế trong chính sách và cơ chế hỗ trợ gia đình.

Mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về xây dựng gia đình văn

hóa và bảo vệ trẻ em, song việc triển khai trên thực tế ở nhiều địa phương vẫn còn chưa đồng bộ. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ gia đình, tư vấn hôn nhân - gia đình, hỗ trợ tâm lý còn hạn chế, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Việc thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội làm giảm hiệu quả tổng thể của quá trình bồi dưỡng hệ giá trị con người. Trong bối cảnh đó, gia đình phải đối diện với nhiều sức ép trong khi lại thiếu nguồn lực và sự hỗ trợ cần thiết để thực hiện tốt chức năng giáo dục.

2.3. Một số giải pháp phát huy vai trò của gia đình trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trong bối cảnh mới

Để phát huy vai trò của gia đình trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người trong bối cảnh mới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình.

Đây là giải pháp cơ bản và quan trọng nhất vì gia đình là môi trường đầu tiên hình thành nhân cách con người. Cha mẹ cần chú trọng dạy con các giá trị cốt lõi như

trung thực, nhân ái, lễ nghĩa, tinh thần trách nhiệm thông qua cả lời nói và hành động. Việc nêu gương của cha mẹ có ý nghĩa quyết định, bởi trẻ em chủ yếu học qua quan sát: cách cha mẹ ứng xử, làm việc, giải quyết mâu thuẫn hay cư xử với người xung quanh sẽ trở thành bài học sống động cho con.

Bên cạnh đó, gia đình cần xây dựng nếp sống lành mạnh như ăn uống chung, trò chuyện hằng ngày, chia sẻ cảm xúc và tạo môi trường giao tiếp tích cực. Các hoạt động sinh hoạt chung giúp kết nối tình cảm và tạo cơ hội để cha mẹ định hướng giá trị cho con một cách tự nhiên. Việc duy trì những thói quen tốt như tôn trọng người lớn, giữ lời hứa, biết giúp đỡ người khác sẽ dần hình thành nhân cách vững chắc và lối sống đúng đắn cho con trẻ. Tuy nhiên, để việc giáo dục nhân cách đạt hiệu quả bền vững, không thể chỉ dựa vào gia đình mà cần “tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ”¹¹.

Thứ hai, gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa gia đình.

Gia đình cần duy trì các giá trị văn hóa truyền thống qua các hoạt động như cùng nhau đón Tết, tổ chức lễ hội, chia sẻ những câu chuyện lịch sử gia đình, giúp trẻ hiểu và tự hào về cội nguồn. Đối với mỗi cá nhân, nó giúp hình thành nhân cách, rèn luyện đạo đức, đồng thời là kim chỉ nam định hướng hành vi, ứng xử trong cuộc sống. Đối với gia đình, truyền thống văn hóa tạo sự gắn kết giữa các thành viên, duy trì sự ổn định và hạnh phúc, đồng thời xây dựng bản sắc riêng và niềm tự hào cho mỗi gia đình. Trên bình diện xã hội, việc gìn giữ những giá trị tốt đẹp trong gia đình góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc, lan tỏa những hành vi tích cực, từ đó xây dựng một xã hội văn minh, hài hòa. Như vậy, gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa gia đình không chỉ là trách nhiệm mà còn là nền tảng để phát triển con người và cộng đồng.

Thứ ba, xây dựng môi trường gia đình hạnh phúc, gắn kết.

Một gia đình hạnh phúc, yêu thương và gắn kết sẽ giúp các thành viên phát triển về cả thể chất lẫn tinh thần. Môi trường gia đình ấm áp là yếu tố quyết định đến sự hình thành nhân cách của trẻ, giúp trẻ

¹¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam*.

hiểu được giá trị của tình yêu thương, sự thấu hiểu và sẻ chia trong cuộc sống. Một gia đình hạnh phúc giúp các thành viên cảm thấy được yêu thương, an toàn và yên tâm phát triển về mặt tinh thần, đồng thời rèn luyện nhân cách, kỹ năng giao tiếp và khả năng ứng xử trong đời sống. Đối với gia đình, môi trường gắn kết tạo sự hòa thuận, ổn định, giúp các thành viên hợp tác, hỗ trợ nhau trong khó khăn, đồng thời gìn giữ và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp, hình thành bản sắc riêng và niềm tự hào chung. Trên bình diện xã hội, những gia đình hạnh phúc và gắn kết nuôi dưỡng những cá nhân có phẩm chất tốt, lan tỏa những hành vi tích cực và góp phần xây dựng một cộng đồng văn minh, nhân ái. Vì vậy, việc xây dựng môi trường gia đình hạnh phúc, gắn kết không chỉ mang lại lợi ích cho từng cá nhân và gia đình mà còn góp phần hình thành một xã hội ổn định, bền vững và giàu giá trị nhân văn.

Thứ tư, tăng cường giáo dục kỹ năng, đặc biệt kỹ năng sống và trách nhiệm.

Việc giáo dục này giúp các thành viên gia đình, đặc biệt là trẻ em và thanh thiếu niên, biết tự quản lý bản thân, ra quyết định đúng đắn, giải quyết vấn đề và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống. Đồng thời, nó rèn luyện

tinh thần trách nhiệm, giúp mỗi người ý thức được nghĩa vụ của mình đối với bản thân, gia đình và xã hội, từ đó hình thành lối sống tự giác, kỷ luật và có ý thức cộng đồng. Trong gia đình, những người biết vận dụng kỹ năng sống và trách nhiệm sẽ góp phần tạo ra môi trường hòa thuận, hợp tác, bảo vệ và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình. Trên bình diện xã hội, những cá nhân này trở thành những công dân có ích, lan tỏa hành vi tích cực, góp phần xây dựng xã hội văn minh, hài hòa và phát triển bền vững. Như vậy, việc tăng cường giáo dục kỹ năng và trách nhiệm không chỉ nâng cao năng lực cá nhân mà còn củng cố hạnh phúc gia đình và sự tiến bộ chung của cộng đồng.

Thứ năm, nâng cao nhận thức và năng lực số của gia đình trong thời đại công nghệ.

Gia đình cần trang bị cho các thành viên kỹ năng sử dụng công nghệ số một cách an toàn và hiệu quả. Qua đó, sẽ giúp mỗi cá nhân không chỉ có thể tận dụng công nghệ trong học tập và công việc mà còn bảo vệ bản thân khỏi các mối nguy hiểm trong không gian mạng. Đồng thời, năng lực số còn giúp gia đình quản lý thông tin, bảo vệ an toàn trên môi trường mạng và tiếp cận các dịch vụ tiện ích một cách hiệu quả. Trên bình diện

xã hội, những gia đình có nhận thức và năng lực số tốt sẽ góp phần hình thành cộng đồng hiện đại, linh hoạt, biết tận dụng công nghệ để phát triển kinh tế, giáo dục và văn hóa. Như vậy, nâng cao nhận thức và năng lực số không chỉ giúp mỗi gia đình phát triển toàn diện, thích ứng với thời đại mà còn góp phần xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ và bền vững.

3. Kết luận

Gia đình đóng vai trò nền tảng và không thể thay thế trong việc bồi dưỡng hệ giá trị con người, đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều thay đổi và thách thức. Thông qua việc nuôi dưỡng nhân cách, truyền đạt các giá trị đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, nâng cao nhận thức và năng lực số, gia đình không chỉ hình thành những cá nhân có phẩm chất tốt mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng và xã hội văn minh, hài hòa. Khi gia đình chủ động thực hiện các giải pháp nhằm phát huy vai trò này, sẽ góp phần tạo ra những cá nhân có phẩm chất tốt, xây dựng một cộng đồng và xã hội vững mạnh, hài hòa. Vì vậy, gia đình cần được coi là môi trường giáo dục thiết yếu, vừa bảo tồn những giá trị truyền thống, vừa thích ứng và phát triển để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.1,2.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t.1.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.
4. Nguyễn Việt Tiến (2021), *Phát huy giá trị truyền thống trong xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*, Tạp chí Cộng sản, tháng 7/2021. Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/823639/phat-huy-gia-tri-truyen-thong-trong-xay-dung-gia-dinh-viet-nam-am-no%2C-hanh-phuc%2C-tien-bo%2C-van-minh.aspx.
5. Trần Thị Phương (2025), *Phát huy vai trò của gia đình trong quản lý, giáo dục, bồi dưỡng thanh niên trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí quản lý nhà nước, tháng 1/2025. Truy cập tại: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/01/23/phat-huy-vai-tro-cua-gia-dinh-trong-quan-ly-giao-duc-boi-duong-thanh-nien-trong-giai-doan-hien-nay/>.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh yêu cầu ngày càng cao đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Trường Chính trị Đồng Tháp xác định đổi mới không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà là định hướng xuyên suốt, mang tính chiến lược. Tinh thần đổi mới được triển khai theo phương châm *toàn diện, đồng bộ và thực chất*, gắn chặt với yêu cầu phát triển của Đồng Tháp trong giai đoạn mới. Để đáp ứng với yêu cầu trên, Trường Chính trị Đồng Tháp cần thể hiện rõ khí thế mới bắt đầu từ sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức. Đặc biệt, tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ và thực chất về nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy từng bước đi vào nền nếp, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được chú trọng, gắn với các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của tỉnh. Xây dựng trên nền tảng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao... Đây là những động lực

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ ĐỒNG THÁP KHÍ THẾ MỚI, NIỀM TIN MỚI

✪ LÊ MINH HIẾU*

Tóm tắt: Trong dòng chảy mạnh mẽ phát triển mạnh mẽ của đất nước và yêu cầu ngày càng cao đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trường Chính trị Đồng Tháp đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với khí thế mới, quyết tâm mới và niềm tin mới. Bài viết làm rõ những động lực để Trường Chính trị Đồng Tháp không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, khẳng định uy tín và vị thế, xứng đáng với niềm tin của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà bước vào kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Trường Chính trị; khí thế mới; niềm tin mới.

góp phần để Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu lý luận chính trị của tỉnh.

2. Nội dung

- Khí thế mới từ nhận thức và hành động

Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy Đồng Tháp về công tác cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận

chính trị, Trường Chính trị Đồng Tháp đã không ngừng đổi mới tư duy, phương pháp và cách làm. Khí thế mới thể hiện rõ ở sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, giảng viên, viên chức; tinh thần trách nhiệm, kỷ cương, nêu gương ngày càng được nâng cao.

Nhà trường xác định rõ, đào tạo lý luận chính trị không chỉ là truyền đạt kiến thức, mà quan trọng hơn là bồi dưỡng

* Tiến sĩ, Trường Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

bản lĩnh chính trị, đạo đức công vụ, phương pháp tư duy khoa học và năng lực thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị của tỉnh.

Từ nhận thức trên, thời gian qua toàn thể cán bộ viên chức và người lao động, luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong làm việc khoa học. Mỗi giảng viên không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn là tấm gương về bản lĩnh chính trị, đạo đức và phong cách sư phạm. Trong công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn luôn được chú trọng, góp phần làm rõ những vấn đề đang đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy từng bước được triển khai đồng bộ, tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp. Song song đó, nhà trường quan tâm xây dựng môi trường đoàn kết, dân chủ, kỷ cương; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Tinh thần chủ động, sáng tạo trong mỗi nhiệm vụ được lan tỏa, tạo nên động lực chung vì mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ sự chuyển biến đồng bộ giữa nhận thức và hành động, niềm tin của cấp ủy, chính quyền và học viên đối với nhà trường ngày càng được củng cố. Uy tín, vị thế của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tiếp tục được khẳng định là nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có bản lĩnh, trí tuệ và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Khí thế mới hôm nay chính là nền tảng vững chắc để nhà trường tiếp tục đổi mới, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ và thực chất

Bám sát phương châm “đào tạo gắn với thực tiễn, lý luận gắn với hành động”, Trường Chính trị Đồng Tháp xác định đổi mới không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà là định hướng xuyên suốt, mang tính chiến lược. Tinh thần đổi mới được triển khai theo phương châm toàn diện, đồng bộ và thực chất, gắn chặt với yêu cầu phát triển của Đồng Tháp trong giai đoạn mới.

Thời gian qua, nhà trường tập trung đổi mới từ nội dung

chương trình, phương pháp giảng dạy đến công tác quản lý, nghiên cứu khoa học và xây dựng đội ngũ. Nội dung đào tạo được cập nhật kịp thời theo hướng sát thực tiễn, phù hợp với tình hình địa phương; chú trọng rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý, xử lý tình huống cho học viên¹.

Phương pháp giảng dạy chuyển mạnh từ truyền thụ một chiều sang phát huy tính chủ động, tư duy phản biện và khả năng vận dụng của người học. Các hình thức thảo luận, nghiên cứu tình huống, đi thực tế cơ sở được tăng cường, tạo môi trường học tập sinh động, hiệu quả.

Song song đó, sự đổi mới không diễn ra đơn lẻ mà được triển khai đồng bộ giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và công tác tổ chức - cán bộ. Nhà trường chú trọng gắn nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ chính trị của tỉnh; kết quả nghiên cứu trở thành nguồn bổ sung quan trọng cho bài giảng và tư vấn thực tiễn².

Công tác quản lý được chuẩn hóa theo hướng khoa học, minh bạch, ứng dụng

¹ Tính chung cả năm 2025, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đã mở mới 53 lớp với 4.900 học viên.

² Năm 2025, nhà Trường phối hợp với các xã, phường và Sở Khoa học và công nghệ tổ chức triển khai thực hiện 03 đề tài cấp cơ sở (trong đó có 01 đề tài đã được nghiệm thu, xếp loại đạt). Quyết định phê duyệt và triển khai thực hiện 12 đề tài khoa học cấp trường. Quyết định điều chỉnh tên 10 đề tài khoa học cấp trường (sau sáp nhập) để phù hợp với thực tế sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy, chính quyền địa phương các cấp (tất cả 12 đề tài đã được nghiệm thu, xếp loại đạt). Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiệm thu 03 đề tài khoa học cấp tỉnh (5/2025), xếp loại đạt. Phối hợp với Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lao động hoàn thành xuất bản 03 cuốn sách tham khảo, sách chuyên khảo, kỷ yếu Hội thảo khoa học; biên tập, xuất bản 07 số Thông tin Lý luận và thực tiễn với hàng trăm bài viết có giá trị về lý luận và thực tiễn.

công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong điều hành, lưu trữ, đánh giá chất lượng đào tạo. Việc kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương.

Điểm nhấn của quá trình đổi mới là tính thực chất, tránh hình thức. Chất lượng bài giảng, chất lượng học viên sau đào tạo và mức độ hài lòng của cơ sở được xem là thước đo hiệu quả. Đội ngũ giảng viên được tạo điều kiện nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn, từng bước đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa³. Thông qua những bước đi cụ thể, bài bản và kiên trì, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp đang từng bước khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh; góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch,

vững mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

- Xây dựng đội ngũ - nền tảng của niềm tin

Niềm tin mới của Trường Chính trị Đồng Tháp được xây dựng trên nền tảng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao. Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tạo điều kiện cho giảng viên học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn⁴.

Bên cạnh đó, môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết, kỷ cương, trách nhiệm đã tạo động lực để mỗi cán bộ, giảng viên yên tâm công tác, cống hiến, góp phần xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

- Vững bước trên chặng đường mới

Trong bối cảnh mới, yêu cầu mới, Trường Chính trị Đồng Tháp tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu lý luận chính trị của tỉnh. Với khí thế mới và niềm tin mới, nhà trường quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn mới.

Khí thế mới - Niềm tin mới chính là động lực để Trường Chính trị Đồng Tháp không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng, khẳng định uy tín và vị thế, xứng đáng với niềm tin của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh nhà./.

³ Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng: 09 đồng chí; Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính: 01 đồng chí; Bồi dưỡng kiến thức Kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: 07 đồng chí; Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch: 02 đồng chí; Báo chí: 01 đồng chí; Văn thư – Lưu trữ: 01 đồng chí; Bồi dưỡng công tác chuyên đổi số trong khu vực công: 15 đồng chí; Ứng dụng AI - Trí tuệ nhân tạo: 63 đồng chí; Bồi dưỡng giảng viên tư tưởng Hồ Chí Minh năm 2025: 02 đồng chí; Bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành Hồ Chí Minh học: 01 đồng chí; Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành Văn hoá và Phát triển: 02 đồng chí; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho trưởng, phó trưởng khoa các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: 02 đồng chí; Khóa Kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị văn phòng: 09 đồng chí; lớp “Bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành Hồ Chí Minh học”: 01 đồng chí; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới: 02 đồng chí; Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho Ban Giám hiệu các trường chính trị: 01 đồng chí;

⁴ Trường Chính trị được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giao cho 83 biên chế ; tính đến tháng 12 năm 2025, Trường hiện có 02 phòng, 03 khoa ; Ban Giám hiệu có 03 đồng chí; tổng số 79 người làm việc tại 02 cơ sở, trong đó có 65 biên chế và 14 hợp đồng. trình độ chuyên môn 7 tiến sĩ, có 9 đang học nghiên cứu sinh, 52 giảng viên là thạc sĩ, cử nhân 5...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

2/ Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

3/<https://baodongthap.vn/dong-thap-niem-tin-moi-khi-the-moi-va-khat-vong-vuon-len-a237155.html>.

4/<https://baodongthap.vn/khoi-dau-nam-moi-voi-niem-tin-khi-the-moi-a237338.html>.

5/<https://lyluanchinhtri.vn/truong-chinh-tri-tinh-dong-thap-ptag.html>.

Những thành tích nổi bật CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP SAU SÁP NHẬP

✦ VÕ VĂN QUÂN*

Tóm tắt: Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (mới) được thành lập theo Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở sáp nhập Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp và Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang. Với tinh thần quyết liệt thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ngay sau sáp nhập, Trường đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Từ khoá: Thành tích, Trường Chính trị, tỉnh Đồng Tháp, sau sáp nhập.

1. Đặt vấn đề

Căn cứ Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh; Quy định số 54-QĐ/TU ngày 11/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh; theo đó, Trường Chính trị tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trường thực hiện chức năng tổ chức đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị; chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Vượt qua những khó

khăn, thách thức trong thời gian đầu sau khi thực hiện việc sáp nhập, Trường đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy; ban hành và triển khai kịp thời các quy chế, quy định có liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và một số công tác khác của Trường được liên tục, hiệu quả, góp phần quan trọng vào sự vận hành theo mô hình mới.

2. Nội dung

2.1. Những thành tích nổi bật của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp sau khi thực hiện việc sáp nhập

2.1.1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

Năm 2025, Tỉnh ủy Đồng Tháp phê duyệt kế hoạch Trường mở 115 lớp với 11.135 học viên¹. Trong 06 tháng đầu năm 2025, Trường tổ chức mở mới 24 lớp với 2.067 học viên². Đồng thời tạm dừng 92 lớp đào tạo, bồi dưỡng³,

* Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Cơ sở 1 có 44 lớp, 5.574 học viên; cơ sở 2 có 71 lớp, 5.561 học viên.

² Cơ sở 1 mở 11 lớp với 1.255 học viên; cơ sở 2 mở 13 lớp với 1094 học viên (trong đó có 01 lớp bồi dưỡng phối hợp với Đại học Đồng Tháp mở ngoài kế hoạch).

³ Cơ sở 1 dừng 33 lớp, cơ sở 2 dừng 59 lớp.

do sắp xếp lại đơn vị hành chính, phải thực hiện rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường nên việc triển khai kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng của Trường phần nào bị ảnh hưởng.

Sau hợp nhất, sáp nhập, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (mới) đã khẩn trương ban hành Kế hoạch số 10/KH-TCT ngày 21/8/2025 về mở lớp đào tạo, bồi dưỡng 06 tháng cuối năm 2025, theo đó Trường dự kiến mở 25 lớp với 2.710 học viên. Thực tế, Trường tổ chức 29 lớp với 2.833 học viên (đạt tỷ lệ 116% kế hoạch). Trong đó, phối hợp với Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy mở phát sinh ngoài kế hoạch 04 lớp bồi dưỡng phục hồi hành vi, nhân cách. Tính chung cả năm 2025, trường đã mở mới 53 lớp với 4.900 học viên.

Trường thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp đào tạo, bồi dưỡng với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ; thực hiện tốt công tác tuyển sinh các lớp; xây dựng lịch trình hợp với lãnh đạo các Ban, sở ngành, các xã, phường trong tỉnh triển khai kế hoạch mở lớp, đánh giá tiến độ công tác phối hợp quản lý đào tạo và kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh. Hợp đánh giá công

tác chuyên môn; công tác chủ nhiệm và hợp ban chỉ đạo các lớp phối hợp với các ngành, địa phương. Đồng thời, khẩn trương ban hành một số văn bản phục vụ công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Trường chủ động, kịp thời trong công tác phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo trình, tài liệu học tập đầy đủ; duy trì, nâng cấp thư viện, phương tiện giảng dạy, hỗ trợ học viên trong sinh hoạt, lưu trú đảm bảo môi trường học tập lành mạnh, thân thiện.

2.1.2 Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu thực tế

Với sự quyết tâm của Ban Giám hiệu, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy; sự hướng dẫn chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn bám sát nhiệm vụ chính trị, cũng như các vấn đề mang tính thời sự đối với công tác của Trường Chính trị, trong đó tập trung vào các chủ đề nổi bật: xây dựng Đề án Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2; công tác đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác

các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; xây dựng phong cách, chuẩn mực, đạo đức viên chức, giảng viên trường chính trị trung thành, sáng tạo, cống hiến vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

- Về thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp trường, cấp tỉnh

Năm 2025, trường phối hợp với các xã, phường và Sở Khoa học và công nghệ tổ chức triển khai thực hiện 03 đề tài cấp cơ sở (trong đó có 01 đề tài đã được nghiệm thu, xếp loại đạt). Quyết định phê duyệt và triển khai thực hiện 12 đề tài khoa học cấp trường, nghiệm thu đạt; nghiệm thu 03 đề tài khoa học cấp tỉnh, xếp loại đạt. Các đề tài đã hoàn tất hồ sơ và được cấp chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ. Tiếp tục hoàn thiện thuyết minh, dự toán kinh phí và triển khai thực hiện 02 đề tài cấp tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Về tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học

Tổ chức thành công 05 hội thảo, tọa đàm khoa học cấp cơ sở (cấp trường); 02 hội thảo khoa học phục vụ đề tài khoa học cấp cơ sở; 01 hội thảo khoa học cấp tỉnh. Phối hợp với Học viện Chính trị khu vực IV tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề: “*Chuyển đổi*

xanh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long: cơ hội, thách thức và giải pháp” theo Kế hoạch số 750-KH/HVCTQG ngày 08/8/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, vào ngày 22/11/2025.

- Về công tác biên tập, xuất bản

Phối hợp với Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lao động hoàn thành xuất bản 03 cuốn sách tham khảo, sách chuyên khảo, kỹ yếu Hội thảo khoa học; biên tập, xuất bản 07 số Thông tin Lý luận và thực tiễn với hàng trăm bài viết có giá trị về lý luận và thực tiễn; tích cực tham gia viết bài cho các báo, tạp chí, hội thảo, tọa đàm, trang thông tin điện tử của Học viện, các trường chính trị...

- Về báo cáo đề xuất, kiến nghị

Xây dựng 04 báo cáo đề xuất, kiến nghị cho Tỉnh ủy từ kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh, hội thảo khoa học cấp tỉnh, cấp bộ nhằm phục vụ đánh giá, tổng kết thực tiễn trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy.

2.1.3. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên

Công tác xây dựng tổ chức bộ máy được thực hiện theo Quy định số 09-QĐi/TW của Ban Bí thư và hiện nay thực hiện theo Quy định số 393-

QĐ/TW ngày 05/01/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố; Quy định số 54-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Trường Chính trị Tỉnh luôn được Ban Giám hiệu chú trọng và quan tâm thường xuyên, nhất là công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, biệt phái, biên chế.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các chức danh theo danh mục vị trí việc làm và biên chế, tiêu chuẩn, trình độ còn thiếu nhằm bổ sung lực lượng giảng viên đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường đạt chuẩn mức độ 2.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, giảng viên của trường từng bước được nâng lên, nhất là đội ngũ giảng viên bám sát tiêu chuẩn mức độ 2 trường chính trị chuẩn để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Cụ thể, trong năm, cử nghiên cứu sinh, trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, cao cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức trên 100 lượt viên chức, giảng viên tham gia.

2.1.4. Công tác chuyển đổi số

Chỉ đạo Ban biên tập xây dựng giao diện trang thông tin điện tử của trường để sớm đi vào hoạt động. Chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng AI cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, viên chức nhà trường, như tham dự hội nghị trực tuyến tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ cơ quan đảng, bồi dưỡng chuyên sâu về Ứng dụng AI - Trí tuệ nhân tạo (do Học viện trực tuyến Việt Nam tổ chức).

2.1.5. Công tác thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới

Trong quá trình triển khai, quán triệt Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo xây dựng giao diện trang thông tin điện tử, thành lập nội dung chuyên mục “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” trên trang thông tin điện tử.

Tích cực, hưởng ứng phát động Cuộc thi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng năm 2025 do Trung ương và Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy,

Đảng ủy các cơ quan Đảng Tỉnh phát động. Trong năm 2025, Trường Chính trị có 167 bài viết tham gia Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng do Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy phát động. Kết quả Trường Chính trị đạt giải tập thể, và 02 cá nhân ở cấp tỉnh (đạt giải A, C); 01 cá nhân đạt giải khuyến khích (do Trung ương tổ chức)⁴; đồng thời, tiếp tục hưởng ứng Cuộc phát động thi bảo vệ nền tảng lần thứ 6 với quy mô rộng hơn về thể loại, đối tượng tham dự.

2.1.6. Công tác thi đua, khen thưởng

Theo Kế hoạch số 02-KH/CTĐ ngày 15/8/2025 của Cục trưởng Cục thi đua các trường chính trị khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Trường đã ban hành Kế hoạch số 02-KH/TCT ngày 18/8/2025 về việc triển khai các hoạt động thi đua của Cục thi đua các trường chính trị khu vực đồng bằng sông Cửu Long năm 2025 đến toàn thể viên chức, người lao động nhà trường. Vận động viên chức, người lao động đóng góp quỹ cùng với các trường trong Cục thi đua tham gia hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

Bên cạnh đó, Trường cũng triển khai các phong trào thi đua năm 2025 gắn với thực hiện các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động. Thường xuyên theo dõi, tự kiểm tra, đánh giá các nội dung thi đua, khen thưởng như: công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện giao ước thi đua; công tác triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; công tác triển khai, thực hiện các phong trào, hoạt động thi đua do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và cụm, khối thi đua phát động. Tổ chức hội nghị tuyên dương điển hình tiên tiến giai đoạn 2025-2030, gắn với tổng kết phong trào thi đua “Đoàn kết - Kỷ cương - gương mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả” giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả có 03 tập thể và 16 cá nhân được Hiệu trưởng tặng Giấy khen đã đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua nêu trên. Có 02 đại biểu tham dự đại hội thi đua yêu nước tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, trong đó có 01 đại biểu được Chủ tịch UBND Tỉnh tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc⁵.

2.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết

quả đạt được, hoạt động của Trường Chính trị tỉnh vẫn còn một số hạn chế:

Một là, do sắp xếp mô hình chính quyền 2 cấp, nhất là cấp xã, phường lúc đầu còn nhiều khó khăn trong vận hành, sắp xếp cán bộ, do đó số lượng học viên ở một số lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa bảo đảm theo kế hoạch.

Hai là, tình hình sắp xếp tổ chức bộ máy, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, quy chế, quy định có liên quan đến hoạt động có lúc, có nơi còn chậm.

Ba là, công tác phối hợp với các ban, ngành tỉnh, xã, phường lúc đầu cũng chưa kịp thời.

Những tồn tại, hạn chế trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, cấp xã, phường; ban, ngành cấp tỉnh trong thời gian đầu còn rất nhiều việc cần phải thay đổi, sắp xếp, vận hành tổ chức bộ máy nên có lúc, có nơi cũng chưa quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Hai là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, phối hợp giữa các khoa, phòng từng

⁴ Đồng chí Nguyễn Quang Thành - Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật.

⁵ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 22/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp về việc tặng Bằng khen thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

lúc, từng nơi cũng chưa tích cực, quyết liệt.

Ba là, việc xây dựng quy chế phối hợp với các ban, sở ngành, xã, phường có liên quan đến hoạt động chung của trường đôi lúc còn chậm về mặt thời gian.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Trường Chính trị tỉnh trong thời gian tới

Nhằm phát huy những mặt đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế Trường Chính trị tỉnh cần quan tâm thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, triển khai, học tập nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của cấp trên và của đơn vị gắn với thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII, Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ I đến đội ngũ viên chức và người lao động, nhất là các Nghị quyết mang tính đột phá để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Thứ hai, tập trung rà soát các tiêu chí trường chuẩn mức 2 để có kế hoạch thực hiện; tiếp

tục rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống thể chế, quy định, quy chế làm cơ sở thực hiện có hiệu quả công tác trường chính trị.

Thứ ba, chú trọng chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm hoàn thành chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, nhất là phối hợp mở các lớp bồi dưỡng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nhất là trong giảng dạy và học tập. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý hành chính,...

Thứ tư, triển khai, thực hiện đề tài khoa học cấp cơ sở (cấp trường), cấp tỉnh đã được phê duyệt; đổi mới và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học thông qua các hội thảo, tọa đàm; tích cực nghiên cứu viết bài và chú trọng chất lượng các bài viết tham gia hội thảo, tọa đàm, tạp chí, trang thông tin điện tử, các bài viết lý luận, chú trọng gắn với liên hệ thực tiễn...; quan tâm chất lượng thực hiện các đề tài khoa học các cấp, phát huy lực lượng giảng viên trong việc tham gia thực hiện các đề tài khoa học, các công trình lịch sử, các đề án tổng kết các cấp, các ngành, địa phương và thao giảng, dự giờ; từ đó xây dựng đóng góp có hiệu quả vào việc

hoạch định, tham mưu tư vấn chủ trương, chính sách phát triển địa phương.

Thứ năm, kiện toàn, rà soát đội ngũ viên chức, giảng viên đủ số lượng, bảo đảm về chất lượng, nhất là quan tâm củng cố, sắp xếp nhân sự các phòng, khoa theo quy định; nghiên cứu xây dựng và ban hành danh mục vị trí việc làm, mô tả công việc. Thường xuyên theo dõi, quan tâm, đề xuất viên chức, nhất là đội ngũ giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đảm bảo đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, đạt kết quả. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng cơ chế khuyến khích và động viên các giảng viên trẻ chủ động tham gia nghiên cứu sinh; chủ động trong tự học, tự nghiên cứu.

Thứ sáu, tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Chủ động đa dạng hóa các hình thức như tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng vào bài giảng, các chương trình bồi dưỡng do trường xây dựng; tích cực viết bài gửi

đăng website Việt Nam thịnh vượng, các cuộc thi do Tỉnh uỷ, Trung ương phát động.

Thứ bảy, thường xuyên tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm đầu tư cơ sở vật chất của trường theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn trường chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2.

3. Kết luận

Có thể khẳng định năm 2025, là năm tinh gọn tổ chức

bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc sáp nhập đơn vị trường là dấu mốc quan trọng, có vị thế, bề dày truyền thống hơn 7 thập niên hình thành và phát triển; khẳng định vị thế, uy tín trong công tác đào tạo bồi dưỡng, nghiên cứu cứu khoa học, đặc biệt là những dấu ấn nổi bật trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, Ban Giám hiệu với các nhiệm vụ quan trọng Tỉnh uỷ, Học viện giao; và hơn thế nữa khi trường sáp

nhập 2 đơn vị đều đạt chuẩn mức độ 1 luôn là điểm sáng trong công tác trường chính trị của khu vực và cả nước. Với sự đồng lòng, quyết tâm và nỗ lực của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu cùng toàn thể viên chức, người lao động trong thời gian tới, Trường Chính trị tỉnh sẽ vượt qua những thách thức, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh, hướng đến đạt chuẩn mức 2./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Quyết định số 06-QĐ/TU ngày 01/7/2025 về việc thành lập Trường Chính trị tỉnh*;
2. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Đồng Tháp (2025), *Quy định số 54-QĐ/TU ngày 11/7/2025 của về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh*;
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026), *Quy định số 396-QĐ/TW ngày 06/01/2026 về trường chính trị chuẩn*;
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị năm 2025*.

Vai trò Trường Chính trị trong xây dựng văn hóa công vụ

✪ LƯU THÚY HIỀN*

Tóm tắt: Trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, việc phát triển nguồn nhân lực không chỉ dừng ở chuyên môn mà còn gắn với xây dựng văn hóa công vụ - nền tảng của đạo đức công vụ. Trường Chính trị giữ vai trò trọng tâm trong đào tạo lý luận, rèn luyện đạo đức, hình thành văn hóa ứng xử và lan tỏa tinh thần phụng sự. Qua đó, Trường Chính trị trở thành môi trường nuôi dưỡng, bồi đắp và lan tỏa giá trị văn hóa công vụ.

Từ khoá: Trường Chính trị, văn hoá công vụ.

I. MỞ ĐẦU

Bước vào giai đoạn phát triển mới – kỷ nguyên của chuyển đổi số, hội nhập và cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao – yêu cầu đặt ra không chỉ là có đội ngũ cán bộ “*đúng quy trình*” mà còn phải “*đúng chuẩn mực*”, có năng lực, phẩm chất và tinh thần phụng sự nhân dân. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là khâu then chốt của công tác xây dựng Đảng*”¹. Điều đó cho thấy, phát triển nguồn nhân

lực không chỉ dừng lại ở việc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, mà còn đòi hỏi phải chú trọng xây dựng văn hóa công vụ - nền tảng của đạo đức, và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Trường Chính trị không chỉ truyền thụ tri thức mà còn góp phần định hình tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị, bồi đắp lý tưởng phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nhà trường trở thành môi trường quan trọng trong việc xây dựng và lan tỏa văn hóa công vụ. Trường Chính trị còn góp phần định hình tư tưởng, khơi dậy tinh thần cống hiến, nuôi dưỡng động lực phụng sự

vì lợi ích chung. Chính từ môi trường đào tạo này, những giá trị của văn hóa công vụ được lan tỏa, trở thành động lực thu hút những người sẵn sàng cống hiến vì sự nghiệp phát triển của đất nước.

II. NỘI DUNG

2.1. Vai trò Trường Chính trị trong xây dựng văn hóa công vụ

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định về vai trò của “*Trường Đảng*”: “*Trường Đảng là một trường học để đào tạo những chiến sĩ tiên tiến phấn đấu cho sự nghiệp của giai cấp vô sản*”². Luận điểm này cho thấy một mặt

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.174.

² Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội, tr.95.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Trường Đảng” có vai trò là nơi thực hiện nhiệm vụ “Huấn luyện cán bộ là cốt để cung cấp cán bộ cho các ngành công tác: Đoàn thể, Mặt trận, Chính quyền, Quân đội”³. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ của Trường Chính trị giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị cấp cơ sở, nghiên cứu khoa học lý luận chính trị và tổng kết thực tiễn, phục vụ công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của địa phương. Trong giai đoạn hiện nay, vai trò của Trường Chính trị ngày càng được khẳng định rõ nét hơn. Không chỉ đơn thuần là trung tâm truyền thụ lý luận, các trường cần trở thành nơi khơi dậy tư duy đổi mới, khát vọng cống hiến, năng lực tổ chức thực tiễn và kỹ năng quản trị công của đội ngũ cán bộ.

Thông qua quá trình giảng dạy, Trường không chỉ trang bị hệ thống lý luận chính trị và kiến thức quản lý nhà nước, bồi dưỡng phương pháp tư duy khoa học, tinh thần đổi mới sáng tạo, thái độ phục vụ nhân dân và văn hóa công vụ. Nơi bồi dưỡng lý tưởng, nâng

cao bản lĩnh chính trị, nơi xác định rõ lập trường và thái độ công vụ, nơi rèn luyện phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ đảng viên và chính điều đó đã góp phần trực tiếp và quyết định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển liên tục của hệ thống bộ máy chính trị.

Quy định số 393-QĐ/TW ngày 5/1/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố. Theo Quy định này Trường Chính trị có chức năng cụ thể “*Trường chính trị tỉnh, thành phố có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị xã, phường, đặc khu; cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc ở các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương và theo phân cấp nhiệm vụ đào tạo về: Lý luận chính trị; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kiến thức về một*

số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương”.

Từ chức năng, nhiệm vụ và đối tượng đào tạo được xác định trong Quy định số 393-QĐ/TW, có thể thấy việc xây dựng văn hóa công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức càng trở nên cấp thiết. Bởi lẽ, đây là lực lượng trực tiếp thực thi công vụ, thường xuyên tiếp xúc, giải quyết công việc của nhân dân, nên mọi biểu hiện về thái độ, tác phong, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp đều tác động trực tiếp đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước và niềm tin của Nhân dân. Do đó, bên cạnh việc trang bị kiến thức lý luận và kỹ năng chuyên môn, cần chú trọng hình thành ở người học chuẩn mực văn hóa công vụ như tinh thần phục vụ, ý thức kỷ luật, tính chuyên nghiệp, liêm chính và trách nhiệm. Việc quan tâm xây dựng văn hoá công vụ không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ sau đào tạo, mà còn tạo nền tảng quan trọng để xây dựng nền hành chính phục vụ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

³ Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia – sự thật, Hà Nội, tr.359.

2.2. Thực trạng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trong xây dựng văn hóa công vụ

Một trong những chức năng cốt lõi và lâu dài của Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp là truyền thụ, củng cố và phát triển tư duy lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, góp phần giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng. Việc đào tạo lý luận chính trị không chỉ đơn thuần là cung cấp kiến thức, mà quan trọng hơn là rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác. Thông qua các lớp Trung cấp lý luận chính trị và các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, Trường giúp cán bộ nhận thức rõ hơn về đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hiểu được yêu cầu phát triển mới; từ đó nâng cao khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề đặt ra ở cơ sở một cách chủ động, sáng tạo.

Trường không chỉ đào tạo lý luận, gắn lý luận với thực tiễn mà còn phát triển kỹ năng, năng lực hành động. Tổ chức giảng dạy các chuyên đề kỹ năng chuyên sâu như: lãnh đạo điều hành, giao tiếp công vụ, ra quyết định, phân tích chính sách, xử lý tình huống hành chính - xã hội... Lòng ghép thực hành vào giảng dạy: xử lý tình huống, học qua dự

án, mô phỏng các cuộc họp, tiếp dân, giải quyết đơn thư... Tổ chức đi thực tế, điều tra xã hội học, viết báo cáo thực tiễn: giúp học viên học gắn với hiện trạng địa phương, rèn luyện khả năng phân tích và đề xuất chính sách cụ thể.

Với bề dày lịch sử hơn 70 năm hình thành và phát triển, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp giữ vai trò trọng trong xây dựng và phát triển nguồn lực công trên địa bàn tỉnh, góp phần trực tiếp trong xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cụ thể Năm 2026, theo kế hoạch số 55-KH/TCT ngày 20/01/2026 về việc mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026, trường có 92 lớp với 10.158 học viên; Phối hợp mở 03 lớp Cao cấp lý luận chính trị với 150 học viên; Mở 63 lớp hệ bồi dưỡng với 8.488 học viên, (lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; lớp tập huấn nghiệp vụ cho các ngành, đoàn thể; lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo vị trí việc làm; lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức xã; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tin ngưỡng, tôn giáo giai đoạn 2022 - 2026; Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các chức sắc, chức việc tôn giáo.v.v. Với hàng ngàn lượt

cán bộ, đảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề hằng năm, nhà trường đã trực tiếp góp phần hình thành đội ngũ cán bộ cấp cơ sở có kiến thức, kỹ năng, đạo đức công vụ vững vàng. Đồng thời, thông qua các lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên sâu Trường đã góp phần nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, ra quyết định, giải quyết tình huống cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Những con số ấn tượng nêu trên không chỉ phản ánh quy mô và hiệu suất đào tạo, bồi dưỡng của Trường, thể hiện rõ năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Tháp trong bối cảnh mới. Mỗi lớp học, mỗi khóa bồi dưỡng là một bước cụ thể hóa quan điểm của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ chuẩn về chất lượng và đủ về số lượng, bảo đảm cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và kỹ năng công tác.

Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9-5-2024, về “*Quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*”, gắn với nội dung cụ thể về trách nhiệm, bản lĩnh của cán bộ, công chức, viên chức, như tâm huyết, trách nhiệm, dấn thân, nỗ lực hoàn thành tốt nhất

nhệm vụ được giao, có ý chí, quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc... Đây là các tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng và nhân tài phải là đối tượng tiên phong, gương mẫu, nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện.

Thông qua đội ngũ giảng viên – những người trực tiếp truyền thụ tri thức lý luận, định hướng tư tưởng, hun đúc lý tưởng cách mạng – các trường chính trị trở thành cầu nối quan trọng đưa những chuẩn mực như *yêu nước, trung thành, cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư, gương mẫu, khiêm tốn, học tập suốt đời...* đi vào thực tiễn nhận thức và hành động của mỗi học viên. Mỗi bài giảng, mỗi chuyên đề không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lý thuyết, mà còn là quá trình giáo dục đạo đức, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, khơi dậy tinh thần dân thân, trách nhiệm, và khát vọng cống hiến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp rất chú trọng việc ứng xử văn hoá Trường Đảng Trường đã ban hành Quyết định số 55-QĐ/TCT Ngày 7/8/2025 ban hành “*Quy tắc*

ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động và học viên Trường Chính trị”. Mục đích chính của bộ Quy tắc là “*Góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của Trường Chính trị; tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc; tận tụy trong công vụ; cầu thị, sáng tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; giữ vững kỷ cương công sở; thực hiện ứng xử văn minh*”⁴. Cụ thể, Điều 5. Ứng xử của viên chức, người lao động trong thực thi nhiệm vụ, công vụ đã quy định những nhiệm vụ rất rõ trong thực thi công vụ. Có thể nói Quyết định số 55-QĐ/TCT được xem là một nền tảng chuẩn mực mang tính định hướng toàn diện, vừa cụ thể hóa các giá trị cốt lõi của Trường Đảng, vừa thiết lập khuôn khổ hành vi nghề nghiệp rõ ràng trong toàn bộ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và thực thi công vụ. Nội dung của Quy tắc không chỉ dừng lại ở việc quy định những yêu cầu về thái độ, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ viên chức, người lao động, mà còn góp phần chuẩn hóa môi trường sư phạm chính trị theo hướng kỷ cương, chuyên nghiệp, nêu gương và liêm chính.

Đặc biệt, các quy định tại Điều 5 đã xác lập những nguyên tắc cốt lõi trong thực thi công vụ như: tôn trọng, lắng nghe, giải quyết công việc đúng thẩm quyền, không gây phiền hà, không lạm dụng quyền lực hay vị trí công tác để vụ lợi... Đây chính là những tiêu chí cụ thể, có tính khả thi cao, làm cơ sở để kiểm soát hành vi công vụ, nâng cao trách nhiệm cá nhân và xây dựng tác phong chuẩn mực của người cán bộ, giảng viên Trường Đảng trong bối cảnh mới.

Quyết định này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng việc phấn đấu xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn mức 2 theo quy định của Ban Bí thư, bởi nó góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chí về văn hóa tổ chức, đạo đức công vụ và chuẩn mực ứng xử – những nội dung ngày càng được coi trọng trong đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo lý luận chính trị. Đồng thời, đây cũng là cơ sở thực tiễn vững chắc để nhà trường triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng văn hóa công vụ, gắn truyền thụ tri thức với rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng.

Có thể khẳng định, việc ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy tắc ứng xử văn

⁴ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 55-QĐ/TCT Ngày 7/8/2025 ban hành “Quy tắc ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động và học viên Trường Chính trị”.

hóa theo Quyết định số 55-QĐ/TCT không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mà còn tạo động lực quan trọng để Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp từng bước xây dựng môi trường giáo dục chuẩn mực, chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Chính trị chuẩn mức 2 và hướng đến hình thành nền văn hóa công vụ lành mạnh, kỷ cương, trách nhiệm trong toàn hệ thống.

2.3. Giải pháp

Chiến lược cán bộ thời kỳ mới không chỉ dừng ở năng lực chuyên môn, mà còn đặt ra yêu cầu về phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội và văn hóa phụng sự. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp không chỉ là nơi truyền thụ tri thức lý luận và rèn luyện kỹ năng, mà còn là môi trường hun đúc, lan tỏa văn hóa phụng sự - giá trị cốt lõi làm nên bản lĩnh và phẩm chất của người cán bộ cách mạng trong thời kỳ mới.

Thứ nhất, để có thể giữ chân cán bộ, đảng viên trước hết cần xây dựng đội ngũ cán bộ và giảng viên theo hướng chuyên nghiệp - thực tiễn - sáng tạo. Không có giảng viên giỏi, sẽ không có bài giảng hay và càng không thể có sản phẩm đào tạo, bồi dưỡng chất lượng. Do đó, nhà trường cần chuẩn hóa và chuyên môn hóa đội ngũ giảng viên theo

hướng không chỉ tinh thông lý luận, am hiểu nội dung chuyên sâu, mà còn phải có khả năng kết nối thực tiễn, cập nhật xu hướng mới, lồng ghép giáo dục đạo đức công vụ, trách nhiệm chính trị, tinh thần “của dân, do dân, vì dân” vào chương trình giảng dạy và truyền cảm hứng học tập cho học viên, giúp học viên tự chiêm nghiệm và chuyển hóa nhận thức thành hành động.

Thứ hai, đa dạng hoá loại hình đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ trung cấp đến cao cấp lý luận, kết hợp các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề, tập huấn kỹ năng... nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết tại cơ sở. Với các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ AI, xử lý xung đột, đạo đức công vụ, kỹ năng về xây dựng vị trí việc làm và tuyển chọn nhân lực, quản trị tài sản công tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, quản trị chuyển đổi số trong khu vực công... góp phần quan trọng xây dựng hình ảnh người cán bộ kiểu mới - tận tụy, trách nhiệm, năng động và hiệu quả.

Thứ ba, nhà trường đặc biệt chú trọng lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm và thái độ phụng sự Nhân dân trong từng bài học, phần học. Thông qua mỗi bài giảng,

giảng viên khơi dậy và nuôi dưỡng lý tưởng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, góp phần hình thành hình ảnh người cán bộ “gần dân, hiểu dân, vì dân” - những người thật sự đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết, xứng đáng với niềm tin mà Đảng và Nhân dân giao phó.

Thứ tư, việc gắn công tác đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, phát hiện và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên nguồn thể hiện rõ vai trò chủ động trong chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh. Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc phát hiện, lựa chọn những cán bộ, đảng viên có năng lực, phẩm chất và triển vọng để đưa vào diện quy hoạch, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện bài bản.

Thứ năm, việc phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong công tác phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ có triển vọng, cần được thực hiện một cách đồng bộ và có chiến lược. Sau quá trình học tập, bồi dưỡng, cần có chính sách sử dụng phù hợp, khuyến khích và trọng dụng những cán bộ, công chức, viên chức có năng lực nổi trội, giúp họ có điều kiện vận dụng, phát huy kiến thức, kỹ năng đã được trang bị vào thực tiễn công tác.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao, việc xây dựng văn hóa công vụ gắn với thu hút và trọng dụng người tài là yêu cầu khách quan, cấp thiết. Văn hóa công vụ không chỉ là thước đo phẩm giá người cán bộ mà còn là “sức hút mềm”

của bộ máy công quyền, góp phần tạo dựng niềm tin, khơi dậy khát vọng cống hiến trong đội ngũ nhân lực trẻ. Trong thời đại mà trình độ kỹ thuật - công nghệ có thể dễ dàng cập nhật, thì chính phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, tinh thần phụng sự nhân dân là thứ bền vững và

quý giá nhất ở người cán bộ. Vì vậy, Trường Chính trị cần không ngừng giáo dục học viên về lý tưởng cách mạng, đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm. Chính sự hình thành và lan tỏa văn hóa phụng sự sẽ góp phần hun đúc lớp cán bộ mới có tâm trong - tầm nhìn xa - trách nhiệm lớn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), Nghị quyết số 26-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
5. Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025 – 2030.
6. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 55-QĐ/TCT ngày 7/8/2025 ban hành “Quy tắc ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động và học viên Trường Chính trị”.
7. Quy định số 393-QĐ/TW ngày 5/1/2026 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố.

Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên đề ĐIỂM NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG TẠI ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ LÊ THỊ THANH KIỀU*

Tóm tắt: Bài viết đề cập về việc đổi mới tổ chức sinh hoạt chuyên đề - đây là điểm nổi bật trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Trường Chính trị Đồng Tháp thời gian qua. Bằng nhiều hình thức phong phú, các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường đã giúp kết hợp để đảng viên học tập kinh nghiệm từ thực tiễn, phục vụ tốt hơn cho giảng dạy và nghiên cứu. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp để sinh hoạt chuyên đề tiếp tục phát huy vai trò và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ “huấn luyện cán bộ” của Trường trong kỷ nguyên phát triển mới.

Từ khoá: Đổi mới, sinh hoạt chuyên đề, xây dựng Đảng, Trường Chính trị Đồng Tháp.

02 cơ sở (cơ sở 1 tại phường Thới Sơn, cơ sở 2 tại phường Sa Đéc). Đến tháng 12/2025, Trường có 65 biên chế¹ trực thuộc các bộ phận: Ban Giám hiệu, 03 Khoa (Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Nhà nước và Pháp luật) và 02 Phòng (Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và Nghiên cứu khoa học). Ngoài ra, Trường có 14 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, việc xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, uy tín ngang tầm là nhiệm vụ cấp thiết. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cao đối với Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp vì xây dựng Đảng nói chung, sinh hoạt chuyên đề nói riêng là cơ sở quyết định giúp

Đảng bộ Trường lãnh đạo tốt nhiệm vụ “huấn luyện cán bộ” mà Tỉnh ủy Đồng Tháp giao. Sinh hoạt chuyên đề bằng nhiều hình thức phong phú tại cơ sở chính là điểm nổi bật trong công tác xây dựng Đảng bộ Trường thời gian qua.

2. Nội dung nghiên cứu

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp hiện nay gồm

Đảng bộ cơ sở Trường có 70 đảng viên đang sinh hoạt tại 05 chi bộ trực thuộc (trung ứng với 02 Phòng và 03 Khoa) bao gồm: Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở (12 đảng viên); Chi bộ Khoa Nhà nước và Pháp luật (09 đảng viên); Chi bộ Khoa Xây dựng Đảng (có 11 đảng viên), Chi bộ Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu (có 22 đảng viên) và Chi bộ

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Lý luận cơ sở, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

¹ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): Báo cáo số 37-BC/TCT, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và Nghiên cứu khoa học (có 16 đảng viên). Ngoài ra, còn một số chi bộ học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung đang sinh hoạt tạm thời tại Đảng bộ Trường. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 09 đồng chí.

Thông thường, sinh hoạt chuyên đề được các chi bộ hoặc Đảng bộ tổ chức bằng hình thức tham luận và lồng ghép vào buổi họp lệ. Đảng viên sẽ nghiên cứu sâu về một nội dung về thực hiện Nghị quyết của Đảng, về nâng cao hiệu quả lãnh đạo nhiệm vụ chính trị, về vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng tổ chức Đảng nói chung hoặc vấn đề về chuyên môn,... Cũng trong hoạt động ấy, nhưng nhiệm kỳ Đại hội IX (2020 - 2025), Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp ngoài tổ chức sinh hoạt chuyên đề với nội dung và hình thức như trên thì còn kết hợp nhiều hình thức phong phú khác.

Với yêu cầu bổ sung thực tế phục vụ công tác và học tập, các Chi bộ thuộc Đảng bộ Trường, kể cả Chi bộ sinh hoạt tạm thời của học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị, hệ tập trung sẽ phối hợp với chi, Đảng bộ tại các các khóm, ấp; xã, phường, thị trấn hoặc một đơn vị sự nghiệp, một di tích lịch sử trên địa bàn trong và



Các đại biểu dự Sinh hoạt Chuyên đề tại Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chụp ảnh lưu niệm

ngoài tỉnh và kể cả Đảng bộ các Trường chính trị khác để tổ chức sinh hoạt chuyên đề. Tiêu biểu như:

Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở và Nhà nước pháp luật tổ chức Sinh hoạt chuyên đề thông qua phối hợp với Đảng ủy phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc (nay là phường Sa Đéc) về việc “Nâng cao hiệu quả thực hiện Quy định 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” tại khóm Tân Mỹ. Tổ chức bằng hình thức Tọa đàm tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự (nay là xã Thường Phước) với chủ đề “Tìm hiểu về việc lãnh đạo phát triển kinh tế mùa nước nổi tại Đảng bộ xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự tỉnh Đồng Tháp”. Kết hợp cùng Chi bộ Khoa Lý luận cơ sở và Chi bộ Khoa Nhà nước

pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (trước sáp nhập) sinh hoạt chuyên đề với nội dung “Phát huy vai trò của đảng viên, giảng viên góp phần nâng cao hiệu quả Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hiện nay”.

Chi bộ Khoa xây dựng Đảng sinh hoạt chuyên đề “Phát huy truyền thống yên nước trong bối cảnh mới qua chiến thắng Ấp Bắc, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp). *Chi bộ phòng Tổ chức, Hành chính, Thông tin tư liệu* tổ chức “Sinh hoạt kể chuyện Bác Hồ về tinh thần tự lực, tự cường chăm chỉ hợp tác trong học tập và làm việc”. *Chi bộ phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học* tổ chức xem phim tư liệu và thuyết trình về “Những tấm gương Đất Sen hồng với khát vọng phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc”. *Chi bộ học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung, khoá 64* nghiên cứu, tìm hiểu thực tế tại Phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc (nay là phường Sa Đéc) về “Kinh nghiệm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc”²,... Tại các buổi sinh hoạt này, tùy vào chủ đề cụ thể, đảng viên của các chi bộ thuộc Đảng bộ Trường và các chi, Đảng bộ phối hợp có sự trao đổi, thảo luận xung quanh nội dung chủ đề, tìm hiểu về cách làm hay, đặc điểm, tình hình hoặc kinh nghiệm của nhau. Ngoài ra, *Đảng bộ Trường* còn tổ chức sinh hoạt chuyên đề qua tổ chức các cuộc thi như: Tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển nhà trường; Tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc về chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tháng 5/2025, Đảng bộ Trường tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hóa cho đảng viên và người lao động Đảng bộ trường chính trị tỉnh Đồng Tháp” kết hợp tìm hiểu về Khu Di tích lịch sử đặc biệt Gò Tháp với sự tham gia đầy đủ đảng viên của Đảng bộ.

Qua sinh hoạt chuyên đề với các hình thức phong phú trên, một mặt, giúp đảng viên các chi, Đảng bộ Trường Chính trị Đồng Tháp và các chi, Đảng bộ phối hợp có thêm kinh nghiệm phong phú trong học tập, công tác. Mặt khác, tạo môi trường giao lưu, gắn kết giữa đảng viên với nhau. Các hình thức tổ chức trên không chỉ góp phần quan trọng vào đổi mới hình thức sinh hoạt chi bộ theo quy định của Đảng mà còn đem lại cho Đảng bộ Trường nhiều kết quả đáng kể.

Trước hết, giúp nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên đề, giúp đảng viên tham gia tích cực hơn vào công tác xây dựng Đảng bộ; *Thứ hai*, giúp đảng viên của Đảng bộ có thêm kinh nghiệm thực tiễn, phục vụ tốt hơn cho nhiệm vụ chính trị; *Thứ ba*, đảng viên của Đảng bộ cung cấp thêm về những vấn đề lý luận cho địa phương, đơn vị đến sinh hoạt chuyên đề và tạo sự gắn kết giữa đảng viên của các đơn vị; *Thứ tư*, với Chi bộ lớp Trung cấp lý luận chính trị, học viên trẻ nên khi tham gia sinh hoạt chuyên đề, sẽ là môi trường học tập mới, được học kinh nghiệm thực tiễn phong phú từ lãnh đạo các địa

phương cũng như nắm thực tế hoạt động của Đoàn, Hội tại cơ sở,... Vì vậy, học viên không chỉ có kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn cho học tập, gắn lý luận với thực tiễn mà còn phục vụ lâu dài cho quá trình công tác sau này.

Các chi, Đảng bộ phối hợp tại các xã, phường hoặc đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cũng có được những thuận lợi khi nắm được hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên đề mới. Được đội ngũ giảng viên, đảng viên của Đảng bộ Trường Chính trị chia sẻ kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn. Từ đó, góp phần đề địa phương, đơn vị vận dụng vào tổ chức sinh hoạt chuyên đề của chi bộ một cách phù hợp. Đồng thời, tạo sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa địa phương với Đảng bộ Trường.

Tuy đem lại hiệu quả lớn như trên, nhưng thời gian qua sinh hoạt chuyên đề bằng những hình thức trên còn nhiều khó khăn và chưa được Đảng bộ Trường Chính trị Đồng Tháp tổ chức thường xuyên³. Nguyên nhân chủ yếu do sinh hoạt chuyên đề gắn với cơ sở nên được tổ chức bên ngoài Trường. Vì vậy, cần phải có các chi phí cho việc thuê xe,

² Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo số 124-BC/ĐU*, ngày 12/6/2025, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

³ 04 quý sinh hoạt chuyên đề 04 lần và việc tổ chức các hình thức như trên tại mỗi chi bộ 01-02 lần/năm.

đặt hàng báo cáo viên, lưu trú,... nguồn kinh phí phục vụ cho công tác này có hạn. Ngoài ra, để thống nhất tổ chức sinh hoạt chuyên đề với một địa phương, một đơn vị cần có sự tham gia đầy đủ của Đảng uỷ, Chi uỷ và đảng viên của chi bộ, Đảng bộ nhưng do thời gian, lịch tổ chức công tác và chuyên môn của mỗi đơn vị khác nhau nên đôi lúc có sự bị động về thời gian dẫn đến thường xuyên thay đổi kế hoạch sinh hoạt hoặc phải tổ chức và các ngày nghỉ.

Việc đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên đề tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp như trên thời gian qua đem lại hiệu quả và có tác dụng mạnh mẽ trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ. Do đó, cần tiếp tục được quan tâm và triển khai thực hiện trong thời gian tới. Trong đó, chú trọng một số nhiệm vụ và giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng và chuẩn bị nguồn kinh phí trong thực hiện sinh hoạt chuyên đề tại cơ sở.

Ngay từ đầu năm, khi xây dựng và triển khai nghị quyết, các chi bộ cần thiết chủ động xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên đề hàng năm. Kế hoạch phải thể hiện rõ thực hiện sinh hoạt chuyên đề tại

cơ sở bao nhiêu lần, ở các quý nào, từ đó, chủ động chuẩn bị nguồn kinh phí phù hợp. Theo đó, có thể sử dụng nguồn kinh phí từ thu đảng phí và “cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động”⁴ theo Quy định số 01-QĐ/TW, ngày 03/2/2026 của Bộ Chính trị về chế độ đảng phí. Ngoài ra, có thể tranh thủ kinh phí từ nguồn lực chi cho hoạt động đào tạo đối với việc nghiên cứu thực tế, hoạt động ngoại khóa, về nguồn, hoạt động tổ chức các Hội thảo, tọa đàm. Đồng thời, có thể tranh thủ xây dựng kinh phí từ nguồn đóng góp của đảng viên qua thi đua, khen thưởng hoặc thực hiện xã hội hóa. Nguồn kinh phí sử dụng cho sinh hoạt chuyên đề phải bảo đảm đúng quy định, công khai và phải được quản lý chặt chẽ. Dự toán kinh phí phải được xây dựng song song với kế hoạch sinh hoạt chuyên đề và phải chi tiết, minh bạch cũng như tạo động lực để đảng viên tự nguyện đóng góp, tham gia. Từ đó, tạo điều kiện hướng đến nâng tầm quy mô và hình thức tổ chức.

Thứ hai, phân công đảng viên có ưu thế, kinh nghiệm, uy tín về chuyên môn phụ trách tổ chức về nội dung, chú trọng những vấn đề mang tính thời sự.

Việc phân công nhiệm vụ để nâng cao chất lượng nội dung sinh hoạt chuyên đề có vai trò quyết định đến hiệu quả sinh hoạt, vì vậy cần phân công đảng viên có năng lực đề xuất nội dung. Qua đó, các Chi uỷ chủ động rà soát, lựa chọn những đảng viên có ưu thế về trình độ lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và đặc biệt có uy tín về chuyên môn phụ trách. Những đảng viên này đóng vai trò dẫn dắt thảo luận, giúp đảng viên các chi bộ nhận diện đúng xu hướng, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của chi bộ, Đảng bộ và Trường đặt ra, từ đó định hướng hành động sát với thực tiễn. Những nội dung sau khi đề xuất cần được đưa vào bàn bạc, thảo luận thống nhất trong chi bộ trước khi ban hành kế hoạch, nghị quyết và triển khai thực hiện. Từ đó, tạo sự đồng thuận và phân công đảng viên phụ trách hiệu quả hơn.

Thứ ba, xây dựng và chuẩn bị kế hoạch sinh hoạt chuyên đề một cách chu đáo, đồng thời, thực hiện tốt công tác kiểm tra, đôn đốc, phối hợp.

Để đảm bảo hiệu quả trong sinh hoạt chuyên đề, khâu chuẩn bị đóng vai trò quyết định. Qua đó, ngay từ khi ban hành nghị quyết phân công đảng viên phụ trách đến

⁴ Bộ Chính trị (2026): *Quy định số 01-QĐ/TW*, ngày 03/2/2026, về chế độ đảng phí.

khi diễn ra buổi sinh hoạt, nội dung, hình thức phải được chuẩn bị cẩn thận. Buổi sinh hoạt cần được xây dựng kịch bản chi tiết và đề cương, trong đó, chú ý phân công công việc cụ thể cho từng đảng viên. Song song đó, Chi ủy quan tâm và giữ vai trò chủ đạo trong việc đôn đốc tiến độ, kiểm tra việc triển khai thực hiện cũng như nắm tình hình phối hợp giữa các bộ phận một cách chặt chẽ. Sự phối hợp này nhằm mục đích huy động sức mạnh tổng hợp, đảm bảo mọi điều kiện về thời gian, địa điểm và nhân lực để tối ưu hiệu quả của buổi sinh hoạt. Đặc biệt, chú trọng công tác kiểm tra và quán triệt sau sinh hoạt chuyên đề theo hướng tập trung vào việc chuyển các nghị quyết thành hành động cụ thể của từng đảng viên. Xây dựng và biên tập thành các bài viết đăng trên Cổng thông tin điện tử, Thông tin lý luận thực tiễn Trường Chính trị hoặc công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông. Đảm bảo mọi quyết sách của chi bộ đều được đảng viên nắm, được thông tin rộng rãi và đạt được mục tiêu thực tế, tác động hiệu quả đến tư tưởng và hành động của đảng viên.

Thứ tư, tiếp tục nghiên cứu triển khai nhiều hình thức sinh hoạt phong phú vừa bảo đảm đúng quy định, vừa đem lại hiệu quả và phục vụ tốt cho

nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Trường.

Trong bối cảnh kỷ nguyên số, việc đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên đề không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà là đòi hỏi khách quan để phục vụ hiệu quả cho công tác xây dựng Đảng bộ, phục vụ nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường chính trị Đồng Tháp. Giải pháp cốt lõi để tiếp tục triển khai sinh hoạt chuyên đề tại cơ sở trong kỷ nguyên số là tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng đa dạng các hình thức hiện đại thông qua tổ chức hội thảo, tọa đàm hoặc sinh hoạt trực tuyến kết hợp trực tiếp,... phù hợp với đặc thù công tác của đảng viên. Trong đó, chú trọng chuyển đổi từ phương thức truyền đạt một chiều sang đối thoại đa chiều, ứng dụng các công nghệ trình chiếu và truyền thông số để trực quan hóa các vấn đề lý luận.

Nội dung sinh hoạt chuyên đề phải bảo đảm tính thời sự từ việc triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, triển khai các Nghị quyết mới ban hành từ các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW

ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 70-NQ/TW về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;... đến những vấn đề thời sự về những thuận lợi, khó khăn của mô hình và việc vận hành chính quyền hai cấp; thuận lợi, khó khăn, những yêu cầu mới đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong môi trường làm việc sau sáp nhập hoặc vấn đề đặt ra về xây dựng Đảng trong điều kiện mới nói chung và của tỉnh Đồng Tháp nói riêng; về nhiệm vụ xây dựng Trường Chính trị chuẩn mức 2 và nhiệm vụ của trường chính trị đáp ứng yêu cầu mới; việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ, công tác chuyên môn của chi bộ.

Tóm lại, trên cơ sở bảo đảm đúng quy định Đảng và vận dụng sáng tạo phong phú về hình thức tổ chức, sinh hoạt chuyên đề tại cơ sở thời gian qua thực sự trở thành môi trường rèn luyện bản lĩnh và tư duy sáng tạo, giúp mỗi đảng viên rèn luyện và phát huy được vai trò, đóng góp vào xây dựng Đảng bộ Trường

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

Chính trị tỉnh Đồng Tháp càng thêm trong sạch, vững mạnh. Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên đề của Đảng bộ Trường thời gian qua là cách làm hiệu quả và cần tiếp tục triển khai thực hiện trong điều kiện mới. Nội dung sinh hoạt chuyên đề có thể tập trung vào

tìm hiểu những vấn đề thời sự của đất nước, tỉnh Đồng Tháp và Trường... Với phương châm “đoàn kết - kỷ cương - chất lượng - phát triển”⁵, đổi mới tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại cơ sở sẽ là giải pháp quan trọng góp phần xây dựng Đảng bộ Trường Chính trị

tỉnh Đồng Tháp trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ X (2025 - 2030) tiếp tục đạt trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ Trường sẽ lãnh đạo nhiệm vụ chính trị - công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Đồng Tháp - gặt hái nhiều thành công hơn trong những năm tiếp theo./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2026): *Quy định số 396-QĐ/TW*, ngày 06/01/2026, quy định về trường chính trị chuẩn.
2. Bộ Chính trị (2026): *Quy định số 01-QĐ/TW*, ngày 03/2/2026 về chế độ đảng phí.
3. Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo số 124-BC/ĐU*, ngày 12/6/2025, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 – 2030.
4. Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo số 37-BC/TCT*, ngày 25/12/2025, Báo cáo tổng kết công tác Trường Chính trị Tỉnh năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

⁵ Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp (2025): *Báo cáo số 124-BC/ĐU*, ngày 12/6/2025, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị Tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Chính trị Tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2025 – 2030, trang 11.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ, CHUYỂN ĐỔI XANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Đặt vấn đề

✦ LÊ QUỐC CƯỜNG*

Trong bối cảnh thế giới đang đứng trước những ngưỡng cửa nguy hiểm của biến đổi khí hậu và sự bùng nổ không ngừng của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, khái niệm “chuyển đổi kép” đã trở thành một lựa chọn chiến lược tất yếu cho mọi quốc gia và địa phương mong muốn phát triển bền vững trong đó có tỉnh Đồng Tháp. Chuyển đổi kép là sự giao thoa mật thiết giữa chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, trong đó công nghệ số đóng vai trò là động lực, là phương tiện cốt lõi để hiện thực hóa các mục tiêu về môi trường, giảm phát thải và bảo vệ hệ sinh thái.

Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng máy tính hay internet vào quy trình làm việc, mà thực chất là một cuộc cách mạng về thể chế, thay đổi hoàn toàn tư duy và phương thức vận hành của toàn xã hội. Vai trò của chuyển đổi số nằm ở khả năng tối ưu hóa các nguồn lực vật lý thông qua ảo hóa không gian mạng, nơi mà các đổi mới sáng tạo có thể diễn ra với tốc độ nhanh hơn gấp nhiều lần so

Tóm tắt: Bài báo khoa học phân tích sâu sắc tiến trình thực hiện chiến lược chuyển đổi kép (số và xanh) tại tỉnh Đồng Tháp trong bối cảnh địa phương vừa trải qua đợt sáp nhập hành chính lịch sử với tỉnh Tiền Giang vào tháng 7/2025. Nghiên cứu tập trung đánh giá những thành tựu nổi bật trong việc vận hành mô hình chính quyền hai cấp, tinh gọn bộ máy và ứng dụng công nghệ số vào nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, bài viết cũng thẳng thắn chỉ ra những điểm nghẽn về hạ tầng dữ liệu, áp lực giải quyết tài sản dôi dư và sự chênh lệch trong năng lực tiếp cận công nghệ của địa phương. Trên cơ sở phân tích thực trạng và các nguyên nhân khách quan, chủ quan, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện về thể chế, hạ tầng và nhân lực, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, trung hòa carbon và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Chuyển đổi xanh, Đồng Tháp, Chính quyền hai cấp, phát triển bền vững.

với thế giới thực. Lợi ích lớn nhất mà chuyển đổi số mang lại chính là việc tạo ra một loại tài nguyên mới, đó là dữ liệu.

Song hành với đó, chuyển đổi xanh là quá trình đưa con người quay trở về với sự hài hòa cùng thiên nhiên, bảo vệ

môi trường sống và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nếu chuyển đổi số giúp chúng ta phát triển nhanh, thì chuyển đổi xanh đảm bảo cho sự phát triển đó mang tính bền vững. Chuyển đổi xanh đòi hỏi sự thay đổi trong từng mô hình

* Thạc sĩ, Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và Nghiên cứu khoa học, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, An Giang

tăng trưởng, từ kinh tế khai thác sang kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp. Trong đó, việc ứng dụng công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (IoT) hay dữ liệu lớn (Big Data) là chìa khóa để giải quyết các bài toán hóc búa về tiết kiệm năng lượng, tối ưu hóa hiệu suất tại các nhà máy thông minh và quản lý tài nguyên thiên nhiên một cách chính xác nhất.

Tỉnh Đồng Tháp, sau sự kiện sáp nhập hành chính lịch sử với tỉnh Tiền Giang vào tháng 7/2025, đã trở thành một thực thể địa chính trị mới với quy mô diện tích và dân số thuộc nhóm hàng đầu khu vực. Việc triển khai chính quyền địa phương hai cấp đòi hỏi một hạ tầng số cực kỳ mạnh mẽ để xóa bỏ khoảng cách về không gian và thời gian, đảm bảo phục vụ người dân một cách công bằng và hiệu quả. Việc đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp chuyển đổi số, chuyển đổi xanh tại Đồng Tháp không chỉ mang ý nghĩa địa phương mà còn là bài học kinh nghiệm quý báu cho chiến lược sắp xếp đơn vị hành chính và phát triển bền vững của cả quốc gia. Chuyển đổi kép không chỉ là mục tiêu phát triển kinh tế mà còn là công cụ trực tiếp để tinh gọn bộ máy, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiện thực hóa khát vọng về một

“Đất Sen hồng” xanh, thông minh và bền vững.

2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu

2.1. Những thành tựu đạt được trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tính đến tháng 02 năm 2026

Sau hơn nửa năm chính thức vận hành dưới mô hình tỉnh sáp nhập mới, Đồng Tháp đã đạt được những kết quả ấn tượng, khẳng định vị thế tiên phong trong việc thực hiện chuyển đổi kép gắn liền với cải cách hành chính.

*** Xây dựng chính quyền số và mô hình quản trị hai cấp hiện đại**

Kết quả nổi bật nhất chính là việc vận hành ổn định mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên quy mô toàn tỉnh từ ngày 01/7/2025. Tỉnh đã thực hiện một bước đi đột phá khi cắt giảm tầng nấc trung gian, giúp quy trình ra quyết định trở nên nhanh chóng và sát thực tế hơn.

Tổng biên chế công chức hành chính của tỉnh Đồng Tháp mới đã giảm mạnh từ 5.502 xuống còn 4.515 chỉ tiêu, tương đương mức giảm gần 18%. Việc cắt giảm 987 biên chế không làm giảm hiệu quả phục vụ mà ngược lại, nhờ vào sự hỗ trợ của các nền

tảng số, năng lực xử lý hồ sơ của cán bộ cấp cơ sở đã được nâng cao rõ rệt.

Tỉnh đã hoàn thành việc nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, liên thông hoàn toàn với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tính đến cuối tháng 02/2026, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và sớm hạn đạt mức cao kỷ lục 98,23%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 lần lượt đạt 89,8% và 93,5%, cho thấy thói quen sử dụng công nghệ của người dân và doanh nghiệp đã có sự thay đổi căn bản.

Đồng Tháp đã đưa vào sử dụng Trung tâm IOC hiện đại, tích hợp công nghệ AI, IoT và Big Data để giám sát trực tuyến 15 lĩnh vực trọng yếu. Điều này cho phép lãnh đạo tỉnh nắm bắt diễn biến kinh tế - xã hội theo thời gian thực, từ tình hình dịch bệnh, giao thông đến biến động giá cả nông sản,...

*** Đột phá trong kinh tế số và hỗ trợ doanh nghiệp**

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã hỗ trợ cho hơn 88 cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng máy móc hiện đại vào sản xuất. Việc số hóa các khâu xay xát, sấy, đóng gói đã giúp các làng nghề rút ngắn 30% thời gian sản xuất và giảm chi phí nhân công đáng kể. Năm 2025, tổng kinh phí

các đề án khuyến công địa phương đạt hơn 3,66 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 1,63 tỷ đồng, còn lại là vốn đối ứng từ các doanh nghiệp (chiếm khoảng 58%). Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT). Tiêu biểu là các đề án hỗ trợ Công ty TNHH Thực phẩm Sao Khuê, Công ty Liên Tâm (sản xuất nhang sen), và Công ty Ngọc Yến (muối ớt sấy),....

Thông qua các kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, giai đoạn 2021-2025 tỉnh đã có 180 sản phẩm đạt chứng nhận cấp tỉnh, 32 sản phẩm cấp khu vực và 10 sản phẩm cấp quốc gia. Tất cả các sản phẩm này đều được hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu số và đưa lên các sàn thương mại điện tử để tiếp cận thị trường toàn cầu.

Tỉnh đã dự kiến bố trí một nguồn lực tài chính khổng lồ lên tới 6.492 tỷ đồng cho giai đoạn 2026-2030 dành riêng cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Đây là cam kết mạnh mẽ nhất từ trước đến nay, thể hiện quyết tâm đưa công nghệ trở thành động lực tăng trưởng chính.

*** Chuyển đổi xanh và nông nghiệp bền vững thích ứng khí hậu**

Với sự tài trợ của các tổ

chức quốc tế như WB và GIZ, tỉnh đã triển khai dự án VnSAT trên ngành hàng lúa gạo, áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm. Kết quả đã giúp giảm phát thải khí nhà kính tới 211.344 tấn CO₂, đồng thời tăng lợi nhuận cho người nông dân từ 10-30% nhờ tiết kiệm phân bón và thuốc trừ sâu.

Trong lộ trình thực hiện cam kết phát triển bền vững, tỉnh đã chủ động nhân rộng mô hình Cánh đồng sản xuất lúa tiên tiến, tiết kiệm nước tại các vùng trọng điểm. Điểm cốt lõi của mô hình này là việc tích hợp hệ thống thiết bị cảm biến tự động trên đồng ruộng, cho phép giám sát trực tuyến mực nước và độ mặn thông qua các ứng dụng di động. Việc điều tiết nước chính xác theo nhu cầu sinh trưởng của cây lúa không chỉ giúp tiết kiệm tài nguyên nước mà còn giảm đáng kể phát thải khí nhà kính, góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng xanh của ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó, hệ thống bẫy đèn thông minh kết hợp với thuật toán nhận diện tự động đã giúp các cơ quan chuyên môn và nông dân theo dõi sát sao mật độ sâu rầy theo thời gian thực. Sự can thiệp kịp thời và chính xác dựa trên dữ liệu số đã giúp cắt giảm tới đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Hệ quả tất yếu là chất lượng hạt gạo được

nâng cao rõ rệt, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kiểm định khắt khe về dư lượng hóa chất từ những thị trường khó tính như Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ. Những bước đi này không chỉ khẳng định vị thế của thương hiệu gạo Đồng Tháp trên bản đồ xuất khẩu mà còn tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng một hệ sinh thái nông nghiệp số hiện đại và trách nhiệm.

Ngành du lịch Đồng Tháp đã bứt phá mạnh mẽ khi đón hơn 7,3 triệu lượt khách trong năm 2025, mang về doanh thu 4.158 tỷ đồng⁹. Đặc biệt, dịp Tết Bính Ngọ 2026, tỉnh đã đón hơn 422.500 lượt khách chỉ trong 7 ngày cao điểm, khẳng định sức hút của mô hình du lịch nông nghiệp xanh và sinh thái “Đất Sen hồng”.

2.2. Những hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tính đến 02/2026

Bên cạnh những thành quả rực rỡ, quá trình chuyển đổi kép tại một tỉnh mới có quy mô khổng lồ như Đồng Tháp không tránh khỏi những điểm nghẽn và thách thức mang tính hệ thống.

2.2.1. Những hạn chế, khó khăn

Thách thức về hạ tầng dữ liệu và sự không đồng nhất hệ

thống, vấn đề lớn nhất phát sinh sau sáp nhập chính là sự chênh lệch và thiếu tương thích giữa cơ sở dữ liệu của hai tỉnh cũ (Đồng Tháp và Tiền Giang).

Với quy mô hơn 4,3 triệu dân, việc tích hợp toàn bộ dữ liệu hộ tịch, đất đai, bảo hiểm y tế vào một hệ thống chung duy nhất của tỉnh mới vẫn còn những sai sót kỹ thuật, gây chậm trễ trong việc cập nhật thông tin cho người dân.

Một khối lượng khổng lồ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh và giấy phép lái xe cần phải thay đổi thông tin địa danh hành chính mới. Điều này tạo ra áp lực cực lớn lên bộ phận một cửa, mặc dù đã thực hiện trực tuyến nhưng vẫn còn tình trạng quá tải trong khâu hậu kiểm.

Việc triển khai chính quyền hai cấp đồng nghĩa với việc xóa bỏ cấp huyện trong quản lý hành chính trực tiếp, điều này gây ra những xáo trộn đáng kể.

Cán bộ cấp xã hiện nay phải đảm nhiệm nhiều đầu việc vốn trước đây thuộc thẩm quyền cấp huyện, trong khi biên chế lại bị cắt giảm mạnh (giảm gần 1.000 người trên toàn tỉnh). Sự thiếu hụt nhân lực có trình độ công nghệ thông tin cao tại cấp cơ sở khiến việc vận hành các

phần mềm quản trị đôi khi chưa phát huy hết hiệu quả.

Sau sáp nhập, 102 đơn vị hành chính cấp xã mới được hình thành từ việc hợp nhất nhiều xã cũ. Nhiều nơi chưa có trụ sở làm việc tập trung đủ rộng, trang thiết bị máy tính và đường truyền internet tại các xã vùng sâu, vùng biên giới vẫn còn lạc hậu, ảnh hưởng đến tốc độ xử lý hồ sơ.

Khó khăn trong việc xanh hóa sản xuất công nghiệp và nông nghiệp Chuyển đổi xanh đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn và thay đổi hành vi sản xuất lâu đời của người dân.

Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cơ sở công nghiệp nông thôn vẫn còn ngại đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải hay máy móc tiết kiệm năng lượng do vốn đầu tư ban đầu quá cao và thời gian thu hồi vốn lâu.

Mặc dù Đồng Tháp có tiềm năng rất lớn về tín chỉ carbon từ rừng tràm và các vùng canh tác lúa giảm phát thải, nhưng hiện tại vẫn thiếu một khung pháp lý và sản giao dịch cụ thể để người dân có thể thực sự kiếm tiền từ việc bảo vệ môi trường.

Tình trạng xâm nhập mặn lấn sâu và sụt lún đất tại một số khu vực thuộc Tiền Giang cũ (nay là Đồng Tháp) diễn ra nhanh hơn dự báo, làm vô

hiệu hóa một số hạ tầng xanh đã được đầu tư trước đó.

2.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Nguyên nhân khách quan

Việc hợp nhất hai tỉnh có đặc thù kinh tế - xã hội khác nhau thành một tỉnh lớn với dân số hơn 4 triệu người là một thách thức chưa có tiền lệ trong lịch sử quản trị hành chính hiện đại của Việt Nam.

Một số quy định về giao dịch điện tử, định danh số và cơ chế tài chính cho các dự án xanh vẫn đang trong quá trình sửa đổi hoặc mới ban hành, khiến địa phương đôi khi còn lúng túng trong quá trình áp dụng thực tế.

Những hoạt động thủy điện ở thượng nguồn nằm ngoài tầm kiểm soát của tỉnh đã gây ra sự biến động bất thường về phù sa và nước ngọt, ảnh hưởng trực tiếp đến các mô hình nông nghiệp xanh bền vững.

Nguyên nhân chủ quan

Vẫn còn tình trạng một số cán bộ cấp cơ sở giữ thói quen làm việc thủ công, chưa chủ động cập nhật kỹ năng số, dẫn đến việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế.

Trong giai đoạn đầu sau sáp nhập, việc chia sẻ dữ liệu giữa các sở ngành vốn thuộc

hai tỉnh khác nhau vẫn còn tình trạng cục bộ, chưa tạo ra một dòng chảy thông tin xuyên suốt.

Một bộ phận người dân ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là đồng bào dân tộc và người cao tuổi, vẫn chưa hiểu rõ về lợi ích của chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, dẫn đến tỷ lệ tham gia chưa đồng đều giữa các khu vực.

2.3. Đề xuất các giải pháp chuyển đổi số, chuyển đổi xanh cơ bản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới

Để vượt qua các thách thức và hiện thực hóa mục tiêu trở thành hình mẫu về phát triển bền vững, tỉnh Đồng Tháp cần triển khai quyết liệt hệ thống giải pháp sau đây.

**** Nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị***

Tỉnh cần khẩn trương ban hành quy trình vận hành liên thông đặc thù cho mô hình chính quyền hai cấp, trong đó trọng tâm là phân cấp triệt để thẩm quyền cho cấp xã gắn với cơ chế giám sát trực tuyến qua dữ liệu số. Để giải quyết áp lực thay đổi thông tin địa danh sau sáp nhập, cần triển khai chiến dịch “cấp đổi số đồng loạt”, cho phép hệ thống tự động cập nhật địa danh mới trên cơ sở dữ liệu dân cư

và đất đai mà không yêu cầu người dân phải thực hiện thủ tục trực tiếp. Bên cạnh đó, việc sớm ban hành danh mục dự án xanh ưu tiên và khung pháp lý thí điểm về giao dịch tín chỉ carbon tại địa phương sẽ là đòn bẩy quan trọng để thu hút dòng vốn đầu tư xanh, đồng thời tháo gỡ nút thắt về cơ chế tài chính cho các mô hình nông nghiệp bền vững. Ban hành các chính sách ưu đãi đặc thù đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình sản xuất thông minh, tiết kiệm năng lượng.

**** Nhóm giải pháp về phát triển hạ tầng và năng lượng tái tạo bền vững***

Nhiệm vụ cấp bách nhất là xây dựng và vận hành kho dữ liệu dùng chung thống nhất của tỉnh mới trên cơ sở chuẩn hóa, làm sạch và tích hợp dữ liệu từ hai hệ thống cũ của Đồng Tháp và Tiền Giang. Tỉnh cần đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống điện toán đám mây (Cloud) đủ lớn để lưu trữ và xử lý khối lượng dữ liệu khổng lồ của hơn 4 triệu dân, đảm bảo dòng chảy thông tin thông suốt giữa các sở, ngành. Song song đó, việc phủ sóng 5G đến các vùng sâu, vùng biên giới và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho 102 xã mới thành lập là điều kiện tiên quyết để xóa bỏ khoảng

cách số, giúp cán bộ cấp cơ sở có đủ công cụ xử lý công việc hiệu quả trong bối cảnh biên chế bị tinh giảm. Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính và đường truyền cho 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Ưu tiên nguồn vốn đầu tư công để hoàn thiện việc số hóa và đồng bộ hóa 100% cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế, giáo dục,... của tỉnh. Đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và được kết nối thông suốt với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Đối với các khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ xâm nhập mặn và sụt lún tại vùng Tiền Giang cũ, tỉnh cần ưu tiên nguồn vốn đầu tư công cho hạ tầng thủy lợi thông minh, tích hợp hệ thống quan trắc tự động để điều tiết nước ngọt kịp thời. Việc đẩy nhanh tiến độ các trục giao thông huyết mạch như cao tốc Cao Lãnh - An Hữu không chỉ mang ý nghĩa liên kết vùng mà còn là tiền đề để chuyển đổi sang hệ thống vận tải xanh, giảm phát thải carbon. Từng bước chuyển đổi hệ thống xe buýt công cộng và phương tiện vận tải hàng hóa sang sử dụng điện và năng lượng sạch. Đồng thời, tỉnh cần khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và điện sinh khối từ phụ phẩm nông nghiệp, biến chất thải từ xay xát lúa gạo và chế biến

thủy sản thành nguồn năng lượng sạch, giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn tự chủ năng lượng và tối ưu hóa chi phí sản xuất trong dài hạn.

****Nhóm giải pháp thúc đẩy kinh tế xanh và nông nghiệp thông minh***

Để xanh hóa sản xuất, tỉnh cần chuyển từ hỗ trợ đơn lẻ sang hỗ trợ theo chuỗi giá trị, đặc biệt là ứng dụng Blockchain trong truy xuất nguồn gốc cho 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và trí tuệ nhân tạo trong dự báo hạn mặn, dịch bệnh cho nông nghiệp. Hệ thống Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) cần được nâng cấp tính năng giám sát phát thải và quản lý tài nguyên số để phục vụ điều hành kinh tế xanh.

Phát triển các vùng chuyên canh lúa, xoài, cá tra theo tiêu chuẩn Net Zero để thâm nhập vào các thị trường cao cấp như EU, Mỹ.

Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xây dựng sàn giao dịch tín chỉ carbon thí điểm tại Đồng Tháp. Khuyến khích người dân trồng rừng tràm và thực hiện các mô hình canh tác giảm phát thải để tăng thêm thu nhập từ việc bán tín chỉ carbon.

Thông qua chương trình khuyến công, tỉnh cần tăng cường hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại và dây chuyền sản xuất sạch hơn. Ưu tiên hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh cho các ngành tiêu thụ nhiều năng lượng như chế biến thủy sản và xay xát lúa gạo.

**** Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực***

Về nhân lực, cần thực hiện chương trình đào tạo lại quy mô lớn cho cán bộ cấp cơ sở, tập trung vào kỹ năng quản trị dữ liệu và an toàn thông tin để thay đổi hoàn toàn thói quen làm việc thủ công.

Ban hành chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với các chuyên gia đầu ngành về AI, Big Data và năng lượng tái tạo về làm việc tại Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh và các doanh nghiệp trọng điểm từ đó tạo nguồn lực tri thức để dẫn dắt tiến trình chuyển đổi kép của tỉnh.

**** Nhóm giải pháp về xây dựng xã hội số và truyền thông nhằm thay đổi hành vi***

Để chuyển đổi số và chuyển đổi xanh thực sự đi vào đời sống, tỉnh cần triển khai mạnh mẽ mạng lưới Tổ công nghệ số cộng đồng đến tận từng ấp, khóm, lấy lực lượng thanh niên làm nòng

cốt để hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng nông nghiệp xanh. Công tác truyền thông cần được đổi mới theo hướng đa nền tảng, cá nhân hóa nội dung cho từng đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc và người cao tuổi, nhằm xóa bỏ rào cản tâm lý và tạo sự đồng thuận trong xã hội. Việc xây dựng hệ sinh thái du lịch số tích hợp các tour thực tế ảo và thanh toán không dùng tiền mặt tại 100% các điểm đến không chỉ nâng cao trải nghiệm cho khách mà còn là kênh giáo dục trực quan về lối sống xanh, bền vững cho cộng đồng dân cư địa phương.

3. Kết luận

Thực trạng chuyển đổi số và chuyển đổi xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tính đến cuối tháng 02/2026 cho thấy một bức tranh đầy triển vọng của một thực thể hành chính mới sau sáp nhập. Mặc dù phải đối mặt với những thách thức chưa từng có về quy mô dân số và sự thay đổi mô hình quản trị, tỉnh đã thể hiện bản lĩnh của một “Đất Sen hồng” năng động khi vận hành thành công chính quyền hai cấp và dẫn đầu về nông nghiệp giảm phát thải. Những thành quả về tinh gọn bộ máy, số hóa dịch vụ công và tăng trưởng du lịch xanh là minh chứng

rõ nét cho sự đúng đắn của chiến lược chuyển đổi kép. Tuy nhiên, để những kết quả này mang tính bền vững và thực sự trở thành động lực cho sự giàu có, tỉnh cần quyết liệt hơn nữa trong việc giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng dữ liệu, nhân lực số và cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh.

Việc tập trung nguồn lực hàng nghìn tỷ đồng vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong những năm tới sẽ là chìa khóa để Đồng Tháp không chỉ thực hiện tốt vai trò là vựa lúa của cả nước mà còn trở thành một trung tâm kinh tế số, kinh tế xanh hiện đại, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Net

Zero của quốc gia vào năm 2050. Hành trình phía trước còn nhiều khó khăn, nhưng với nền tảng đã xây dựng và tinh thần quyết tâm cao, Đồng Tháp chắc chắn sẽ bứt phá mạnh mẽ, xứng đáng là biểu tượng của sự đổi mới và phát triển bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 86/BC-SNV ngày 15/02/2026 của Sở Nội vụ về tổng kết công tác tinh giản biên chế giai đoạn thí điểm 2025.
2. Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình vận hành Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Đồng Tháp.
3. Báo cáo số 45/BC-SCT ngày 20/02/2026 của Sở Công Thương về kết quả thực hiện chương trình khuyến công.
4. Công văn số 314/SCT-QLCN ngày 12/01/2026 của Sở Công Thương về việc hỗ trợ xúc tiến thương mại số cho sản phẩm tiêu biểu.
5. Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Tháp về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.
6. Báo cáo tổng kết dự án VnSAT số 22/BC-SNN&MT ngày 10/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP SINH THÁI GẮN VỚI KINH DOANH DU LỊCH SINH THÁI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

✪ NGUYỄN HOÀI VINH*

✪ VÕ VĂN QUÂN**

Tóm tắt: Kết hợp phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp xanh mà cùng với du lịch sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng và góp phần phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi xanh hiện nay. Thời gian qua, Đồng Tháp cùng với các địa phương trên cả nước đã triển khai và có nhiều mô hình hiệu quả trong việc phát triển loại hình du lịch này. Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc. Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề về sự cần thiết, thực trạng và đề xuất giải pháp góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Từ khoá: Nông nghiệp sinh thái; du lịch sinh thái; du lịch nông nghiệp; chuyển đổi xanh.

1. Đặt vấn đề

Du lịch và nông nghiệp là hai ngành mũi nhọn được Đảng và Nhà nước ta xác định ưu tiên phát triển trong định hướng phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Các chính sách xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh của ngành nông nghiệp sẽ là điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp. Sự cộng hưởng giữa du lịch và nông nghiệp đã đem lại những giá trị gia tăng mới và góp phần làm thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp của người dân.

Nằm ở vị trí cửa ngõ Đồng bằng sông Cửu Long, dọc theo sông Tiền tỉnh Đồng Tháp có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, trên thực tế,

sự phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, tự phát; sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp sinh thái còn nghèo nàn, đơn điệu, kiểu “cây nhà lá vườn”, chất lượng chưa cao; chưa hình thành sự liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp lữ hành để tạo nguồn khách cho du lịch nông nghiệp; người nông dân chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm du lịch một cách bài bản,...

Thực trạng trên cho thấy vấn đề cấp thiết hiện nay là làm thế nào để phát huy các tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái ở tỉnh Đồng Tháp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới, tạo ra “hiệu ứng kép” cho cả du lịch và nông nghiệp cùng phát triển theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

** Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

2. Nội dung

2.1. Tiềm năng phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái của tỉnh Đồng Tháp

Sau khi thực hiện việc sáp nhập đơn vị hành chính, Đồng Tháp đặt mục tiêu là tỉnh tiên phong phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái. Vị trí của tỉnh hiện nay được xem là cửa ngõ vùng ĐBSCL trên đất liền, với diện tích gần 6.000 km², hơn 4,2 triệu dân, không gian phát triển trải dài từ biên giới giáp với Campuchia, nơi đầu nguồn sông Tiền đến biển Đông. Không gian kinh tế rộng lớn hơn, năng lực cạnh tranh cao hơn là điều kiện để tỉnh phát huy thế mạnh công nghiệp, xuất khẩu và nông nghiệp hàng hóa nhằm tạo ra giá trị vượt trội và phát triển mạnh mẽ, bền vững trong giai đoạn lịch sử mới. Với lợi thế là vừa lúa, vừa trái cây, vừa thủy sản lớn của cả nước, Đồng Tháp có nhiều điều kiện trở thành địa phương đi đầu trong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

Cùng với cả nước, thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, tỉnh Đồng Tháp đã đi đầu trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, từng bước xây dựng nền nông

nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

Điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai màu mỡ, nước ngọt quanh năm; nền nông nghiệp phong phú với nhiều sản vật nổi tiếng, đặc biệt là hoa, trái cây, thủy sản; nông dân cần cù, sáng tạo, hồn hậu và mến khách; các giá trị về lịch sử, văn hóa bản địa, ẩm thực đặc trưng Nam Bộ... là những lợi thế để Đồng Tháp phát triển loại hình du lịch sinh thái gắn liền với nông nghiệp sinh thái trong bối cảnh chuyển đổi xanh hiện nay.

Du lịch sinh thái tại Đồng Tháp được tỉnh xác định là chiến lược, trụ cột, căn bản, toàn diện, lâu dài, có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái là một mắt xích quan trọng trong kéo dài chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới và phát triển dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với phát triển thời gian qua nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, các cấp, các ngành. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch ra đời thể hiện quyết tâm của Đảng

bộ và chính quyền tỉnh trong việc xây dựng và nâng cao chất lượng, hiệu quả cũng như định vị thương hiệu du lịch sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp sạch. Đồng Tháp cũng là địa phương tiên phong trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp sinh thái với kinh doanh du lịch sinh thái.

Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, du lịch nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp thời gian qua đã có những kết quả khả quan. Toàn tỉnh có 106 điểm du lịch gắn với hoạt động nông nghiệp, cộng đồng và làng nghề; trong đó, có 32 điểm du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận theo tiêu chuẩn Luật Du lịch năm 2017 và 31 cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; 14 điểm du lịch được công nhận sản phẩm OCOP từ 3-4 sao (4 sản phẩm 4 sao, 10 sản phẩm 3 sao).

- Xây dựng và phát triển 05 mô hình Chợ quê phục vụ du lịch (*Chợ quê Tân Thuận Đông, Chợ quê Gò Tháp, Chợ quê Tràm Chim, Chợ phiên Long Thuận, Chợ quê Xóm Rẫy*). Các mô hình Chợ quê được xây dựng theo hình thức mô hình trải nghiệm du lịch nông nghiệp. Khách đến tham

quan, mua sắm và thưởng thức ẩm thực, kết nối chia sẻ với cuộc sống của nông dân. Thông qua đó, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn.

- Các điểm, mô hình hoạt động du lịch đang khai thác phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, đúng định vị và thế mạnh đặc trưng (*Khu du lịch cù lao Thới Sơn, Khu du lịch Biển Tân Thành, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu Di tích lịch sử văn hóa khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Gò Tháp - Đồng sen Tháp Mười, Thành phố Sa Đéc và Làng hoa kiểng Sa Đéc*).

- Khai thác hiệu quả các sự kiện, lễ hội để phát triển du lịch, vừa góp phần thu hút khách du lịch, tăng nguồn thu và quảng bá hình ảnh địa phương (*Lễ hội Sen, Lễ hội Xoài, Ngày hội nông sản, Festival Hoa - Kiểng Sa Đéc, Lễ hội Văn hóa - Du lịch Làng cổ Đông Hòa Hiệp*).

- Việc khai thác và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực gắn với xây dựng thương hiệu điểm đến được quan tâm triển khai tốt. Tỉnh đã thực hiện xác lập kỷ lục 200 món ăn từ sen và triển khai đến hệ thống nhà hàng, khu điểm du lịch.

- Xây dựng được nhiều chương trình tour du lịch, cụ thể: 06 tour chuyên đề

(*“Trải nghiệm một ngày làm nông dân”, “Trải nghiệm mùa nước nổi của ngư dân vùng Đồng Tháp Mười”, “Sắc xuân Đồng Tháp”, “Mỗi ngày một nghề”, “Đi trong màu xanh của vườn cây trái”, “Theo cánh hạc bay”*), 13 tour nội tỉnh (*Tour dờ chà đái bạn thành phố Cao Lãnh, Tour du lịch trải nghiệm nông nghiệp huyện Cao Lãnh, Tour Làng nghề chiếu Định Yên, Tour Sắc màu Vùng biên, Tour Hành trình về Đất Sen Hồng Đồng Tháp, Tour Trải nghiệm sông nước miệt vườn cù lao Thới Sơn, Tour Cuộc trải nghiệm kỳ thú đất phèn ngập mặn Tân Phước, Tour Về thăm làng cổ Đông Hòa Hiệp, Tour Khám phá vùng đất xứ Gò, Tour Hành trình khám phá lịch sử, văn hóa con người Tiền Giang, Tour Khám phá ốc đảo Tân Phú Đông, Tour khám phá Mỹ Tho đại phố (City tour)*).

- Xây dựng được 06 chương trình trải nghiệm nông nghiệp (*Tham quan, trải nghiệm, khám phá vương quốc Quýt Hồng; Nghỉ dưỡng, trải nghiệm văn hóa bản địa (The Mango Trail Farmstay); Trải nghiệm 01 ngày làm nghề nhân cây kiểng, Trải nghiệm không gian Sen Tháp Mười; Trải nghiệm mùa nước nổi của ngư dân vùng Đồng Tháp Mười; Học kỳ nông nghiệp tại Senta Farm (kéo dài 4*

ngày 3 đêm tại Vườn quốc gia Tràm Chim); 05 chương trình trải nghiệm làng nghề truyền thống (*Tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm nghề dệt chiếu Định Yên; Tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm nghề dệt choàng Long Khánh; Tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm nghề đóng ghe xuống Long Hậu; Tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm nghề làm Nem Lai Vung; Tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm nghề làm bột gạo Sa Đéc*).

- Phối hợp xây dựng chương trình tour liên kết (Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Đồng Tháp - An Giang) “Sắc màu vùng biên”, Tour “Non nước hữu tình” và Trải nghiệm cột mốc biên giới Tây Nam Tổ quốc “Tự hào một dải biên cương” (Chương trình tour thuộc thỏa thuận liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện hằng năm).

2.2. Những tồn tại, hạn chế trong phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh ở tỉnh Đồng Tháp

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh ở tỉnh Đồng Tháp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau đây:

Thứ nhất, việc kết hợp phát triển các hoạt động du lịch gắn kết với nông nghiệp vẫn chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh vốn có của địa phương; hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp của tỉnh còn khiêm tốn; chưa có mô hình du lịch sinh thái nông nghiệp kiểu mẫu liên kết chuỗi giá trị từ chủ trang trại, ngân hàng, nhà khoa học và các công ty lữ hành để đổi mới sáng tạo sản phẩm, nhằm phát triển du lịch canh nông bền vững; dịch vụ truyền thông, kết nối tour tuyến phạm vi quốc gia và quốc tế chưa được quan tâm.

Thứ hai, nguồn nhân lực phục vụ du lịch thường xuyên thay đổi, không ổn định, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên các bộ phận trong cơ sở không đồng đều nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ du lịch

Thứ ba, tính liên kết và quảng bá giới thiệu sản phẩm du lịch chưa cao. Lượng khách nội địa tăng trưởng khá nhưng lượng khách đi theo tour qua các doanh nghiệp lữ hành đang có xu hướng giảm; phần lớn chưa giữ chân được khách du lịch lưu trú qua đêm. Bên cạnh đó, sự liên kết các loại hình du lịch như du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp sinh thái và các loại hình khác như du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng còn thiếu. Tính liên

kết vùng giữa các địa phương chưa cao nên dễ bị trùng lặp về sản phẩm du lịch.

Thứ tư, các sản phẩm nông nghiệp phần lớn được bán trực tiếp tại điểm du lịch chưa qua sơ chế, chế biến nên giá trị sản phẩm không cao. Việc sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng như GlobalGAP, VietGAP, Organic, nông nghiệp hữu cơ... còn hạn chế, phần lớn do các công ty, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện. Các sản phẩm có chứng nhận an toàn, sản phẩm OCOP giới thiệu đến người tiêu dùng còn ít, chưa được quảng bá rộng rãi.

Thứ năm, sự tác động đến công tác bảo vệ môi trường. Du lịch sinh thái gắn liền với nông nghiệp sinh thái là loại hình phụ thuộc rất nhiều vào môi trường tự nhiên. Thời gian qua, một số ít các cơ sở, điểm du lịch sinh thái chưa thật sự chú trọng đến việc xử lý rác thải, phụ phẩm từ du lịch sinh thái; việc tập kết, thu gom và xử lý rác thải còn nhiều hạn chế.

Thứ sáu, dễ bị tác động bởi chuỗi giá trị nông sản và biến động thị trường: việc phụ thuộc vào mùa vụ, giá cả thị trường nông sản, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng tới mô hình sản xuất nông nghiệp, từ đó ảnh hưởng tới sự ổn định sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp sinh thái.

2.4. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Để phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh di lịch sinh thái trong bối cảnh chuyển đổi xanh ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay cần quan tâm một số định hướng, giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái

Tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái; tiếp tục tạo sự chuyển biến trong nhận thức của các ngành, các cấp và người dân xem đây là hướng đi mới trong bối cảnh chuyển đổi xanh.

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái cho các chủ thể, doanh nghiệp và cộng đồng, ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch, bảo vệ, giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, góp phần phát triển du lịch bền vững, không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu và sức thu hút của nông nghiệp và du lịch Đồng Tháp.

Thứ hai, phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy để phát triển du lịch, nhất là đối với các điểm du lịch sinh thái nông nghiệp ở các vùng còn nhiều khó khăn nhưng có nhiều tiềm năng và đang phát triển du lịch.

Đầu tư bến tàu khách du lịch phục vụ khai thác loại hình du lịch đường thủy trên tuyến sông Mê - Kông; phát triển hệ thống quầy hàng lưu niệm, sản phẩm OCOP Đồng Tháp tại các khu di tích, điểm du lịch, điểm dừng chân trên các tuyến đường bộ phục vụ phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong du lịch; số hóa các thông tin, tài liệu về điểm đến du lịch, xây dựng cơ sở dữ liệu số, bản đồ du lịch số, hướng tới hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch nông nghiệp thông minh.

Kêu gọi đầu tư phát triển các công trình dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, hoạt động trải nghiệm phù hợp tại các khu di tích, điểm du lịch trọng điểm. Thu hút nguồn lực xã hội, nhà đầu tư có công nghệ mới, thân

thiện với môi trường, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho du lịch sinh thái nông nghiệp, đặc biệt là cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng phức hợp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới, nâng dần giá trị gia tăng của sản phẩm dịch vụ du lịch sinh thái nông nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch tỉnh.

Thứ ba, phát triển sản phẩm du lịch sinh thái nông nghiệp đặc trưng

Tiếp tục xây dựng và phát triển sản phẩm đặc thù Sen - Sông nước miệt vườn - Cù lao, tạo khác biệt và nâng cao nhận diện thương hiệu du lịch Đồng Tháp trên cơ sở khai thác các tiềm năng văn hóa, lịch sử, tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch biển phù hợp với nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của du lịch Đồng Tháp (*Khu du lịch cù lao Thới Sơn, Khu du lịch Biển Tân Thành, Khu di tích Quốc gia đặc biệt Gò Tháp, Làng hoa Sa Đéc, Đồng sen Tháp Mười, Vườn Quốc gia Tràm Chim*).

Tiếp tục phát triển hoàn thiện sản phẩm du lịch đặc trưng tại các khu di tích, điểm du lịch trọng điểm: Khu du lịch Tràm Chim, Khu du lịch Xẻo Quít, Làng cổ Đông Hoà Hiệp, Làng du lịch Mỹ Xương, Làng hoa kiểng Sa Đéc, Làng dệt choàng Long Khánh, Làng chiếu Định Yên...

Khai thác, phát huy các giá trị di tích, lịch sử, văn hóa, ẩm thực đặc trưng để xây dựng sản phẩm mới gắn với thương hiệu điểm đến (*Hồ Đồng Tháp, Hủ tiếu Mỹ Tho, Hủ tiếu Sa Đéc, 200 món ăn từ Sen...*).

Xây dựng các tour, tuyến du lịch sinh thái nông nghiệp mới trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của du lịch tỉnh để tăng sức hấp dẫn của sản phẩm và đảm bảo phát triển du lịch bền vững, góp phần thu hút khách du lịch từ các thị trường. Trong đó, chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch như: các bến tàu du lịch để triển khai tuyến du lịch đường thủy khai thác tuyến sông Tiền và sông Hậu; kết nối với các hãng du thuyền quốc tế khai thác tuyến du lịch đường thủy dọc sông Mê Kông; đẩy mạnh du lịch biên giới; hệ thống đường giao thông và tiện ích đô thị.

Triển khai các giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)” gắn với phát triển du lịch.

Thứ tư, quảng bá xúc tiến, liên kết hợp tác trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh doanh du lịch sinh thái

Tăng cường công tác liên kết, hợp tác phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp với các tỉnh, thành. Đặc biệt là kết nối với các doanh nghiệp lữ hành lớn cùng xây dựng các sản phẩm đặc thù mang tính liên vùng, gia tăng khả năng cạnh tranh và thu hút khách; khuyến khích doanh nghiệp nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác xây dựng các chuỗi sản phẩm, dịch vụ có tính bổ trợ; làm mới, bổ sung giá trị gia tăng cho các sản phẩm du lịch; tận dụng tối đa tiềm năng của điểm đến Đồng Tháp để thu hút khách.

Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, truyền thông xúc tiến, quảng bá và giới thiệu điểm đến để góp phần hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh. Thực hiện marketing đa kênh, tận dụng tối đa mạng xã hội, các nền tảng video (*TikTok, YouTube*) để tăng độ nhận diện hình ảnh du lịch sinh thái nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp sinh thái

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ quản lý nhà nước về du lịch gắn với chuyển đổi số cho đội ngũ làm công tác du lịch cấp xã; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị của doanh nghiệp,

nhân lực điều hành các nhóm nghề du lịch và nhân lực quản lý tại điểm, cơ sở du lịch.

Tập trung đào tạo kỹ năng nghề du lịch và các kỹ năng mềm đối với lực lượng lao động trực tiếp phục vụ trong lĩnh vực du lịch. Tăng tỷ lệ lao động được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng và nghiệp vụ. Trong đó, chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ và kiến thức về văn hóa, lịch sử tỉnh Đồng Tháp.

Thứ sáu, tăng cường quản lý nhà nước về du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp sinh thái

Đổi mới công tác quản lý nhà nước về du lịch nói chung, du lịch sinh thái nông nghiệp nói riêng, tạo môi trường đầu tư và đồng hành cùng doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trong tình hình mới. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch sinh thái nông nghiệp.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, chính quyền địa phương và Nhân dân trong việc xây dựng nếp sống văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an

toàn cho khách du lịch. Tăng cường năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp du lịch, lữ hành, khách sạn, khu, điểm du lịch, phát huy vai trò của các hội quán, cơ sở dịch vụ có liên quan đến du lịch.

Tiếp tục nghiên cứu đổi mới mô hình quản lý các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh để phát huy hết giá trị di tích, tài nguyên bản địa gắn với phát triển du lịch và tạo dựng hình ảnh địa phương.

3. Kết luận

Sự kết hợp giữa nông nghiệp sinh thái và du lịch sinh thái là xu hướng tất yếu trong phát triển bền vững ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay. Nông nghiệp sinh thái cung cấp nền tảng tài nguyên phong phú, an toàn và thân thiện với môi trường, tạo điều kiện để du khách trải nghiệm đời sống sản xuất gắn liền với thiên nhiên. Du lịch sinh thái, ngược lại, góp phần gia tăng giá trị cho sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân nông thôn. Hai lĩnh vực này bổ trợ cho nhau trong việc bảo tồn tài nguyên, giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển kinh tế xanh. Đồng thời, sự kết hợp này còn nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó biến đổi khí hậu góp phần phát triển tỉnh Đồng Tháp bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (2025), *Báo cáo về định hướng phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2025 – 2030*, Đồng Tháp.
2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang (2024), *Báo cáo số 2782/BC-SVHTTDL ngày 12/12/2024 về Tổng kết hoạt động năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch Tiền Giang*, Tiền Giang.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp năm 2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026*, Đồng Tháp.
4. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu*, ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2017.
5. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050*, ban hành ngày 01 tháng 10 năm 2021.
6. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 150/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 28 tháng 01 năm 2022.
7. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 1762/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2023.
8. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 39/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*; ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2024.
9. UBND tỉnh Đồng Tháp (2022), *Quyết định số 888/QĐ-UBND-HC ban hành Quyết định Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Đồng Tháp.
10. UBND tỉnh Đồng Tháp (2023), *Quyết định số 1158/QĐ-UBND-HC n ban hành Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn năm 2050*, Đồng Tháp.

VẬN DỤNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀO CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG VÀ AN TOÀN TRƯỜNG HỌC

Thực tiễn tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp

✦ CAO TRUNG KIÊN*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, câu nói “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn, phần nhiều do giáo dục mà nên” không chỉ là triết lý giáo dục mà còn là kim chỉ nam cho công tác quản lý nhà trường. Tinh thần đó được Đảng và Nhà nước ta kế thừa, phát triển qua Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị, khẳng định yêu cầu cấp bách phải “Xây dựng môi trường văn hóa học đường lành mạnh, an toàn, thân thiện; coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống... cho thế hệ trẻ”.

Kể từ khi chính thức hoạt động theo mô hình hành chính mới từ ngày 01/7/2025, tỉnh Đồng Tháp (mới) có quy mô dân số lên tới 4.370.046 người và diện tích tự nhiên 5.938,64 km². Thực tiễn tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp cho thấy, công tác quản lý giáo dục đạo đức, lối sống và an toàn trường học trong giai đoạn 2021-2025 trên cả hai địa bàn (Đồng Tháp cũ và Tiền Giang cũ) đã đạt được nhiều

Tóm tắt: Bài viết phân tích mối quan hệ biện chứng giữa việc học tập lý luận chính trị với thực tiễn công tác quản lý giáo dục đạo đức, lối sống và an toàn trường học tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025. Trên nền tảng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, bài viết làm rõ cơ sở lý luận của công tác quản lý, đánh giá thực trạng và chỉ ra những hạn chế còn tồn tại, từ đó đề xuất các nhóm giải pháp có tính khả thi cao nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc quán triệt sâu sắc lý luận chính trị - đặc biệt là phép biện chứng duy vật và tư tưởng “dạy người” của Hồ Chí Minh - là nền tảng không thể thiếu để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, góp phần hiện thực hóa mục tiêu “kỷ nguyên mới” theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

kết quả đáng khích lệ. Song, việc vận dụng lý luận chính trị vào thực tiễn quản lý - đặc biệt là tư duy biện chứng trong xử lý các mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển phẩm chất và áp lực của chuyển đổi số - vẫn

còn bộc lộ những hạn chế cần được nghiên cứu, làm rõ. Bài viết này nhằm lấp đầy khoảng trống đó, góp phần gắn kết việc học tập lý luận chính trị với thực tiễn công tác của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục.

* Học viên lớp Trung cấp Lý luận chính trị, hệ tập trung, khoá 66 (K66).

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN: TỪ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT ĐẾN THỰC TIỄN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

2.1. Nền tảng lý luận chính trị của công tác quản lý giáo dục đạo đức

Phép biện chứng duy vật - nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin - đòi hỏi người quản lý phải xem xét hoạt động giáo dục đạo đức trong mối liên hệ phổ biến, đa chiều giữa các yếu tố “Gia đình - Nhà trường - Xã hội”. Đây không phải ba chủ thể độc lập mà là một hệ thống biện chứng, trong đó sự thiếu hụt ở bất kỳ yếu tố nào đều gây ra phản ứng dây chuyền tiêu cực. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đã cụ thể hóa nguyên lý này qua phương châm “dạy chữ” phải đi đôi với “dạy người”, lấy đạo đức cách mạng làm gốc.

Vận dụng nguyên lý về sự phát triển không ngừng của thực tiễn, công tác quản lý giáo dục đạo đức, lối sống không thể rập khuôn máy móc mà phải linh hoạt, bám sát những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, không gian mạng đã trở thành “môi trường thứ tư” của giáo dục - bên cạnh gia đình, nhà trường

và xã hội - với những thách thức an ninh phi truyền thống chưa từng có.

2.2. Nội dung quản lý nhà nước về giáo dục đạo đức, lối sống và an toàn trường học

Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và an toàn trường học là quá trình các chủ thể có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước thông qua việc ban hành văn bản, tổ chức bộ máy, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát nhằm hiện thực hóa các mục tiêu giáo dục của Đảng và Nhà nước. Theo quan điểm của lý luận chính trị, cấu trúc nội dung này bao gồm sáu thành tố có quan hệ biện chứng với nhau, tạo thành một chu trình quản lý khép kín: (1) Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước; (2) Tổ chức bộ máy và phân công trách nhiệm; (3) Tổ chức thực hiện; (4) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; (5) Thanh tra, kiểm tra, giám sát; và (6) Bảo đảm các điều kiện thực thi.

Đặc biệt, trong lý luận chính trị Mác - Lênin, nguyên tắc “thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý” đòi hỏi người cán bộ quản lý phải thường xuyên kiểm nghiệm hiệu quả các giải pháp qua thực tiễn,

không giáo điều, không rập khuôn. Đây chính là cơ sở để phê phán và khắc phục bệnh “thành tích số lượng” - một trong những hạn chế phổ biến trong công tác quản lý giáo dục hiện nay.

3. THỰC TRẠNG VÀ KẾT QUẢ VẬN DỤNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TẠI ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025

3.1. Những thành tựu nổi bật

Trong giai đoạn 2021-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp¹ đã quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và vận dụng sáng tạo lý luận chính trị vào thực tiễn quản lý, đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện qua bốn điểm nổi bật sau:

Thứ nhất, tỷ lệ trường học đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” tăng từ 91,8% (năm 2021) lên 99,2% (năm 2025). Thành tích này phản ánh rõ tính đúng đắn của quan điểm “phòng ngừa từ sớm, từ xa” - một ứng dụng trực tiếp của nguyên lý mâu thuẫn trong triết học Mác - Lênin, theo đó phải nhận diện và giải quyết mâu thuẫn ngay khi còn trong giai đoạn tiềm ẩn, trước khi chuyển hóa thành xung đột bùng phát.

¹ Sau khi tiếp nhận và đồng bộ dữ liệu từ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang cũ.

Thứ hai, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm Khá, Tốt tăng bền vững từ 95,8% lên 98,9%, đồng thời số vụ bạo lực học đường nghiêm trọng giảm mạnh 80% (từ 12 vụ xuống còn 02 vụ). Sự tương quan nghịch này phản ánh tính biện chứng của công tác giáo dục đạo đức: khi phẩm chất học sinh được nâng cao, các nguy cơ an ninh học đường tất yếu giảm xuống.

Thứ ba, 100% giáo viên chủ nhiệm tại các trường THPT được bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý vào năm 2025, tăng 38% so với năm 2021. Thành tích này thể hiện sự vận dụng đúng đắn nguyên lý “con người là yếu tố quyết định” và đường lối “cán bộ là cái gốc của mọi công việc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ tư, hệ thống văn bản quản lý được xây dựng ngày càng đồng bộ và cụ thể. Giai đoạn 2021-2025, Sở ban hành tổng cộng 152 văn bản chỉ đạo, 98 kế hoạch cấp Sở, kéo theo 1.215 kế hoạch cấp huyện và 16.500 kế hoạch cấp trường. Hệ thống văn bản này thể hiện sự thống nhất từ nhận thức lý luận đến hành động thực tiễn - đúng tinh thần “lý luận gắn liền với thực tiễn” trong triết học Mác - Lênin.

3.2. Những hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những thành tựu đạt được, thực tiễn cũng phơi bày những hạn chế xuất phát từ sự thiếu nhất quán trong vận dụng lý luận chính trị vào thực tiễn công tác. Nổi bật nhất là tư duy “thành tích số lượng” - biểu hiện điển hình của chủ nghĩa hình thức, đối lập với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật” mà Đảng đã chỉ ra từ Đại hội VI. Một số cán bộ quản lý e ngại báo cáo trung thực các vụ việc tiêu cực vì sợ ảnh hưởng thi đua, dẫn đến hiệu quả quản lý bị đánh giá sai lệch.

Đáng chú ý hơn, mối quan hệ phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội ở nhiều nơi vẫn mang tính hình thức, “khoán trắng” cho nhà trường. Đây là biểu hiện của sự vi phạm nguyên lý mối liên hệ phổ biến: khi ba trụ cột của giáo dục không vận hành đồng bộ, kết quả tất yếu là nhân cách người học bị hình thành phiến diện, thiếu bền vững. Đặc biệt, trong bối cảnh nhiều phụ huynh tại các huyện vùng sâu của Đồng Tháp phải đi làm ăn xa, sự thiếu hụt giám sát gia đình tạo ra “khoảng trống” khiến học sinh dễ bị ảnh hưởng tiêu cực từ mạng xã hội.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC VẬN DỤNG LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC VÀ AN TOÀN TRƯỜNG HỌC ĐẾN NĂM 2030

Trên cơ sở bám sát quan điểm của Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy Đồng Tháp nhiệm kỳ 2025-2030, bài viết đề xuất bốn nhóm giải pháp mang tính hệ thống, có mối quan hệ biện chứng với nhau:

Một là, đổi mới tư duy quản lý theo hướng “chủ động phòng ngừa, kiến tạo môi trường”. Vận dụng quan điểm thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin, người cán bộ quản lý cần chuyển hóa từ thái độ bị động, “xử lý vụ việc” sang tư duy chủ động “phòng ngừa từ sớm, từ xa”. Sở Giáo dục và Đào tạo cần thiết lập hệ thống cảnh báo sớm, trong đó mạng lưới giáo viên chủ nhiệm đóng vai trò “tai mắt” để phát hiện và hóa giải mâu thuẫn trong học sinh ngay từ khi mới manh nha. Cơ chế ràng buộc trách nhiệm cần được thể chế hóa thông qua cam kết thi đua của người đứng đầu cơ sở giáo dục về duy trì môi trường học đường an toàn, không để xảy ra điểm nóng.

Hai là, gắn giáo dục đạo đức với bản sắc văn hóa địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số. Phương châm “dạy người” của Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên số đòi hỏi nội dung giáo dục đạo đức phải bám rễ vào giá trị văn hóa “Đất Sen hồng” của Đồng Tháp - một bản sắc nghĩa tình, năng động, sáng tạo - đồng thời trang bị cho học sinh kỹ năng “tự đề kháng” trước các luồng văn hóa độc hại trên không gian mạng. Phương pháp giáo dục cần chuyển từ truyền thụ áp đặt sang tổ chức trải nghiệm thực tiễn, các dự án học tập gắn với di tích lịch sử, văn hóa địa phương.

Ba là, hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội theo hướng thực chất. Vận dụng nguyên lý mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành có tính ràng buộc pháp lý cao, quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp cơ sở trong việc làm sạch môi trường văn hóa xung quanh trường học. Đặc

biệt, cần có chính sách đặc thù hỗ trợ các trường ở địa bàn có đông học sinh thiếu sự quản lý của gia đình.

Bốn là, đổi mới công tác thi đua, khen thưởng nhằm triệt tiêu “bệnh thành tích”. Quán triệt tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật” trong lý luận chính trị của Đảng, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thi đua thực chất, khuyến khích sự trung thực trong báo cáo, đồng thời tăng cường thanh tra đột xuất không báo trước để nắm bắt khách quan tình hình thực tế tại cơ sở. Việc khen thưởng đột xuất các tấm gương học sinh có hành động đẹp cần được đẩy mạnh để lan tỏa năng lượng tích cực theo phương châm “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ giữa học tập lý luận chính trị và thực tiễn công tác quản lý giáo dục không phải là mối quan hệ đơn chiều, một chiều từ lý luận đến thực hành, mà là mối quan hệ biện chứng hai chiều: thực tiễn

quản lý đặt ra các vấn đề lý luận cần được giải đáp, và lý luận chính trị soi rọi, định hướng cho thực tiễn. Đây chính là lý do tại sao chương trình đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị - mà đề tài này là một sản phẩm trực tiếp - có ý nghĩa thiết thực không chỉ với cán bộ quản lý giáo dục mà với toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

Những kết quả đạt được tại Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 - với tỷ lệ học sinh đạt hạnh kiểm Khá, Tốt đạt 95,8% và số vụ bạo lực học đường giảm 80% - là minh chứng sinh động cho luận điểm: Khi cán bộ quản lý được trang bị vững chắc lý luận chính trị, tư duy biện chứng và năng lực vận dụng đường lối của Đảng, họ sẽ đưa ra những quyết sách quản lý đúng đắn, kịp thời, góp phần xây dựng thể hệ học sinh Đồng Tháp phát triển toàn diện “Nghĩa tình - Năng động - Sáng tạo”, xứng đáng là chủ nhân tương lai của Đất Sen hồng trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Hà Nội.

[2] Chính phủ (2017). Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Hà Nội.

[3] Hồ Chí Minh (2011). Toàn tập, tập 3 (tr. 413). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

[4] Quốc hội (2025). Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Hà Nội.

[5] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp (2022). Kế hoạch số 28/KH-SGDĐT ngày 17/3/2022 triển khai Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống giai đoạn 2022-2030. Đồng Tháp.

[6] Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang (2022). Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 09/02/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Tiền Giang.

[7] Hội Khuyến học và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang (2024), Báo cáo tổng kết chương trình “Nâng bước đến trường” năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024. Tiền Giang.

[8] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Tháp (2025). Báo cáo tổng kết công tác năm học 2024-2025. Đồng Tháp.

[9] Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 1895/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là định hướng xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, đã trở thành một trong những chủ trương quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống ở khu vực nông thôn. Bên cạnh những chuyên biên về hạ tầng, sản xuất và thu nhập, đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư cũng chịu tác động sâu sắc từ quá trình này. Văn hóa nông thôn không chỉ là kết quả của lịch sử và truyền thống địa phương, mà còn là lĩnh vực phản ánh rõ nét sự thích ứng của cộng đồng trước những thay đổi về điều kiện sống và các chuẩn mực xã hội mới.

Trong bối cảnh đó, vấn đề biến đổi văn hóa ở các xã nông thôn mới kiểu mẫu trở thành một hướng nghiên cứu có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Biến đổi văn hóa được hiểu là sự thay đổi của các yếu tố văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng dưới tác động của các yếu tố kinh tế - xã hội, chính sách phát triển và giao lưu xã hội. Quá trình này vừa thể hiện sự kế thừa các giá trị truyền thống, vừa phản ánh việc tiếp nhận các yếu tố mới phù hợp với bối cảnh phát triển hiện nay.

BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ TRONG XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU - THỰC TRẠNG XÃ TÂN NHUẬN ĐÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ NGUYỄN VĂN QUYÊN*

✦ NGUYỄN THỊ DUYÊN**

Tóm tắt: Bài viết phân tích quá trình biến đổi văn hóa ở xã nông thôn mới kiểu mẫu Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp trong bối cảnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu tập trung làm rõ các biểu hiện biến đổi văn hóa trên hai phương diện: văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của cộng đồng dân cư địa phương, qua đó nhận diện những giá trị được duy trì cũng như những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu và quan sát thực địa đối với người dân trên địa bàn xã Tân Nhuận Đông trong giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả cho thấy, về văn hóa vật chất, không gian cư trú, hạ tầng sinh hoạt và phương thức sản xuất của người dân có sự chuyển biến theo hướng hiện đại hóa và đa dạng hóa. Về văn hóa tinh thần, nhận thức về đời sống văn hóa được nâng cao; nếp sống, hành vi ứng xử và phong tục, tập quán có xu hướng điều chỉnh theo hướng văn minh và phù hợp hơn với điều kiện sống mới. Tuy nhiên, quá trình biến đổi cũng đặt ra nguy cơ suy giảm mức độ gắn kết cộng đồng và mai một một số giá trị truyền thống.

Bài viết góp phần làm rõ mối quan hệ giữa xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và biến đổi văn hóa ở cấp cơ sở.

Từ khóa: biến đổi văn hóa; nông thôn mới kiểu mẫu; đời sống văn hóa; Tân Nhuận Đông; Đồng Tháp.

* Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Tháp.

** Thạc sĩ, giảng viên Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

Xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp là địa bàn đã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, với nhiều chuyển biến rõ nét về không gian cư trú, hạ tầng sinh hoạt, sinh kế và tổ chức đời sống cộng đồng. Đây là điều kiện thuận lợi để khảo sát, phân tích những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi văn hóa trong thực tiễn. Việc nghiên cứu trường hợp này có ý nghĩa trong việc nhận diện những đặc trưng của quá trình biến đổi văn hóa ở cấp cơ sở, đồng thời góp phần bổ sung luận cứ cho việc hoạch định chính sách phát triển văn hóa nông thôn.

Mục tiêu nghiên cứu của bài viết nhằm: (1) làm rõ các biểu hiện chủ yếu của biến đổi văn hóa ở xã Tân Nhuận Đông trên hai phương diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần; (2) phân tích những giá trị được duy trì và những vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi; (3) bước đầu gợi mở một số định hướng nhằm phát triển đời sống văn hóa nông thôn theo hướng bền vững.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thu thập từ điều tra xã hội học bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu và quan sát thực địa đối với người dân tại xã Tân Nhuận Đông trong giai đoạn 2021 - 2025. Bên cạnh đó, bài viết cũng tham chiếu một số thông tin cập nhật của

địa phương đến năm 2026 nhằm làm rõ xu hướng biến đổi văn hóa trong quá trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Các dữ liệu được xử lý và phân tích theo hướng tổng hợp, so sánh nhằm làm rõ xu hướng biến đổi văn hóa trong bối cảnh xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Bài viết kết cấu thành ba phần chính: (1) Đặt vấn đề; (2) Phân tích các biểu hiện biến đổi văn hóa ở xã Tân Nhuận Đông; (3) Nhận xét, đánh giá và gợi mở một số vấn đề đặt ra cho phát triển đời sống văn hóa nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

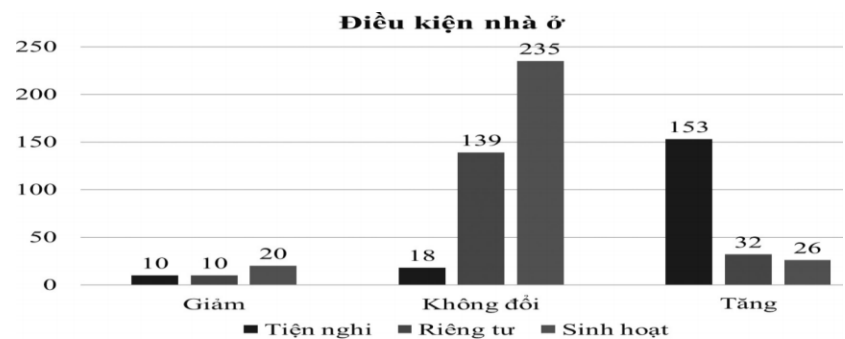
2. BIẾN ĐỔI VĂN HÓA Ở XÃ TÂN NHUẬN ĐÔNG - THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Quá trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu ở Tân Nhuận Đông đã tác động toàn diện đến đời sống kinh tế - xã hội, qua đó làm xuất hiện những biến đổi rõ nét trong các lĩnh vực của đời sống văn hóa cộng đồng. Những biến

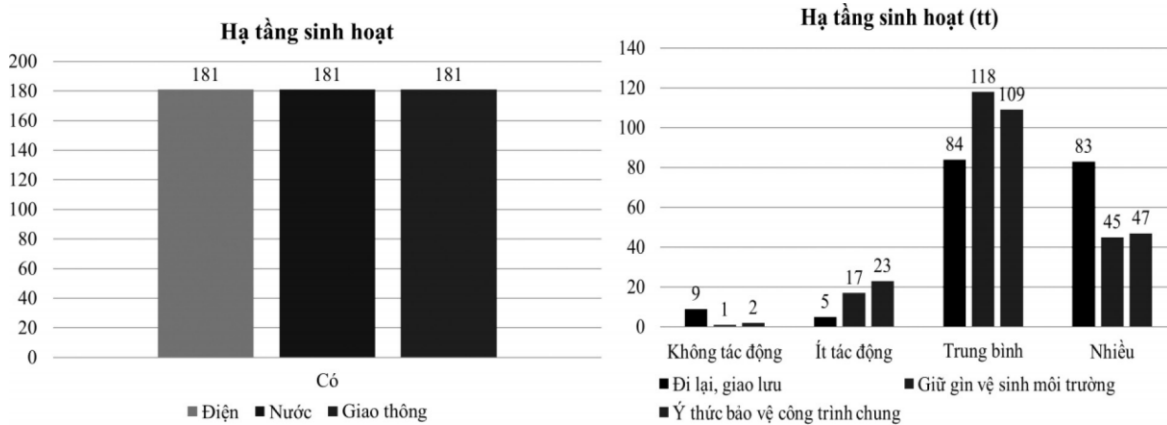
đổi này thể hiện trên cả hai phương diện cơ bản là văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, phản ánh sự điều chỉnh trong cách tổ chức không gian sống, phương thức sinh kế cũng như hệ giá trị và chuẩn mực xã hội của người dân địa phương.

2.1. Biến đổi trong lĩnh vực văn hóa vật chất

Trên phương diện văn hóa vật chất, không gian cư trú và điều kiện nhà ở của người dân có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng kiên cố hóa và tiện nghi hóa. Nếu như trước đây nhà ở chủ yếu mang tính đơn giản, gắn chặt với hoạt động sản xuất nông nghiệp thì hiện nay nhiều hộ gia đình đã cải tạo hoặc xây dựng mới theo kiểu nhà kiên cố, có sự phân chia rõ ràng giữa không gian sinh hoạt, nghỉ ngơi và thờ cúng. Sự thay đổi này phản ánh mức sống được nâng lên cũng như tác động của các tiêu chí về nhà ở, môi trường và cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.



Hình 1: Không gian nhà ở của người dân xã Tân Nhuận Đông (Nguồn: Trích từ luận văn thạc sĩ của Nguyễn Văn Quyền, 2025)



Hình 2: Hạ tầng giao thông và cảnh quan nông thôn xã Tân Nhuận Đông (Nguồn: Trích từ luận văn thạc sĩ của Nguyễn Văn Quyên, 2025)

Bên cạnh đó, hạ tầng sinh hoạt như đường giao thông, hệ thống điện, nước sạch và các công trình phục vụ đời sống văn hóa - xã hội được đầu tư đồng bộ hơn so với giai đoạn trước. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi kinh tế và sinh hoạt cộng đồng, đồng thời góp phần thay đổi nhịp sống và thói quen sinh hoạt của cư dân nông thôn.

Phương thức sản xuất và sinh kế của người dân cũng có sự chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa. Ngoài trồng trọt và chăn nuôi truyền thống, một bộ phận người dân đã tham gia vào các hoạt động dịch vụ, buôn bán nhỏ, lao động phi nông nghiệp hoặc gắn với các mô hình kinh tế nông thôn mới. Sự chuyển dịch sinh kế này không chỉ làm thay đổi cơ cấu thu nhập mà còn kéo theo sự điều chỉnh trong tổ chức đời sống gia đình và cộng đồng, từ thời gian lao động

đến cách thức tiêu dùng và hưởng thụ văn hóa.

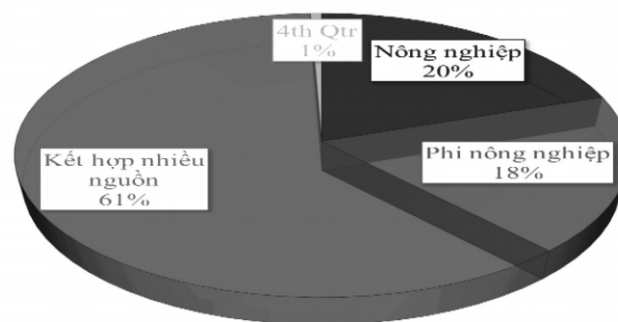
2.2. Biến đổi trong lĩnh vực văn hóa tinh thần

Trên phương diện văn hóa tinh thần, nhận thức của người dân về đời sống văn hóa có sự thay đổi theo hướng gắn với chất lượng cuộc sống và các chuẩn mực văn minh. Các giá trị như gia đình văn hóa, nếp văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa, ý thức chấp hành quy ước và giữ gìn vệ sinh môi trường ngày càng được đề cao. Nếp sống sinh hoạt hằng ngày có xu hướng gọn gàng, tiết kiệm và phù

hợp hơn với điều kiện sống mới, thể hiện sự thích ứng của cộng đồng trước những yêu cầu của quá trình hiện đại hóa nông thôn.

Hành vi ứng xử và quan hệ xã hội cũng có sự điều chỉnh theo hướng tuân thủ các chuẩn mực chung của cộng đồng và pháp luật, thay vì chỉ dựa vào tập quán truyền thống như trước. Trong sinh hoạt cộng đồng, vai trò của các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa, khu thể thao và các tổ chức đoàn thể được tăng cường, góp phần định hướng lối sống và củng cố ý thức cộng đồng.

NGUỒN SINH KẾ CHÍNH CỦA GIA ĐÌNH HIỆN NAY



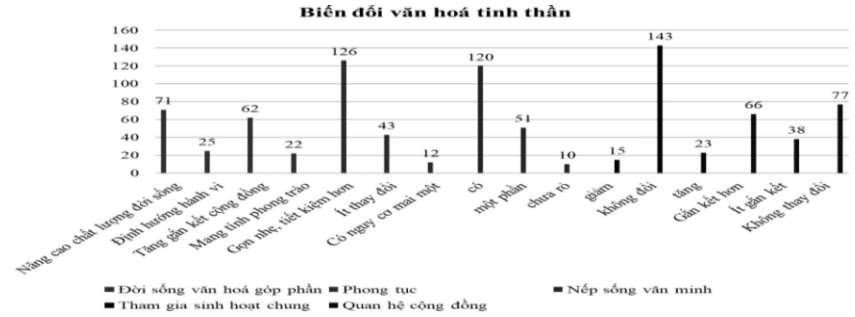
Hình 3: Hoạt động sản xuất và sinh kế của người dân (Nguồn: Trích từ luận văn thạc sĩ của Nguyễn Văn Quyên, 2025)

Trong các hoạt động văn hóa, lễ nghi và phong tục, xu hướng giản lược về hình thức nhưng vẫn giữ được ý nghĩa cơ bản của nghi lễ truyền thống được thể hiện khá rõ, đặc biệt trong việc cưới, việc tang và các sinh hoạt cộng đồng. Nhiều hủ tục lạc hậu từng bước được loại bỏ, thay vào đó là các hình thức tổ chức phù hợp hơn với điều kiện kinh tế và chủ trương xây dựng đời sống văn hóa mới. Tuy nhiên, sự giản lược này cũng làm cho một số yếu tố truyền thống có nguy cơ bị mai một, nhất là các hình thức sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng gắn với không gian làng xã trước đây.

2.3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi văn hóa

Những biến đổi nêu trên cho thấy văn hóa ở xã Tân Nhuận Đông không chỉ thay đổi về mặt hình thức mà còn phản ánh sự điều chỉnh trong hệ giá trị và phương thức tổ chức đời sống của cộng đồng. Quá trình này đã góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đồng thời thúc đẩy việc hình thành nếp sống văn minh ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, thực trạng biến đổi văn hóa cũng



Hình 4: So sánh nếp sống và sinh hoạt hằng ngày của người dân trước và sau xây dựng nông thôn mới (Nguồn: Trích từ luận văn thạc sĩ của Nguyễn Văn Quyên, 2025)

đặt ra một số vấn đề cần quan tâm. Trước hết là nguy cơ suy giảm mức độ gắn kết cộng đồng khi các mối quan hệ truyền thống dựa trên láng giềng, dòng họ dần được thay thế bằng các quan hệ mang tính chức năng và lợi ích kinh tế. Bên cạnh đó, một số giá trị văn hóa truyền thống chưa được bảo tồn và phát huy tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, dẫn đến tình trạng tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới còn mang tính hình thức, thiếu chọn lọc.

Những vấn đề này cho thấy yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng đời sống văn hóa ở xã nông thôn mới kiểu mẫu không chỉ dừng lại ở việc nâng cao điều kiện vật chất, mà còn cần chú trọng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp, đồng thời định hướng sự tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới theo hướng hài hòa và bền vững.

3. KHUYẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

Từ thực trạng biến đổi văn hóa ở xã Tân Nhuận Đông đã phân tích, nhằm phát huy các mặt tích cực và khắc phục những hạn chế, bắt cập trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở xã nông thôn mới kiểu mẫu, bài viết đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

Giải pháp 1. Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống

Một trong những nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mai một giá trị văn hóa truyền thống là nhận thức của một bộ phận người dân còn chưa đầy đủ về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững. Do đó, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm giúp người dân hiểu rõ rằng bảo tồn văn hóa không đối lập với hiện đại hóa, mà là điều kiện để phát triển hài hòa và bền vững.

Trong thực tiễn tại xã Tân Nhuận Đông, việc nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa được thực hiện thông qua các mô hình như “Gia đình văn hóa”, “Áp văn hóa”, các buổi sinh hoạt chuyên đề tại nhà văn hóa ấp và hoạt động tuyên truyền của các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã. Những hoạt động này góp phần lan tỏa các chuẩn mực ứng xử văn minh và nâng cao ý thức gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng.

Giải pháp này cần được thực hiện thông qua các hình thức phù hợp với điều kiện nông thôn như: sinh hoạt chuyên đề tại nhà văn hóa ấp, lồng ghép nội dung giáo dục văn hóa truyền thống vào các cuộc họp dân, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể; đồng thời phát huy vai trò của người cao tuổi, các cá nhân có uy tín trong cộng đồng trong việc truyền dạy phong tục, tập quán và lối sống tốt đẹp cho thế hệ trẻ.

Giải pháp 2. Gắn bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế và nâng cao đời sống người dân

Một nguyên nhân quan trọng làm suy giảm mức độ gắn kết cộng đồng là sự thay đổi sinh kế và nhịp sống theo hướng cá nhân hóa, gắn với

kinh tế thị trường. Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cần được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

Cần khuyến khích xây dựng các mô hình kinh tế gắn với văn hóa địa phương. Trong thực tế tại xã Tân Nhuận Đông, một số mô hình sinh kế gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới đã được triển khai như chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển các hoạt động dịch vụ nhỏ tại địa phương và liên kết tiêu thụ nông sản. Những mô hình này không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho người dân mà còn tạo điều kiện duy trì các hình thức sinh hoạt cộng đồng, tăng cường sự gắn kết trong đời sống văn hóa nông thôn như: phát triển du lịch cộng đồng, khai thác các giá trị văn hóa làng xã, lễ hội truyền thống và không gian sinh hoạt cộng đồng phục vụ hoạt động trải nghiệm; đồng thời hỗ trợ người dân tham gia các mô hình sản xuất - dịch vụ vừa tạo thu nhập vừa góp phần duy trì các hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống. Qua đó, văn hóa không chỉ là giá trị tinh thần mà còn trở thành nguồn lực cho phát triển kinh tế.

Giải pháp 3. Củng cố và phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa cơ sở

Thực trạng cho thấy, mặc dù cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư, song hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở chưa thực sự đồng đều, chưa phát huy hết vai trò trong việc gắn kết cộng đồng. Vì vậy, cần tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà văn hóa, khu thể thao và các điểm sinh hoạt cộng đồng tại địa phương.

Hiện nay trên địa bàn xã Tân Nhuận Đông đã hình thành hệ thống nhà văn hóa ấp, khu thể thao và các điểm sinh hoạt cộng đồng phục vụ nhu cầu hội họp, giao lưu văn nghệ và tổ chức các phong trào văn hóa thể thao. Việc phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa này góp phần tạo không gian sinh hoạt chung cho người dân, đồng thời củng cố mối liên kết xã hội trong cộng đồng nông thôn.

Giải pháp này cần tập trung vào việc đa dạng hóa nội dung và hình thức sinh hoạt tại các thiết chế văn hóa, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế của các nhóm dân cư khác nhau. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với các tổ chức đoàn thể trong tổ chức hoạt động văn hóa - thể thao - sinh hoạt cộng đồng, qua đó tạo môi trường thuận lợi để hình thành và duy trì các mối quan hệ xã hội bền chặt trong cộng đồng dân cư.

Giải pháp 4. Định hướng chọn lọc việc tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới

Một trong những hạn chế được chỉ ra là việc tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới còn mang tính hình thức, thiếu chọn lọc, dễ dẫn đến sự phai nhạt bản sắc văn hóa địa phương. Do đó, cần có định hướng rõ ràng trong việc tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới theo hướng phù hợp với điều kiện và truyền thống của cộng đồng.

Giải pháp này đòi hỏi vai trò định hướng của chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội trong việc xây dựng các quy ước về nếp sống văn hóa; đồng thời lồng ghép các giá trị văn hóa truyền thống vào các hoạt động văn hóa mới, tạo sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Việc tiếp nhận cái mới cần dựa trên nguyên tắc kế thừa và chọn lọc, tránh tình trạng sao chép máy móc các mô hình văn hóa từ bên ngoài.

Giải pháp 5. Tăng cường quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong lĩnh vực văn hóa

Những hạn chế trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa còn liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện ở cơ sở. Vì vậy, cần tăng cường vai trò quản

lý nhà nước về văn hóa ở địa phương, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Giải pháp này cần chú trọng việc xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể tham gia, từ chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đến cộng đồng dân cư. Đồng thời, cần tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các tiêu chí văn hóa, kịp thời điều chỉnh những bất cập phát sinh trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Quá trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu ở Tân Nhuận Đông đã tạo ra những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư, thể hiện trên cả hai phương diện văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Những chuyển biến về không gian cư trú, hạ tầng sinh hoạt và sinh kế đã góp phần nâng cao điều kiện sống và chất lượng hưởng thụ văn hóa của người dân. Đồng thời, nhận thức về đời sống văn hóa, nếp sống và hành vi ứng xử cũng có sự điều chỉnh theo hướng văn minh và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng biến đổi văn hóa ở xã Tân Nhuận Đông cũng cho thấy một số vấn đề đặt ra như nguy cơ suy giảm mức độ gắn kết cộng đồng, sự mai một của một số giá trị văn hóa truyền thống và việc tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới còn thiếu chọn lọc. Những vấn đề này phản ánh mối quan hệ chưa thật sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Từ thực trạng đó, bài viết nhấn mạnh yêu cầu cần tiếp cận quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn theo hướng toàn diện, không chỉ chú trọng đầu tư cơ sở vật chất mà còn quan tâm đến việc củng cố nền tảng giá trị và chuẩn mực văn hóa của cộng đồng. Việc phát huy vai trò của người dân với tư cách là chủ thể văn hóa, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở và định hướng chọn lọc trong tiếp nhận các yếu tố văn hóa mới là những định hướng quan trọng nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa và bền vững.

Nghiên cứu trường hợp xã Tân Nhuận Đông góp phần

làm rõ mối quan hệ giữa xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và biến đổi văn hóa ở cấp cơ sở, qua đó cung cấp thêm cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định và triển khai các chính

sách phát triển đời sống văn hóa nông thôn trong giai đoạn hiện nay.

Thực tiễn đến năm 2026 cho thấy xã Tân Nhuận Đông tiếp tục duy trì và nâng cao

các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó chú trọng gắn phát triển kinh tế với xây dựng đời sống văn hóa và củng cố các thiết chế văn hóa cơ sở./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2019). Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong bối cảnh phát triển hiện nay. Nxb Văn hóa - Thông tin.
2. Bùi, Q. D. (2018). Biến đổi xã hội và văn hóa ở nông thôn Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa. Tạp chí Xã hội học, (2), 15–25.
3. Chính phủ. (2021). Quyết định số 318/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025. Hà Nội.
4. Chính phủ. (2022). Quyết định số 263/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Hà Nội.
5. Lê, H. L. (2019). Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, (412), 32–36.
6. Phạm, V. P. (2017). Biến đổi văn hóa ở nông thôn Việt Nam hiện nay. Nxb Khoa học xã hội.
7. Trần, N. T. (2006). Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Trần, Q. V. (2003). Văn hóa Việt Nam – Tìm tòi và suy ngẫm. Nxb Văn hóa Dân tộc.
9. UBND tỉnh Đồng Tháp. (2021). Kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
10. UNESCO. (2013). Culture: A driver and an enabler of sustainable development. Paris: UNESCO.
11. Nguyễn Văn Quyên. (2025). Biến đổi văn hóa trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu: Trường hợp xã Tân Nhuận Đông, tỉnh Đồng Tháp (Luận văn thạc sĩ).

THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG VỤ CỦA CÔNG CHỨC CẤP XÃ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI XÃ LONG HƯNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

✦ LÊ TRẦN MINH SA*

Tóm tắt: *Chuyển đổi số quốc gia đang tạo ra những biến đổi căn bản trong phương thức tổ chức và vận hành của nền hành chính nhà nước, đặc biệt ở cấp cơ sở - nơi trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, văn hóa công vụ của công chức cấp xã không chỉ được biểu hiện qua thái độ, hành vi giao tiếp trực tiếp mà còn thông qua tương tác trên môi trường số. Từ thực trạng thực hiện văn hóa công vụ của công chức cấp xã tìm ra những hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi văn hóa công vụ trong điều kiện xây dựng chính quyền số.*

Từ khóa: *văn hóa công vụ; công chức cấp xã; chuyển đổi số; ...*

1. Đặt vấn đề

Xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân là một định hướng xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta, đây là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao năng lực quản trị quốc gia, phục vụ phát triển đất nước nhanh và bền vững. Trong quá trình đó, văn hóa công vụ được xem là yếu tố để bảo đảm trách nhiệm

và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Bên cạnh việc thực hiện tốt văn hóa công vụ, Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ Chương trình chuyển đổi số quốc gia, đây là quá trình tái cấu trúc toàn diện phương thức quản trị nhà nước dựa trên cơ sở dữ liệu và nền tảng số. Hoạt động công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số đã thay đổi cách thức và thói

quen làm việc của công chức, viên chức, môi trường làm việc không còn giới hạn trong không gian trụ sở mà mở rộng sang môi trường trực tuyến. Công chức tiếp nhận hồ sơ điện tử, trả kết quả qua cổng dịch vụ công, trao đổi qua hệ thống quản lý văn bản, xử lý dữ liệu dân cư... Công chức cấp xã đóng vai trò là chủ thể trực tiếp, cầu nối quan trọng nhất giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Họ là chủ thể trực tiếp tổ chức thi hành pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hiện thực hóa các chính sách tại cơ sở. Vì vậy, việc nghiên cứu thực hiện văn hóa công vụ của công chức cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đẩy nhanh công tác chuyển đổi số ở cơ sở.

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

2. Văn hóa công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số

2.1. Văn hóa công vụ

Văn hoá công vụ chính là tinh thần nhân văn trong xử lý các quan hệ giữa cơ quan công quyền với tổ chức, công dân nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ xã hội vì mục tiêu phục vụ nhân dân. Theo Đề án Văn hóa công vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018, mục tiêu cơ bản để xây dựng và nâng cao văn hóa công vụ là góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ; hình thành phong cách ứng xử, lễ lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ để đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội. Văn hoá công vụ bao gồm các nội dung như: Tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức; trang phục của cán bộ, công chức, viên chức.

So với văn hoá công vụ truyền thống, văn hóa công vụ trong môi trường số có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, tính minh bạch và khả năng truy vết cao. Mọi quy trình xử lý công việc đều được ghi nhận trên hệ thống số, cho phép kiểm tra, giám sát và đánh giá bằng dữ liệu, qua đó nâng cao trách nhiệm giải trình của công chức.

Thứ hai, chuyển từ giao tiếp trực tiếp sang tương tác số. Quan hệ giữa công chức với người dân không chỉ diễn ra tại trụ sở mà còn thông qua cổng dịch vụ công, email công vụ, nền tảng số. Điều này đòi hỏi chuẩn mực giao tiếp phải rõ ràng, chính xác, chuyên nghiệp và có tính chuẩn hóa cao.

Thứ ba, năng lực số trở thành một phần của đạo đức công vụ. Việc sử dụng thành thạo hệ thống công nghệ, đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu công dân không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn là biểu hiện của trách nhiệm công vụ.

Thứ tư, văn hóa công vụ được lượng hóa bằng hiệu suất và dữ liệu. Thời gian xử lý hồ sơ, mức độ hài lòng của người dân, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến... trở thành những chỉ số phản ánh trực tiếp chất lượng thực thi công vụ.

Như vậy, văn hóa công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở chuẩn mực hành vi của cán bộ, công chức mà đã phát triển thành hệ giá trị gắn với năng lực số, trách nhiệm dữ liệu và hiệu quả phục vụ. Văn hoá công vụ trong môi trường số phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình hành chính truyền thống sang nền hành chính hiện đại dùng dữ liệu và công nghệ làm nền tảng để nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả phục vụ Nhân dân.

2.2. Chuyển đổi số trong khu vực công

Chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả và minh bạch.

Ở Việt Nam, với chủ trương đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong cung ứng dịch vụ hành chính công, rất nhiều văn bản được ban hành, như Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022

của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn 2030. Nghị định số 42/2022/NĐ -CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Việc ban hành các văn bản về ứng dụng công nghệ đã tạo nên cơ sở pháp lý thúc đẩy quá trình sử dụng công nghệ số để thay đổi cách thức hoạt động của các cơ quan nhà nước. Chuyển đổi số quốc gia hướng tới phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Bản chất của chuyển đổi số trong cơ quan hành chính nhà nước là quá trình ứng dụng công nghệ để thay đổi cách thức vận hành, số hoá quy trình nghiệp vụ, quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong quản lý. Quá trình này nhằm giảm phụ thuộc vào giấy tờ, tăng tính minh bạch và khả năng giám sát nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước. Từ đó, nâng cao hiệu quả, năng suất, chất lượng dịch vụ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

2.3. Tác động của chuyển đổi số đến văn hóa công vụ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, văn hoá công vụ đã có những thay đổi đáng kể, từ đây văn hoá công vụ không đơn thuần là thái độ, chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức mà trở thành thước đo năng lực số của công chức, trong cơ quan nhà nước. Có thể gọi ý ba tác động cơ bản của chuyển đổi số đối với văn hóa công vụ như sau:

Một là, sự thay đổi về môi trường tương tác công vụ. Cụ thể là sự biến đổi trong phương thức, không gian và công cụ giao tiếp phối hợp, xử lý công việc. Những thay đổi này làm cho môi trường công vụ mang tính mở, đa chiều và minh bạch hơn so với phương thức hoạt động truyền thống.

Hai là, chuyển từ hình thức giao dịch hành chính trực tiếp sang dịch vụ công trực tuyến. Sự thay đổi này làm cho tốc độ xử lý công việc của công chức phải nhanh, chính xác và công khai tiến độ xử lý, trách nhiệm giải trình. Điểm đặc biệt quan trọng là bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện công việc.

Ba là, cách giao tiếp, ứng xử trong môi trường số. Hoạt động quản lý nhà nước trong

môi trường số phải được thực hiện chuẩn mực, có hệ thống lưu trữ lịch sử thao tác, thời gian tiếp nhận - xử lý - trả kết quả. Văn hóa công vụ chuyển từ tự ý thức sang chuẩn mực có thể đo lường bằng dữ liệu.

Từ những tác động của chuyển đổi số đến văn hoá công vụ, có thể nhận định rằng năng lực số trở thành một thành tố quan trọng để đánh giá về văn hoá công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Do đó, văn hoá công vụ trong môi trường số không chỉ là thái độ ứng xử đúng mực, mà còn là năng lực sử dụng công nghệ một cách chính xác, an toàn và minh bạch; là tinh thần phục vụ được cụ thể hóa bằng hiệu suất, chất lượng và sự hài lòng của người dân. Mỗi hành vi công vụ, mỗi quyết định hành chính đều để lại dấu vết điện tử; tiến độ xử lý công việc được công khai, minh bạch; mức độ hài lòng của người dân được ghi nhận và phân tích bằng dữ liệu thời gian thực.

3. Thực trạng thực hiện văn hóa công vụ của công chức cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số cụ thể tại xã Long Hưng.

Xã Long Hưng được thành lập theo Nghị quyết số 1663/NQ -UBTCQH ngày 16/06/2025 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Đồng Tháp. Xã có 23 ấp, diện tích tự nhiên là 43,25km² quy mô dân số 44.295 người. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số theo định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, việc thực hiện văn hoá công vụ tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng có những mặt đạt được như sau:

Văn hoá công vụ bao gồm các nội dung như: Tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức; trang phục của cán bộ, công chức, viên chức

Thứ nhất, về chấp hành kỷ luật, tinh thần, thái độ làm việc: cán bộ, công chức của xã cơ bản chấp hành nghiêm thời gian làm việc, nội quy cơ quan, quy chế làm việc của UBND xã. Tình trạng đi trễ, về sớm giảm đáng kể so với giai đoạn trước.

Thứ hai, về chuẩn mực giao tiếp, ứng xử, tác phong phục vụ Nhân dân: công chức tại Trung tâm phục vụ hành chính công của xã thực hiện tương đối tốt quy tắc ứng xử, giao tiếp lịch sự, hướng dẫn

người dân ít tiếp cận công nghệ thực hiện hồ sơ trực tuyến với tinh thần “lấy người dân làm trung tâm phục vụ”. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn trên 90%, không có hồ sơ trễ hạn theo yêu tố chủ quan.

Thứ ba, về đạo đức công vụ, lối sống của cán bộ, công chức và phòng, chống tiêu cực tham nhũng: chưa ghi nhận vụ việc vi phạm nghiêm trọng về đạo đức công vụ trong thời gian gần đây. Công tác quán triệt các quy định về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm được triển khai thông qua sinh hoạt chi bộ và họp cơ quan định kỳ. Thông qua các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu số, toàn bộ quá trình xử lý công việc của công chức được ghi nhận, lưu trữ và có thể truy xuất. Điều giúp bảo đảm tính công khai, minh bạch trong từng khâu giải quyết công việc; đồng thời chịu trách nhiệm rõ ràng về tiến độ, chất lượng và kết quả xử lý hồ sơ.

Thứ tư, trang phục gọn gàng, đeo thẻ công chức theo quy định; không có phản ánh tiêu cực.

Thứ năm, về thực hiện văn hoá công vụ trong môi trường số: Ứng dụng ký số và việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử trong hoạt động

điều hành cho thấy sự tuân thủ quy trình xử lý hồ sơ theo môi trường số. 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản Ioffice và sử dụng thành thạo hệ thống quản lý hành chính điện tử, có kỹ năng khai thác và xử lý dữ liệu. Điều này góp phần hạn chế tình trạng chậm trễ do luân chuyển hồ sơ thủ công; minh bạch hóa quy trình ban hành văn bản; giảm nguy cơ sửa đổi trái phép và tăng khả năng kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện. Tỷ lệ thực hiện hồ sơ trực tuyến đạt trên 70%, chỉ số hài lòng của người dân được nâng lên.

Nhìn chung việc thực hiện văn hoá công vụ tại xã Long Hưng được đảm bảo theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ; ý thức kỷ luật và đạo đức công vụ của công chức ngày càng được hoàn thiện và đang chuyển dịch từ mô hình hành chính truyền thống sang mô hình hành chính số với những chuẩn mực mới.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như:

Về kỹ năng giao tiếp hành chính còn chưa đồng đều giữa các công chức, một số cá nhân còn nặng tính hành chính, chưa thể hiện tư duy phục vụ. Công chức chưa chủ động tham mưu những việc

mới, cần sáng tạo để phù hợp với tình hình. Vẫn còn thói quen xử lý hồ sơ giấy song song với hồ sơ điện tử nên làm giảm hiệu quả công việc.

Về cơ chế tự giám sát nội bộ chủ yếu dựa vào tinh thần tự giác của cán bộ, công chức, chưa ban hành quy tắc ứng xử cho cán bộ, công chức của xã trên môi trường mạng.

Kỹ năng giao tiếp trực tuyến còn hạn chế, nhận thức về bảo mật dữ liệu công dân chưa đầy đủ. Khả năng thích ứng của một số công chức với chuyển đổi số còn phân hoá, còn tâm lý e ngại công nghệ.

Một số nguyên nhân của những hạn chế về thực hiện văn hoá công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số

Về thể chế: chưa có quy định cụ thể của xã về ứng xử trên môi trường mạng và trong chuyển đổi số.

Về con người: do đội ngũ công chức cấp xã còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực nên chưa quan tâm đến trau dồi văn hoá công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số. Chưa có chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về văn hoá công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số.

Về cơ sở vật chất: do hạn chế về kinh phí nên việc trang bị máy tính, công nghệ của xã chưa đồng bộ.

Từ thực trạng thực hiện văn hoá công vụ trong bối cảnh chuyển đổi số tại xã Long Hưng cho thấy ở xã đã từng bước bắt kịp xu hướng tích cực, phù hợp với định hướng cải cách hành chính của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thực hiện văn hoá công vụ trong giai đoạn chuyển đổi số, xã Long Hưng cần có những giải pháp cụ thể đi vào chiều sâu như:

Một là, hoàn thiện thể chế về văn hóa công vụ trong môi trường số. Ban hành quy tắc ứng xử trong bối cảnh chuyển đổi số đối với cán bộ, công chức của xã dựa theo định hướng xây dựng chính phủ số. Tích hợp tiêu chí thực hiện văn hóa số vào đánh giá công chức hằng năm.

Hai là, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng số cho cán bộ, công chức. Quan tâm cử cán bộ, công chức bồi dưỡng năng lực số, tham gia các khóa học chuyên sâu về kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo, bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin.

Ba là, đổi mới nội dung đánh giá cán bộ, công chức. Nghiên cứu áp dụng hệ thống chỉ số hiệu suất (KPI) và công thức tính điểm cụ thể, nhằm lượng hóa kết quả công việc, khắc phục tình trạng đánh giá hình thức, cảm tính, nể nang.

Tích hợp phản hồi người dân vào hệ thống đánh giá.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát bằng công nghệ. Sử dụng các công cụ, hệ thống dữ liệu, theo dõi nhật ký điện tử để giám sát quy trình thực hiện công việc. Qua đó, đánh giá việc chấp hành chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử và kỷ luật hành chính của cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ. Kiểm tra định kỳ việc bảo mật thông tin.

Năm là, xây dựng môi trường làm việc số chuyên nghiệp. Trong đó, cần chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ; cán bộ, công chức có tinh thần đổi mới, sáng tạo; dữ liệu và công cụ số được đồng bộ nhằm bảo đảm hiệu quả, minh bạch và chuẩn mực nghề nghiệp trong thực thi nhiệm vụ. Xác lập chuẩn mực ứng xử khi tương tác qua email công vụ, cổng dịch vụ công, mạng nội bộ. Văn hóa giao tiếp số phải bảo đảm tính tôn trọng, rõ ràng, đúng mực; không truy cập trái phép; không chia sẻ dữ liệu không đúng thẩm quyền; bảo đảm an toàn thông tin.

3. Kết luận

Chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức thực thi công vụ ở cấp xã. Văn hóa công vụ không chỉ là thái độ, tác phong trong không gian hành chính truyền thống

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

mà mở rộng sang không gian số với những yêu cầu mới về đạo đức dữ liệu, năng lực công nghệ và trách nhiệm giải trình điện tử. Việc gắn kết chuyển đổi số với xây dựng văn hóa công vụ chuyên nghiệp, liêm chính tạo điều kiện để bảo

đảm mô hình quản trị dựa trên dữ liệu phát huy hiệu quả bền vững. Việc nâng cao hiệu quả thực hiện văn hóa công vụ của công chức cấp xã trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi sự kết hợp đồng bộ giữa hoàn thiện thể chế, đào

tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ và đổi mới cơ chế đánh giá. Chỉ khi văn hóa công vụ được tái cấu trúc phù hợp với môi trường số, chính quyền cơ sở mới thực sự trở thành nền hành chính phục vụ, minh bạch và hiện đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 2550/BC – UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban Nhân dân xã Long Hưng về kết quả công tác cải cách hành chính năm 2025.
2. Báo cáo số 34/BC-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban Nhân dân xã Long Hưng về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh tháng 02 và phương hướng, nhiệm vụ tháng 03 năm 2026.
3. Phạm Thị Diễm (2025). *Tác động của ứng dụng công nghệ số trong cung ứng dịch vụ hành chính công và hàm ý chính sách*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 350 (3/2025), tr.40 - 44.

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ GẮN VỚI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC Ở PHƯỜNG SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

✪ LÊ THỊ NHẬT SANG*

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong bối cảnh xây dựng chính quyền số tại phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Trên cơ sở đánh giá thực trạng về hạ tầng số, năng lực ứng dụng công nghệ, công tác đào tạo và kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến, bài viết chỉ ra những kết quả đạt được cũng như các khó khăn, hạn chế còn tồn tại. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nhân lực số, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính và chất lượng phục vụ người dân trong môi trường số.

Từ khóa: Nhân lực số; công chức cấp xã; chuyển đổi số, phường Sa Đéc.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia đang được đẩy mạnh, xây dựng chính quyền số trở thành một trong những định hướng quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Ở Việt Nam, chuyển đổi số không chỉ diễn ra ở cấp Trung ương và cấp tỉnh mà đang được triển khai mạnh mẽ đến cấp cơ sở, nơi trực tiếp thực thi chính sách,

cung cấp dịch vụ công và duy trì mối liên hệ gần gũi nhất với người dân. Trong tiến trình này, nhân lực số được xem là yếu tố nền tảng quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi, bởi công nghệ dù hiện đại đến đâu cũng cần được vận hành bởi đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực số, tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với môi trường làm việc số hóa.

Đối với cấp xã, yêu cầu phát triển nhân lực số càng trở nên cấp thiết khi mô hình tổ chức chính quyền địa phương

đang được tinh gọn theo hướng hiện đại, đồng thời khối lượng công việc hành chính ngày càng gắn với hệ thống dữ liệu, nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến. Điều đó đòi hỏi đội ngũ công chức không chỉ nắm vững chuyên môn nghiệp vụ hành chính mà còn phải thành thạo kỹ năng ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu và tương tác với người dân trong môi trường số. Vì vậy, phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trở thành yêu cầu tất yếu trong quá trình

* Thạc sĩ, giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp.

xây dựng chính quyền số, góp phần nâng cao năng lực quản trị, tăng cường tính minh bạch và cải thiện mức độ hài lòng của người dân.

Trong những năm gần đây, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã tích cực triển khai nhiều hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số ở cấp cơ sở, từng bước hình thành môi trường làm việc điện tử, mở rộng dịch vụ công trực tuyến và nâng cao năng lực số cho đội ngũ công chức. Nhiều mô hình, hoạt động như ứng dụng phần mềm quản lý hành chính, triển khai Kiosk thông minh, đào tạo kỹ năng số cho công chức và người dân đã góp phần thay đổi phương thức làm việc của bộ máy hành chính. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy vẫn còn không ít khó khăn trong việc đổi mới tư duy quản lý, nâng cao kỹ năng số cho công chức và hoàn thiện môi trường làm việc phù hợp với yêu cầu của mô hình chính quyền số.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về nhân lực số và yêu cầu nâng cao chất lượng công chức cấp xã trong môi trường chính quyền số

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), nhân lực số được hiểu là lực lượng

lao động có khả năng sử dụng, sáng tạo và quản lý các công nghệ số, bao gồm kỹ năng vận hành thiết bị, khai thác dữ liệu, tương tác và ra quyết định trong môi trường số. Đối với đội ngũ công chức cấp xã, khái niệm nhân lực số không chỉ dừng lại ở việc biết sử dụng công nghệ thông tin, mà còn bao hàm năng lực quản lý, điều hành và cung ứng dịch vụ công trực tuyến trên các nền tảng số hóa của chính quyền.

Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021–2030, đều nhấn mạnh yêu cầu “hiện đại hóa nền hành chính, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ nhân dân”. Điều đó cho thấy, việc nâng cao năng lực số cho công chức cấp cơ sở là một tiêu chí cốt lõi trong tiến trình xây dựng chính quyền số và xã hội số.

Trong bối cảnh này, chất lượng công chức cấp xã được thể hiện qua một số tiêu chí cơ bản: (1) Hiệu quả xử lý hồ sơ hành chính trên môi trường

điện tử; (2) Khả năng sử dụng, cập nhật và phân tích dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước; (3) Kỹ năng giao tiếp, tương tác với người dân qua các nền tảng trực tuyến; (4) Năng lực thích ứng, đổi mới và học tập suốt đời trong môi trường số.

Như vậy, nâng cao chất lượng công chức cấp xã trong môi trường chính quyền số không chỉ là quá trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hành chính, mà còn là quá trình “số hóa năng lực” kết hợp giữa tri thức công vụ truyền thống với kỹ năng công nghệ hiện đại. Đây chính là nền tảng để hình thành đội ngũ công chức có khả năng vận hành hiệu quả các hệ thống chính quyền số, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường tính minh bạch và nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

2.2. Thực trạng phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng công chức tại phường Sa Đéc

Trong những năm gần đây, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã có nhiều nỗ lực đáng ghi nhận trong quá trình triển khai chuyển đổi số về xây dựng và vận hành mô hình chính quyền số cấp cơ sở. Việc phát triển nhân lực số được địa phương xác định là yếu tố then chốt để nâng

cao chất lượng đội ngũ công chức, bảo đảm bộ máy hành chính vận hành hiệu quả, hiện đại và thân thiện với người dân. Cụ thể:

Về hạ tầng và môi trường làm việc số được đảm bảo, tạo nền tảng phát triển nhân lực số.

Ủy ban nhân dân Phường đã hoàn thiện hệ thống mạng diện rộng (WAN), mạng LAN và mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối trực tiếp với tỉnh và Trung ương. 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính có kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường điện tử. Hệ thống hạ tầng số đồng bộ giúp công chức phường có điều kiện làm việc, tra cứu, chia sẻ dữ liệu và thực hiện các quy trình nghiệp vụ trực tuyến ổn định, qua đó tạo môi trường thuận lợi để hình thành năng lực số thực chất cho đội ngũ.

Về năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ của đội ngũ công chức ngày càng được nâng cao.

Toàn bộ thủ tục hành chính tại Phường đã được tích hợp và xử lý thông qua hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, đồng thời kết nối với Cổng Dịch vụ công

quốc gia. Công chức phường đã làm chủ quy trình xử lý hồ sơ điện tử, vận hành thành thạo phần mềm quản lý hành chính, quản lý văn bản, chữ ký số và hệ thống quản lý văn bản điều hành. Năm 2024, hơn 80% hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trực tuyến, trong đó gần 90% hồ sơ được giải quyết trước hoặc đúng hạn. Kết quả này phản ánh rõ năng lực làm việc trong môi trường số của đội ngũ công chức, thể hiện sự chuyển biến tích cực về tác phong, phương pháp và thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp. Ngoài ra, việc triển khai Kiosk thông minh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đã giúp công chức trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ điện tử, qua đó rèn luyện kỹ năng giao tiếp số và khả năng hỗ trợ công dân trong môi trường trực tuyến.

Về công tác bồi dưỡng và phát triển kỹ năng số được triển khai đồng bộ, có chiều sâu.

Phường Sa Đéc đã tổ chức nhiều chương trình, lớp học nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng số cho đội ngũ công chức. Trong năm 2024, đã có 03 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hành chính công; 06 lớp đào tạo kỹ năng số cơ bản trên nền tảng “Bình

dân học vụ số” do Bộ Công an chủ trì; tỷ lệ 84% công chức thành thạo phần mềm quản lý hành chính điện tử. Đặc biệt, phường đã tổ chức “Ngày hội Bình dân học vụ số” nhằm lan tỏa tinh thần học tập, sáng tạo và trải nghiệm công nghệ mới. Sự kiện này giới thiệu hơn 20 mô hình ứng dụng AI, IoT, thanh toán không tiền mặt, thực tế ảo (VR) trong hành chính, giáo dục và du lịch, qua đó giúp công chức tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao tư duy đổi mới sáng tạo. Những hoạt động này đã góp phần tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức về vai trò của chuyển đổi số, khơi dậy tinh thần tự học, tự rèn và sẵn sàng thích ứng với yêu cầu của chính quyền số, đúng tinh thần “chuyển đổi số là của mọi người, vì mọi người” mà Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đề ra.

Về năng lực quản trị và khai thác dữ liệu của công chức từng bước được nâng cao.

Phường đã hoàn thành số hóa 100% hồ sơ lưu trữ, bao gồm hơn 1.100 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời khai thác hiệu quả các hệ thống dữ liệu dùng chung về dân cư, doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, giáo dục, y tế... được kết nối qua trực liên

thông dữ liệu quốc gia. Đội ngũ công chức đã được tập huấn về kỹ năng phân tích, tra cứu, cập nhật và sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý hành chính, giúp giảm đáng kể thời gian xử lý hồ sơ, tăng tính chính xác và minh bạch trong quá trình ra quyết định. Điều này cho thấy bước tiến quan trọng trong năng lực làm việc dựa trên dữ liệu (data-driven governance), một tiêu chí cốt lõi của chính quyền số hiện đại.

Về văn hóa số và tinh thần đổi mới sáng tạo trong đội ngũ công chức từng bước hình thành.

Phường Sa Đéc đã phát huy vai trò nêu gương của lãnh đạo trong học tập và ứng dụng công nghệ, khuyến khích công chức đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, số hóa hồ sơ và tích hợp phần mềm hỗ trợ xử lý công việc. Việc chuyển đổi từ tư duy hành chính truyền thống sang tư duy số giúp đội ngũ công chức nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng phục vụ người dân, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, hiện đại, chuyên nghiệp.

Nhìn chung, thực tiễn tại phường Sa Đéc cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nhân lực số và nâng

cao chất lượng đội ngũ công chức. Nhân lực số không chỉ được trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ, mà còn hình thành tư duy đổi mới, sáng tạo và thích ứng linh hoạt với yêu cầu của chính quyền số. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển mô hình chính quyền số vững chắc, hướng tới xây dựng chính quyền phục vụ, minh bạch và hiệu quả.

2.3. Một số kết quả nổi bật trong phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng công chức tại Phường Sa Đéc

Hiện nay, 100% công chức của phường Sa Đéc đã có tài khoản định danh số, sử dụng thành thạo văn bản điện tử và hệ thống quản lý văn bản điều hành. Trong đó, 84% công chức thành thạo các phần mềm chuyên ngành như quản lý hộ tịch, địa chính, tài chính – kế toán và dịch vụ công trực tuyến. Đội ngũ công chức cơ bản đã chuyển đổi từ phương thức làm việc truyền thống sang môi trường số, hình thành tác phong làm việc linh hoạt, minh bạch và hướng tới phục vụ người dân hiệu quả hơn.

Trong năm 2024, Phường đã tiếp nhận và xử lý 5.604 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 91% hồ sơ được giải quyết

đúng hạn hoặc trước hạn. Việc xử lý hồ sơ hoàn toàn trên môi trường điện tử không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, mà còn tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của công chức. Các quy trình nghiệp vụ hành chính được chuẩn hóa, giảm thiểu sai sót và tăng năng suất lao động của đội ngũ.

Việc triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình giúp người dân có thể nộp hồ sơ, tra cứu kết quả và nhận thông tin phản hồi mà không cần đến trực tiếp cơ quan hành chính. Thời gian giải quyết thủ tục được rút ngắn từ 30–40% so với trước đây, góp phần xây dựng hình ảnh “chính quyền thân thiện, phục vụ”. Kiosk thông minh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đã giúp nhiều người dân tiếp cận dịch vụ điện tử lần đầu, qua đó từng bước hình thành văn hóa số trong cộng đồng dân cư.

Bên cạnh đó, việc đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và nâng cao kỹ năng số của công chức đã tạo nên sự thống nhất trong vận hành bộ máy. Phường Sa Đéc trở thành mô hình đi đầu về kết hợp giữa hạ tầng, dữ liệu và con người trong triển khai chính quyền số cấp xã, góp

phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong khu vực.

2.4. Những khó khăn, hạn chế trong phát triển nhân lực số và nâng cao chất lượng công chức tại phường Sa Đéc

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển nhân lực số tại phường Sa Đéc vẫn còn một số hạn chế và khó khăn. Trước hết, năng lực số của công chức còn chưa đồng đều: đa số đã thành thạo các phần mềm quản lý hành chính và dịch vụ công trực tuyến, song vẫn có bộ phận hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, IoT hay phân tích dữ liệu, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính linh hoạt trong xử lý công việc.

Bên cạnh đó, tư duy và thói quen làm việc truyền thống vẫn tồn tại, khiến việc khai thác môi trường số chưa hiệu quả, làm chậm tiến độ xử lý hồ sơ điện tử. Hạ tầng và nền tảng số tuy đã được đầu tư nhưng còn thiếu đồng bộ, đặc biệt trong chia sẻ dữ liệu và liên thông giữa các bộ phận, gây hạn chế trong phối hợp công việc và cung cấp dịch vụ công.

Ngoài ra, việc chưa có cơ chế đánh giá năng lực số công vụ chính thức gây khó

khăn cho công tác đo lường, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin cũng còn hạn chế, nhất là trong khâu chuẩn hóa, cập nhật và bảo vệ dữ liệu cá nhân, ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chính quyền số dựa trên dữ liệu.

Cuối cùng, kỹ năng số của người dân còn hạn chế, khiến công chức phải dành thêm thời gian hướng dẫn, hỗ trợ khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, làm giảm hiệu quả công việc.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như: công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức chưa thật sự chuyên sâu; hạ tầng và nền tảng số ở cấp cơ sở còn thiếu tính đồng bộ; cơ chế đánh giá năng lực số trong công vụ chưa được xây dựng đầy đủ; đồng thời nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế. Các yếu tố này đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả triển khai chính quyền số ở cấp cơ sở.

2.5. Một số giải pháp để phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng công chức phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Thứ nhất, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng kỹ

năng số cho đội ngũ công chức nhằm khắc phục tình trạng năng lực số chưa đồng đều. Thực tế cho thấy mặc dù phần lớn công chức đã thành thạo các phần mềm hành chính cơ bản, nhưng vẫn còn hạn chế trong việc tiếp cận và ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu hay các nền tảng quản trị số. Do đó, cần xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu theo hướng thực hành, gắn với các tình huống công vụ trên môi trường số; đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan như Sở Khoa học và công nghệ, các cơ quan, đơn vị, tổ chức các chuyên đề chuyên sâu về quản trị dữ liệu, an ninh mạng, kỹ năng phân tích dữ liệu hành chính, góp phần hình thành đội ngũ công chức “vừa hồng, vừa chuyên”, thành thạo công nghệ.

Thứ hai, hoàn thiện hạ tầng và nền tảng làm việc số nhằm khắc phục tình trạng hạ tầng công nghệ và hệ thống dữ liệu chưa thật sự đồng bộ. Cần đẩy nhanh việc nâng cấp hệ thống mạng nội bộ đạt tốc độ 1Gbps, đảm bảo kết nối đồng bộ WAN - LAN; đồng thời triển khai mô hình văn phòng không giấy tờ, mở rộng ứng dụng Kiosk thông minh, trợ lý ảo và chatbot để phục vụ người dân nhanh chóng, thuận

tiện hơn, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công và giảm tải khối lượng công việc cho đội ngũ công chức Phường.

Thứ ba, đổi mới cơ chế đánh giá và khuyến khích sáng tạo trong công vụ nhằm khắc phục tình trạng thiếu công cụ đo lường năng lực số của công chức. Cần xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chí đánh giá “năng lực số công vụ” đối với đội ngũ công chức cấp cơ sở, trong đó chú trọng các tiêu chí như khả năng sử dụng nền tảng số, khai thác dữ liệu, xử lý hồ sơ điện tử và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Việc đánh giá cần được thực hiện định kỳ và gắn với công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực cho công chức chủ động học tập, đổi mới và nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực thi công vụ.

Thứ tư, phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng như một kênh kết nối quan trọng giữa chính quyền và người dân nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ công

trực tuyến. Thực tế cho thấy kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, khiến công chức phải dành nhiều thời gian hướng dẫn trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy, cần phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng như một “cầu nối” giữa chính quyền và người dân trong quá trình chuyển đổi số. Đồng thời, có thể tổ chức các mô hình truyền thông và hỗ trợ kỹ năng số cho người dân như “Cà phê công nghệ số”, “Thứ bảy công dân số” hoặc các lớp tập huấn cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Cuối cùng, tăng cường quản trị và khai thác dữ liệu số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong môi trường chính quyền số. Phường cần tiếp tục chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu công vụ, đồng thời quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận và cá nhân trong việc quản lý, chia sẻ và bảo mật dữ liệu. Song song đó, đẩy mạnh hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có mô hình chính

quyền số hiệu quả như Quảng Ninh, Đà Nẵng, Bình Dương, và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

3. Kết luận

Phát triển nhân lực số gắn với nâng cao chất lượng công chức cấp xã là nhân tố then chốt để xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu lực và phục vụ. Thực tiễn phường Sa Đéc cho thấy: khi công chức được trang bị kỹ năng số, kết hợp với hạ tầng và dữ liệu số đồng bộ, bộ máy công vụ vận hành linh hoạt, minh bạch và hướng đến phục vụ người dân tốt hơn. Giai đoạn 2025 – 2030 cần triển khai nhất quán định hướng của Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) và Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp, coi phát triển nhân lực số ở cơ sở là trọng tâm. Với lộ trình phù hợp, phường Sa Đéc có tiềm năng trở thành mô hình mẫu trong việc xây dựng Phường thông minh, công chức số và công dân số, góp phần hiện thực hóa chính quyền số tỉnh Đồng Tháp đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 07/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2025.
2. Ủy ban nhân dân phường Sa Đéc (2025), Báo cáo về kết quả về thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, quý III năm 2025.
3. Ủy ban nhân dân phường Sa Đéc (2025), Báo cáo về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
4. Vũ Trung (2025), Triển khai hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đăng trên Báo Nhân dân điện tử, số đăng ngày 05/8/2025.

1 Nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026, chiều ngày 09/02/2026, Đoàn công tác Tỉnh ủy Đồng Tháp do đồng chí Châu Thị Mỹ Phương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh làm Trưởng đoàn đã đến thăm, chúc Tết Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp. Tiếp đoàn có TS Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường cùng tập thể viên chức, giảng viên.

2 Sáng ngày 09/02/2026, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội nghị công bố các quyết định về công tác cán bộ. Đây là công tác được thực hiện theo Chương trình số 09-CTr/ĐU ngày 16/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp về kiện toàn lãnh đạo, sắp xếp, điều động viên chức giữa các khoa, phòng theo hướng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và từng bước xây dựng trường chính trị đạt chuẩn.

3 Sáng 23/02/2026, trong không khí phấn khởi mừng Đảng, mừng Xuân Bính Ngọ, mừng đất nước đổi mới, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức họp mặt đầu năm Xuân Bính Ngọ 2026. Đây là dịp để nhà trường nhìn lại kết quả đạt được trong năm 2025 và đề ra quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2026.

4 Sáng 06/3/2026, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức họp mặt kỷ niệm 116 năm Ngày Quốc tế Phụ nữ (08/3/1910 - 08/3/2026), nhằm tri ân, tôn vinh những đóng góp của đội ngũ nữ viên chức, người lao động đang công tác tại Trường; đồng thời khích lệ tinh thần phấn đấu, phát huy vai trò của phụ nữ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

5 Chiều ngày 18/3/2026, Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp tổ chức Hội nghị, tọa đàm “Trao đổi, hướng dẫn chuyên môn giữa Trường Chính trị và Trung tâm chính trị các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”. Hội nghị, tọa đàm nhằm làm rõ những điểm mới, nội dung cốt lõi của Quy định số 360-QĐ/TW ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư khóa XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu; đồng thời trao đổi về mô hình tổ chức, cơ chế vận hành và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị trên địa bàn tỉnh.

6 Sáng 19/3/2026, tại Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng khoa học Nhà trường tổ chức họp định kỳ 6 tháng đầu năm 2026 nhằm đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Cuộc họp do TS. Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng khoa học chủ trì.



*Đồng chí Châu Thị Mỹ Phương,
Phó Bí thư Tỉnh uỷ,
Chủ tịch HĐND tỉnh đến thăm,
chúc Tết Trường Chính trị
tỉnh Đồng Tháp năm 2026*



*Hội đồng thẩm định
Tập bài giảng thực tiễn
và kinh nghiệm xây dựng,
phát triển địa phương của
các Trường Chính trị
tỉnh Nghệ An,
Phủ Thọ và Đồng Tháp*



*Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp
họp mặt kỷ niệm 116 năm
Ngày Quốc tế Phụ nữ
(08/3/1910 - 08/3/2026)*



Đại biểu và tập thể lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ tập trung, khoá 03 (A03) chụp hình lưu niệm tại Lễ khai giảng



Đại biểu và tập thể lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung, khoá 03 (B03) chụp hình lưu niệm tại Lễ khai giảng



TS. Nguyễn Phước Dũng, Tỉnh uỷ viên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp trao giấy khen cho học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung, khoá 57 (B57) tại Lễ bế giảng